

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG




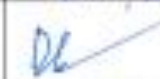
BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỆN

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Hải Dương, tháng 01 - 2024

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỆN**

(Kèm theo Quyết định số 165/QĐ-ĐHHD ngày 02 tháng 11 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
01	Tạ Thị Thúy Ngân	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
02	Nguyễn Thị Hồng Gấm	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Thường trực	
03	Tăng Thế Toàn	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
04	Nguyễn Thị Toan	Phó trưởng khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Phó Chủ tịch	
05	Phạm Thị Yến	Phó trưởng phòng Bảo đảm chất lượng - Thanh tra	Thư ký	
06	Tô Văn Sông	Trưởng phòng Bảo đảm chất lượng - Thanh tra	Thành viên	
07	Vũ Thị Thảo	Thành viên Hội đồng trường	Thành viên	
08	Đàm Văn Bắc	Trưởng phòng Đào tạo và Hợp tác quốc tế	Thành viên	
09	Đặng Trà My	Trưởng phòng Công tác sinh viên - Việc làm	Thành viên	
10	Phùng Việt Phương	Trưởng phòng Hành chính - Quản trị	Thành viên	
11	Nguyễn Thị Thìn	Trưởng phòng Tài chính - Kế toán	Thành viên	
12	Nguyễn Mạnh Tuấn	Trưởng phòng Tổ chức - Tổng hợp	Thành viên	
13	Nguyễn Thái Hưng	Trưởng phòng Khoa học công nghệ - Thông tin - Thư viện	Thành viên	
14	Đinh Thị Trung Hiếu	Phụ trách bộ môn Kỹ thuật điện	Thành viên	
15	Đoàn Văn Hải	Giảng viên khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thành viên	
16	Lê Thị Thương	Giảng viên khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thành viên	
17	Nguyễn Văn Chức	Sinh viên	Thành viên	

(Danh sách gồm có 17 người)

MỤC LỤC

PHẦN I. KHÁI QUÁT.....	1
1.1. Đặt vấn đề.....	1
1.2. Tổng quan chung.....	6
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ.....	15
Tiêu chuẩn: 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	15
<i>Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.....</i>	15
<i>Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các CDR chung và CDR chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.....</i>	20
<i>Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.....</i>	22
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo.....	25
<i>Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.....</i>	26
<i>Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.....</i>	29
<i>Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.....</i>	32
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.....	35
<i>Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên Chuẩn đầu ra.....</i>	36
<i>Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CDR là rõ ràng.....</i>	41
<i>Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.....</i>	45
Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy học.....	52
<i>Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và phổ biến tới các bên liên quan.....</i>	53
<i>Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR.....</i>	55
<i>Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.....</i>	58
Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học.....	62

<i>Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR.....</i>	<i>62</i>
<i>Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.....</i>	<i>65</i>
<i>Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.....</i>	<i>68</i>
<i>Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.....</i>	<i>72</i>
<i>Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.....</i>	<i>74</i>
<i>Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.....</i>	<i>77</i>
<i>Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....</i>	<i>78</i>
<i>Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, NCV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....</i>	<i>83</i>
<i>Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.....</i>	<i>86</i>
<i>Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.....</i>	<i>89</i>
<i>Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.....</i>	<i>91</i>
<i>Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....</i>	<i>94</i>
<i>Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....</i>	<i>96</i>
<i>Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên.....</i>	<i>98</i>
<i>Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....</i>	<i>98</i>

<i>Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.....</i>	<i>100</i>
<i>Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.....</i>	<i>103</i>
<i>Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.....</i>	<i>104</i>
<i>Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng</i>	<i>106</i>
<i>Tiêu chuẩn 8. Người học và hỗ trợ người học.....</i>	<i>108</i>
<i>Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.....</i>	<i>108</i>
<i>Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.....</i>	<i>110</i>
<i>Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.....</i>	<i>111</i>
<i>Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.....</i>	<i>115</i>
<i>Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân.....</i>	<i>119</i>
<i>Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....</i>	<i>121</i>
<i>Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....</i>	<i>121</i>
<i>Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....</i>	<i>124</i>
<i>Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động và đào tạo, nghiên cứu.....</i>	<i>130</i>
<i>Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu</i>	<i>132</i>
<i>Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật</i>	<i>133</i>
<i>Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng</i>	<i>136</i>

<i>Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học</i>	<i>136</i>
<i>Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.....</i>	<i>138</i>
<i>Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.....</i>	<i>141</i>
<i>Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học</i>	<i>143</i>
<i>Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.</i>	<i>147</i>
<i>Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.....</i>	<i>149</i>
<i>Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra.....</i>	<i>152</i>
<i>Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng</i>	<i>153</i>
<i>Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng</i>	<i>156</i>
<i>Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng</i>	<i>159</i>
<i>Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....</i>	<i>165</i>
<i>Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....</i>	<i>167</i>
<i>Kết luận Tiêu chuẩn 11:</i>	<i>170</i>
Phần III: KẾT LUẬN	171
1. Những điểm mạnh của CTĐT ngành KTĐ	171
2. Những điểm tồn tại của CTĐT ngành KTĐ	175
3. Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT	178
4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT	181

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

APH	Tập đoàn An Phát Holdings
BCH	Ban Chấp hành
BĐCL	Bảo đảm chất lượng
BĐCL – TT	Bảo đảm chất lượng - thanh tra
BGD&ĐT	Bộ giáo dục và đào tạo
BM	Bộ môn
CB	Cán bộ
CBGV	Cán bộ giảng viên
CBGVNV	Cán bộ giảng viên nhân viên
CBGVNVLĐ	Cán bộ giảng viên nhân viên lao động
CBQL	Cán bộ quản lý
CBVC	Cán bộ viên chức
CBVCNLĐ	Cán bộ viên chức người lao động
CĐR	Chuẩn đầu ra
CGCN	Chuyển giao công nghệ
CLB	Câu lạc bộ
CLĐT	Chất lượng đào tạo
CNH-HĐH	Công nghiệp hóa- hiện đại hóa
CNTT	Công nghệ thông tin
CSDL	Cơ sở dữ liệu
CSGD	Cơ sở giáo dục
CSVC	Cơ sở vật chất
CSVC&TTB	Cơ sở vật chất và trang thiết bị
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
CTSV	Công tác sinh viên
CTSV-VL	Công tác sinh viên - Việc làm
CVHT	Cố vấn học tập
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐBCL-TT	Đảm bảo chất lượng-Thanh tra
ĐCCT	Đề cương chi tiết
ĐCCTHP	Đề cương chi tiết học phần

ĐCHP	Đề cương học phần
ĐH	Đại học
ĐHHD	Đại học Hải Dương
ĐHQG	Đại học Quốc gia
GD	Giảng dạy
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GDDH	Giáo dục đại học
GĐTT	Giám đốc trung tâm
GS	Giáo sư
GV	Giảng viên
HC- QT	Hành chính - Quản trị
HCSN	Hành chính sự nghiệp
HĐ	Hội đồng
HP	Học phần
HTQT	Hợp tác quốc tế
HV	Học viên
KBNN	Kho bạc Nhà nước
KĐCL	Kiểm định chất lượng
KH	Kế hoạch
KH&CN	Khoa học và Công nghệ
KH&CN-TT	Khoa học và Công nghệ - Thông tin
KHCN	Khoa học công nghệ
KHCN-TT- TV	Khoa học công nghệ-Thông tin-Thư viện
KQHT	Kết quả học tập
KT&CN	Kỹ thuật & Công nghệ
KTĐ	Kỹ thuật điện
KTX	Ký túc xá
MC	Minh chứng
MT	Mục tiêu
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NCS	Nghiên cứu sinh
NCV	Nghiên cứu viên
NH	Người học

NTD	Nhà tuyển dụng
NV	Nhân viên
PGĐTT	Phó giám đốc trung tâm
PGS	Phó giáo sư
PPDH	Phương pháp dạy học
PPGD	Phương pháp giảng dạy
PVCD	Phục vụ cộng đồng
QĐ	Quyết định
QLKH & HTQT	Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế
SDH	Sau đại học
SV	Sinh viên
TC	Tín chỉ
TC - TH	Tổ chức - Tổng hợp
TCCN	Trung cấp chuyên nghiệp
TCNS	Tổ chức nhân sự
TĐG	Tự đánh giá
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông
ThS	Thạc sĩ
TN, SM	Tâm nhìn, sứ mệnh
TNCS	Thanh niên công sản
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TS	Tiến sĩ
TSKH	Tiến sĩ khoa học
TTB	Trang thiết bị
TTTH-NN	Trung tâm tin học - Ngoại ngữ
TVĐT	Thư viện điện tử
UBND	Ủy ban nhân dân
XH	Xã hội
YKPH	Ý kiến phản hồi

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1.1. Đặt vấn đề

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành KTĐ - điện tử (nay là ngành KTĐ - KTĐ) được phép đào tạo theo Quyết định số 1645/QĐ-BGDĐT ngày 03/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 237/QĐ-HT ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương (nay là Trường ĐHHĐ - ĐHHĐ) về ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy. Đến năm 2018, ngành KTĐ-điện tử được đổi tên thành ngành KTĐ theo Quyết định số 821/QĐ-BGDĐT ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc chuyển đổi tên và mã số các ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ của Trường ĐHHĐ theo Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT và Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT. Mục tiêu chung của CTĐT ngành KTĐ Trường ĐHHĐ là đào tạo sinh viên có thể:

- Xác định và giải quyết vấn đề công nghệ trên một phạm vi rộng các ứng dụng đòi hỏi tính sáng tạo thực tế và hiệu quả của ngành KTĐ.

- Đóng góp vào sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh Hải Dương và khu vực đồng bằng Sông Hồng thông qua sự kết hợp của chuyên môn kỹ thuật, công nghệ với tính chuyên nghiệp, đạo đức nghề nghiệp và ý thức trách nhiệm với môi trường và xã hội.

- Đạt thành công trong nghề nghiệp thông qua khả năng tự học, tự nghiên cứu, khả năng tiếp thu các kiến thức khoa học công nghệ tiên tiến trên thế giới để phát triển năng lực học tập suốt đời. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, để nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực cao cho xã hội không chỉ ở trong nước mà cả quốc tế, việc thẩm định, đánh giá lại CTĐT một cách toàn diện theo các chuẩn mực quốc gia, khu vực và quốc tế là hết sức cần thiết. Chất lượng CTĐT có vai trò quyết định sự tồn tại và phát triển của ngành KTĐ nói riêng và của Trường ĐHHĐ nói chung. Trước xu thế hội nhập quốc tế và yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông tổng thể mới, việc nâng cao chất lượng CTĐT ngày càng trở nên cấp thiết. Khoa KT&CN nhận thấy đây là một cơ hội tốt để đánh giá lại một cách hệ thống, toàn diện và khách quan CTĐT ngành KTĐ để từ đó cải tiến chất lượng của CTĐT, tiến tới đào tạo theo hướng chuẩn khu vực. Do vậy, Khoa, Trường đã đăng ký đánh giá CTĐT KTĐ

theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Việc tự đánh giá CTĐT KTĐ sẽ giúp Nhà trường và Khoa KT&CN tự xem xét, đánh giá được hiện trạng, xác định được những điểm mạnh, những mặt còn tồn tại để xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo cho giai đoạn tiếp theo.

1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Báo cáo Tự đánh giá (TĐG) cung cấp các thông tin cần thiết cho hoạt động kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng theo “Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học” ban hành kèm theo Thông tư số Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng. Nội dung của báo cáo gồm: Phần 1. Khái quát; Phần 2. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí; Phần 3. Kết luận và Phần 4. Phụ lục. Cụ thể như sau:

Phần 1: Khái quát, bao gồm mô tả ngắn gọn báo cáo tự đánh giá CTĐT; mục đích, phạm vi, quy trình, phương pháp và công cụ tự đánh giá CTĐT; giải thích cách mã hoá các minh chứng trong báo cáo TĐG; tổng quan chung về Trường ĐHHĐ, khoa KT&CN phụ trách CTĐT ngành KTĐ.

Phần 2: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí

Đây là phần chính của bản báo cáo TĐG CTĐT ngành KTĐ, được đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học (ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT), gồm 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí với các nội dung TĐG về: (1) Mục tiêu và CDR của CTĐT, (2) Bản mô tả CTĐT, (3) Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học, (4) Phương pháp tiếp cận trong dạy và học, (5) Đánh giá kết quả học tập của người học, (6) Đội ngũ giảng viên, (7) Đội ngũ nhân viên, (8) Người học và hoạt động hỗ trợ người học, (9) Cơ sở vật chất và trang thiết bị, (10) Nâng cao chất lượng, (11) Kết quả đầu ra.

Trong các tiêu chuẩn, mỗi tiêu chí đều được mô tả và nhận định thực trạng của CTĐT, phân tích và chỉ ra những điểm mạnh nổi bật, những điểm tồn tại của CTĐT trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí. Báo cáo cũng đề xuất kế hoạch phát huy mặt mạnh, khắc phục những tồn tại, tự đánh giá tiêu chí Đạt/Chưa đạt, kèm theo mức TĐG, theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học. Sau khi mô tả và phân tích từng tiêu chí, bản báo cáo nêu tóm tắt điểm mạnh nổi bật, những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn; kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn.

Phần 3: Kết luận, phần này tóm tắt các điểm mạnh và những điểm cần phát huy; những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT; đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng CTĐT và tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT.

Phần 4: Phụ lục, bao gồm các nội dung theo hướng dẫn của Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng như: Cơ sở dữ liệu (CSDL) kiểm định chất lượng CTĐT; các quyết định và văn bản liên quan khác; danh mục minh chứng sử dụng trong quá trình tự đánh giá và viết báo cáo tự đánh giá.

1.1.2. Mục đích tự đánh giá

Việc tự đánh giá CTĐT KTĐ sẽ giúp Nhà trường và Khoa KT&CN đạt được các mục đích sau:

- Đo lường mức độ đáp ứng chất lượng đào tạo kỹ sư ngành KTĐ với Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học do Bộ GD&ĐT ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 để báo cáo về tình trạng chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, CSVC, cũng như các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT KTĐ điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đáp ứng được các mục tiêu đề ra và hoàn thành sứ mạng của Trường đối với xã hội và cộng đồng.

- Trên cơ sở kết quả đánh giá CTĐT ngành KTĐ, Bộ môn, Khoa và Nhà trường tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng đào tạo, từng bước xây dựng Khoa KT&CN trở thành đơn vị đào tạo, nghiên cứu trong lĩnh vực KTĐ có khả năng hội nhập với khu vực và quốc tế.

1.1.3. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá tổng thể các hoạt động thực hiện CTĐT ngành KTĐ theo Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ GDĐH của Bộ GD&ĐT, ban hành kèm theo Thông tư 04/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, Công văn hướng dẫn 1074 và 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục QLCL, Bộ GD&ĐT về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH và Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT.

Khoa KT&CN tiến hành hoạt động tự đánh giá CTĐT KTĐ dưới sự chỉ đạo của Ban Giám hiệu và sự cung cấp thông tin của các phòng chức năng trong Trường qua các thông tin và minh chứng trong 5 năm gần đây (từ năm 2018 đến năm 2023).

1.1.4. Quy trình tự đánh giá

Quy trình tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành KTĐ được quy định trong công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016, cụ thể như sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký, các nhóm công tác.

Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm.

Bước 3: Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng.

Bước 4: Viết báo cáo tự đánh giá.

Bước 5: Lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá.

Bước 6: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

Quá trình tự đánh giá CTĐT ngành KTĐ được thực hiện từ tháng 11 năm 2023 đến hết tháng 01 năm 2024. Sau khi có quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành KTĐ, Nhà trường đã ban hành Kế hoạch tự đánh giá CTĐT ngành KTĐ; thành lập ban thư ký và các nhóm chuyên trách phụ trách các tiêu chuẩn, cụ thể:

STT	Trưởng nhóm	Chức vụ	Tiêu chuẩn phụ trách
Nhóm 1	Nguyễn Thị Toan	Phó Trưởng khoa KT&CN	Tiêu chuẩn 1 Tiêu chuẩn 2
Nhóm 2	Nguyễn Xuân Trường	Phó Trưởng phòng Đào tạo ĐH-HTQT	Tiêu chuẩn 3 Tiêu chuẩn 4 Tiêu chuẩn 5
Nhóm 3	Nguyễn Mạnh Tuấn	Trưởng phòng Tổ chức- Tổng hợp	Tiêu chuẩn 6 Tiêu chuẩn 7
Nhóm 4	Phùng Việt Phương	Trưởng phòng Hành chính-Quản trị	Tiêu chuẩn 8 Tiêu chuẩn 9
Nhóm 5	Đình Thị Trung Hiếu	Phụ trách Bộ môn KTĐ	Tiêu chuẩn 10 Tiêu chuẩn 11

Tiếp đó, Nhà trường đã triển khai kế hoạch tự đánh giá với sự tham của cán bộ GV và NH theo sự phân công của Hội đồng tự đánh giá. Những cán bộ GV không trực

tiếp nằm trong các nhóm chuyên trách sẽ hỗ trợ đồng nghiệp trong việc thu thập minh chứng và đóng góp ý kiến để xây dựng báo cáo TĐG.

Phần TĐG được trình bày theo thứ tự các tiêu chuẩn từ số 01 đến 11, trong đó mỗi tiêu chuẩn, các tiêu chí đánh giá được trình bày theo thứ tự các tiêu chí từ bé đến lớn.

1.1.5. Phương pháp và công cụ tự đánh giá

Quá trình tự đánh giá CTĐT KTĐ của Khoa KT&CN, Trường ĐHHĐ được dựa theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí của bộ tiêu chuẩn KĐCL CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGD&ĐT ngày 14/3/2016 của BGD&ĐT và các tài liệu hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT: Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ GDĐH; Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 - Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT; Công văn số 2058/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT.

1.1.6. Phương pháp mã hóa minh chứng

Mã thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, 3 dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: [Hn.ab.cd.ef].

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng”.
- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết.
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10).
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10).
- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí.

Ví dụ: [H01.01.01.01]: Minh chứng thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1. [H10.03.02.15]: Minh chứng thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 10.

1.1.7. Sự tham gia của các bên liên quan

Hội đồng tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành KTĐ được thành lập theo Quyết định số 615/QĐ-ĐHHĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHHĐ, gồm: Ban Giám hiệu, thành viên Hội đồng trường, các CB GV của Khoa

KT&CN, các CB phòng chức năng trong trường và đại diện sinh viên đang học tập tại trường. Cụ thể, Ban Giám hiệu chỉ đạo chung, các phòng chức năng, tổ trực thuộc cung cấp minh chứng. Bên cạnh đó sự phản hồi của SV, các cựu SV và nhà sử dụng lao động là những thông tin quan trọng phục vụ cho việc tự đánh giá. Căn cứ vào các thông tin được cung cấp, Khoa KT&CN tiến hành viết báo cáo tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành KTĐ.

1.1.8. Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành KTĐ và Ban thư ký được thành lập theo Quyết định số 615/QĐ-ĐHHD ngày 02 tháng 11 năm 2023 Hội đồng gồm có 17 thành viên và Ban thư ký gồm 07 thành viên. Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá gồm: 5 nhóm chuyên trách được thành lập theo quyết định số 615/QĐ-ĐHHD ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHHD.

1.2. Tổng quan chung

1.2.1. Trường ĐHHD

Trường ĐHHD là Trường công lập trực thuộc UBND tỉnh Hải Dương, được thành lập theo Quyết định số 1258/QĐ-TTg ngày 26 tháng 07 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp từ Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương và được đổi tên theo Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ. Theo Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 27/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ, Trường Cao đẳng Hải Dương sáp nhập vào Trường ĐHHD.

Với truyền thống lịch sử lâu dài, Trường đã trải qua hơn 60 năm xây dựng và trưởng thành trên cơ sở sáp nhập và hợp nhất các cơ sở đào tạo thuộc các ngành: Tài chính, Kế hoạch, Thương nghiệp, Lao động, Lương thực, Sư phạm. Nhà trường có uy tín và thế mạnh đào tạo chuyên nghiệp và dạy nghề theo các bậc: sơ cấp, trung cấp, cao đẳng và đại học theo các khối ngành kinh tế-kỹ thuật-chính trị-xã hội và sư phạm. Trong quá trình xây dựng, phát triển, Trường ĐHHD đã đóng góp một nguồn nhân lực to lớn cho sự nghiệp xây dựng và phát triển giáo dục, kinh tế của đất nước, đặc biệt là cho khu vực Đồng bằng Sông Hồng. Trường đã nhận được nhiều phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước cho những đóng góp to lớn trong sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao (Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba). Nhiều đơn vị và cá nhân trực thuộc Trường đã được Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội ghi nhận và tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý. Tháng 5 năm 2021, Nhà trường đã được Trung tâm

Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Trường ĐHHD là một trường công lập, đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, cung cấp nguồn nhân lực trình độ cao về khoa học, công nghệ, kinh tế và chính trị - xã hội; là trung tâm NCKH - CGCN phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

Tầm nhìn: “Trường ĐHHD trở thành đại học ứng dụng, đa ngành, đa lĩnh vực, thuộc nhóm trường ĐH công lập trực thuộc tỉnh hàng đầu của miền Bắc vào năm 2025. Kết nối với các cơ sở đào tạo, các doanh nghiệp trong và ngoài nước để trở thành trường ĐH tự chủ và trách nhiệm xã hội, phục vụ cộng đồng có uy tín trong nước và tiếp cận khu vực vào năm 2030”.

Sứ mạng: “Trường ĐHHD là trung tâm đào tạo, NCKH, CGCN, hoạt động dịch vụ của tỉnh Hải Dương, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, sản phẩm khoa học, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của tỉnh Hải Dương và cả nước. Phát huy vai trò là trường ĐH ứng dụng, hoạt động đào tạo NCKH, dịch vụ, luôn gắn với nhu cầu của xã hội, cơ quan, doanh nghiệp và người học. Phát huy phẩm chất, năng lực người học vì sự phát triển bền vững của tỉnh Hải Dương và đất nước”.

Giá trị cốt lõi: “*Môi trường sáng tạo - Tập thể đoàn kết - Liêm chính, minh bạch - Chất lượng, hiệu quả - Trách nhiệm cộng đồng*”.

Môi trường sáng tạo: Trường ĐHHD xây dựng môi trường sư phạm, giảng dạy, học tập và nghiên cứu thân thiện, đảm bảo cho cán bộ, GV, SV, học viên được tự do sáng tạo, phát triển tư duy, động lực làm việc; phát huy phẩm chất, năng lực của người học; Lắng nghe, tôn trọng các ý kiến phản biện khách quan, có cơ sở khoa học, trên tinh thần xây dựng; Giữ vững và phát huy truyền thống đoàn kết, dân chủ, đổi mới và sáng tạo.

Tập thể đoàn kết: Tập thể sư phạm Nhà trường là một khối thống nhất, đồng tâm nhất trí vì sự phát triển bền vững của Nhà trường. Luôn sẵn sàng hợp tác trong công việc, chia sẻ nguồn lực, luôn quan tâm, hỗ trợ và giúp đỡ lẫn nhau để hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Mạng lưới cựu giáo chức, cựu SV, học viên và các đối tác cơ quan, doanh nghiệp, trường học... luôn là một phần gắn bó chặt chẽ, liên kết cùng phát triển của Trường ĐHHD.

Liêm chính, minh bạch: Trường ĐHHD tôn trọng sự trung thực, công bằng và minh bạch trong tất cả các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu, cơ sở vật chất và quản trị đại

học. Công khai và thực hiện nghiêm túc những cam kết của Nhà trường đối với người học, cán bộ, viên chức và lao động của Nhà trường, cộng đồng và xã hội.

Chất lượng, hiệu quả: Các hoạt động của Trường ĐHHD luôn hướng tới từng bước nâng cao chất lượng, đạt hiệu quả tối ưu nhằm đảm bảo sử dụng tốt nhất và bền vững các nguồn lực hiện có. Tầm nhìn dài hạn luôn được quan tâm, chú trọng, được đánh giá, điều chỉnh phù hợp thực tiễn để đảm bảo sự phát triển liên tục, có hệ thống của Nhà trường.

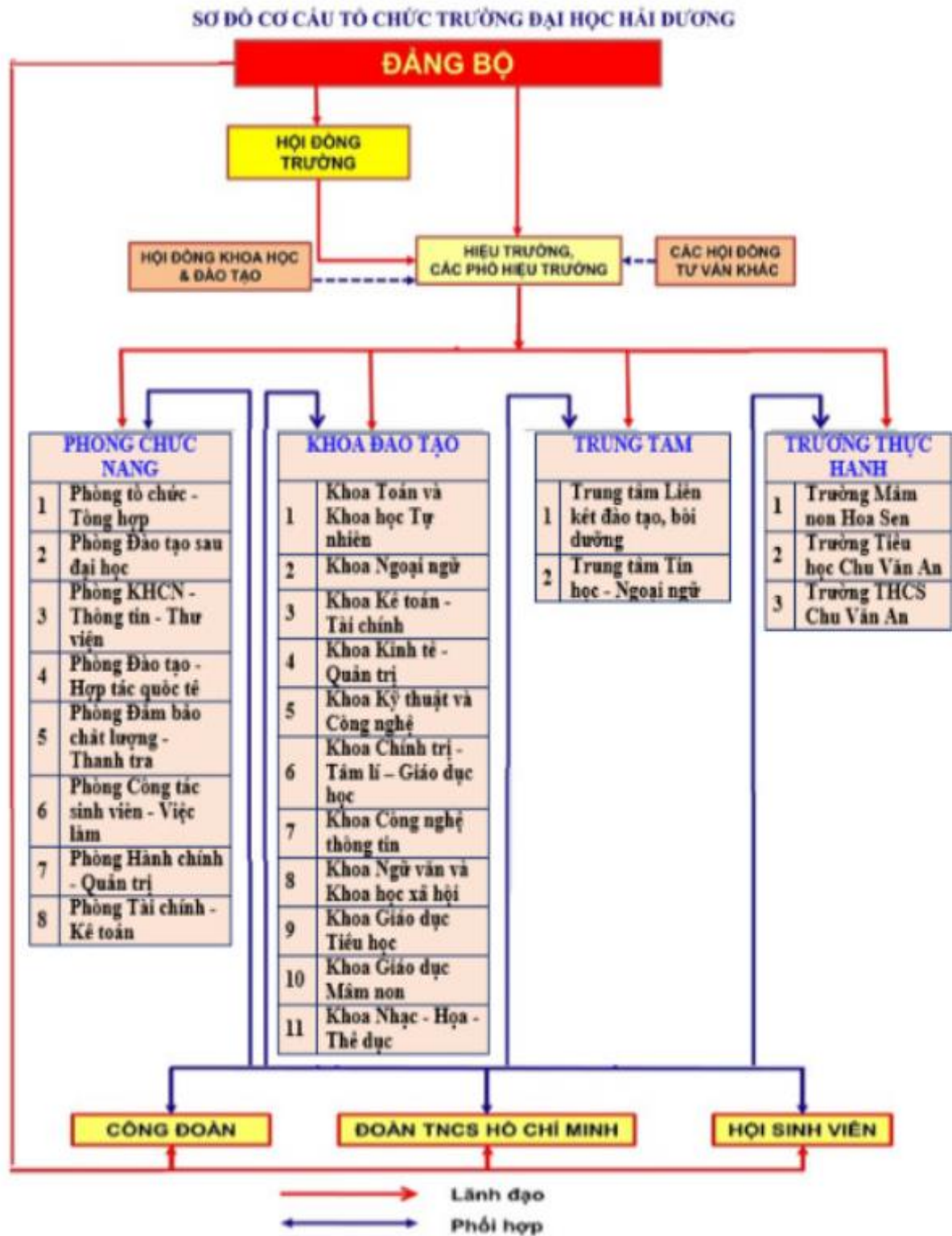
Trách nhiệm cộng đồng: Các thành viên của Trường ĐHHD luôn suy nghĩ và hành động có trách nhiệm với Nhà trường, cộng đồng và xã hội. Lợi ích của mỗi cá nhân gắn liền với sự phát triển của Nhà trường, của đất nước, vì sự an sinh của xã hội. Hết lòng vì sự nghiệp giáo dục đào tạo là nhận thức căn bản của mỗi thành viên của Nhà trường.

Triết lý giáo dục: "Học để làm được việc". Giáo dục, đào tạo đại học là nơi con người tự do sáng tạo để phát triển phẩm chất, năng lực, kỹ năng, thái độ cần thiết để đảm bảo cho cuộc sống, làm việc của cá nhân, gia đình và sự phát triển của xã hội trong hiện tại và tương lai. Trường ĐHHD là trường đại học theo định hướng ứng dụng để sinh viên ra trường có việc làm và làm được việc. Do vậy, triết lý "*học để làm được việc*" là sợi chỉ đỏ xuyên suốt các hoạt động của Nhà trường.

Về cơ cấu tổ chức và quản lý:

Cơ cấu tổ chức của Trường ĐHHD được thực hiện theo Điều 14 Luật GDĐH, bao gồm:

- Hội đồng trường (25 người);
- 01 Hiệu trưởng, 04 Phó Hiệu trưởng;
- 08 Phòng chức năng;
- 11 Khoa chuyên môn;
- 02 Trung tâm dịch vụ đào tạo, 03 Trường thực hành sư phạm (Mầm non, Tiểu học, THCS);
- Hội đồng khoa học và đào tạo và các hội đồng tư vấn.
- *Các tổ chức chính trị - xã hội của Trường ĐHHD gồm:*
 - + Công đoàn;
 - + Đoàn Thanh niên CSHCM;
 - + Hội Sinh viên.



Về nhân lực: Nhà trường có 346 CBGVNVLD, trong đó Phó giáo sư: 02 người (chiếm 5,7%), Tiến sĩ 45 người (chiếm 13%), NCS: 15 người (chiếm 4,34%), Thạc sĩ: 182 người (chiếm 52,6%), còn lại là các CBGVNVLD có trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp. Nhiều GV của Nhà trường là những chuyên gia có uy tín trong các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, sư phạm, tham gia các HĐ nghiệm thu các đề tài các cấp.

Về đào tạo: Hiện tại Nhà trường đang đào tạo 02 CTĐT trình độ thạc sĩ, 19 CTĐT trình độ đại học (trong đó có 11 CTĐT thuộc khối ngành kinh tế, kỹ thuật và 8 CTĐT thuộc khối ngành sư phạm) và 01 CTĐT cao đẳng mầm non. Trường đã cung cấp cho thị trường lao động số lượng lớn các cử nhân, kỹ sư về các lĩnh vực kinh tế, xã hội và giáo dục... NH tốt nghiệp tại trường đều được các tổ chức, doanh nghiệp ưu tiên tuyển dụng.

Trong thời gian qua, với chất lượng đào tạo đáp ứng được nhu cầu thực tế, số sinh viên của Trường có việc làm đúng ngành đào tạo và ngành gần ngay năm đầu sau tốt nghiệp luôn đạt tỉ lệ cao, tỉ lệ sinh viên làm việc trái ngành đào tạo chiếm khoảng 4,6 đến 9,09% mỗi năm.

Năm khảo sát	Năm tốt nghiệp	Số Sinh viên phản hồi	Sinh viên có việc làm			Tiếp tục học tập	Sinh viên chưa cho việc làm	Tỷ lệ SV có việc làm trên/tổng số SV phản hồi (%)	Tỷ lệ SV có việc làm trên/tổng số SV phản hồi (%)
			Đúng ngành	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo				
2020	2019	65	41	4	3	13	4	73.85	73.85
2021	2021	18	10	1	6	0	1	94,44	94,44
2022	2022	11	4	3	1	2	1	90.91	90.91
2023	2023	26	9	17	0	0	0	100	100

Về NCKH: Trong 5 năm (2018 - 2023), Trường đã thực hiện tổng cộng 630 đề tài các cấp; Số giáo trình, sách chuyên khảo 08 cuốn; Số bài báo khoa học là 34 bài, trong đó có 10 bài đăng trên tạp chí quốc tế; Tổ chức được 05 Hội thảo, hội nghị khoa học cấp Trường và 02 giải thưởng sáng tạo khoa học kỹ thuật cấp tỉnh.

TT	Nội dung	Số lượng theo năm học					Ghi chú
		2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	
1	Đề tài cấp Quốc gia/ Bộ/Tỉnh	0	0	0	0	0	
2	Đề tài KHCN cấp Trường	195	132	11	4	0	

3	Nhiệm vụ KH cấp Khoa	-	-	98	97	93	
4	Giáo trình, sách chuyên khảo	01	01	01	02	03	
5	Công bố khoa học quốc tế	02	0	0	02	06	
6	Công bố khoa học quốc gia	05	02	06	07	04	
7	Hội thảo, hội nghị khoa học cấp Trường	0	0	01	02	02	
8	Giải thưởng KHKT	0	0	01	0	01	

Về quan hệ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước: ngày càng được mở rộng. Trường đã ký hợp tác với nhiều đơn vị, doanh nghiệp: Khoa Luật - ĐHQG Hà Nội, Công ty Cổ phần kinh doanh Kiyokawa, Công ty TNHH Việt Nam Toyo Denso, Trường Đại học Kookji (Hàn Quốc)... Đặc biệt, Trường đã hợp tác toàn diện với Tập đoàn An phát Holdings. Quan hệ hợp tác được đẩy mạnh giúp Trường có điều kiện đáp ứng yêu cầu đào tạo ngày càng cao.

Về đảm bảo chất lượng: Nhà trường đã có phòng Bảo đảm chất lượng - Thanh tra. Hàng năm xây dựng kế hoạch BDCL tập trung vào 2 nhiệm vụ chính: Bảo đảm chất lượng và thanh tra. Năm học 2019-2020, Nhà trường đã hoàn thành công tác tự đánh giá cơ sở giáo dục. Năm 2021, Trường được cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CSGD.

Về cơ sở vật chất: Trường có 04 cơ sở đào tạo với diện tích trên 35 ha gồm 160 phòng Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu. Thư viện có 5.563 đầu sách, giáo trình, tài liệu tham khảo với 63.964 cuốn; Tạp chí ĐHHD xuất bản mỗi năm 04 số; đảm bảo phục vụ cho nhiệm vụ đào tạo và NCKH, phục vụ cộng đồng và phát triển của Trường. Nhà trường có nguồn tài chính ổn định với tổng thu (ngân sách nhà nước và nguồn thu sự nghiệp khác) trong 05 năm gần đây đảm bảo đáp ứng chi cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD của Trường qua các giai đoạn.

1.2.2. Khoa KT&CN, chương trình đào tạo KTĐ

Khoa KT&CN (KT&CN) của Trường ĐHHD ngày nay tiền thân là Khoa Kỹ thuật được thành lập từ năm 2003. Khoa Kỹ thuật ban đầu được tách ra từ Khoa các môn học chung, đào tạo các học phần đại cương chung cho các ngành học trong trường. Đến năm 2004, Khoa Kỹ thuật được BGDĐT cho phép đào tạo 3 ngành (Công nghệ KTĐ,

điện tử; Công nghệ KTĐ tử viễn thông và Công nghệ thông tin) trình độ cao đẳng. Sau một thời gian đào tạo, do quy mô đào tạo 3 ngành học tăng cao, Khoa Kỹ thuật được tách thành 3 khoa tương ứng với 3 ngành học. Đến năm 2011, trường được nâng cấp lên thành Trường Đại học Kinh tế-Kỹ thuật Hải Dương theo Quyết định số 1258/QĐ-TTg ngày 26 tháng 07 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp từ Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương và được đổi tên thành Trường ĐHHĐ theo Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ. Năm 2012, do yêu cầu phát triển của công tác đào tạo, ngày 03/5/2012 Bộ trưởng BGDĐT cho phép Trường Đại học Kinh tế-Kỹ thuật Hải Dương đào tạo ngành KTĐ-điện tử trình độ đại học theo Quyết định số 1645/QĐ-BGDĐT ngày 03/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 237/QĐ-HT ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế-Kỹ thuật Hải Dương về ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy. Đến năm 2018, ngành KTĐ, điện tử được đổi tên thành ngành KTĐ theo Quyết định số 821/QĐ-BGDĐT ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc chuyển đổi tên và mã số các ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ của Trường ĐHHĐ theo Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT và Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT. Qua nhiều lần chia tách, sáp nhập và đổi tên Khoa KT&CN được thành lập theo QĐ số 486/QĐ-ĐHHĐ ngày 25/7/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHHĐ trên cơ sở sáp nhập các khoa (Điện tử viễn thông, Hệ thống điện, Công nghệ thông tin, Chăn nuôi) và Trung tâm đào tạo thực hành Cơ điện-Nông nghiệp. Khoa KT&CN chịu trách nhiệm quản lý và đào tạo 2 ngành học (KTĐ và Công nghệ thông tin) với các chuyên ngành: KTĐ-điện tử, Công nghệ phần mềm, hệ thống thông tin trong quản lý... trình độ đại học.

Tháng 6 năm 2023, sau khi sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào Trường ĐHHĐ, theo Quyết định số 301/QĐ-ĐHHĐ ngày 30/6/2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHHĐ. Khoa KT&CN quản lý và đào tạo ngành KTĐ bậc đại học chính quy và liên thông. Với chủ trương tăng quy mô đào tạo, mở rộng ngành nghề đáp ứng nhu cầu xã hội. Tháng 7 năm 2023, khoa được BGDĐT cho phép đào tạo ngành Công nghệ KTĐ tử-viễn thông bậc đại học.

Sứ mệnh của Khoa KT&CN là đào tạo nguồn nhân lực có học vấn trình độ cao, là trung tâm khoa học công nghệ có uy tín đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh nhà và

các tỉnh lân cận, góp phần vào sự nghiệp phát triển bền vững kinh tế-xã hội của đất nước, có năng lực hội nhập khu vực và quốc tế.

Tầm nhìn đến năm 2030, Khoa KT&CN giữ vững thương hiệu đi đầu trong công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường và trở thành một đơn vị đào tạo, hoạt động khoa học công nghệ mang tầm quốc gia và khu vực với các CTĐT đạt chuẩn quốc tế.

Khoa KT&CN gồm có 2 bộ môn (BM): Điện tử viễn thông và KTĐ cùng nhiều phòng thực hành, thí nghiệm. Với chức năng, nhiệm vụ chủ yếu là quản lý và tổ chức thực hiện kế hoạch giảng dạy, nghiên cứu khoa học theo quy định của Nhà trường, chịu trách nhiệm về chuyên môn và đảm bảo thực hiện tốt các khâu trong chương trình đào tạo của những ngành thuộc Khoa trực tiếp quản lý; quản lý chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng từng môn học; trực tiếp quản lý giảng viên, sinh viên của Khoa, quản lý và sử dụng có hiệu quả các thiết bị và phương tiện làm việc được Nhà trường trang bị. Hiện tại Khoa đang đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ đại học các ngành như KTĐ, Công nghệ thông tin với các chuyên ngành: KTĐ-điện tử, Hệ thống điện, Điện tử viễn thông, Công nghệ phần mềm, Mạng máy tính và truyền thông, Hệ thống thông tin... cung ứng nguồn lao động cho các đơn vị, cơ quan HCSN và các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

Kết quả từ ngày thành lập đến nay khoa KT&CN đã đào tạo cho tỉnh Hải Dương và các tỉnh lân cận khoảng 1000 cử nhân cao đẳng, hơn 400 cử nhân, kỹ sư. Khoa KT&CN thường xuyên có mối liên hệ với các cơ quan, doanh nghiệp sản xuất và sử dụng CB được đào tạo từ ngành KTĐ, Công nghệ thông tin để đúc rút kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng ngày càng tốt hơn các yêu cầu từ thực tiễn sản xuất và đời sống.

Ngoài ra, thông qua hợp tác giữa Nhà trường và học viện, trường đại học đào tạo lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ trên cả nước như Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Công nghệ - ĐHQG Hà Nội, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông..., hợp tác với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Khoa, Nhà trường cũng thu hút được nhiều giảng viên thỉnh giảng có trình độ tiến sĩ. Đồng thời, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh như Tập đoàn An Phát Holdings, Viettel Hải Dương, Công ty CP kinh doanh nước sạch Hải Dương, các ngân hàng Agribank, BIDV... cũng tạo những điều kiện hết sức thuận lợi cho việc tổ chức dạy - học thực hành, thực tập nghề nghiệp, giúp sinh viên sau khi ra trường có thể tiếp cận ngay công việc thực tế.

Khoa KT&CN có đội ngũ giảng viên cơ hữu gồm 22 giảng viên, trong đó 03 tiến sĩ, 02 ThS-NCS và 17 thạc sĩ.

Trong năm năm qua, CB GV khoa KT&CN luôn không ngừng phấn đấu nâng cao chất lượng dạy học trong Nhà trường. GV tích cực học tập nâng cao trình độ, năm 2021 có 01 GV đỗ đầu vào NCS đến nay đã bảo vệ xong cấp cơ sở, năm 2022 có 01 GV đỗ đầu vào NCS và một số các GV đã hoàn thành văn bằng 2 ngoại ngữ để chuẩn bị đầu vào NCS năm 2024.

Về hoạt động NCKH, từ năm 2018 đến nay, GV trong khoa đã tham gia nhiều đề tài cấp trường, cấp khoa mang tính ứng dụng như các bài giảng dùng chung (năm 2018 có 18 bài giảng dùng chung lưu hành nội bộ), năm 2022 có 02 giáo trình và tài liệu chuyên khảo được hội đồng thẩm định nghiệm thu và được phê duyệt xuất bản năm 2023.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn: 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu:

CTĐT đại học ngành KTĐ được xây dựng và ban hành từ năm 2012 chuyển đổi sang hình thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ từ 2014 và bổ sung, cập nhật, chỉnh sửa qua các năm 2015, 2017, 2018, 2021, 2023. Năm học 2021-2022, Khoa Kỹ thuật và Công nghệ tiến hành rà soát, điều chỉnh Chuẩn đầu ra và phát triển Chương trình đào tạo đại học ngành KTĐ theo định hướng ứng dụng. Năm 2023, tiếp tục điều chỉnh chương trình đào tạo theo hướng giảm khối lượng kiến thức đại cương, tăng cường kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, đặc biệt tăng cường các học phần tự chọn giúp sinh viên có nhiều cơ hội việc làm sau tốt nghiệp.

Mục tiêu, CĐR của CTĐT ngành KTĐ được xác định rõ ràng và phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học; các nội dung xây dựng trong mục tiêu, CĐR của CTĐT đã bao quát được các yêu cầu cần đạt của CTĐT, đáp ứng yêu cầu xã hội, đặc biệt là các nhà sử dụng lao động. Mục tiêu, CĐR của CTĐT được công bố công khai cho người học trên các phương tiện thông tin của Nhà trường.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học

1. Mô tả

Dựa vào các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H01.01.01.01], [H01.01.01.02] và của Trường ĐHHĐ về quy trình xây dựng, thẩm định và công bố mục tiêu, CĐR của CTĐT mục tiêu CTĐT ngành KTĐ đã được Khoa KT&CN được xác định, xây dựng dựa trên các quy định đó. Mục tiêu của CTĐT KTĐ được xác định một cách rõ ràng và được chỉnh sửa, cập nhật vào các năm 2022, 2023 [H01.01.01.03]. Chương trình đào tạo KTĐ được cụ thể hóa bằng các mục tiêu cần đạt được của người học tham gia chương trình [H01.01.01.04]. Mục tiêu này cũng phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của trường ĐHHĐ [H01.01.01.05]. Mục tiêu được xây dựng và căn cứ vào nhu cầu, lấy ý kiến các bên liên quan và báo cáo thống kê khảo sát [H01.01.01.06]. Mục tiêu của CTĐT KTĐ phản ánh và phù hợp với Tầm nhìn, Sứ mạng của trường ĐHHĐ được thể hiện trong Bảng 1.1 và trong cuốn CTĐT. Mục tiêu của CTĐT KTĐ cũng hoàn

toàn phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Điều 2 của Luật Giáo dục 2005 và phù hợp với mục tiêu GDĐH được quy định tại Điều 5 của Luật GDĐH 2012 “Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; NCKH và công nghệ tạo ra trí thức, sản phẩm mới phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh và hợp tác quốc tế; đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng nghiên cứu khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp; thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân”. Khi xây dựng chương trình, các giảng viên của Khoa đã tìm hiểu và lồng ghép tinh thần về sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường vào tất cả các khâu của quá trình đào tạo, đặc biệt là xây dựng CTĐT ngành KTĐ. Hội đồng Khoa học đã phụ trách việc rà soát và thẩm định chương trình đào tạo và gửi hồ sơ để ra quyết định ban hành CTĐT [H01.01.01.7]. Khoa đã thực hiện phân tích, báo cáo, đối sánh sự phù hợp của mục tiêu với TN, SM của trường ĐHHD (với mục tiêu giáo dục của CTĐT ngành KTĐ được thể hiện trong cuốn CTĐT và cuốn đặc tả CTĐT ngành KTĐ).

Bảng 1.1. Quan hệ giữa mục tiêu CTĐT cấp trường và Mục tiêu của CTĐT ngành KTĐ.

Sứ mạng - Tầm nhìn trường	Mục tiêu CTĐT cấp trường	Mục tiêu CTĐT KTĐ
<p>- <i>Sứ mạng</i>: Trường ĐHHD là trung tâm đào tạo, NCKH, CGCN, hoạt động dịch vụ của tỉnh Hải Dương, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, sản phẩm khoa học, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của tỉnh Hải Dương và cả nước.</p> <p>- <i>Tầm nhìn</i>: Trường ĐHHD trở thành đại học ứng dụng, đa ngành, đa lĩnh vực, thuộc nhóm trường đại học công</p>	<p>1. Kiến thức chuyên môn toàn diện, hiểu biết sâu về nguyên lý và quy luật tự nhiên - xã hội</p>	<p>1. Kiến thức và lập luận ngành (UNESCO: Học để biết)</p> <p>- Có hiểu biết về toán học, kinh tế, chính trị, xã hội và pháp luật để đóng góp vào sự phát triển bền vững của xã hội.</p> <p>- Có kiến thức cơ bản và chuyên sâu trong lĩnh vực KTĐ.</p> <p>- Được trang bị kiến thức sâu rộng liên quan đến việc phát triển các hệ thống KTĐ.</p>

<p>lập trực thuộc tỉnh hàng đầu của Miền Bắc vào năm 2025.</p> <p>Kết nối với các cơ sở đào tạo, các doanh nghiệp trong và ngoài nước để trở thành trường đại học tự chủ và trách nhiệm xã hội, phục vụ cộng đồng có uy tín trong nước và tiếp cận khu vực vào năm 2030.</p>	<p>2. Kỹ năng mềm, khả năng sáng tạo và thích ứng với sự thay đổi của môi trường làm việc</p>	<p>2. Kỹ năng giao tiếp: làm việc nhóm, giao tiếp và sử dụng ngoại ngữ (UNESCO: Học để chung sống)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm. - Có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc.
	<p>3. Năng lực giáo dục và phát triển nghề nghiệp</p>	<p>3. Hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và vận hành hệ thống trong bối cảnh doanh nghiệp, xã hội và môi trường - quá trình sáng tạo (UNESCO: Học để làm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng mô hình hoá các bài toán thực tiễn. - Có năng lực sử dụng các kiến thức chuyên ngành trong việc tạo nên các hệ thống phần mềm. - Có năng lực chuyên sâu về các thành phần trong hệ thống KTĐ. - Có khả năng sáng tạo.
	<p>4. Đạo đức, phẩm chất nghề nghiệp, sức khỏe tốt; ý thức phục vụ cộng đồng</p>	<p>4. Kỹ năng và phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp (UNESCO: Học để trưởng thành)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khả năng tự học liên tục để phát triển mở rộng và đào sâu chuyên môn

		<ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện phẩm chất đạo đức - Đương đầu và thích ứng với những thách thức đặt ra trong sự phát triển của khoa học và công nghệ trong kỷ nguyên toàn cầu hóa.
--	--	---

Mục tiêu của CTĐT ngành KTĐ phản ánh nhu cầu của thị trường lao động thông qua việc tiếp thu các ý kiến đóng góp của các bên có liên quan. Cụ thể, những kiến thức, kỹ năng và thái độ mà người học được kỳ vọng tiếp thu được và thể hiện thành công khi tốt nghiệp được xác định sau khi khảo sát thị trường lao động và lấy ý kiến chuyên gia. Việc khảo sát thị trường lao động được tiến hành thông qua khảo sát các nguồn thông tin phản hồi của các cơ quan tuyển dụng, của người học được thể hiện trong các hội thảo, cuộc họp, các cuộc tiếp xúc cá nhân, thông tin phản hồi của người học trong các đợt lấy ý kiến. Tuy nhiên, chất lượng của các hoạt động khảo sát chưa tốt như chưa khảo sát riêng về CĐR mà chỉ tiến hành khảo sát chung về CTĐT; những ý kiến thu được có chất lượng không cao.

Cùng với đó quỹ thời gian và kinh phí dành cho hoạt động này không nhiều. Mục tiêu của CTĐT ngành KTĐ được phổ biến rộng rãi dưới nhiều hình thức như: Tờ thông tin tuyển sinh, trang thông tin điện tử của Khoa KT&CN và Nhà trường [H01.01.01.08].

CTĐT ngành KTĐ đã được ban hành theo Quyết định ban hành CTĐT - trình độ đại học [H01.01.01.02]. Mục tiêu của CTĐT ngành KTĐ được thể hiện rõ ràng về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm trong phần “Mục tiêu đào tạo” [H01.01.01.02].

Mục tiêu của CTĐT ngành KTĐ phù hợp với sứ mạng đã công bố của trường ĐHHD và được công bố trong Chiến lược phát triển trường ĐHHD giai đoạn 2015-2020 và giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030. Đó là: “Đào tạo gắn với nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ. Học đi đôi với hành, lý thuyết gắn với thực tế, Nhà trường gắn với doanh nghiệp. Sinh viên ra trường có sức khỏe; năng lực và kỹ năng toàn diện; tự tin, sáng tạo; có việc làm thu nhập ổn định và cơ hội thăng tiến” [H01.01.01.01]. Mục tiêu của CTĐT định kỳ được rà soát, điều chỉnh phù hợp; với tầm nhìn 2030 đó là

“Phát triển Nhà trường theo định hướng đại học ứng dụng. Ưu tiên đầu tư trọng tâm, trọng điểm các ngành kỹ thuật truyền thống của Nhà trường thành ngành mũi nhọn. Đẩy mạnh hoạt động: Sáng tạo khoa học kỹ thuật - Nâng cao năng lực thực hành - Ứng dụng chuyên giao công nghệ phù hợp với tiến bộ Khoa học kỹ thuật công nghiệp lần thứ 4” [H01.01.01.01].

2. Điểm mạnh

- Mục tiêu của CTĐT ngành KTĐ trong các giai đoạn 2018 ÷ 2023 được xác định rõ ràng (2022, 2023), phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường và mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

- Mục tiêu của CTĐT ngành KTĐ định kỳ rà soát điều chỉnh đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát thị trường lao động về mục tiêu CTĐT thực hiện có thể chưa đại diện cho số đông doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực KTĐ trên địa bàn tỉnh Hải Dương và khu vực Bắc Bộ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Khảo sát nhu cầu của thị trường lao động - Chọn lọc những nội dung từ báo cáo khảo sát đưa vào rà soát lại mục tiêu của CTĐT theo hướng phù hợp hơn với sứ mạng, tầm nhìn của	- Phòng Đào tạo & HTQT - Khoa KT&CN - Bộ môn KTĐ	Từ năm học 2023 - 2024	

		Trường, và Luật GD			
2	Phát triển điểm mạnh	Thực hiện phát triển mục tiêu CTĐT KTĐ	- Phòng Đào tạo ĐH &SDH - Khoa KT&CN - Bộ môn KTĐ	2 năm 1 lần	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các CĐR chung và CĐR chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo

1. Mô tả

CĐR của CTĐT ngành KTĐ bao gồm 6 CĐR tuân thủ theo quy định của Bộ Giáo dục [H01.01.02.01], quy trình xây dựng, thẩm định ban hành CĐR của Nhà trường [H01.01.02.02], phù hợp với Tầm nhìn, Sứ mạng của Nhà trường [H01.01.02.03]. Dựa vào quy định của Nhà trường về số tín chỉ đạt được, yêu cầu về năng lực của người học sau khi tốt nghiệp [H01.01.02.04], CTĐT ngành KTĐ được phân chia thành 2 nhóm bao gồm: Kiến thức chung giáo dục đại cương; Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (gồm kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, nghiệp vụ thực hành thực tập và Đồ án tốt nghiệp). Bên cạnh đó, mỗi một nhóm cấu trúc đều được xây dựng từ những học phần khác nhau để đảm bảo mức độ đạt được mục tiêu, CĐR của CTĐT được thể hiện trong CTĐT. Vì vậy, các học phần đều thiết kế có CĐR của mỗi học phần và đáp ứng được CĐR của CTĐT, điều này được thể hiện qua đề cương chi tiết trong CTĐT [H01.01.02.05]. CĐR nêu cụ thể về kiến thức, năng lực, kỹ năng, mức độ tự chủ đối với người học tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai. CĐR được lấy ý kiến qua phiếu khảo sát doanh nghiệp, cựu sinh viên, sinh viên, giảng viên và ở hội thảo lấy ý kiến của các bên liên quan. Hầu hết các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng đều hài lòng với trình độ đào tạo và chuẩn đầu ra mà CTĐT ngành KTĐ đã được thiết kế [H01.01.02.06].

Các thông tin về CĐR CTĐT, CĐR các học phần đều có chi tiết trong cuốn đặc tả CTĐT và được triển khai đến người học và các bên liên quan thông qua trang Web khoa [H01.01.02.07].

Tính khả thi và đo lường của các CĐR được thể hiện rõ thông qua việc sử dụng câu từ khi mô tả CĐR của CTĐT và các CĐR này được đánh giá qua các kỹ năng cần được, cấu trúc CTĐT được thiết kế thành từng nhóm kiến thức, năng lực giúp SV đạt được CĐR theo mức độ từ dễ đến khó được thể hiện trong cuốn CTĐT và Bản mô tả CTĐT. Ứng với mỗi CĐR, chủ đề CĐR CTĐT và trình tự giảng dạy được phân bổ về các học phần, CĐR đạt được dần dần theo từng cấp độ thể hiện trong ma trận kỹ năng [H01.01.02.08].

CĐR của các học phần CTĐT có phản ánh phù hợp với CĐR của CTĐT được thể hiện trong đề cương học phần với ma trận kỹ năng. CĐR ngành KTĐ được đối chiếu, so sánh với CTĐT của các CSGD khác [H01.01.02.09].

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT KTĐ được phát triển theo đúng quy trình phát triển CTĐT. CĐR của CTĐT KTĐ thể hiện rõ trong chương trình đào tạo và được xây dựng có tính khả thi, đo lường được. CĐR CTĐT KTĐ được triển khai thành trình tự giảng dạy được phân bổ vào các học phần.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng và các bên liên quan để góp ý cho CĐR của CTĐT KTĐ vẫn chưa được thực hiện định kỳ, số lượng lấy ý kiến chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện quy trình khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CĐR của CTĐT. - Chọn lọc những nội dung góp ý phù hợp của 	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng Đào tạo & HTQT - Khoa KT&CN - Bộ môn KTĐ 	Từ năm học 2023 - 2024	

		<p>báo cáo khảo sát để đưa vào rà soát, trao đổi và xây dựng những nguyên tắc liên quan CĐR của CTĐT, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho SV đạt kết quả mong đợi.</p> <p>- Tăng số lượng đối tượng được khảo sát để lấy ý kiến về CĐR</p>			
2	Phát huy điểm mạnh	<p>Lập kế hoạch rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT KTĐ nhằm giúp người học đạt được những năng lực cần thiết đáp ứng nhu cầu xã hội, tăng số lượng các đơn vị tuyển dụng tham gia khảo sát lấy ý kiến.</p>	<p>- Khoa KT&CN</p> <p>- Bộ môn KTĐ</p>	2 năm 1 lần	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả

Theo định kỳ cập nhật, rà soát, điều chỉnh CTĐT, năm 2018 Nhà trường đã thành lập các tổ rà soát chương trình đào tạo trong đó thực hiện rà soát CĐR và khung CTĐT ngành KTĐ nhằm đáp ứng yêu cầu xã hội. CĐR ngành KTĐ đã được điều chỉnh chính thức vào tháng 08/2018 theo kế hoạch tổ chức đánh giá, sửa đổi, cập nhật CTĐT mới [H01.01.03.01], [H01.01.03.02]. CĐR được đánh giá là phù hợp với các quy định về CĐR hiện hành, giúp SV định hướng tốt hơn trong việc hoàn thành chương trình học tập của mình. CĐR ngành KTĐ được bố cục rõ ràng với đầy đủ các nội dung: tên ngành; trình độ đào tạo, các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ, vị trí việc làm, khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường; CTĐT có CĐR về kiến thức được phân chia

rõ về kiến thức cơ bản khoa học tự nhiên, kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn sâu về ngành. CĐR của CTĐT đã nêu ra các yêu cầu về kỹ năng, yêu cầu về thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp, đã chỉ ra sự cần thiết về khả năng học trọn đời, những phẩm chất và ý thức về vai trò trách nhiệm trong nghề nghiệp [H01.01.03.03].

Xây dựng CĐR đúng quy trình, rõ ràng bao gồm các bước sau: Nhà trường lên kế hoạch tổ chức tập huấn về xây dựng CĐR cho GV, Nhà trường giao nhiệm vụ cho Khoa KT&CN xây dựng CĐR của ngành KTĐ mà Khoa quản lý; Khoa thành lập nhóm chuyên gia để xây dựng dự thảo CĐR và tổ chức lấy ý kiến đóng góp của Bộ môn KTĐ, các bên liên quan để hoàn thiện CĐR cho ngành; Hội đồng Khoa hoàn thiện CĐR và báo cáo Hội đồng khoa học và đào tạo Trường [H01.01.03.04]; Hội đồng khoa học - đào tạo Trường tổ chức lấy ý kiến đóng góp và ban hành quy định về CĐR ngành KTĐ [H01.01.03.05]; CĐR sau khi được tiếp thu, hoàn thiện được công bố thông qua website của trường, của khoa,... giúp GV, người học và các bên liên quan dễ dàng nắm được CĐR của ngành KTĐ. CĐR được cập nhật thường xuyên theo định kỳ và được ban hành sau khi rà soát [H01.01.03.03]. CĐR đáp ứng năng lực người học đạt được khi tốt nghiệp về năng lực, phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe; cùng với ma trận kỹ năng mà người học cần đạt được [H01.01.03.06].

CĐR phản ánh đúng yêu cầu của các bên liên quan bằng việc lấy ý kiến đóng góp của GV, nhà tuyển dụng lao động, cựu người học [H01.01.03.07].

Mục tiêu CTĐT ngành KTĐ đã được thường xuyên tiến hành rà soát, điều chỉnh theo đúng quy định. CTĐT theo hệ thống tín chỉ được ban hành năm 2018, được tiến hành rà soát và điều chỉnh vào cuối năm 2021 và đầu năm 2022 [H01.01.03.03] theo các quyết định cập nhật, điều chỉnh rà soát của Nhà trường [H01.01.03.08]. CĐR ngành KTĐ năm 2022 được xây dựng theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021: CĐR về kiến thức, kỹ năng, tự chủ và trách nhiệm; vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp; khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường; Các kết quả rà soát, điều chỉnh, cập nhật CTĐT nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và đào tạo của Khoa được thể hiện qua kết quả xếp loại tốt nghiệp của người học.

CĐR của ngành KTĐ được công bố công khai trên website của Khoa, niên giám CTĐT, tờ rơi để các bên liên quan được biết [H01.01.03.09]. Việc rà soát, điều chỉnh bổ sung chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo theo hướng phát huy năng lực và định

hướng ứng dụng nghề nghiệp luôn nằm trong kế hoạch và nhiệm vụ của Khoa KT&CN, Trường ĐHHD [H01.01.03.10], [H01.01.03.11].

2. Điểm mạnh

- CDR của CTĐT đã phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát và được công bố công khai tới toàn thể GV, SV và luôn được thể hiện cụ thể trong năm học.

- Khoa KT&CN điều chỉnh mục tiêu và chuẩn đầu ra cho CTĐT với sự tiếp thu ý kiến của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Dữ liệu khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về CDR CTĐT chưa đa dạng về đối tượng khảo sát.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cập nhật thêm dữ liệu khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về CDR CTĐT KTĐ	- Khoa KT&CN - Bộ môn KTĐ	Từ năm học 2023 – 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục định kỳ, rà soát, chỉnh sửa CDR CTĐT KTĐ theo hướng đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội từ năm 2024, cập nhật bổ sung CDR và CTĐT nói chung áp dụng từ khoá tuyển sinh 2025”	Khoa KT&CN	2 năm 1 lần	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Mục tiêu của CTĐT ngành KTĐ đã xác định rõ ràng phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và triết lý giáo dục của Nhà trường và của Khoa, mục tiêu thể hiện được hướng đào tạo chuyên sâu đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng cán bộ, GV nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra. Với mục tiêu đào tạo kỹ sư KTĐ có năng lực vững vàng, phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động cả nước trong quá trình hội nhập, CĐR của ngành sau khi xây dựng đã được rà soát, điều chỉnh theo đúng mục tiêu đặt ra của sứ mạng và tầm nhìn của nhà trường. Trong quá trình xây dựng và điều chỉnh CĐR, Nhà trường và Khoa đã chú trọng xây dựng một cách có khoa học dựa trên sự tham khảo CĐR của các trường đại học có uy tín trong nước và trên thế giới cùng với sự đóng góp xây dựng của các nhà khoa học có uy tín, các nhà quản lý và các doanh nghiệp sử dụng người học của Khoa sau khi tốt nghiệp. Tuy nhiên, quá trình xây dựng CĐR của CTĐT còn có điểm hạn chế trong việc xây dựng hệ thống đánh giá lấy ý kiến đầy đủ của các bên liên quan, khảo sát ý kiến của các nhà tuyển dụng, các chuyên gia giáo dục và cựu người học và chưa thực hiện công tác này một cách rộng rãi.

Tự đánh giá theo 03 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành KTĐ đã đạt yêu cầu 3/3 tiêu chí đạt: 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT là tài liệu chính thức của Nhà trường, cung cấp các thông tin đầy đủ, cần thiết về CTĐT cho người học, người dạy, nhà tuyển dụng, nhà quản lý, cho các đối tượng trong hoạt động tuyển sinh và các bên liên quan khác, giúp người học có nguyện vọng học tại Trường hiểu về CTĐT. Bản mô tả CTĐT cũng là nguồn thông tin giúp các chuyên gia, cơ quan thẩm định và các cơ quan quản lý liên quan có thể kiểm định chương trình, đánh giá được tính khả thi, chất lượng của CTĐT. Bản mô tả còn là cơ sở để đội ngũ GV, cán bộ thảo luận và nghiên cứu về chương trình hiện hành và chương trình mới nhằm đảm bảo có cùng một cách hiểu về CĐR của chương trình đào tạo. Bản mô tả CTĐT của ngành KTĐ được xây dựng và ban hành theo biểu mẫu quy định thống nhất của Nhà trường và phù hợp với các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, với đầy đủ các thông tin theo quy định như mã ngành đào tạo; khối lượng kiến thức toàn khóa; cơ sở pháp lý và thực tiễn về chương trình; mục tiêu; chuẩn đầu ra (CĐR),

chuẩn đầu vào; điều kiện tốt nghiệp; vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp; cấu trúc chương trình; nội dung, kế hoạch giảng dạy; chiến lược dạy học; mô tả tóm tắt từng học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra/đánh giá học phần, cách đánh giá kết quả học tập... phù hợp với các quy định, sứ mạng của Nhà trường, có cấu trúc cân đối giữa các khối kiến thức trong tổng thể CTĐT, được định kỳ rà soát bổ sung. Đồng thời là cơ sở phục vụ cho việc triển khai có hiệu quả các hoạt động đào tạo, rà soát và cải tiến chương trình của Khoa KT&CN, Trường ĐHHD, là minh chứng cho khả năng và cam kết đảm bảo đạt được các CDR của CTĐT. Bên cạnh đó, bản mô tả giúp Khoa đảm bảo các CDR của chương trình được thiết kế rõ ràng và người học tốt nghiệp có thể đáp ứng CDR.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

Bản mô tả CTĐT ngành KTĐ được xây dựng dựa trên cơ sở quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và của Trường [H02.02.01.01], [H02.02.01.02]. Trong giai đoạn năm 2018 - 2023, có 3 lần rà soát CTĐT tuy nhiên có 2 lần (năm 2022), 2023) bản mô tả CTĐT ngành KTĐ mới được chú trọng xây dựng, rà soát và ban hành thành văn bản riêng biệt (2022), các thông tin được trình bày dưới dạng “*Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành KTĐ*”. Năm 2018, bản mô tả CTĐT ngành KTĐ được xây dựng theo quy định tại Thông tư 07/2015/TT-BGD&ĐT, Thông tư 22/2017/TT-BGD&ĐT và đã được Trường ĐHHD ban hành vào trước khóa đào tạo dưới dạng Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành KTĐ, chuyên ngành KTĐ - điện tử áp dụng khóa 8 và các khóa tiếp theo [H02.02.01.03], [H02.02.01.04] cùng CDR ngành đào tạo KTĐ [H02.02.01.05]. Các thông tin được cung cấp trong văn bản này bao gồm: Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo, khung chương trình đào tạo (kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, kiến thức ngành và chuyên ngành); chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ, ngoại ngữ và vị trí việc làm, khả năng công tác, khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp.

Đến năm 2022, bên cạnh nội dung CTĐT trình độ đại học hệ chính quy ngành KTĐ và CDR [H02.02.01.04], [H02.02.01.05]. Trường đã rà soát, điều chỉnh bổ sung mô tả CTĐT theo yêu cầu tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT [H02.02.01.06], tích hợp chuẩn đầu ra vào bản mô tả CTĐT. Ngoài các mục thông tin đã được mô tả trong “*Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành KTĐ của Trường*

ĐHHD”, bản CTĐT 2022 đã bổ sung thêm các mục nội dung: Đối tượng tuyển sinh; Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp; Vị trí việc làm sau tốt nghiệp; Cách thức đánh giá; Kế hoạch giảng dạy dự kiến, hướng dẫn thực hiện và Mô tả tóm tắt nội dung từng học phần trong CTĐT [H02.02.01.07].

Tuy nhiên, năm 2023 CTĐT ngành KTĐ của Trường ĐHHD lại tiếp tục được rà soát và điều chỉnh để làm rõ hơn mô tả, cập nhật nội dung đảm bảo đúng quy định và được rà soát định kỳ. Nội dung cập nhật cơ bản nhất được thể hiện trong đợt rà soát là điều chỉnh giảm khối kiến thức giáo dục đại cương, tăng khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp phù hợp thực tế, đồng thời giúp sinh viên có cơ hội lựa chọn nhóm học phần chuyên sâu phục vụ cho công việc sau khi tốt nghiệp; điều chỉnh biểu mẫu đề cương chi tiết theo hướng cụ thể hóa các hoạt động giảng dạy và học tập; tiêu chí kiểm tra đánh giá học phần chi tiết cho cả năng lực chuyên môn KTĐ và kỹ năng được thể hiện trong bản mô tả chương trình đào tạo. So với bản CTĐT năm 2022, bản CTĐT năm 2023 đã bổ sung: Chuẩn đầu vào của CTĐT; đưa ra chiến lược đánh giá, điều chỉnh và cụ thể hóa cách đánh giá học tập quy ra thang điểm 10, tháng điểm 4, quy định số bài kiểm tra thường xuyên theo thời lượng của từng học phần; điều chỉnh thời lượng của một số học phần đại cương, chuyên ngành cho phù hợp... để làm rõ hơn về CTĐT [H02.02.01.08].

Thông qua các hoạt động rà soát và cải tiến CTĐT theo kế hoạch của Nhà trường trong các năm 2018 và 2022, 2023 bản mô tả CTĐT ngành KTĐ đã được cập nhật hình thức lẫn nội dung qua các năm, có mục tiêu (MT) phù hợp với các quy định hiện hành và ngày càng nâng cao chất lượng; trong đó các yếu tố để đạt được CTĐT đã được cấu trúc một cách có hệ thống, logic và sự bổ sung chiến lược dạy và học, kiểm tra và đánh giá [H02.02.01.09] [H02.02.01.010]. Các nội dung được cập nhật trong bản mô tả chương trình GDTH 2023 có tính kế thừa và là kết quả của việc thu thập và phân tích ý kiến phản hồi của sinh viên, nhà tuyển dụng và giảng viên [H02.02.01.11]; [H02.02.01.12]. Cùng với việc điều chỉnh CTĐT, bản mô tả CTĐT ngành KTĐ được cập nhật và tích hợp với sự đóng góp ý kiến của các bên liên quan nhằm nâng cao khả năng đạt được các KQHT của người học, điều này được thực hiện sau khi đã tổng hợp ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CĐR [H02.02.01.13]. CĐR và nội dung CĐR trong bản mô tả CTĐT được thể hiện rõ ràng, cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu và có phương pháp học tập phù hợp để đạt được kết quả dự kiến nhằm đạt được CĐR tương ứng. Thông qua khảo sát ý kiến của các bên liên quan, có tới 80% ý kiến

của các giảng viên, chuyên gia tham gia giảng dạy CTĐT của Khoa KT&CN và 85% ý kiến của sinh viên đánh giá về bản mô tả CTĐT có đầy đủ các thông tin cần thiết để SV có thể thiết lập kế hoạch, lộ trình học tập theo mong muốn [H02.02.01.11]; [H02.02.01.12]. CDR và nội dung bản mô tả CTĐT trong CTĐT được thể hiện rõ ràng, cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu và có phương pháp học tập phù hợp để đạt được kết quả dự kiến nhằm đạt được CDR tương ứng. Bản mô tả chương trình được so sánh giữa các năm để điều chỉnh ngành KTĐ, giải trình điều chỉnh các học phần trong CTĐT ngành KTĐ, được thực hiện với sự trao đổi thảo luận của Hội đồng Khoa cùng các bộ môn chuyên môn [H02.02.01.14]. Việc bổ sung, cập nhật những học phần mới vào bản mô tả CTĐT KTĐ giúp người học sau khi tốt nghiệp có thể cập nhật những kiến thức mới về khoa học công nghệ của ngành KTĐ. Ý kiến phản hồi của GV, người học, cựu người học và nhà tuyển dụng đã được sử dụng làm căn cứ để cập nhật, điều chỉnh trong mô tả CTĐT KTĐ [H02.02.01.08].

Nhà trường đã ban hành CTĐT ngành KTĐ và đề cương chi tiết các học phần trình độ đại học hệ chính quy ngành KTĐ. CTĐT ngành KTĐ sau khi được ký ban hành đã được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường, Khoa; thông báo các quyết định ban hành CTĐT ngành KTĐ đến GV, cố vấn học tập, SV để cập nhật và phục vụ cho hoạt động dạy và học [H02.02.01.15].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT trong CTĐT ngành KTĐ được xây dựng bài bản, khoa học trên cơ sở bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và Nhà trường, thể hiện đầy đủ thông tin và được tích hợp những nội dung mới nhất liên quan. Nội dung CTĐT bao gồm khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp; kế hoạch giảng dạy dự kiến, mô tả tóm tắt các học phần, cách đánh giá và được cập nhật, điều chỉnh định kỳ. Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các nội dung và thông tin cần thiết cho việc quản lí, triển khai thực hiện chương trình, hỗ trợ người dạy, người học trong quá trình đào tạo, cung cấp thông tin cho các bên liên quan, được cập nhật thường xuyên đáp ứng yêu cầu đào tạo và nhu cầu xã hội. Qua bản mô tả này, người học và xã hội hiểu được lộ trình dự kiến toàn bộ khóa học cũng như phương pháp dạy-học và kiểm tra đánh giá nhằm đạt được CDR của ngành.

- Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật qua từng đợt rà soát.

3. Điểm tồn tại

Quá trình cập nhật CTĐT có đóng góp ý kiến của các bên liên quan nhưng chưa nhiều, thông tin phản hồi từ các bên liên quan làm cơ sở cho việc cập nhật chưa thực sự phong phú.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Thu thập đầy đủ thông tin phản hồi từ SV, cựu SV, các bên liên quan một cách thường xuyên hơn. - Lập kế hoạch và triển khai nghiên cứu, so sánh bản mô tả CTĐT KTĐ với CTĐT của một số trường đại học ở trong nước và một số nước tiên tiến trong cùng khu vực. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khoa KT&CN; - Bộ môn KTĐ 	2 năm 1 lần	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên rà soát, chỉnh sửa cập nhật CTĐT tại các mục trong bản mô tả để đảm bảo tính logic cao. Cập nhật CTĐT một cách quy mô, toàn diện từ MT, CDR cho đến đề cương chi tiết theo quy trình ĐBCL	<ul style="list-style-type: none"> - Khoa KT&CN; - Bộ môn KTĐ 	2 năm 1 lần	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7.

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

Đề cương các học phần vừa đóng vai trò là bản mô tả quá trình giảng dạy, vừa đóng vai trò là bản cam kết giúp giảng viên và sinh viên thực hiện đúng trách nhiệm của mình. Mỗi CDR chi tiết của môn học luôn được gắn liền với từng hoạt động dạy và học cũng như hoạt động đánh giá tương ứng. Đề cương các học phần trong CTĐT được trình

bày theo biểu mẫu của Nhà trường ban hành phù hợp với yêu cầu của TT08/2011/TT-BGDĐT.

Đề cương các học phần vừa đóng vai trò là bản mô tả quá trình giảng dạy, vừa là bản cam kết giúp GV và SV thực hiện đúng trách nhiệm của mình. Mỗi CDR của học phần luôn được gắn liền với từng hoạt động dạy và học cũng như hoạt động đánh giá tương ứng trong đề cương.

Đề cương học phần luôn được xây dựng, cập nhật và điều chỉnh phù hợp với CDR CTĐT. Mỗi CDR chi tiết từng học phần gắn liền với hoạt động dạy và học cũng như hoạt động đánh giá tương ứng. Trong quá trình xây dựng và điều chỉnh ĐCHP, Khoa KT&CN đã luôn bám sát các quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường [H02.02.02.01], [H02.02.01.09]. Bên cạnh đó ĐCHP được xây dựng dựa trên cơ sở đóng góp của học phần đáp ứng CDR của CTĐT do giảng viên (GV) biên soạn và được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh, cập nhật theo các quyết định thành lập tổ rà soát CTĐT và kế hoạch của Nhà trường [H02.02.02.02], [H02.02.02.03]. Việc biên soạn đề cương chi tiết các học phần tuân thủ theo các văn bản hướng dẫn của Nhà trường. Đề cương học phần được thể hiện đầy đủ thông tin, gồm: thông tin về bộ môn phụ trách học phần, số tín chỉ, thời gian học trên lớp và thời gian tự học ở nhà, mục tiêu của học phần, tài liệu tham khảo, phương pháp và hình thức dạy học, phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá, nội dung chi tiết học phần [H02.02.02.04].

Đề cương phải bảo đảm thể hiện được sự tương hợp giữa ba yếu tố quan trọng: CDR học phần, phương pháp dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá. Từng học phần có số tín chỉ xác định và được ký hiệu bằng một mã số riêng do trường quy định [H02.02.02.05], [H02.02.02.06], [H02.02.02.07].

Nội dung các ĐCHP được xây dựng và bao gồm các thông tin thể hiện sự đóng góp của HP đối với CDR CTĐT, như: thông tin chung, MT, CDR HP, nội dung chi tiết, phương pháp dạy - học, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo... [H02.02.02.04]. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa và được thể hiện ở các CDR của từng học phần. Trong mỗi ĐCHP thể hiện được mức độ đóng góp của các môn học so với CDR của CTĐT [H02.02.02.06],[H02.02.02.07]..

Trong các năm 2018, 2022 và 2023, Nhà trường ban hành các văn bản hướng dẫn rà soát, điều chỉnh CTĐT ngành KTĐ [H02.02.02.06]. Nội dung các ĐCHP cơ bản cũng đã được điều chỉnh theo hướng phù hợp với CDR của CTĐT [H02.02.02.06],

[H02.02.02.07]. Nhìn chung, các ĐCHP của CTĐT ngành KTĐ năm 2018 cung cấp các thông tin liên quan, bao gồm: Tên học phần, số tín chỉ, trình độ, điều kiện tiên quyết, bộ môn phụ trách giảng dạy, phương pháp giảng dạy, đánh giá kết quả học tập, mô tả vắn tắt nội dung học phần, mục tiêu học phần, tài liệu học tập/ tham khảo, tài liệu học tập, phân bổ thời gian, cá nhân/đơn vị phụ trách. Tuy nhiên, ĐCHP 2022, 2023 đã có những sự cải tiến đáng kể về hình thức và nội dung, cụ thể: các thông tin chung được liệt kê chi tiết; MT được cụ thể hóa bằng các chuẩn đầu ra có thể đo lường được; sự đóng góp của HP đối với CĐR CTĐT được mô tả bằng các ma trận; phương pháp và kế hoạch dạy - học, phương pháp kiểm tra được bổ sung để phục vụ việc đánh giá mức đạt được các CĐR HP, phục vụ đánh giá mức đạt được CĐR CTĐT; danh mục tài liệu tham khảo, tài liệu học tập chính [H02.02.02.06], [H02.02.02.07]. Việc xác định CĐR của học phần đã giúp người học hiểu rõ vai trò vị trí của học phần trong CTĐT cũng như sự đóng góp của học phần trong việc đạt được CĐR nào của CTĐT. Điểm khác biệt cơ bản giữa ĐCHP năm 2022 và 2023 là CĐR và phương pháp đánh giá được xác định rõ ràng, cụ thể để SV đạt CĐR của học phần. Đặc biệt, trong quá trình cập nhật ĐCHP 2022, Khoa và Nhà trường đã rất chú ý đến việc lấy ý kiến của các chuyên gia, GV về các nội dung để điều chỉnh phù hợp [H02.02.02.08], [H02.02.02.09], [H02.02.02.10]. Ngoài ra, việc rà soát ĐCHP được tổ chức thực hiện thường xuyên ở cấp Bộ môn (được đưa vào hoạt động chuyên môn của Bộ môn), qua đó có những báo cáo và điều chỉnh kịp thời đối với những nội dung không phù hợp. Tuy nhiên, việc triển khai lấy ý kiến phản hồi của NH, chuyên gia và nhà tuyển dụng (NTD) về ĐCHP vẫn còn hạn chế về quy mô và đối tượng, chưa có sự kết hợp giữa hình thức trực tiếp với gián tiếp.

2. Điểm mạnh

- 100% ĐCHP thuộc CTĐT đều được thiết kế khoa học, cung cấp thông tin đầy đủ và rõ ràng, thể hiện nội dung cần thiết cho người dạy, người học, người quản lý và các bộ phận hỗ trợ đào tạo, cũng như cho các bên liên quan để giám sát. Đề cương chi tiết các học phần liên tục được cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển hiện nay. Mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá... của học phần đều được cung cấp đầy đủ để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa học.

- Đề cương chi tiết các học phần của CTĐT ngành KTĐ được xây dựng cập nhật, bổ sung và hoàn thiện để hướng đến việc SV có thể đạt được LO môn học và PLO của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Một số đề cương học phần còn ít tài liệu tham khảo và cập nhật các nội dung mới chưa nhiều để SV có thể tham khảo dễ dàng. Các tài liệu tham khảo như bài giảng, giáo trình điện tử, tạp chí chuyên ngành KTĐ tiếng Việt và ngoại ngữ trên website của Trường, của Khoa còn chưa nhiều. Điều này khiến cho GV, SV khó tiếp cận với các tài liệu hiện đại, mới, mang tính quốc tế nên đôi lúc chưa theo kịp những phát triển mới trong nghiên cứu, đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đề xuất Nhà trường tiếp tục bổ sung, cập nhật và nâng cấp hệ thống học liệu, đặc biệt là hệ thống bài giảng, giáo trình phục vụ các học phần thuộc chuyên ngành KTĐ.	Khoa KT&CN	Hàng năm	
		Tiếp tục rà soát, cập nhật, đánh giá đề cương các học phần một cách bài bản đáp ứng hơn nữa nhu cầu cập nhật của xã hội.	Khoa KT&CN	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Rà soát, cập nhật ĐCCT các học phần hàng năm, truyền thông rộng rãi đến từng SV và giảng viên để thực hiện	Khoa KT&CN	Hàng năm	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả

Việc công bố công khai bản mô tả CTĐT và ĐCHP đến các bên liên quan luôn được Nhà trường xác định đóng vai trò quan trọng đối với việc đảm bảo chất lượng CTĐT. Toàn bộ hoặc một phần văn bản các nội dung của bản mô tả CTĐT KTĐ và ĐCHP được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau, bao gồm 04 hình thức chủ yếu: (1) Phổ biến trực tiếp cho SV vào đầu khóa học thông qua cố vấn học tập (CVHT) và GV giảng dạy; (2) Lưu hành trong thư viện Nhà trường như tài liệu tham khảo cho SV; (3) Đăng tải trên website đào tạo của Nhà trường và Khoa với quyền truy cập mở cho các đối tượng; (4) Cung cấp trực tiếp đến SV, nhà tuyển dụng, chuyên gia thông qua các chương trình hội thảo do Trường và Khoa tổ chức [H02.02.03.01]. Với các hình thức công khai liệt kê ở trên đã giúp cho SV, GV, nhà tuyển dụng, chuyên gia dễ dàng tiếp cận, truy cập tìm hiểu nội dung và góp ý phản hồi [H02.02.03.02]. Việc sử dụng và công bố bản mô tả CTĐT và các ĐCHP bằng nhiều hình thức trên đã giúp cho SV nắm được các học phần có thể đăng ký học trong một kỳ học, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học; giúp cho GV có cơ sở xây dựng ĐCCTHP và đối soát khả năng đóng góp của các học phần cho CĐR của CTĐT; giúp cho các nhà quản lý, nhà sử dụng lao động nắm được các thông tin bao quát về CTĐT, đánh giá được khả năng đáp ứng của CTĐT với nhu cầu xã hội. Các bộ phận liên quan như Phòng Đào tạo - HTQT, lãnh đạo Khoa và Bộ môn đều có bản in toàn văn mô tả CTĐT của ngành học nhằm nắm rõ thông tin về CTĐT và các HP của chương trình, cũng như thuận lợi cho công tác quản lý, giám sát và hỗ trợ việc thực hiện CTĐT của GV và SV. Thông qua các hình thức công khai nêu trên, người học và xã hội sẽ dễ dàng tiếp cận và nắm được nội dung chi tiết của bản mô tả CTĐT, đề cương chi tiết các học phần và CĐR của các học phần đó. Đối với người học, ngay khi nhập trường, tuần sinh hoạt đầu khóa, người học đã được CVHT của lớp phổ biến bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần, định hướng nghề nghiệp cho SV. Trong các cuộc họp giữa SV với CVHT, hoặc buổi tổng kết năm học, CVHT giải thích và hướng dẫn sử dụng bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần trên website của Khoa và Nhà trường. Bản Mô tả CTĐT và các Đề cương học phần định kỳ được rà soát, điều chỉnh dựa trên việc thu thập ý kiến các bên liên quan đặc biệt là đối với nhà tuyển dụng, SV và cựu SV [H02.02.03.03] [H02.02.03.02]. CBGV, SV, cựu SV, nhà tuyển dụng lao động đều có thể tiếp cận bản Mô tả CTĐT và Đề cương các học phần một cách dễ dàng, thuận tiện. Những điều chỉnh về bản mô tả CTĐT và ĐCHP được cập nhật trên website của Nhà

trường, được lưu giữ tại văn phòng các bộ môn KTĐ, giáo vụ khoa, lãnh đạo khoa để CBGV, SV và những người có nhu cầu tìm hiểu về CTĐT KTĐ biết và thực hiện.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và ĐCHP trong CTĐT ngành KTĐ cung cấp đầy đủ thông tin, được công bố công khai đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, giúp cho SV có kế hoạch học tập và phương pháp học tập phù hợp để đạt được kết quả mong đợi; giúp cho GV phụ trách học phần trong CTĐT hiểu rõ kiến thức SV cần nắm được sau khi kết thúc học phần; giúp cho nhà tuyển dụng biết được các kỹ năng đạt được của SV tốt nghiệp. Bản mô tả CTĐT và các ĐCHP trong CTĐT thường xuyên nhận được ý kiến đóng góp, xây dựng của tổ soạn thảo CT, GV trong khoa, nhà tuyển dụng lao động, trên cơ sở đó bổ sung, điều chỉnh, cập nhật thường xuyên theo định hướng ứng dụng và phát triển năng lực.

3. Điểm tồn tại

Việc cung cấp thông tin bản mô tả CTĐT tới các bên có liên quan vẫn chưa được thực hiện một cách bài bản và chuyên nghiệp. Các kênh thông tin online để công bố bản mô tả CTĐT vẫn mang tính một chiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Việc phổ biến Bản mô tả CTĐT và cung cấp thông tin bản mô tả CTĐT đến các bên liên quan sẽ thực hiện chuyên nghiệp hơn bằng cách chuyển tải qua các kênh khác nhau: website, trang mạng xã hội, email cá nhân của các bên liên quan, tài liệu phát tay...	Khoa KT&CN	Hàng năm	Lồng ghép trong chương trình giao lưu với doanh nghiệp

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì và phát huy các hình thức công khai hiện có	Khoa KT&CN	Hàng năm	
---	--------------------------	--	---------------	-------------	--

5. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Trường ĐHHĐ, Khoa KT&CN đã chú trọng xây dựng bản mô tả CTĐT một cách bài bản nghiêm túc, đồng thời trong quá trình rà soát điều chỉnh có sự tham khảo chương trình của các trường đại học có uy tín trong nước để nhằm kịp thời đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế.

Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các nội dung và thông tin cần thiết cho việc quản lí, triển khai thực hiện và cải tiến chất lượng CTĐT. Bản mô tả CTĐT cũng là tài liệu hỗ trợ người dạy, người học trong quá trình đào tạo, cung cấp thông tin cho các bên liên quan, được cập nhật thường xuyên đáp ứng yêu cầu đào tạo và nhu cầu xã hội. Tất cả ĐCCT các học phần thuộc CTĐT đều được thiết kế khoa học, mô tả đầy đủ các thông tin và nội dung cần thiết cho người dạy, người học, người quản lí và các bộ phận hỗ trợ đào tạo, cũng như cho các bên liên quan để giám sát. ĐCCT được thường xuyên rà soát, cập nhật, bổ sung về nội dung, học liệu. Bản mô tả CTĐT sau khi đã cập nhật đầy đủ thông tin và các ĐCCT học giúp người học có cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT và sẽ dễ dàng tiếp cận và nắm được CDR.

Tuy nhiên việc truyền thông CTĐT đến các bên liên quan còn chưa được hiệu quả, việc thu thập ý kiến phản hồi còn hạn chế chủ yếu ở SV và giảng viên, cần đẩy mạnh hơn nữa việc lấy ý kiến của các bên liên quan đặc biệt là các doanh nghiệp trong lĩnh vực chuyên ngành, nhà sử dụng lao động, cựu SV.

Tự đánh giá theo 03 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành KTĐ đã đạt yêu cầu 3/3 tiêu chí đạt: 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Cấu trúc và nội dung CTDH là yếu tố quan trọng quyết định đến chất lượng đào tạo, CTDH ngành KTĐ được thiết kế theo các quy định được ban hành bởi Bộ GD&ĐT, dựa trên mục tiêu và CDR của CTĐT theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu đào tạo Kỹ sư ngành KTĐ và phù hợp với nhu cầu xã hội. CTDH ngành KTĐ của Khoa KT&CN được tham khảo CTDH của các Trường đại học uy tín trong nước và trên thế giới, được

rà soát và điều chỉnh định kỳ theo từng giai đoạn để đáp ứng mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước.

CTDH có mục tiêu rõ ràng và cụ thể; cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách logic có hệ thống; đáp ứng các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ, nguồn nhân lực chất lượng cho thực tế và khả năng học tập nâng cao trình độ; các học phần được thiết kế theo trật tự từ khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành đến chuyên môn ngành; học phần tiên quyết làm nền tảng cho các học phần tiếp theo; các học phần song hành trong các khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn ngành được thiết kế có tính tích hợp; các học phần có sự đóng góp rõ ràng cho CĐR. CTDH được xây dựng theo tiếp cận CDIO tích hợp kiến thức, phẩm chất và năng lực nghề nghiệp. Quy trình này được xây dựng một cách khoa học, hợp lý, logic và về phương pháp tổng thể có thể áp dụng để xây dựng quy trình chuẩn cho nhiều lĩnh vực đào tạo khác nhau với những điều chỉnh, bổ sung cần thiết.

CTĐT Kỹ sư ngành KTĐ được cấu trúc hợp lý và hệ thống, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT của Bộ Giáo dục & Đào tạo, Trường ĐHHD với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ của ngành KTĐ trình độ đại học, nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Các phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá sv được sử dụng nhằm đảm bảo đạt các CĐR chung của CTĐT và các mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của từng học phần. Nội dung các học phần được cấu trúc logic, theo trình tự và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTĐT. Đồng thời, CTĐT của ngành KTĐ liên tục được rà soát định kỳ nhằm đảm bảo tính thích hợp và cập nhật ở từng học phần cụ thể và ở CTĐT tổng thể.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên Chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Chương trình đào tạo được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm [H03.03.01.08], [H03.03.01.09]. Đáp ứng yêu cầu CĐR về kiến thức, mục tiêu chương trình nhằm cung cấp kiến thức lý thuyết, thực tế, cách vận dụng các kiến thức chuyên môn, các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, kiến thức về công nghệ thông tin, về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn, kiến thức hỗ trợ để phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành Kỹ thuật.

Mục tiêu của chương trình về kỹ năng phù hợp với CĐR về việc giải quyết các vấn đề phức tạp trong thực tế KTĐ tại các đơn vị, khả năng tự học, tự nghiên cứu, dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác, phản biện, phê phán, đánh giá chất lượng công việc, kỹ năng truyền đạt vấn đề, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ thuộc lĩnh vực chuyên môn KTĐ, kỹ năng ngoại ngữ, sử dụng CNTT.

Mục tiêu về mức tự chủ và chịu trách nhiệm trong CĐR được thể hiện rõ trong Chương trình đào tạo, cụ thể: Sinh viên tốt nghiệp phải có đủ khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân và có thể quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động KTĐ trong các đơn vị, tổ chức [H03.03.01.09].

Nội dung chương trình được thiết kế để đạt được CĐR ở các nội dung kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm, *cụ thể*:

- Chương trình đào tạo ngành KTĐ được thiết kế với các môn học đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành, bổ trợ nhằm cung cấp cho sinh viên có kiến thức để lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, quản lý điều hành hoạt động chuyên môn, kiến thức bổ trợ để phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành Kỹ thuật, giúp sinh viên giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan tại doanh nghiệp, khả năng tự học tập, tự nghiên cứu, kỹ năng dẫn dắt khởi nghiệp, kỹ năng truyền đạt vấn đề, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ thuộc lĩnh vực chuyên môn KTĐ, kỹ năng ngoại ngữ, sử dụng CNTT.

- Tất cả các môn học trong chương trình đều có kết cấu gồm phần lý thuyết giảng dạy trên lớp, phần thảo luận nhóm và phần tự học tạo khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ, đưa ra kết luận chuyên môn.

Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học của tất cả các môn học/học phần trong CTĐT phù hợp, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR.

Các giảng viên đã sử dụng phương pháp giảng dạy chủ động bằng cách nêu vấn đề cần giải quyết, quy định thời gian và cách làm việc sau đó sinh viên làm việc cá nhân

hoặc làm việc nhóm để nộp sản phẩm và trình bày trước lớp, tạo cho sinh viên cách tư duy sáng tạo, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm. Với phương pháp *Dạy học dựa trên vấn đề* (Problem-based learning), Nghiên cứu tình huống (Case study)... tạo cho sinh viên tư duy suy xét, phản biện (critical thinking) tự nhận biết về kiến thức, kỹ năng và thái độ cá nhân của bản thân [H03.03.01.01]. Bằng phương pháp dạy học thông qua làm khóa luận, đề án (Project-based learning), Học tập phục vụ cộng đồng (Service Learning), sinh viên có thể tự lập kế hoạch, tự tạo kỹ năng thiết kế - triển khai - giao tiếp, khẳng định được trách nhiệm đối với xã hội, tăng cường khả năng làm việc nhóm, rèn luyện kỹ năng học tập suốt đời, tự nguyện tham gia, giải quyết vấn đề của cộng đồng, áp dụng các kiến thức được học vào thực tế [H03.03.01.03], [H03.03.01.21]. [H03.03.01.03].

Với cách thức kiểm tra đánh giá người học bằng 10% điểm chuyên cần, 20% điểm thực hành (Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận, bài kiểm tra giữa kỳ), 70% bài thi cuối kỳ đã đảm bảo được ý thức thái độ học tập, khả năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề trong thực tế, khả năng tự học, trình bày thuyết trình, vận dụng các vấn đề lý luận vào các tình huống thực tế [H03.03.01.01].

Các học phần trong Chương trình đào tạo được cấu trúc phù hợp, đảm bảo được sự gắn kết và liên mạch giữa các môn cơ sở và chuyên ngành, giúp chương trình trở thành một khối thống nhất.

Các học phần trong chương trình được thiết kế và sắp xếp theo thứ tự lộ trình học tập của sv từ năm thứ 1 đến năm thứ 4 trải trên 8 học kỳ bắt đầu từ các môn học đại cương đến các môn học cơ sở ngành, chuyên ngành. Các môn học bổ trợ giúp sinh viên có thể phát triển sang các ngành khác thuộc khối ngành Kỹ thuật.

Chương trình đảm bảo sự gắn kết liên mạch giữa các môn tạo kiến thức lý thuyết nền tảng và chuyên sâu về chuyên môn KTD với các môn học tạo kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, giải quyết vấn đề. Khóa luận tốt nghiệp giúp sinh viên tổng hợp, vận dụng các kiến thức và kỹ năng chuyên môn, Kỹ thuật xã hội tạo thành một sản phẩm khoa học cuối khóa mang tính hệ thống, sáng tạo giúp sinh viên có khả năng tư duy, tổng hợp. Thời gian và trình tự thực hiện từng học phần được bố trí triển khai một cách logic, hợp lý. [H03.03.03.01], [H03.03.01.04], [H03.03.01.16].

Chuẩn đầu ra của Chương trình được đo lường

Sinh viên tốt nghiệp cần đảm bảo tất cả các tiêu chuẩn của CDR về kiến thức, kỹ

năng, thái độ: Sinh viên phải tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo tương ứng 131 tín chỉ (gồm cả Giáo dục quốc phòng-an ninh và Giáo dục thể chất), điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên; Có các Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh và Giáo dục thể chất; Đạt chuẩn ngoại ngữ theo quy định của Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/1/2014 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc và quy định chuẩn ngoại ngữ của Nhà Trường, đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT. [H03.03.01.05], [H03.03.01.02], Chương trình đào tạo ngành KTĐ hiện tại có 156 tín chỉ (kể cả 11 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh), trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 32 tín chỉ (20,6%)

- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:

Hệ chuẩn gồm 124 tín chỉ (79,4%):

Kiến thức cơ sở ngành: 51 tín chỉ

Kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành): 59 tín chỉ

Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp. 14 tín chỉ

Số tín chỉ bắt buộc là 42 tín chỉ /17 tín chỉ tự chọn. Tỷ lệ này cho thấy sự cân đối và phù hợp trong thiết kế nhóm học phần bắt buộc và tự chọn [H03.03.01.08]

Với kết cấu như trên, chương trình dạy học đảm bảo trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng, thái độ theo yêu cầu của CĐR và được đánh giá cao qua kết quả điều tra khảo sát.

Qua số liệu điều tra năm 2018 trên cho thấy 93% sinh viên đồng ý cho rằng giữa khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành là hợp lý và cân đối, ngoài ra 7% hoàn toàn đồng ý, nhất trí cho rằng giữa khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành là hoàn toàn hợp lý.

Về mức độ hợp lý của kết cấu CTĐT, có 96% nhất trí và 2% hoàn toàn nhất trí, về sự phù hợp của các hình thức, phương pháp đánh giá học tập để đạt được CĐR có 93% nhất trí và 7% hoàn toàn đồng ý. [H03.03.01.13], [H03.03.01.14], [H03.03.01.15]. Theo khảo sát đánh giá của giảng viên và cán bộ quản lý chương trình về CTĐT năm 2018 về mức độ hợp lý về thiết kế, xây dựng phát triển CTDH, kết quả cho thấy, số lượng giảng viên và cán bộ quản lý chương trình cho rằng chương trình được thiết kế hợp lý, cơ cấu các môn học phù hợp, các phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức đánh giá kết quả học tập phù hợp với CĐR [H03.03.01.13].

Ngoài ra Khoa KT&CN đã tiến hành việc khảo sát nhu cầu của thị trường lao động về năng lực của sinh viên tốt nghiệp ngành KTĐ, nhu cầu tuyển dụng nhân lực chuyên ngành này theo từng loại hình doanh nghiệp, các kỹ năng của sinh viên tốt nghiệp có đảm bảo đáp ứng yêu cầu của công việc không, qua đó Khoa có phương hướng để hoàn thiện chương trình đào tạo.

Nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và yêu cầu đổi mới chương trình đào tạo, chương trình ngành KTĐ của Khoa KT&CN được thay đổi 2 lần trong 5 năm gần đây: Chương trình đào tạo đại học hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ, Chương trình theo Quyết định số 81/QĐ-ĐHHD ngày 10/2/2017. Để thay đổi và phát triển CTĐT, Khoa KT&CN tiến hành so sánh đối chiếu chương trình đào tạo theo QĐ 141 và Quyết định 81 của Trường ĐHHD, so sánh chương trình hiện tại với các trường bạn như Trường Đại học Quy Nhơn [H03.03.01.17], [H03.03.01.18]. Khoa cũng đã đưa ra các qui định về rà soát, đánh giá quá trình dạy học, đánh giá kết quả học tập để thực hiện việc cải tiến chương trình, nội dung đào tạo [H03.03.01.24]. Đồng thời, Khoa cũng đã thu thập, tổng hợp kết quả các Phiếu khảo sát người học, Người sử dụng lao động, Giảng viên về CTĐT [H03.03.01.13], [H03.03.01.14], [H03.03.01.15], từ các thông tin thu được do phỏng vấn sinh viên [H03.03.01.25], [H03.03.01.26], sau khi tập hợp kết quả khảo sát, Khoa tổ chức cuộc họp Hội đồng Khoa học Khoa đề xuất nội dung sửa đổi lên Hội đồng Khoa học Đào tạo Trường [H03.03.01.19], [H03.03.01.20].

Hội đồng Khoa học Đào tạo Trường ra quyết định chương trình mới. Các bước thực hiện việc thay đổi, phát triển chương trình đào tạo luôn tuân thủ theo Qui định về xây dựng, thẩm định chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Qui định của Trường ĐHHD. [H03.03.01.23], [H03.03.01.06], [H03.03.01.07].

2. Điểm mạnh

Chương trình đào tạo ngành KTĐ được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR và nội dung chương trình đã đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Do CĐR được xây dựng rõ ràng, có thể đo lường được nên chương trình được vận hành một cách hiệu quả có hệ thống. Kết cấu chương trình bao gồm các học phần được xây dựng khoa học, logic đảm bảo cho sinh viên tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ khối kiến thức đại cương đến kiến thức chuyên ngành. Đây chính là triết lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ đã được Khoa thực hiện từ nhiều năm nay.

3. Điểm tồn tại

Do Chương trình đào tạo của các Khoa chuyên ngành chỉ được rà soát chỉnh sửa theo Kế hoạch của Trường nên Khoa KT&CN chưa chủ động điều chỉnh định kỳ. Chương trình đào tạo KTĐ mới được đưa vào Kế hoạch rà soát chỉnh sửa. Hơn nữa, việc điều chỉnh Chương trình dẫn đến việc thay đổi các môn học trong Chương trình khung, xuất hiện các môn học mới và loại bỏ các môn học cũ. Điều này ảnh hưởng đến đội ngũ giảng viên phụ trách học phần. Những học phần mới chưa có ngay giáo trình, sinh viên chỉ có tài liệu chính là bài giảng của giảng viên, việc viết giáo trình học phần phải chuẩn bị tối thiểu khoảng 2 năm nên cũng gây khó khăn cho sinh viên và giảng viên trong việc học tập và giảng dạy.

4. Kế hoạch hành động

Khoa KT&CN sẽ đề xuất Trường rà soát chỉnh sửa chương trình đào tạo thường xuyên hơn theo qui trình 2 năm 1 lần để cập nhật kịp thời các nội dung mới về các học phần, về phương pháp giảng dạy, đánh giá, đáp ứng được yêu cầu của người học và xã hội. Cụ thể chương trình cần bổ sung các môn học tạo kỹ năng phân tích xử lý tình huống và kiến thức xã hội, tăng cường các học phần tự chọn tạo điều kiện cho người học có điều kiện lựa chọn kiến thức bổ sung cho chuyên ngành, tăng tính thực hành thực tế cho kiến thức chuyên ngành, tăng tính hội nhập quốc tế, tăng cường tính liên thông giữa các ngành.

5. Tự đánh giá tiêu chí: 5/7 điểm

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng

1. Mô tả

100% các học phần trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR. Mỗi học phần đều nêu rõ mức độ đóng góp cụ thể về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân của người học để đạt được CĐR.

Các học phần chuyên ngành đã cung cấp những kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết sâu, rộng về KTĐ để có thể vận dụng các kiến thức chuyên môn giải quyết tốt các tình huống cụ thể trong công tác KTĐ. Các học phần đại cương và cơ sở ngành cung cấp các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu của chuyên môn KTĐ.

Tất cả các môn học đều có kết cấu từ 6-9 tiết thảo luận, giúp sinh viên có kỹ năng

làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm, kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế, kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm. Một số môn học đại cương giúp sinh viên có khả năng hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân [H03.03.01.01].

Ma trận CDR và mục tiêu học phần thể hiện được sự chuyển tải CDR vào các môn học như thế nào trong nội dung từng chương, mục, trong cách thức kiểm tra, đánh giá của học phần để đạt được CDR về kiến thức, kỹ năng, thái độ [H03.03.03.03].

100% các học phần trong CTDH xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CDR. Các học phần đều thể hiện rõ tổ hợp các phương pháp giảng dạy được sử dụng đó là các phương pháp Thuyết trình (lecturing), phương pháp Xêmina, phương pháp Thảo luận nhóm, phương pháp Nghiên cứu tình huống.

Phương pháp kiểm tra đánh giá trong từng học phần được bố trí phù hợp để đạt được CDR:

Với học phần lý thuyết + thực hành: Điểm đánh giá kết quả học phần (gọi tắt là điểm học phần) được xác định qua điểm chuyên cần, điểm thực hành, điểm thi hết học phần (theo thang điểm 10) với hệ số quan trọng lần lượt là 0,1; 0,2; 0,7. Trong đó:

- Điểm chuyên cần được xác định căn cứ vào tỷ lệ tham gia các giờ học lý thuyết, thảo luận và sinh hoạt nhóm; ý thức, thái độ, chất lượng tham gia các nội dung trên toàn học phần của mỗi sinh viên và nhóm thảo luận. Nếu vi phạm sẽ bị trừ điểm theo qui định trong Quy định hoạt động khảo thí của Trường, (*đáp ứng CDR về ý thức thái độ của sinh viên*).

- Điểm thực hành được tích hợp từ các điểm bộ phận:

- + Điểm bình quân các điểm kiểm tra giữa học phần (HP 2TC kiểm tra 1 lần/IHP; HP 3 TC kiểm tra 2 lần/IHP) (*đánh giá CDR về kiến thức lý thuyết và xử lý các vấn đề chuyên môn KTD*).

- + Điểm thảo luận nhóm với quy định như sau: Trong 1 lớp học phần, sinh viên được phân thành các nhóm để thực hiện đề tài thảo luận theo sự phân công và hướng dẫn của giáo viên giảng dạy. Điểm thảo luận nhóm được xác định thông qua các điểm thành phần: Điểm của báo cáo đề tài thảo luận, điểm trình bày, bảo vệ, điểm phản biện nhóm (nếu có) và điểm thảo luận trên lớp (*đánh giá CDR về kỹ năng làm việc nhóm*,

truyền đạt ý kiến đến người khác, kỹ năng phản biện phê phán...).

Danh mục đề tài thảo luận do các bộ môn xác định với quy định sau: 3 đề tài đối với học phần 2 TC, 4 đề tài thảo luận đối với học phần 3 TC. Việc tổ chức lớp thảo luận và phân công đề tài thảo luận cho mỗi nhóm sinh viên do giảng viên phụ trách thực hành lớp học phần quyết định.

+ Điểm Báo cáo thực tập tổng hợp hoặc Báo cáo Dự án nhóm và khóa luận (luận văn) được tính tương đương 10 tín chỉ được tổ chức chấm theo Quy định hoạt động khảo thí của Trường, *(đánh giá kiến thức tổng hợp, xử lý vấn đề chuyên môn trong thực tế, tạo kỹ năng làm việc độc lập, khả năng tổng hợp, giải quyết vấn đề...)*

Với học phần thực hành, kết quả được đánh giá theo 2 bộ phận: Điểm chuyên cần và điểm trung bình các bài thực hành theo hệ số quan trọng lần lượt 0,3; 0,7.

Đề cương học phần đã thể hiện được các phương pháp giảng dạy, học tập của giảng viên và sinh viên nhằm đạt được CDR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm. Đề cương học phần được chi tiết việc đáp ứng Chuẩn đầu ra trong từng bài học cũng như phương pháp kiểm tra đánh giá tương ứng để đạt được CDR này.

Sinh viên được đánh giá kiến thức, kỹ năng, thái độ qua các bài tập cá nhân, giờ thảo luận, giờ học trên lớp. Qua việc thuyết trình, trao đổi và bài thảo luận của các nhóm sinh viên, giảng viên có thể đánh giá được kiến thức, kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập, việc đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân của từng sinh viên. Bài thi cuối kỳ được kết cấu với 3 cấu phần: Lý thuyết, vận dụng lý thuyết, tình huống thực tế giúp giảng viên đánh giá được đầy đủ các nội dung liên quan đến CDR như kiến thức, kỹ năng làm bài, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng vận dụng lý thuyết vào thực tế. Các phương pháp dạy, học, kiểm tra, đánh giá được vận dụng khoa học thể hiện trong Đề cương học phần, phù hợp với Quy định về đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHHD. [H03.03.01.01], [H03.03.01.05],

Các học phần được cấu trúc hợp lý về nội dung đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các môn cơ sở và chuyên ngành, giúp chương trình trở thành một khối thống nhất.

Trong mỗi học phần đều có Điều kiện học phần (học phần tiên quyết, học phần học trước) giúp cho việc bố trí tiến trình giảng dạy theo thứ tự các môn đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành phù hợp. Học phần nào có học phần tiên quyết yêu cầu sinh viên phải học và đạt môn học tiên quyết mới được học học phần đó. Các học phần học trước là kiến thức dùng để kế thừa cho học phần hiện tại. Các môn học được ghi trong

chương trình trước sẽ được dạy trước đảm bảo cho sinh viên có các kiến thức cơ bản đại cương để tiếp thu các kiến thức sâu của ngành, chuyên ngành, các môn học bổ trợ để ở cuối cùng của chương trình giúp sinh viên có thể phát triển sang các ngành Kỹ thuật khác (nếu có). Chương trình được kết cấu hợp lý ở các nhóm kiến thức đại cương - chuyên nghiệp (21%-79%), bắt buộc - tự chọn (71% - 29%) [H03.03.01.01], [H03.03.03.01].

Ma trận kết nối các môn học trong toàn bộ chương trình thể hiện được sự gắn kết liên mạch giữa các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành, bổ trợ, thể hiện được việc cung cấp các kiến thức, kỹ năng, thái độ của CDR được thể hiện trong việc kết nối cung cấp kiến thức giữa các học phần của chương trình đào tạo [H03.03.03.01], [H03.03.02.02].

Bảng Mô tả CDR từng học phần cũng đã thể hiện rõ ràng, cụ thể từng học phần đáp ứng CDR về kiến thức, kỹ năng, thái độ, mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với người học [H03.03.02.01].

Nội dung các học phần trong CTDH thường xuyên được cập nhật, thay đổi, rà soát chỉnh sửa nhằm đạt được tốt nhất CDR.

Định kỳ 2 năm, đề cương các học phần được rà soát chỉnh sửa 1 lần trên cơ sở ý kiến đóng góp của các bên liên quan như người học, giảng viên, cựu sinh viên. [H03.03.02.04].

Các đề cương học phần được chỉnh sửa qua các năm học. Quy trình rà soát chỉnh sửa đề cương học phần được thực hiện theo qui trình:

1) Các BM xin ý kiến nhận xét về Đề cương học phần của các chuyên gia, lấy ý kiến người học qua phiếu khảo sát (VD: Nội dung đề cương học phần, phương pháp đánh giá kết quả học tập...), phỏng vấn sinh viên trong các cuộc họp lớp hành chính [H03.03.02.05], [H03.03.03.17].

2) BM họp toàn thể giảng viên, góp ý về nội dung, kết cấu, phương pháp đánh giá kết quả học tập, tài liệu tham khảo, phương pháp giảng dạy của từng học phần [H03.03.02.05].

3) BM tiến hành rà soát, chỉnh sửa từng Đề cương học phần sau khi tổng hợp ý kiến của giảng viên và các bên liên quan.

4) Khoa tiến hành họp Hội đồng Khoa để góp ý từng nội dung Đề cương học phần [H03.03.02.05].

5) Các BM tiến hành chỉnh sửa lần cuối theo ý kiến góp ý của Hội đồng Khoa [03.3.1.01].

2. Điểm mạnh

Tất cả các học phần trong CTDH đều được thiết kế nội dung có sự tương thích và thể hiện được sự đóng góp vào việc đạt được CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm. Các học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành và bổ trợ được thiết kế linh hoạt tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên lựa chọn, tỷ lệ các tín chỉ tự chọn/Tổng số tín chỉ là phù hợp với qui định của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Các môn học cơ sở ngành tạo kiến thức nền tảng cho sinh viên học các môn chuyên ngành. Các học phần đều xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp nhằm hỗ trợ tốt cho việc đảm bảo đạt được CĐR. Các học phần trong chương trình được cấu trúc hợp lý, tuần tự, đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các môn cơ sở và chuyên ngành, tạo thành một khối thống nhất.

3. Điểm tồn tại

Chương trình còn ít các môn học tạo kỹ năng phản biện, phê phán, đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Chương trình còn một số ít các học phần chưa có giáo trình giảng dạy, sinh viên phải sử dụng bài giảng của giảng viên và các tài liệu tham khảo. Tỷ lệ các môn học tự chọn trong chương trình còn ít.

4. Kế hoạch hành động

Ban chủ nhiệm Khoa và Hội đồng khoa học Khoa sẽ thực hiện việc rà soát chương trình đào tạo theo kế hoạch của Trường, tiếp tục lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan để hoàn thiện chương trình đào tạo theo định kỳ 2 năm 1 lần nhằm đáp ứng tốt nhất CĐR, bổ sung thêm các môn học tạo kỹ năng phản biện, phê phán, cung cấp kỹ năng tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong công việc, nâng cao chất lượng giảng dạy đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của thị trường lao động, tăng tỷ lệ các tín chỉ tự chọn trong chương trình đào tạo.

5. Tự đánh giá tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả

Thứ nhất, chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, hợp lý.

Các học phần trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất.

Khoa KT&CN hiện nay đang thực hiện đào tạo trình độ đại học ngành KTĐ, chuyên ngành KTĐ doanh nghiệp. Chương trình dạy học ngành KTĐ được thiết kế có 3 khối kiến thức: kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành. Các học phần trong chương trình dạy học được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất.

Trong đó, ở chương trình đào tạo KTĐ, khối lượng các học phần thuộc khối kiến thức đại cương là 32 tín chỉ, khối kiến thức cơ sở ngành là 51 tín chỉ, khối kiến thức ngành (chuyên ngành) là 59 tín chỉ. Tỷ lệ các học phần bắt buộc/ các học phần tự chọn được xây dựng là: 42/17 tín chỉ. [H03.03.01.08].

Trình tự của các học phần được sắp xếp logic, đảm bảo sinh viên có thể tiếp thu kiến thức hiệu quả từ năm thứ nhất đến năm thứ tư. 100% các học phần trong chương trình dạy học được bố trí hợp lý về học phần điều kiện, học phần học trước, thời lượng cho mỗi học phần, thời điểm/học kỳ thực hiện.... Các học phần được thiết kế trong chương trình dạy học theo trình tự hợp lý, logic và khoa học, liên kết chặt chẽ với nhau, đi từ đơn giản đến phức tạp, từ lý thuyết đến thực hành, từ cơ bản đến chuyên sâu. Sinh viên có thời gian hợp lý để học tập trên giảng đường và thời gian thực hành, thực tập tổng hợp, nghiên cứu [H03.03.03.08].

Cấu trúc các học phần được thiết kế và xây dựng hợp lý, đảm bảo CĐR của ngành KTĐ [H03.03.03.09]. Sinh viên tốt nghiệp đảm bảo được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, về thái độ, về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm theo CĐR ngành KTĐ, [H03.03.03.10]. [H03.03.03.01].

Mối liên hệ giữa các học phần thuộc kiến thức đại cương, cơ sở ngành và kiến thức ngành trong nhóm học phần bắt buộc và nhóm học phần tự chọn được xây dựng một cách hợp lý.

Tỷ lệ các học phần bắt buộc/ các học phần tự chọn trong chương trình đào tạo được xây dựng 42/17 tín chỉ tự chọn [H03.03.03.02].

Ma trận kết nối giữa các môn học trong chương trình thể hiện: Các học phần trong chương trình ngành KTĐ được thiết kế và sắp xếp theo thứ tự lộ trình học tập của

sv từ năm thứ 1 đến năm thứ 5 trải trên 10 học kỳ bắt đầu từ các học phần đại cương như *Những nguyên lý cơ bản của CNMLN, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Toán cao cấp, Phương pháp nghiên cứu khoa học...*, đến các học phần cơ sở ngành như KTĐ, an toàn điện, đo lường điện, vật liệu điện. Học kỳ 2 của năm thứ 3, sv bắt đầu học các môn chuyên ngành như: Thiết kế cung cấp điện, vi điều khiển, Cơ sở truyền động điện, Nhà máy điện... Các môn học bổ trợ giúp sinh viên có thể phát triển sang các ngành khác thuộc khối ngành kỹ thuật. Thời gian và trình tự thực hiện từng học phần được bố trí triển khai một cách logic, hợp lý. [H03.03.03.03].

Các học phần trong chương trình dạy học 100% được bố trí hợp lý (học phần điều kiện, tiên quyết; thời lượng cho mỗi học phần; thời điểm/học kỳ thực hiện...). Việc xác định học phần điều kiện, học phần tiên quyết, học phần học trước đóng vai trò hết sức quan trọng đối với các CTDH nói chung và đối với ngành KTĐ nói riêng. Học phần tiên quyết, học phần học trước vừa đảm bảo cung cấp kiến thức nền tảng chung cho cả CTĐT đồng thời vừa đảm bảo cung cấp kiến thức cho môn học tiếp theo (tính kế thừa giữa các môn học). Ví dụ: Học phần Cơ sở KTĐ, trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về KTĐ, làm cơ sở cho việc học tập, nghiên cứu các loại máy móc, thiết bị, KTĐ cụ thể, do vậy đây là học phần học trước, tiên quyết của rất nhiều các học phần về KTĐ sau này như Máy điện, Thiết kế cung cấp điện, vi điều khiển, Cơ sở truyền động điện, Nhà máy điện... Chương trình đào tạo ngành KTĐ đảm bảo sự gắn kết liên mạch giữa các học phần tạo kiến thức lý thuyết nền tảng và chuyên sâu về chuyên môn KTĐ với các môn học tạo kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, giải quyết vấn đề và Khóa luận tốt nghiệp giúp sv tổng hợp, vận dụng các kiến thức và kỹ năng chuyên môn, kỹ thuật xã hội tạo thành một sản phẩm khoa học cuối khóa mang tính hệ thống, sáng tạo giúp sinh viên có khả năng tư duy, tổng hợp.

Thứ hai, chương trình dạy học có tính tích hợp.

Nội dung các học phần tích hợp cả lý thuyết và thực hành nhằm giúp người học có điều kiện củng cố lý thuyết và hình thành kỹ năng thực hành, rèn luyện các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề thực tiễn. Đặc biệt ở các học phần thực hành như học phần thực hành KTĐ máy, sinh viên có cơ hội được áp dụng các kiến thức thực tế, lý thuyết về KTĐ, vận dụng các kiến thức chuyên môn để giải quyết các tình huống cụ thể trong công tác KTĐ. Học phần thực tập nghề nghiệp và tốt nghiệp (14TC) trong đó thực tập nghề nghiệp (8TC) và khóa luận tốt nghiệp (6TC). Sinh viên

sẽ tham gia thực tập nghề nghiệp rồi viết khóa luận tốt nghiệp. Qua đó, sinh viên sẽ có cơ hội được học lý thuyết và triển khai nghiên cứu thực tế, được thực tập với nhiều nội dung khác nhau, tại các cơ sở như doanh nghiệp, công ty, xí nghiệp... [H03.03.03.08]. Khoa Kỹ thuật và Công nghệ đã tích cực liên kết với các tổ chức nghề nghiệp KTĐ, các doanh nghiệp, cơ quan đơn vị để đưa thực tế vào bài giảng, gắn lý thuyết với thực hành.

Thứ ba, chương trình dạy học có nội dung cập nhật.

CTDH được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật. Giai đoạn hiện nay, cũng như các CTDH khác của Trường ĐHHD, Hội đồng Khoa học và đào tạo trường và Khoa Kỹ thuật và Công nghệ đã có 02 lần thực hiện chỉnh sửa, rà soát và đổi mới CTDH ngành KTĐ.

Quá trình rà soát, điều chỉnh CTDH [H03.03.03.11] diễn ra nghiêm túc và hiệu quả. Các thành viên trong ban soạn thảo bao gồm các chuyên gia, các nhà quản lý, các nhà nghiên cứu, các giảng viên thuộc các bộ môn của khoa đã tìm hiểu và lồng ghép tinh thần về sứ mạng và tầm nhìn của nhà trường [H03.03.03.12], sứ mạng và tầm nhìn của Khoa Kỹ thuật và Công nghệ [H03.03.03.13] vào tất cả các khâu của quá trình đào tạo, đặc biệt là xây dựng CTĐT. Hội đồng khoa học Trường và Khoa Kỹ thuật và Công nghệ đã tổ chức phản biện và thẩm định CTĐT; Trường ĐHHD và Khoa Kỹ thuật và Công nghệ định kỳ tổ chức việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo [H03.03.03.14] và biên soạn đề cương học phần theo CĐR [H03.03.01.08];

CTDH được rà soát và hoàn thiện với sự đóng góp trí tuệ và công sức của nhiều nhà khoa học, nhằm mục tiêu đảm bảo cơ hội học tập công bằng cũng như khả năng phát triển học vấn cho sv, khuyến khích tinh thần nghiên cứu và học tập có trách nhiệm của người học.

Để rà soát và hoàn thiện CTDH theo CĐR, Khoa Kỹ thuật và Công nghệ đã xây dựng kế hoạch cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo; Khoa cũng đã lấy thêm ý kiến đóng góp của giảng viên và chuyên gia, sinh viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng. [H03.03.01.12]; [H03.03.03.17]; Đồng thời việc rà soát, và hoàn thiện CTDH cũng được thực hiện thông qua việc tham khảo, đối sánh chương trình đào tạo của trường ĐHHD với chương trình của các trường đại học khác cùng khối ngành Kỹ thuật như Trường Đại học Quy Nhơn [H03.03.03.18]. Nhìn chung kết quả cho thấy tất cả đều đánh giá CĐR và khung chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của xã hội. Đó là sự phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Nhà trường. Kết quả này

cũng được thể hiện rõ ràng thông qua kết quả học tập của sinh viên trong các năm gần đây đồng thời, sinh viên ngành KTĐ được các nhà tuyển dụng đánh giá cao về chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp. Số lượng sinh viên ngành KTĐ có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp luôn ở mức rất cao, [H03.03.03.20].

CTDH khi thực hiện rà soát, điều chỉnh đều có sự tham khảo từ các CTĐT tiên tiến để đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. Chương trình có sự điều chỉnh đảm bảo tỷ lệ cân đối giữa các học phần thuộc các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành. Mối liên hệ giữa các học phần đại cương, học phần cơ sở ngành và học phần chuyên ngành trong nhóm học phần bắt buộc và tự chọn được xây dựng hợp lý, đảm bảo tỷ lệ các học phần bắt buộc/ các học phần tự chọn được xây dựng với chương trình đào tạo ngành KTĐ là: 42/17 tín chỉ. [H03.03.03.02]. Về cơ bản, chương trình tuân thủ theo chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về cấu trúc các khối kiến thức và số tín chỉ. Tuy nhiên, CTDH sau khi thực hiện rà soát, điều chỉnh đã tăng cường thêm các học phần về Điều khiển thiết bị điện; Máy điện trong thiết bị tự động và điều khiển...

Trong Chương trình dạy học của ngành KTĐ hiện nay đã bổ sung cập nhật một số nội dung như Ma trận kỹ năng, các phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy và học tập. [H03.03.01.08].

CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT tiên tiến đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. Khi thiết kế hay điều chỉnh CTDH, Nhà trường đều thực hiện những đối sánh cần thiết như đối sánh giữa CTĐT ngành KTĐ của Trường ĐHHĐ với CTĐT của các trường bạn như của Trường Đại học Quy Nhơn và đối sánh giữa các phiên bản CTĐT ngành KTĐ của trường ĐHHĐ qua các lần điều chỉnh. [H03.03.03.06].

Để có được CTĐT theo CDR phù hợp với phương thức đào tạo tín chỉ như hiện nay, Nhà trường và Khoa KT&CN đã thực hiện đầy đủ các quy trình theo đúng quy chế đào tạo, quy định của Trường ĐHHĐ và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT [H03.03.03.30]; [H03.03.03.04]. Quy trình được thực hiện như sau:

Bước 1: Thành lập nhóm cập nhật, chỉnh sửa rà soát chương trình đào tạo [H03.03.03.21].

Bước 2: Tổng hợp ý kiến phản hồi của sinh viên, người sử dụng lao động qua các năm [H03.03.03.17].

Bước 3: Tổ chức lấy ý kiến của chuyên gia, giảng viên về chương trình đào tạo

[H03.03.03.05].

Bước 4: Tổ chức rà soát, đánh giá chương trình đào tạo và đề xuất các nội dung cần điều chỉnh, sửa đổi tại cấp Khoa thông qua các cuộc họp hội đồng khoa [H03.03.03.04].

Bước 5: Lấy ý kiến của các chuyên gia, doanh nghiệp về chương trình cũ và chương trình sửa đổi [H03.03.03.22], [H03.03.03.23].

Bước 6: Tổ chức rà soát, đánh giá chương trình đào tạo và đề xuất các nội dung cần điều chỉnh (cấp Trường thông qua cuộc họp Hội đồng đào tạo Trường).

Bước 7: Trình Hội đồng KH&ĐT xem xét thông qua các nội dung đã điều chỉnh [H03.03.01.20], [H03.03.03.04].

Bước 8: Cập nhật vào chương trình đào tạo những nội dung được Hội đồng KH&ĐT thông qua và trình trình Hiệu trưởng phê duyệt [H03.03.03.11].

Bước 9: Cập nhật chương trình đào tạo mới vào hệ thống quản lý đào tạo và công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường, Khoa [H03.03.03.25], [H03.03.03.26].

CTDH ngành KTĐ hiện nay có 159 tín chỉ bao gồm cả 11 tín chỉ giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng. Khi chuyển từ hình thức đào tạo theo niên chế, các học phần được tính theo đơn vị học trình sang đào tạo theo tín chỉ, các học phần được tính theo tín chỉ, đã có một số học phần được rút đi, thay vào đó là các học phần khác, đáp ứng tốt hơn yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của CĐR. Nhiều học phần đã được sửa đổi, điều chỉnh về nội dung cho phù hợp với sự phát triển của thời đại, yêu cầu của xã hội, và cập nhật được kiến thức chuyên ngành theo xu thế chung của đào tạo ở các quốc gia tiên tiến..

Nội dung CTDH đảm bảo khoa học, hợp lý và tương thích với yêu cầu của thị trường lao động.

Thông qua kết quả điều tra người sử dụng lao động [H03.03.01.12], phỏng vấn chuyên gia và các bên liên quan [H03.03.03.17] có thể thấy rằng: Nội dung chương trình dạy học được xây dựng khá công phu và khoa học, các môn học chuyên ngành và các môn học kỹ năng bổ trợ được bố trí và phân bổ hợp lý. Trên quan điểm của các nhà khoa học và các đơn vị sử dụng lao động cho rằng: Ngoại ngữ và tin học là điều kiện cần thiết để sinh viên khi ra trường có thể hoàn thành tốt công việc, đồng thời sinh viên phải có kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức công nghệ và giải quyết vấn đề, Trường ĐHHD

và Khoa KT&CN đã xây dựng CDR về ngoại ngữ và tin học dành cho sinh viên ngành KTĐ, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, đồng thời Nhà trường và Khoa cũng tăng cường sự liên kết với doanh nghiệp và các tổ chức nghề nghiệp trong quá trình đào tạo. Sau khi kết thúc thời gian giảng dạy, khoa tiến hành lấy phiếu đánh giá về các nội dung của từng học phần như nội dung kiến thức, kỹ năng giảng dạy của giảng viên, khả năng truyền đạt kiến thức đến người học cũng như những điểm cần lưu ý để hoàn thiện tốt hơn cho việc giảng dạy của từng giảng viên từ đó các giảng viên hoàn thiện hơn về chất lượng giảng dạy, khoa và nhà trường có cơ sở để đánh giá và hoàn thiện hơn nữa về chương trình đào tạo [H03.03.03.28].

Theo kết quả khảo sát với doanh nghiệp và các tổ chức nghề nghiệp, giảng viên và các nhà quản lý giáo dục, các chuyên gia đều đánh giá tốt về CTDH ngành KTĐ. Đa số người học, cựu người học, chuyên gia, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục đều đồng ý với mức độ phù hợp của CDR với kiến thức, kỹ năng của CTĐT, trách nhiệm và mức độ tự chủ, đồng ý với mức độ hợp lý của CTĐT. Không có ý kiến nào là không đồng ý. Điều này cho thấy CTDH ngành KTĐ đã đáp ứng được nhu cầu của người học và yêu cầu của thị trường lao động [H03.03.03.31], [H03.03.03.32].

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã thực hiện công khai CTDH và bản Mô tả các học phần trên các phương tiện truyền thông như trên trang thông tin điện tử của Khoa KT&CN, và trang thông tin điện tử của Trường ĐHHD để sinh viên có thể dễ dàng tiếp cận và nắm được nội dung cũng như kế hoạch học tập của mình trong suốt quá trình học [H03.03.03.33].

2. Điểm mạnh

Chương trình dạy học được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý và có hệ thống, đáp ứng xu hướng phát triển của ngành KTĐ trên thế giới và trong khu vực.

Chương trình dạy học đáp ứng được năng lực của sinh viên tốt nghiệp, sinh viên có khả năng đáp ứng được các yêu cầu của công việc như tư vấn, giảng dạy, nghiên cứu... Cấu trúc chương trình dạy học chú trọng cả bề rộng lẫn bề sâu. Các cán bộ giảng viên của Khoa luôn có ý thức cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo ở mỗi học phần, nhằm trợ giúp tốt hơn cho sinh viên trong việc đạt kết quả đầu ra. Các học phần được thiết kế đề cao tính đặc trưng của ngành KTĐ là tính ứng dụng và thực hành. Các học phần chuyên sâu được xây dựng có tác dụng bổ trợ lẫn nhau, giúp sinh viên lĩnh hội sâu sắc những kiến thức lý thuyết và thực hành trong ngành đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay, chương trình dạy học chuyên ngành KTĐ chưa có tính tích hợp cao. Các học phần thuộc chương trình mới chỉ tích hợp được phần lý thuyết và thực hành mà chưa kết hợp được với các chứng chỉ hành nghề khác về KTĐ.

4. Kế hoạch hành động

Trong kế hoạch rà soát CTĐT và CĐR của Nhà trường, Khoa KT&CN sẽ chú trọng xây dựng, bổ sung các học phần nằm trong chương trình của các chứng chỉ quốc tế về KTĐ.

5. Tự đánh giá tiêu chí: 5/7 điểm

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Chương trình dạy học ngành KTĐ được thiết kế với các học phần có nội dung bao trùm các CĐR của CTĐT. Khoa KT&CN đã hết sức lưu ý tới tính logic và tính tích hợp của các học phần trong chương trình dạy học, nhằm đảm bảo cho SV được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ khối lĩnh vực rộng đến kiến thức chuyên ngành. Đây cũng là triết lý đào tạo theo tín chỉ mà Khoa đã thấm nhuần từ nhiều năm nay. Các học phần cơ sở, các học phần thuộc khối kiến thức nhóm ngành, chuyên ngành được thiết kế linh hoạt, không gây khó khăn cho sv trong việc lựa chọn đăng ký học phần do không bị ràng buộc quá nhiều bởi các học phần tiên quyết. Nội dung của các học phần cơ sở và học phần chuyên ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau.

Chương trình dạy học được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý và có hệ thống, mang tính tích hợp cao và đáp ứng xu hướng phát triển ngành KTĐ trên thế giới và trong khu vực. Chương trình dạy học thể hiện được năng lực của sv tốt nghiệp. Các cán bộ giảng viên của Khoa luôn có ý thức cập nhật, điều chỉnh nội dung giảng dạy ở mỗi học phần, nhằm trợ giúp tốt hơn cho sv trong việc đạt được kết quả đầu ra. Các học phần được thiết kế đề cao tính đặc trưng của ngành KTĐ đó là tính ứng dụng, Các học phần chuyên sâu được xây dựng có tác dụng bổ trợ lẫn nhau, giúp sinh viên lĩnh hội sâu sắc những kiến thức lý thuyết và thực hành trong ngành đào tạo.

5. Tự đánh giá tiêu chuẩn 3 đạt: 5/7

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy học

Mở đầu

Tổ chức hoạt động dạy và học là một khâu rất quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục - đào tạo và cải tiến chất lượng CTĐT, giúp cho người học nâng cao khả năng tự khám phá tri thức, lưu giữ và gắn kết kiến thức, vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề, diễn đạt kiến thức của mình cho người khác, say mê học hỏi. Tổ chức và triển khai các hoạt động dạy và học bao gồm việc tổ chức, triển khai các phương pháp dạy-học và phương pháp kiểm tra đánh giá áp dụng linh hoạt cho phù hợp với CTĐT

CTDH ngành KTĐ được thiết kế theo hướng tiên tiến, hiện đại, lấy người học làm trung tâm, phương pháp dạy học đa dạng và sáng tạo bám sát mục tiêu đào tạo và đáp ứng CĐR của chương trình, phù hợp theo nhu cầu xã hội. Các CĐR với 5 cấp độ: (1) biết/nhớ; (2) hiểu; (3) vận dụng; (4) phân tích và tổng hợp; (5) lãnh đạo và sáng tạo cùng với việc chú trọng hơn đến PPDH tích cực phát triển năng lực SV được sử dụng giúp người học phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, phát triển kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, rèn luyện phẩm chất đạo đức cá nhân và nghề nghiệp.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả

Mục tiêu giáo dục được thể hiện và cụ thể hóa trong mục tiêu của CTĐT [H04.04.02.05], ĐCCT các học phần [H04.04.02.09], nằm trong mục tiêu tổng quát của Viện “Nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học ứng dụng và tạo dựng môi trường học thuật mở để hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân, hướng đến sự thành đạt của người học” và phù hợp với mục tiêu giáo dục hiện nay của Nhà trường “Tạo dựng môi trường học thuật tốt để hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân, hướng tới sự thành công” được nêu rõ trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHHD 2011-2020, được rà soát, chỉnh sửa và tuyên bố trong Kế hoạch chiến lược phát triển 2018 - 2025 và các Nghị quyết của Đảng ủy. Mục tiêu này phù hợp với sứ mạng của Nhà trường đã tuyên bố là: Trường ĐHHD là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, NCKH giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học và được công bố trên Website của Nhà trường [H04.04.01.04].

Quá trình tổ chức dạy học và triển khai hệ thống các phương pháp, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức dạy học học phần đều nhằm thực hiện mục tiêu học phần, mục tiêu của CTĐT và mục tiêu giáo dục của Trường. Do đó việc lấy ý kiến của các bên liên quan cũng được Nhà trường cụ thể hóa trong Quyết định ban hành quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học tháng 7 năm 2018 được thể hiện qua các báo cáo tháng 7 năm 2018 dạy của giảng viên Trường ĐHHD học kỳ I năm 2018-2019; Báo cáo kết quả triển khai công tác lấy ý kiến người học, học kỳ I năm 2018 -2019; Báo cáo kết quả triển khai công tác lấy ý kiến người học, học kỳ I năm 2018 -2019. [H04.04.01.05] [H04.04.01.06] [H04.04.01.07].

Thu thập xử lý thông tin, lấy ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động và các bên liên quan được thực hiện và sử dụng cho việc xây dựng và xác định mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành KTĐ. Kết quả khảo sát các bên liên quan cho thấy mục tiêu giáo dục của Nhà trường và của ngành được đánh giá là rõ ràng, phù hợp với nhu cầu xã hội [H04.04.01.08].

Nhà trường đã thành lập Ban xây dựng và phát triển CTĐT theo CIDO cấp khoa [H04.04.02.07], đồng thời đã xây dựng mục tiêu đào tạo và CĐR về kiến thức và kỹ năng lập luận ngành; phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; năng lực CDIO trong hoạt động nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu của xã hội và nhà tuyển dụng trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Mục tiêu đào tạo và CĐR được các GV quán triệt trong quá trình xây dựng CTĐT, tập huấn xây dựng CĐR của CTĐT đại học chính quy tiếp cận CIDO [H04.04.02.07]. Tuyên bố CĐR của CTĐT ngành KTĐ đã được cụ thể hóa trong từng ĐCCT học phần và được phổ biến cho toàn thể cán bộ, giảng viên, SV, nhà tuyển dụng và toàn xã hội [H04.04.02.06], được cả cán bộ, giảng viên, người học của Nhà trường hiểu rõ và vận dụng vào trong việc thiết kế CTDH, áp dụng phương pháp giảng dạy phù hợp để đạt mục tiêu và CĐR.

Mục tiêu giáo dục được được giới thiệu/phổ biến cho các bên liên quan trên trang thông tin điện tử của Khoa, Nhà trường, được phổ biến tới SV trong đợt học chính trị đầu khóa dành cho tân SV [H04.04.01.03] Hàng năm, Nhà trường, cũng tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan về triết lý giáo dục, dịch vụ giáo dục công được tiến hành nhằm đo lường mức độ hài lòng [H04.04.01.05]. Kết quả khảo sát đối với triết lý giáo dục của CTĐT, hoạt động dạy-học của GV, SV của trường được đánh giá từ mức hài lòng trở lên.

2. Điểm mạnh

Thông qua website, các văn bản, quyết định, hướng dẫn hoặc các kế hoạch cho các Khoa mục tiêu giáo dục của Nhà trường và của CTĐT ngành KTD được phổ biến rộng rãi cho người học, cán bộ và giảng viên.

3. Điểm tồn tại

Việc truyền thông mục tiêu giáo dục của Nhà trường và ngành đào tạo tới các bên liên quan (đặc biệt là nhà sử dụng lao động) được thực hiện chủ qua website và việc lấy ý kiến nhưng được tiến hành chưa thực sự thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Ban truyền thông của Trường ĐHHD và Khoa tiếp tục triển khai truyền thông quảng bá mạnh mẽ hơn nữa với nhiều hình thức hơn để các bên liên quan. Sử dụng hiệu quả hơn các công cụ thu thập lấy ý kiến online cho các bên liên quan.	Phòng Đào tạo-HTQT	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện lấy ý kiến nhà tuyển dụng, các doanh nghiệp qua các hoạt động thực tế giao lưu với doanh nghiệp.	Khoa	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR

1. Mô tả

Các CTDH được thiết kế để tương thích và đạt được các CDR, đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Các CTĐT được cập nhật, bổ sung chỉnh sửa được Nhà trường phê duyệt, công bố như: Chương trình GDĐH hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, CTĐT đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tiếp cận CDIO, ban hành theo quyết định số QĐ số

139/ QĐ - ĐHHD Ngày 15/9/2022 [H04.04.02.05]. Các CTDH và phương pháp giảng dạy đều được cụ thể hóa trong các ĐCCT các học phần của các khóa K9, K110 (đào tạo theo hệ thống tín chỉ), các khóa từ K11, K12, K13 (đào tạo theo tiếp cận CDIO) [H04.04.02.11]. Phương pháp giảng dạy và hoạt động tổ chức dạy học được thiết kế phù hợp để đạt được mục tiêu đào tạo và CĐR [H04.04.02.07], với PPDH phát huy tính chủ động, tích cực của sinh viên trong quá trình xây dựng kiến thức của mỗi cá nhân. Phương pháp, chiến lược và kỹ thuật dạy học phải đề cao dạy học chủ động và trải nghiệm, đồng thời có định hướng cụ thể là “Dạy học bằng cách tổ chức người học trải nghiệm thực hành các hoạt động nghề nghiệp trong thực tiễn giáo dục”. Dạy học tích hợp, hướng vào năng lực nghề nghiệp, phát triển các năng lực cá nhân, xã hội và giao tiếp. Hệ thống các phương pháp, kỹ thuật dạy học trong mô hình này để định hướng vận dụng hiệu quả trong thực tiễn gồm: Học tập trải nghiệm, Học tập dựa vào vấn đề, Học theo dự án, Dạy học tình huống, Thảo luận... thể hiện cụ thể trong ĐCCT của các học phần giảng dạy [H04.04.02.09].

Để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, phát triển toàn diện hướng năng lực cho người học, hàng năm Trường ĐHHD còn phối hợp với các công ty, doanh nghiệp tổ chức các chương trình tư vấn hướng nghiệp cho sinh viên như phối hợp với Công ty Cổ phần thép Hòa Phát Hải Dương,... tổ chức các chương trình tư vấn, định hướng nghề nghiệp và tuyển dụng cho sinh viên: tư vấn cho sinh viên các thức lựa chọn công việc sau khi tốt nghiệp; kỹ năng tìm việc, viết CV, trả lời phỏng vấn... [H04.04.02.11].

Trường ĐHHD và Khoa đã tổ chức các cuộc hội thảo liên quan đến việc thảo luận trao đổi sáng kiến kinh nghiệm trong giảng dạy và học tập để trau dồi kiến thức, cải thiện các vấn đề bất cập. Năm 2019, nhà trường đã tổ chức Hội nghị xây dựng và phát triển CTĐT đại học chính quy tiếp cận CDIO trong đó có chỉ ra những tồn tại, thách thức cũng như những điều chỉnh cần thiết khi triển khai CDIO cho những học phần tiếp theo. Ngoài ra, Công đoàn Trường ĐHHD còn tổ chức Hội thi “Tìm hiểu về CTĐT theo tiếp cận CDIO” cho các đoàn viên công đoàn thuộc khối giảng dạy Khoa và phòng ban chức năng nhằm nâng cao nhận thức về đào tạo CDIO cho cán bộ công nhân viên chức toàn trường, qua đó có những điều chỉnh thích hợp về PPDH các học phần do mình phụ trách [H04.04.02.09]. Ngoài ra còn tổ chức các buổi họp lớp, nói chuyện chuyên đề với SV của ngành KTD nhằm mục đích hỗ trợ sinh viên trong việc tiếp cận các phương pháp hiệu quả trong hoạt động dạy và học [H04.04.02.11]. Nhiều SV đã chủ động tham gia

hoạt động sinh viên NCKH, thành lập nhóm nghiên cứu tham dự cuộc thi sinh viên NCKH hàng năm do Nhà trường, khoa tổ chức. Các hoạt động dạy và học được thiết phù hợp do đó SV cũng chủ động trong các thảo luận, hoạt động nhóm, thực hành thí nghiệm, tham gia thiết kế các sản phẩm sáng tạo và ứng dụng thông qua các đề án, tiếp cận với môi trường doanh nghiệp qua học phần thực tập tốt nghiệp, góp phần đạt được CDR trong CTĐT.

Nhà trường cũng tổ chức lấy ý kiến đánh giá, phản hồi từ sinh viên về PPDH, hình thức, tài liệu, tác phong,... của giảng viên thông qua phiếu lấy ý kiến theo hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp. Đa số SV có những phản hồi tích cực đến việc tổ chức dạy học của giảng viên và cho rằng dạy học theo tiếp cận CDIO đã mang lại hiệu quả cao trong việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp. Trường tổng kết các đánh giá của SV, lập báo cáo kết quả gửi lại trực tiếp cho giảng viên qua email cá nhân hoặc bằng văn bản; gửi cho các Khoa để có những điều chỉnh kịp thời trong công tác giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo chung của toàn trường. Hằng năm giảng viên, Bộ môn, Khoa, các tổ chức Đoàn, Công Đoàn tổ chức seminar, dự giờ thăm lớp, tổ chức các cuộc thi như “Giảng viên trẻ dạy giỏi” nhằm vận dụng các PPDH đa dạng, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ nhằm thực hiện có hiệu quả CTĐT. Qua khảo sát, giảng viên và người học hài lòng với PPDH được sử dụng trong CTĐT [H04.04.03.04]. Các quy định, hướng dẫn, thay đổi chương trình dạy và học đều được cập nhật liên tục trên website của Khoa, Trường ĐHHD để người học kịp thời nắm bắt, thay đổi cho phù hợp, hoặc có thể hỏi đáp trực tuyến thông qua cổng thông tin trực tuyến của Nhà trường [H04.04.03.03].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học của các học phần đã đáp ứng tốt tiêu chí đề ra, đội ngũ giảng viên trong khoa thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức, kỹ năng kinh nghiệm giúp sinh viên lĩnh hội những kiến thức lý thuyết và thực tiễn tốt nhất. Việc đổi mới PPDH theo hướng phát triển tính tích cực sáng tạo của người học, phát triển năng lực học sinh được chú trọng phát triển.

3. Điểm tồn tại

Đào tạo tín chỉ theo tiếp cận CDIO chỉ mới được triển khai trong thời gian ngắn (từ khóa K58) và do thói quen học tập theo tiếp cận nội dung thay vì tiếp cận năng lực nên nhiều hoạt động, PPDH còn chưa được thực hiện chủ động đối với nhiều người học đặc biệt là các SV nhưng năm đầu. Đây cũng chính là điểm cần hoàn thiện và cải tiến

hơn nữa về phương pháp tiếp cận dạy và học

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức các buổi tập huấn, hội nghị/hội thảo về PPDH tiếp cận CDIO cho GV và người học; hướng dẫn SV xây dựng kế hoạch học tập, tự học, tự nghiên cứu; Chia sẻ kinh nghiệm của các chuyên gia, cố vấn trong việc tư vấn về phương pháp dạy và học cho GV và SV.	Khoa	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Đẩy mạnh các hoạt động dạy học thực tế, các hoạt động giao lưu với doanh nghiệp để người học có thể hiểu, tìm kiếm các cơ hội và sự chuẩn bị tốt nhất với các môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp.	Khoa	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả

Tính tích cực, sự chủ động sáng tạo trong mọi hoàn cảnh là một trong những nhiệm vụ quan trọng đặt ra cho các chương trình giáo dục. Bồi dưỡng năng lực tự học tạo ra động lực mạnh mẽ cho quá trình học tập, đặc biệt trong xã hội thông tin phát triển nhanh và mạnh mẽ như hiện nay.

Các CTĐT đều có quy định ban hành với quy trình hướng dẫn riêng, CTĐT được bổ sung chỉnh sửa, thay đổi theo hướng tích cực, được cải tiến phù hợp với trình độ và kỹ năng của người học, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Ngày 06/2/2018 Nhà trường ban hành quyết định số 108/QĐ_ĐHHD về Quyết định về việc thành lập tổ soạn thảo rà soát, điều chỉnh bổ sung CDR và chương trình đào tạo theo hướng phát huy năng lực và định hướng ứng dụng nghề nghiệp. 100% ĐCCT các học phần đã trình bày cụ

thể việc sử dụng hiệu quả tổ hợp các phương pháp dạy-học nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho người học. Mỗi ĐCCT đều có mô tả rõ phương pháp, hình thức tổ chức và các hoạt động dạy-học và kiểm tra đánh giá tương ứng với các nội dung và CĐR [H04.04.02.09]. Những nội dung đánh giá kỹ năng và phẩm chất được mô tả bằng các rubrics tương ứng. Các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động NCKH SV, các bài tập nhóm, bài thực hành, bài thảo luận đều hướng tới mục tiêu hình thành ở người học khả năng tự học, các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. ĐCCT các học phần của ngành được thiết kế với với tỉ lệ phù hợp giữa kiến thức lý thuyết kết hợp với thảo luận/bài tập, bài tập lớn. CTĐT ngành KTĐ còn xen kẽ những học phần đồ án môn học, thực tập chuyên ngành, thực tập tốt nghiệp và đồ án tốt nghiệp để sinh viên vận dụng kiến thức đã học thực hiện một dự án cụ thể [H04.04.03.03], kích thích người học ham học hỏi, rèn luyện kỹ năng tự học để nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học, giúp người học hình thành các kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp cá nhân được thể hiện rõ nét trong mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành KTĐ [H04.04.03.04]:

- Áp dụng được các kỹ năng lập luận phân tích và giải quyết vấn đề kỹ thuật: Nhận dạng một vấn đề kỹ thuật; Mô hình hóa vấn đề; Ước lượng và phân tích định tính; Đánh giá giải pháp và đề xuất;

- Triển khai thực nghiệm và khám phá tri thức: Hình thành giả thuyết; Chọn lọc thông tin qua tài liệu; Triển khai khảo sát từ thực nghiệm; Kiểm tra và bảo vệ giả thuyết;

- Thể hiện tư duy tầm hệ thống: Phác thảo tổng thể vấn đề; Phát hiện những vấn đề nảy sinh và tương tác trong hệ thống; Xác định tầm quan trọng và mức độ ưu tiên; Lựa chọn giải pháp dung hòa trong giải quyết vấn đề;

- Thể hiện kỹ năng và thái độ cá nhân: Thể hiện sự sẵn sàng chấp nhận rủi ro; Thể hiện tính kiên trì và linh hoạt; Vận dụng tư duy sáng tạo; Vận dụng tư duy đánh giá; Thể hiện kỹ năng học và tự học; Có khả năng quản lý thời gian và nguồn lực;

- Thể hiện kỹ năng và thái độ nghề nghiệp: Thể hiện đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội; Thể hiện thái độ hành xử chuyên nghiệp; Lập kế hoạch cho nghề nghiệp của bản thân; Chọn lọc và cập nhật thông tin trong lĩnh vực kỹ thuật.

Trong xã hội hiện đại, toàn cầu hóa là một xu thế tất yếu đặc biệt là trong lĩnh vực khoa học công nghệ, tự động hóa. Hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học, hình thành các kỹ năng làm việc nhóm, các kỹ năng mềm, năng lực ngoại ngữ, điều này cũng được thể hiện rõ trong mục tiêu và CDR của CTĐT [H04.04.02.06]:

- Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm: Tổ chức hoạt động nhóm; Có khả năng phát triển nhóm.

- Thể hiện kỹ năng giao tiếp: Xây dựng cấu trúc giao tiếp; Áp dụng các phương pháp giao tiếp bằng văn bản; Áp dụng các phương pháp giao tiếp đa phương tiện; Áp dụng các phương pháp giao tiếp bằng đồ họa; Thể hiện kỹ năng thuyết trình

- Thể hiện kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh: Có khả năng giao tiếp; Có khả năng đọc tài liệu chuyên ngành; Có khả năng viết và trình bày các vấn đề sử dụng tiếng Anh.

Nhà trường, khoa đã ban hành các thông báo, kế hoạch tổ chức các lớp đào tạo kỹ năng mềm, tư vấn hướng nghiệp, hội thi sinh viên với kỹ năng nghề nghiệp, giao lưu với doanh nghiệp,... Hàng năm sinh viên năm cuối được thực tập tốt nghiệp tại các công ty, doanh nghiệp, các đơn vị sử dụng lao động ngành KTĐ. Qua các đợt đi này SV đã nâng cao được năng lực nghề nghiệp cho bản thân, tiếp cận với môi trường thực tế, chuẩn bị và có định hướng tốt cho công việc, học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp [H04.04.03.01].

Bên cạnh đó, cùng với sự hỗ trợ của cổng thông tin học tập trực tuyến, các diễn đàn, các mạng xã hội [H04.04.03.03], các bài giảng, bài tập, các chia sẻ của cựu SV, SV khóa trước cho khóa sau giúp SV có những kênh học tập, những chia sẻ kinh nghiệm học tập, tăng khả năng hiểu biết, mở rộng kiến thức, khả năng tự học, tự tìm hiểu của SV.

2. Điểm mạnh

CTĐT của Ngành được thiết kế với cấu trúc các học phần và tỷ lệ giữa giờ giảng lý thuyết, thảo luận, bài tập và bài tập lớn trong từng học phần được đánh giá phù hợp, giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng lập luận và giải quyết vấn đề, suy luận, xử lý và truyền đạt thông tin. PPGD tích cực coi người học là trung tâm đã khuyến khích khả năng tự học, nâng cao khả năng học tập suốt đời. Các hoạt động dạy và học, các chương trình hoạt động của Trường và Khoa đưa ra đã tạo động lực cho người học rèn luyện các kỹ năng, giúp người học có thói quen độc lập suy nghĩ, độc lập giải quyết các vấn đề khó khăn, giúp cho người học tự tin hơn trong việc lựa chọn nghề nghiệp cho bản thân.

3. Điểm tồn tại

Các hội nghị, hội thảo chủ yếu tập trung vào kỹ năng nghề nghiệp và định hướng việc làm, các vấn đề về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học vẫn còn hạn chế; một số giảng viên còn ít quan tâm đến khâu tổ chức cho sinh viên tự học, tự nghiên cứu, ra bài tập về nhà và kiểm tra bài tập về nhà của sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Mở các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ sư phạm và nghiên cứu chuyên sâu hơn về đổi mới phương pháp dạy học cho cán bộ giảng viên, nhất là cán bộ giảng viên trẻ; Tăng cường hoạt động dự giờ, thao giảng và các hoạt động giảng dạy, đóng góp ý kiến hoàn thiện PPGD.	Khoa	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Đẩy mạnh các hoạt động thàng rèn nghề, giao lưu với doanh nghiệp, tạo môi trường học tập chủ động cho người học; Tạo động lực cho SV hình thành và phát triển kỹ năng nghề nghiệp theo CDIO.	Khoa	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Dựa trên các mục tiêu giáo dục rõ ràng, ngành KTĐ đã đề ra những PPDG phù hợp và đúng đắn, được phổ biến rộng rãi, tiếp thu ý kiến đóng góp, phản hồi từ các bên liên quan để thay đổi cách tiếp cận dạy học phù hợp; tạo ra các chương trình gắn kết người học và rèn các kỹ năng làm việc nhóm, khả năng tư duy và sự tự tin cho người học. Tuy nhiên, cần đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động thực tế, tạo các môi trường giúp sinh viên có thể tìm hiểu các doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động, có cái nhìn thực tế về các công ty, doanh nghiệp hoạt động. Cần hoàn thiện cơ sở dữ liệu về người học trước

và sau khi tốt nghiệp một cách có hệ thống, đây chính là cơ sở quan trọng cho việc triển khai các hoạt động khảo sát, lấy ý kiến phản hồi cho việc nâng cao chất lượng đào tạo.

Tự đánh giá Tiêu chuẩn 4 đạt mức: 5/7.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng trong giáo dục. Việc đánh giá kết quả học tập của người học ngành KTD được thiết kế để đo lường được mức độ đạt được CDR của ngành, đảm bảo mục tiêu đã đặt ra, bao trùm được cả kiến thức và kỹ năng chung cũng như chuyên ngành. Kết quả đánh giá sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến quá trình học tập và nghề nghiệp sau này của người học đồng thời cũng cung cấp cho Nhà trường, Khoa KT&CN các thông tin có giá trị đo lường được về hiệu quả giảng dạy và các dịch vụ hỗ trợ người học.

Việc đánh giá kết quả học tập của người học ngành KTD phải được thiết kế và ban hành một cách có hệ thống trong quá trình đào tạo, phù hợp với CDR của CTĐT. Nhà trường có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả của SV, được thông báo công khai trước mỗi khóa học và trước khi học mỗi học phần. Trong quá trình đánh giá, các phương pháp đánh giá sử dụng đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy, rõ ràng, minh bạch và sự công bằng. Kết quả đánh giá được thông báo kịp thời đến người học công khai, minh bạch, các quy định về phúc khảo, khiếu nại có quy định rõ ràng giúp người học có cơ hội cải thiện kết quả và giải quyết kịp thời các vấn đề khiếu nại về kết quả học tập của người học. Hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học ngành KTD thực hiện đúng quy trình theo quy định của Nhà trường, đảm bảo sự minh bạch, phù hợp nhận được sự phản hồi tốt của các bên liên quan.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR

1. Mô tả

CDR quy định rằng người học sau khi tốt nghiệp sẽ có được kiến thức, kỹ năng, thái độ, khả năng nhận thức công nghệ và giải quyết vấn đề; công việc mà người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp và các yêu cầu đặc thù khác. Đánh giá kết quả học tập người học của ngành KTD được thực hiện theo kế hoạch cụ thể với quy trình chặt chẽ từ khi tuyển sinh đầu vào cho đến khi tốt nghiệp nhằm đạt được CDR, dựa trên các quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Trường ĐHHĐ. Hàng năm, theo quy định của Bộ

GD&ĐT, Trường ĐHHD đã Ban hành Đề án tuyển sinh với các thông tin và tiêu chí cụ thể nhằm đảm bảo chất lượng đầu vào của các ngành [H05.05.01.01].

Quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập cho người học sau khi trúng tuyển và học tập ngành KTĐ được thực hiện theo “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ” của Bộ GD&ĐT [H05.05.01.02] [H05.05.01.03] [H05.05.01.04] và “Quy chế đào tạo trình độ Đại học” của Trường ĐHHD [H05.05.01.05] [H05.05.01.06] [H05.05.01.07]. Đánh giá kết quả học tập của người học ngành KTĐ được thiết kế logic, khoa học cho tất cả các học phần dựa trên mục tiêu và CDR CTĐT, trong đó chỉ rõ các yêu cầu cần đạt được về kiến thức, kỹ năng, thái độ [H05.05.01.08] [H05.05.01.09] [H05.05.01.10]. Tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế đa dạng, phù hợp, nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức độ đạt được CDR, bao gồm thảo luận, bài tập, thuyết trình nhóm, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn, tiểu luận, thực hành, đồ án,... tùy theo yêu cầu của từng học phần và CDR tương ứng [H05.05.01.08], [H05.05.01.09], [H05.05.01.10],[H05.05.01.11], [H05.05.01.12], [H05.05.01.13], [H05.05.01.14].

Nhà trường thành lập Phòng Đảm bảo chất lượng - Thanh tra [H05.05.01.15] sau đổi tên thành Phòng Bảo đảm chất lượng - Thanh tra [H05.05.01.16] là đơn vị chuyên trách thực hiện việc đánh giá kết quả học tập của người học. Thông qua Phòng Bảo đảm chất lượng - Thanh tra và Phòng Đào tạo Đại học, Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về công tác tổ chức dạy học, thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, quy định về việc ra đề thi [H05.05.01.11], [H05.05.01.17], [H05.05.01.18], [H05.05.01.19]. Đối với ngành KTĐ, các khóa đào tạo từ 2017 trở về trước, việc đánh giá kết quả học tập theo hệ thống tín chỉ các học phần được thực hiện cả hai loại hình là đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết, bao gồm: điểm chuyên cần, thái độ, mức độ tích cực tham gia vào quá trình học tập 10%, điểm thi giữa học phần 20%, điểm thi kết thúc học phần 70%.

Từ năm 2018 Nhà trường đã tiến hành xây dựng và thực hiện CTĐT theo tiếp cận CDIO, thực hiện quá trình đổi mới nâng cao chất lượng CDR và khung CTĐT theo tiếp cận CDIO cho các khóa đào tạo ngành KTĐ được ban hành và áp dụng cho các khóa từ K8 [H05.05.01.08], [H05.05.01.09], [H05.05.01.10]. Dựa trên CDR CTĐT, CDR các học phần cụ thể được xây dựng, là cơ sở để đánh giá kết quả học tập của người học và để Khoa xây dựng ma trận trình độ năng lực - CDR. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế theo quy trình chặt chẽ trên cơ sở quy chế của Bộ GD

và ĐT về đào tạo Đại học, các quy định của Nhà trường với nhiệm vụ, mục tiêu và quy trình kiểm tra đánh giá rõ ràng trong cách đánh giá được nêu ở 2 Chương trình đào tạo trình độ Đại học ngành KTĐ của Trường ĐHHD năm 2022 [H05.05.01.09] và mục 7 Chương trình đào tạo trình độ Đại học ngành KTĐ của Trường ĐHHD năm 2023 [H05.05.01.10], phù hợp với mức độ đạt được CĐR của ngành học, các nội dung học tập của từng học phần. Từ khóa K13 việc quy định trọng số của các học phần cũng có sự điều chỉnh và thay đổi rõ ràng nhằm tăng cường đánh giá năng lực người học, cụ thể điểm đánh giá quá trình (bao gồm chuyên cần, hồ sơ học phần và đánh giá giữa kỳ) chiếm tỉ trọng 40%, điểm thi kết thúc học phần chiếm tỉ trọng 60% [H05.05.01.10]. Đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ được lựa chọn và đề xuất bởi các bộ môn bằng hình thức tự luận, trắc nghiệm, trắc nghiệm – tự luận, tiểu luận phù hợp với yêu cầu cụ thể của từng học phần đáp ứng CĐR. ĐCCT được xây dựng đảm bảo có đủ các điểm thành phần, quy định về trọng số điểm, trong đó chỉ rõ các nội dung đánh giá học phần, hình thức,... với các CĐR tương ứng.

Ngân hàng câu hỏi thi, đề thi của ngành KTĐ được xây dựng một cách khoa học dựa trên các văn bản hướng dẫn xây dựng đề thi nhằm đảm bảo tính thống nhất và phù hợp CĐR. Trên cơ sở thiết kế Bản đặc tả, ma trận câu hỏi thi, thiết kế hệ thống câu hỏi bám sát CĐR của học phần, cho phép đánh giá được mức độ đạt CĐR của các nội dung và học phần, đặc biệt là các học phần thực hành, đồ án. Ngân hàng câu hỏi thi, đề thi được rà soát, điều chỉnh và bổ sung hàng năm theo công văn hướng dẫn của Nhà trường đảm bảo tính phù hợp, cập nhật với CĐR, CTĐT.

2. Điểm mạnh

Công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập đối với người học được thực hiện theo đúng quy trình quy định, được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với phương thức đào tạo, mục tiêu và CĐR từng học phần. Việc đổi mới về quy định kiểm tra đánh giá, quy định về tỉ trọng của các thành phần điểm phù hợp với các yêu cầu đã được công bố trong CĐR, nhằm tăng cường đánh giá theo tiếp cận năng lực đối với người học.

3. Điểm tồn tại

Hình thức đánh giá đa dạng với nhiều thành phần đáp ứng nhiều CĐR khác nhau sẽ gây khó khăn cho người dạy trong quá trình thực hiện đặc biệt là các học phần trong ngành kỹ thuật có sự kết hợp giữa lý thuyết, bài tập, thực hành và đồ án.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian TH hoặc HT	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức các buổi tập huấn, thảo luận hướng dẫn việc đánh giá kết quả người học đảm bảo các quy chế được triển khai tốt đến người dạy và các bên liên quan.	Phòng Đảm bảo chất lượng – Thanh tra Khoa/Bộ môn, Giảng Viên	Hoàn thành 2021	Đang thực hiện
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn chỉnh hình thức đánh giá quá trình, sử dụng kết hợp các hình thức đánh giá. Thường xuyên rà soát về nội dung, hình thức, quy trình đánh giá để đảm bảo cập nhật, phù hợp với CDR của CTĐT.	Phòng Đảm bảo chất lượng – Thanh tra Khoa/Bộ môn, Giảng Viên	Thực hiện thường xuyên	Đang thực hiện

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả

Đánh giá kết quả học tập đối với người học ngành KTĐ tại Trường ĐHHD đã được Nhà trường ban hành trong Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ [H05.05.01.06], [H05.05.01.07]. Các quy định đào tạo hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường được xây dựng dựa trên Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Quy chế 43) [H05.05.01.02] và Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT sửa đổi bổ sung Quy chế 43 của Bộ GD - ĐT [H05.05.01.03], trong đó quy định rõ ràng về thời gian, phương pháp, tiêu chí đánh giá, thang điểm và trọng số của các điểm thành phần; được thông báo công khai cho người học về các tiêu chí đánh giá kết quả học tập trên Website của Nhà trường, Sổ tay sinh viên và ĐCCT các học phần cho người học [H05.05.01.06], [H05.05.01.07], [H05.05.01.08], [H05.05.01.09], [H05.05.02.04], [H05.05.02.05].

Thang điểm đánh giá kết quả học tập theo từng học phần được quy định theo thang điểm chữ từ A đến F tương ứng với mức từ 0 đến 10 trong thang điểm 10 và mức từ 0 đến 4 trong thang điểm 4. Điểm học phần được tính từ các điểm thành phần theo các công thức:

- Đối với học phần không có thực hành thí nghiệm:

$$a = a_1 \times 0.1 + a_2 \times 0.2 + a_3 \times 0.7$$

- Đối với học phần có thực hành thí nghiệm:

$$a = a_1 \times 0.1 + a_2 \times 0.2 + \left(\frac{a_3 \times m + a_3' \times n}{m + n} \right) \times 0.7$$

Trong đó:

a: điểm học phần;

*a*₁: điểm chuyên cần;

*a*₂: điểm đánh giá giữa học phần (kiểm tra thường kì);

*a*₃: điểm thi kết thúc học phần phần lí thuyết (gồm cả bài tập, xêmina);

*a*₃' : điểm phần thực hành, thí nghiệm;

m: số giờ lí thuyết (gồm cả bài tập, xemina);

n: số tiết thực hành, thí nghiệm.

(điểm thành phần và điểm học phần đều làm tròn đến một chữ số thập phân)

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điểm cũng đã được Nhà trường quan tâm thực hiện từ rất sớm, đảm bảo sự an toàn, minh bạch và tiện lợi. Các công thức tính điểm được Nhà trường sử dụng trong phần mềm quản lý điểm CMC với những quy định về đánh giá và quản lý kết quả học tập, quy định các khâu của quá trình đánh giá: đánh giá học phần, giữa kỳ, hình thức, phương pháp và các vấn đề liên quan một cách rõ ràng, chặt chẽ [H05.05.02.01] [H05.05.01.11]. Tuy nhiên việc đánh giá một số nội dung, học phần Thực hành thí nghiệm còn chưa được quy định với các tiêu chí rõ ràng, chi tiết nên việc đánh giá còn gặp khó khăn. Bên cạnh đó sự phát triển của xã hội yêu cầu các cơ sở giáo dục phải thường xuyên điều chỉnh, bổ sung CTĐT với các tiêu chí, CDR cần được đánh giá cụ thể. Do vậy, từ khóa đào tạo thứ K8 (tuyển sinh năm 2018), nhà trường thực hiện đổi mới chương trình theo định hướng tiếp cận CDIO, các quy định về đánh giá kết quả học tập có sự thay đổi theo hướng tăng cường đánh giá năng lực, đánh giá quá trình trên cơ sở CDR của CTĐT và học phần. Các hình thức đánh giá khách quan được áp dụng và trọng số điểm đánh giá quá trình được tăng lên 40%, các

công thức tính điểm khác nhau đối với các loại học phần khác nhau được áp dụng [H05.05.02.03], [H05.05.02.06].

Căn cứ kế hoạch thời gian đào tạo và thời gian xét công nhận tốt nghiệp, thời gian thi kết thúc học phần được phòng ĐTĐH, phòng Bảo đảm chất lượng - Thanh tra lên kế hoạch, được Nhà trường phê duyệt sau đó thông báo bằng văn bản cho các khoa viện đào tạo và các phòng ban liên quan để phối hợp tổ chức kỳ thi, đồng thời thông báo lịch thi trên website của Nhà trường và email, giáo viên chủ nhiệm thông báo trên fanpage hoặc zalo của lớp để sinh viên biết thực hiện. Bộ môn phụ trách môn học yêu cầu cán bộ giảng dạy nhập điểm quá trình (chậm nhất 10 ngày kể từ khi kết thúc giảng dạy của học phần) và điểm thi kết thúc học phần (10 ngày sau khi thi kết thúc học phần) và công bố công khai cho người học. Nhà trường có quy định rõ ràng về cơ chế phản hồi kết quả học tập đối với người học, bao gồm hướng dẫn thực hiện quy định đề nghị xem xét lại điểm thi từ phía SV và quy định trách nhiệm và thời gian phản hồi, Trung tâm Đảm bảo chất lượng là đơn vị chuyên trách giải quyết các vấn đề liên quan đến quy trình đánh giá. Các vấn đề liên quan đến ý kiến của SV về điểm thi đã được giải quyết kịp thời và thông tin tới người học theo đúng quy trình và thời gian quy định [H05.05.01.11], [H05.05.02.01].

Kết quả học tập của người học được Nhà trường quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác theo các quy định đã ban hành [H05.05.01.011], [H05.05.02.01], bởi các giảng viên, hệ thống sổ sách lưu trữ ở các khoa đào tạo, Phòng Bảo đảm chất lượng - Thanh tra, Phòng Đào tạo và lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường; được thông báo kịp thời và công khai đến người học: thông tin trên bảng tin của Phòng Đảm bảo chất lượng - Thanh tra, khoa đào tạo và qua tài khoản email, zalo lớp trực tiếp từ giáo viên chủ nhiệm.

Định kỳ Nhà trường, khoa đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học, kết quả khảo sát cho thấy người học hiểu và nắm rõ các quy định về kiểm tra/đánh giá kết quả học tập và hài lòng với các quy định, quy trình kiểm tra đánh giá của Trường.

2. Điểm mạnh

Các quy định cụ thể, rõ ràng về việc đánh giá kết quả học tập của người học được Nhà trường quy định rõ ràng, cụ thể; việc đánh giá được sự kiểm tra, giám sát của trưởng bộ môn, phòng Đảm bảo chất lượng – Thanh tra và các bộ phận chuyên trách liên quan nhằm đảm bảo tính chính xác, khách quan và minh bạch. Kết quả học tập của người học

được thông báo kịp thời đến các bên liên quan, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn bằng cả hệ thống lưu trữ bằng điểm giấy có đầy đủ chữ ký xác nhận và trên phần mềm quản lý điểm chuyên dụng CMC thuận lợi cho việc nhập, truy cập, tổng hợp và được công bố công khai, kịp thời.

3. Điểm tồn tại

Việc sử dụng phương pháp đánh giá trong một số học phần đặc thù của ngành kỹ thuật như đồ án thiếu các tiêu chí thống nhất thể hiện sự gắn kết liền mạch trong toàn bộ CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá chung cho các học phần thực hành, đồ án của ngành với các tiêu chí thống nhất, cụ thể.	Phòng Đảm bảo chất lượng - Thanh tra /Khoa/Bộ môn/GV	Hoàn thành vào năm 2021	Đang thực hiện
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học và thông báo công khai cho người học.	Phòng Đảm bảo chất lượng - Thanh tra /Khoa/Bộ môn/GV	Hàng năm	Đang thực hiện

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả

Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện

theo Quy chế đào tạo quy định thi, kiểm tra, đánh giá và các văn bản hướng dẫn xây dựng ngân hàng đề thi và ra đề thi của Nhà trường [H05.05.01.05], [H05.05.01.06] [H05.05.01.11], [H05.05.02.01] được xây dựng dựa trên Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD&ĐT [H05.05.01.02], [H05.05.01.03], [H05.05.01.04].

Nhà trường đã cụ thể hóa việc đánh giá kết quả học tập đối với từng loại học phần (học phần chỉ có lí thuyết, chỉ có thực hành hoặc vừa có lí thuyết vừa có thực hành) bao gồm: đánh giá tinh thần, thái độ học tập (10%); đánh giá giữa kì (20%) và thi kết thúc học phần (70%). Hình thức kiểm tra đa dạng: tự luận, trắc nghiệm khách quan trên giấy, trắc nghiệm trên máy tính, vấn đáp, viết tiểu luận, làm thực hành, thực tập hoặc kết hợp các hình thức nêu trên tùy theo đặc điểm của từng học phần nhằm đảm bảo độ chính xác, khách quan và công bằng [H05.05.01.11], [H05.05.02.01], [H05.05.02.03] [H05.05.02.06].

Thực hiện đổi mới chương trình theo tiếp cận CDIO được Nhà trường triển khai từ năm 2018, các quy định về đào tạo hệ đại học chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ với những cải tiến về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học đã được ban hành theo hướng tăng cường đánh giá năng lực, tăng độ chính xác, độ tin cậy [H05.05.01.11], [H05.05.02.01], [H05.05.02.03]. Các quy định đã chỉ ra những thanh đổi cụ thể như tăng trọng số điểm đánh giá quá trình lên 40% bằng việc bổ sung điểm hồ sơ học phần và giảm trọng số điểm đánh giá cuối kỳ xuống còn 60%. Các hướng dẫn, quy định cụ thể về các hình thức thi, cách xây dựng ngân hàng đề thi, bản đặc tả ngân hàng đề thi đảm bảo độ bảo phủ chương trình và mức độ các loại câu hỏi đảm bảo đánh giá đúng năng lực SV và ma trận đề thi cũng được Nhà trường hướng dẫn, quy định bằng các văn bản cụ thể [H05.05.03.03].

Thực hiện triển khai các quy định và hướng dẫn của nhà trường, từ năm 2017, ĐCCT các học phần theo tiếp cận CDIO của ngành KTĐ đã được triển khai thực hiện, về nội dung đánh giá được thiết kế khoa học và chặt chẽ hơn trên cơ sở CDR của CTĐT, CDR học phần. Trong ĐCCT quy định rõ về các nội dung đánh giá nhằm tăng cường đánh giá tiếp cận năng lực, cụ thể như trong đánh giá quá trình, ngoài đánh giá chuyên cần, ý thức và thái độ học tập (trọng số 10%), giảng viên còn đánh giá kết quả tham gia thảo luận, làm việc nhóm và hồ sơ học tập của SV (trọng số 20%). Việc đánh giá giữa kỳ (trọng số 20%) được thực hiện theo hình thức trắc nghiệm cho tất cả các học phần

ngoại trừ các học phần đồ án [H05.05.02.03], [H05.05.02.06]. Bản đặc tả ma trận câu hỏi thi học phần, hệ thống câu hỏi thi và tiêu chí đánh giá học phần (ma trận câu hỏi thi học phần, ngân hàng câu hỏi thi học phần và bộ tiêu chí đánh giá học phần) của các học phần được xây dựng và nghiệm thu trong các đề tài CDIO, các kết quả về xây dựng bộ tiêu chí đánh giá được thông qua với sự tham gia của hầu hết các giảng viên, các BM đã tổ chức nhiều buổi seminar đề thống nhất về tiêu chí đánh giá, đây là một trong những cơ sở để hoạt động đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và công bằng.

Quy trình xây dựng đề thi của các học phần theo CTĐT tiếp cận CDIO được xây dựng và thực hiện theo Quyết định số 454/QĐ-ĐHHD ngày 12/11/2020 và Quyết định số 620/QĐ-ĐHHD ngày 02/11/2023 của Nhà trường với quy trình thực hiện như sau:

- 1) Nghiên cứu các căn cứ cho quá trình xây dựng đề thi;
- 2) Tiến hành xây dựng Bản đặc tả ma trận câu hỏi thi học phần (thể hiện mối tương quan giữa nội dung môn học với trình độ năng lực, mục tiêu đánh giá và số lượng câu hỏi cho từng mục tiêu);
- 3) Xây dựng ma trận câu hỏi thi (thể hiện mối tương quan giữa nội dung của môn học với trình độ năng lực của sinh viên đáp ứng với CĐR của môn học và CTĐT; tỷ lệ câu hỏi theo từng nội dung môn học và theo từng trình độ năng lực đáp ứng với CĐR của môn học và CTĐT);
- 4) Tiến hành xây dựng ngân hàng câu hỏi thi trên cơ sở Bản đặc tả ma trận câu hỏi thi học phần và Ma trận câu hỏi thi đã thực hiện ở bước 2 và 3;
- 5) Xây dựng Bảng chỉ dẫn cách thức bốc đề thi tương thích giữa nội dung của môn học với trình độ năng lực của sinh viên đáp ứng CĐR của môn học và CTĐT.

Các nội dung về công tác đánh giá kết quả học tập được thông báo tới từng giảng viên trong các phiên họp bộ môn, khoa chuyên môn. Các tiêu chí đánh giá học phần đều được giảng viên thông báo công khai cho sinh viên khi bắt đầu giảng dạy, giảng viên tham gia giảng dạy có hồ sơ về đánh giá điểm giữa kỳ, chuyên cần, và công bố công khai cho sinh viên trước khi kết thúc học phần; trước khi nộp về văn phòng khoa nhập điểm, giảng viên báo cáo bảng điểm với Trưởng Bộ môn và đề nghị xác nhận. Trong quá trình giảng dạy, giảng viên phối hợp với cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, quản lý HS-SV, Phó Trưởng khoa phụ trách công tác HSSV phải bám sát quá trình học tập của người học để thực hiện quá trình giảng dạy và đánh giá người học.

Hàng năm, nhà trường đều tổ chức sơ kết để đánh giá về hiệu quả sử dụng tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong CTĐT từ đó có kết luận nhằm rút kinh nghiệm trong kiểm tra/đánh giá cho các năm tiếp theo. Việc đánh giá kết quả học tập nhận được sự phản hồi tốt của người học và của các bên liên quan [H05.05.03.07], [H05.05.03.010].

Việc rà soát tình trạng đề thi theo kế hoạch của Trường được tiến hành theo từng học kỳ với các học phần đang triển khai giảng dạy; các khâu coi thi, chấm thi, đánh giá người học được thực hiện công bằng, minh bạch và nghiêm túc theo quy định của Nhà trường [H05.05.01.017], [H05.05.01.18], [H05.05.01.19].

2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy trình với các quy định, hướng dẫn cụ thể của Nhà trường và BĐCL-TT, phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và CDR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát và đánh giá một cách toàn diện về việc áp dụng các loại hình kiểm tra, đánh giá đối với từng học phần để có thể phân tích mức độ phù hợp còn chưa được thực hiện đặc biệt là với các học phần thực hành, đồ án đặc thù của ngành.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thường xuyên rà soát, khảo sát và phân tích sự phù hợp giữa hình thức đánh giá của các nội dung/học phần, đặc biệt là các học phần thực hành, đồ án.	Phòng BĐCL – Thanh tra /Bộ môn/GV	Thực hiện hàng năm/học kỳ	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục chỉ đạo và thực hiện quy trình đánh giá theo tiếp cận năng lực (CDIO). Phối hợp với TTĐBCL hoàn thiện và thực hiện	Trường/ Phòng BĐCL – Thanh	Thường xuyên	

		tốt việc đánh giá người học.	tra/khoa/Bộ môn/Cán bộ GD		
--	--	------------------------------	---------------------------------	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức: 4/7

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả

Việc thông báo kết quả đánh giá đến người học được Nhà trường quy định cụ thể trong các văn bản, quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ [H05.05.01.19], [H05.05.04.01]. Các quy trình đánh giá được quy định chặt chẽ nhằm đảm bảo thực hiện theo đúng kế hoạch, kết quả đánh giá được thông báo kịp thời đến người học đảm bảo người học có điều kiện cải thiện kết quả học tập. Theo quy định, đối với điểm đánh giá quá trình, ngay sau khi kết thúc giảng dạy học phần, giảng viên phải thông báo điểm cho tất cả sinh viên biết trước khi gửi điểm về văn phòng của các Khoa/Viện để nhập điểm vào hệ thống; đối với điểm đánh giá cuối kỳ, nhà trường quy định ngay sau khi thi kết thúc học phần, phòng BĐCL-TT phải tổ chức dồn túi, cất phách, và chuyển giao bài cho tổ bộ môn để các giảng viên tiến hành chấm bài và công bố kết quả cho người học chậm nhất sau 20 ngày sau khi thi.

Thông báo kết quả đánh giá được thực hiện công khai dưới nhiều hình thức: Trực tiếp từ giảng viên, trực tiếp trên bảng tin của phòng BĐCL-TT, Khoa/Viện đào tạo hoặc thông qua tài khoản người học trên website của Nhà trường. Bên cạnh việc xử lý hồ sơ giấy tờ, Nhà trường đã chủ động ứng dụng công nghệ thông tin từ rất sớm, đặc biệt là trong quản lý đào tạo, với sự hỗ trợ của phần mềm quản lý CMC việc lưu trữ quản lý kết quả người học được thực hiện dễ dàng, nhanh chóng và tiện lợi đảm bảo phản hồi kết quả đến người học chính xác, kịp thời.

Từ năm 2018 với việc xây dựng CTĐT theo tiếp cận CDIO, kiểm tra giữa kỳ của các học phần được chuyển sang hình thức trắc nghiệm khách quan, đặc biệt với ngành KTD việc đánh giá cuối kỳ của nhiều học phần được xây dựng hình với thức thi vấn đáp, thực hành máy, việc đánh giá kết quả người học được được tiến hành khách quan, người học biết kết quả đánh giá ngay sau khi hoàn thành bài thi và có thể được công bố nhanh chóng sau khi đánh giá [H05.05.04.02], [H05.05.03.08]. Bên cạnh đó, Nhà trường

có quy định về thông báo, cảnh báo kết quả đối với người học định kỳ hàng năm [H05.05.03.08], [H05.05.04.02] nhằm thông tin cho người có kết quả học tập kém biết để có phương án học tập thích hợp hoàn thành CTĐT trong thời gian cho phép, đồng thời nhà trường cũng có quy định tạo điều kiện cho người có thể học lại và học cải thiện điểm để cho người học đạt kết quả học tập tốt nhất [H05.05.04.02]. Cuối mỗi kỳ học, Khoa gửi giấy thông báo kết quả học tập và rèn luyện về gia đình để gia đình nắm bắt được tình hình học tập rèn luyện của người học, có kế hoạch, phương án hỗ trợ người học cải thiện việc học tập phù hợp với tiến độ [H05.05.04.04].

Để nắm tình hình học tập của người học và hỗ trợ người học trong quá trình học Khoa đã phân công cán bộ giảng dạy phụ trách các lớp SV, các trường hợp SV thuộc diện cảnh báo, khoa yêu cầu các cố vấn học tập hỗ trợ người học đăng ký học đúng tiến độ và rà soát điểm tổng kết của các SV. Định kỳ trong năm học giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập và khoa chuyên môn, phòng đào tạo Đại học thực hiện rà soát danh sách SV thuộc diện cảnh báo, Hội đồng Khoa học - Đào tạo Khoa tiến hành họp và đề xuất các phương án hỗ trợ SV cải thiện việc học tập [H05.05.04.02]. Mức độ hài lòng người học đối với cách thức, thời gian phản hồi kết quả học được Nhà trường, Khoa thu thập đánh giá thông qua việc lấy ý kiến đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên từng học kỳ trên cổng thông tin điện tử của người học, Hội nghị dân chủ các lớp sinh viên, Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng với sinh viên. Kết quả được tổng hợp trong Báo cáo tổng hợp kết quả phản hồi của người học và GV [H05.05.04.03]. Ý kiến thông tin phản hồi từ người học đối với kết quả học tập thường xuyên được Khoa đưa vào báo cáo sơ kết, tổng kết của đơn vị nhằm rút kinh nghiệm và có biện pháp cải thiện việc học tập của SV [H05.05.04.03].

2. Điểm mạnh

Kết quả học tập của người học thực hiện đúng quy trình. Nhà trường có những quy định, hướng dẫn cụ thể trong công tác quản lý kết quả học tập của người học đảm bảo kết quả được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn, tạo điều kiện tốt nhất trong học tập cho người học

3. Điểm tồn tại

Nhà trường đã có quy định về việc công bố kết quả đối với người học trong quá trình giảng dạy nhưng vẫn chưa hoàn thiện cơ chế kiểm soát việc công bố và phản hồi kết quả của người học đối với GV. Trong một số thời điểm, do hạn chế về hạ tầng mạng,

việc truy cập xem kết quả trên phần mềm quản lý đào tạo còn bị tắc nghẽn, gây khó khăn cho công tác quản lý và người học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Hoàn chỉnh hệ thống quản lý học tập LMS trên cổng thông tin LMS, uhd.edu.vn hỗ trợ việc quản lý kết quả học tập người học, đảm bảo việc thực hiện chính xác, an toàn và đồng bộ.	Trường/ TTTH- NN/ Khoa	Năm 2024	Đang thực hiện
		Nâng cấp cơ sở hạ tầng, hệ thống mạng tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý và người học trong quản lý kết quả của người học.	Trường/ TTTH-NN	Năm 2024	Đang thực hiện
2	Phát huy điểm mạnh	Phát huy hơn nữa vai trò của cố vấn học tập trong việc tư vấn, định hướng, hỗ trợ cho người học. Chủ động theo dõi, thống kê, đánh giá quá trình học tập của người học để có báo cáo Nhà trường và cảnh báo học tập cho sinh viên. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu cho từng sinh viên thực hiện chế độ giám sát, lưu trữ.	Trường/ Phòng BDCL- TT/ Khoa	Thường xuyên	Đang thực hiện

5. Tự đánh giá: Đạt mức: 5/7

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả

Kết quả học tập của người học được thông báo công khai, minh bạch theo quy định của Nhà trường. Nhà trường, Khoa tạo điều kiện tốt nhất để người học dễ dàng theo dõi kết quả học tập của mình, đơn giản và thuận lợi trong việc tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả học tập của người học khi cần thiết. Khi có yêu cầu khiếu nại về kết quả học tập, người học thực hiện theo quy trình khiếu nại/phức khảo, kiểm tra kết quả thi đã được nhà trường ban hành rõ ràng trong các văn bản quy định, hướng dẫn [H05.05.05.01], [H05.05.01.03], [H05.05.01.05] theo đó quy trình thực hiện công bố kết quả học tập và khiếu nại được thực hiện như sau:

Đối với điểm quá trình (điểm chuyên cần thái độ và kiểm tra giữa kỳ), cán bộ giảng dạy phải công bố ở buổi dạy cuối cùng trong đợt học, người học có quyền khiếu nại trực tiếp với giảng viên trực tiếp giảng dạy học phần khi công bố điểm, giảng viên phụ trách học phần phải kiểm tra lại và thông tin kịp thời tới người học. Kết quả của điểm thi giữa kỳ và điểm chuyên cần sẽ được giảng viên nhập vào hệ thống quản lý điểm của Nhà trường theo tài khoản cá nhân, báo cho Trưởng bộ môn kiểm tra, xác nhận, xuất bản in chuyển cho văn phòng Khoa/Viện lưu trữ. Người học sẽ nhận được kết quả điểm chuyên cần, giữa kỳ và cuối kỳ trên tài khoản cá nhân. Nếu phát hiện sai lệch người học sẽ có quyền khiếu nại. Nếu sai sót trong khâu nhập điểm thì cán bộ giảng dạy có thể đề nghị sửa lại điểm cho người học theo quy định [H05.05.05.01] [H05.05.01.11] [H05.05.03.08].

Đối với kết quả đánh giá kết thúc học phần, người học có quyền làm thủ tục kiểm tra điểm nếu không thỏa mãn thông qua bộ phận một cửa [H05.05.05.01]. Thời hạn người học phản ánh sai lệch điểm thi muộn nhất 10 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi, sau thời gian trên nhà Trường sẽ không giải quyết [H05.05.01.05], [H05.05.01.06] [H05.05.01.07], [H05.05.05.01]. Kết quả phức khảo, kiểm tra phải được thực hiện trước 30 ngày sau khi có đơn và hồ sơ đề nghị, Trung tâm ĐBCL-TT phối hợp với Khoa/Viện, Phòng Đào tạo Đại học thực hiện kiểm tra, giám sát theo quy định chuyển kết quả bằng văn bản gửi về Khoa/Viện thông báo cho người học. Trung tâm ĐBCL-TT cử cán bộ đảm nhận việc sửa điểm, cập nhật điểm trên hệ thống [H05.05.05.04].

Các quy định về quy trình khiếu nại kết quả học tập được thông báo công khai đến SV thông qua nhiều hình thức như trên website của Nhà trường, Chương trình sinh hoạt chính trị đầu khóa, Gặp mặt sinh viên Khoa, Cầm nang sinh viên và trang thông tin điện tử của Trường [H05.05.05.01], [H05.05.01.05], [H05.05.05.03].

Tình trạng khiếu nại về kết quả học tập của người học, hằng năm được phòng BDCL-TT thống kê. Việc thống kê trường hợp người học khiếu nại về kết quả học tập và kết quả điều chỉnh sau khi xem xét đã giúp Nhà trường, Khoa và Bộ môn nắm bắt tình hình từ đó có những giải pháp khắc phục. Năm 2015- 2020, Khoa không có trường hợp khiếu nại về kết quả học tập của người học ngành KTĐ [H05.05.05.01]. Nhà trường Khoa đã tổ chức lấy ý kiến định kỳ đánh giá quy trình khiếu nại kết quả học tập và việc xử lý các khiếu nại về kết quả học tập được thực hiện, kết quả cho thấy sự hài lòng của người học và các bên liên quan.

2. Điểm mạnh

Người học được phổ biến quy trình khiếu nại kiểm tra kết quả thi nên việc khiếu nại và xử lý khiếu nại của SV về kết quả học tập được tiến hành đúng quy trình, quy định và minh bạch.

3. Điểm tồn tại

Việc thông báo kết quả khiếu nại về kết quả học tập cho người học được thực hiện bằng văn bản, chưa được tích hợp vào hệ thống thông tin điện tử của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tích hợp hệ thống thông báo kết quả khiếu nại lên website của Nhà trường vào địa chỉ cá nhân của người học	Phòng BDCL-TT/Khoa	Năm 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt các quy trình liên quan đến việc quản lý điểm và giải quyết các kết quả khiếu nại của người học.	Phòng BDCL-TT/Khoa	Thường xuyên	Đang thực hiện

5. Tự đánh giá: Đạt mức: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Việc đánh giá kết quả người học theo CTĐT ngành KTĐ được thực hiện theo đúng quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo và Nhà trường, bám sát các yêu cầu của CDR

về kiến thức, kĩ năng và thái độ. Mặc dù còn một số điểm tồn tại như đã trình bày trong các tiêu chí nhưng nhìn chung việc đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR.

Phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, minh bạch, chính xác, công bằng, phù hợp với hình thức đào tạo và mục tiêu của CTĐT; tập trung vào đánh giá năng lực của người học với việc đo lường được mức độ đạt được CĐR của môn học và CTĐT. Các kết quả đánh giá học tập được công bố công khai và kịp thời cho người học; được quản lí, lưu trữ, được thông báo kịp thời, chính xác và an toàn đến người học. Những quy định cụ thể về giải quyết khiếu nại kết quả học tập của người học được Nhà trường ban hành và công bố rộng rãi giúp người học dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại.

Tự đánh giá Tiêu chuẩn 5 đạt mức: 4.8.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Trường ĐHHD có sứ mạng “là trung tâm đào tạo, NCKH, CGCN, hoạt động dịch vụ của tỉnh Hải Dương, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, sản phẩm khoa học, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của tỉnh Hải Dương và cả nước. Phát huy vai trò là trường ĐH ứng dụng, hoạt động đào tạo NCKH, dịch vụ, luôn gắn với nhu cầu của xã hội, cơ quan, doanh nghiệp và người học. Phát huy phẩm chất, năng lực người học vì sự phát triển bền vững của tỉnh Hải Dương và đất nước”

Để thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị này, Nhà trường và Khoa chuyên môn đã tập trung vào việc quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên có trình độ chuyên môn cao, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Đội ngũ cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên và nhân viên Nhà trường hiện có 346 người, trong đó Phó giáo sư: 02 người (chiếm 5,7%), Tiến sĩ 45 người (chiếm 13%), NCS: 15 người (chiếm 4,34%), Thạc sĩ: 182 người (chiếm 52,6%), còn lại là các CBGVNVLĐ có trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp. Nhiều giảng viên của Nhà trường là những chuyên gia có uy tín trong các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, sư phạm, tham gia các hội đồng nghiệm thu các đề tài các cấp.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Đội ngũ GV, NCV của Trường tham gia vào thực hiện chương trình đào tạo trình độ đại học là đội ngũ có quy mô lớn về số lượng và mạnh về chất lượng. Về năng lực và trình độ chuyên môn, từ khi Trường được nâng cấp lên đại học năm 2011, thực hiện Chiến lược phát triển nguồn nhân lực, Nhà trường đã tích cực khuyến khích GV, NCV đi học nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đến nay, đội ngũ GV, NCV đã chuẩn hóa về bằng cấp từ thạc sĩ trở lên [H06.06.01.01], có trình độ chuyên môn, có trình độ lý luận chính trị, có năng lực công tác, phục vụ tốt hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Đội ngũ GV, NCV 100% đạt trình độ ngoại ngữ Tiếng Anh tương đương B1 (theo khung năng lực 6 bậc dành cho Việt Nam) trở lên, có chứng chỉ tin học đạt chuẩn và sử dụng thành thạo máy tính phục vụ tốt công tác chuyên môn. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, số lượng GV cơ hữu tham gia CTĐT trình độ ĐH của Trường là 346 GV, trong đó Phó giáo sư: 02 người (chiếm 5,7%), tiến sĩ 45 người (chiếm 13%), NCS: 15 người (chiếm 4,34%), Thạc sĩ: 182 người (chiếm 52,6%), còn lại là các CBGVNVLD có trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp. Nhiều GV của Nhà trường là những chuyên gia có uy tín trong các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, sư phạm, tham gia các HĐ nghiệm thu các đề tài các cấp. Họ có đủ trình độ và năng lực phù hợp để đáp ứng yêu cầu công việc được giao; có đóng góp rất lớn trong việc triển khai thực hiện các hoạt động đào tạo, NCKH..., góp phần hoàn thành tốt các kế hoạch của Nhà trường. Để có được đội ngũ GV, NCV hùng hậu như trên là nhờ Nhà trường đã chú trọng và quan tâm đến công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ GV, NCV để bảo đảm đáp ứng được nhu cầu về đào tạo, NCKH... của Nhà trường. Việc quy hoạch được thực hiện đồng bộ từ cấp Trường đến các đơn vị trực thuộc. Công tác quy hoạch đội ngũ GV, NCV bao gồm những nội dung chủ yếu như: Kế hoạch phát triển đội ngũ; chính sách thu hút, tiếp nhận, bố trí, quy hoạch nhân sự, bổ nhiệm, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu. Kế hoạch phát triển đội ngũ GV được xác định, trên cơ sở các báo cáo nhu cầu nguồn nhân lực của các đơn vị trong Nhà trường [H06.06.01.02], đánh giá nhu cầu hoạt động đào tạo thông qua Đề án tuyển sinh hàng năm [H06.06.01.03], dự kiến mở ngành mới, các kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học hàng năm

[H06.06.01.04]. Năm 2018, Nhà trường đã ban hành Chiến lược phát triển nhân sự giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Chiến lược về nhân sự tại phần quy hoạch đã chỉ rõ: *về số lượng là đến năm 2020 tổng số nhân sự của Trường khoảng 350 người, trong đó có 250 giảng viên cơ hữu; Về trình độ, Trường định hướng tăng nhanh cán bộ giảng dạy có chức danh GS, PGS và 100% giảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên (trong đó 35% có trình độ tiến sĩ)* [H06.06.01.05]. Trong Chiến lược phát triển nhân sự giai đoạn 2018-2025 [H06.06.01.06]. Năm 2017, Nhà trường xây dựng và phê duyệt “Đề án vị trí việc làm” và được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3703/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 và đến năm 2023, sau khi thực hiện sáp nhập, Nhà trường tiếp tục xây dựng Đề án Vị trí việc làm giai đoạn 2023 – 2026 trình cấp có thẩm quyền thẩm định. Trong đó đã mô tả rõ nét yêu cầu cụ thể cho các công việc theo chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí cán bộ, giảng viên, nhân viên theo 3 nhóm chức danh: (A) Công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành: *Lãnh đạo, quản lý và điều hành các hoạt động chung của Trường theo chế độ thủ trưởng; Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tất cả các hoạt động của Trường;* (B) Công việc hoạt động nghề nghiệp: *Thực hiện công tác giảng dạy sinh viên, học viên; Tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, kết hợp với đào tạo, bồi dưỡng, chuyển giao tri thức và dịch vụ khoa học trong lĩnh vực liên quan;* (C) Công việc hỗ trợ, phối hợp: *Công tác hành chính, tổng hợp, điều phối, phục vụ* [H06.06.01.07].

Công tác quy hoạch phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, NCV Nhà trường được tiếp tục nêu cụ thể tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2020-2025 [H06.06.01.08]. Nội dung nghị quyết nêu rõ “đến năm 2025, toàn Trường có 25% GV có trình độ TS, 100% GV có trình độ ThS. Tỷ lệ cán bộ có chức danh giáo sư, phó giáo sư, giảng viên chính đạt 5- 10% trên tổng số GV. Mỗi năm cử 3 – 10 GV đi NCS và học tan nâng cao trình độ lý luận chính trị các cấp”. Giai đoạn 2018-2022, Công tác quy hoạch nguồn nhân lực được thực hiện dựa trên đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực phục vụ cho các mục tiêu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng (PVCĐ). Gần nhất, Nhà trường đã ban hành chiến lược phát triển đội ngũ GV, NCV giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Trong đó có chiến lược phát triển cụ thể đối với từng đối tượng như cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên.

Hằng năm, căn cứ các nhiệm vụ được giao, các đơn vị thực hiện rà soát tình hình thực tế, các nhiệm vụ mới, thực hiện đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực của đơn vị gửi

phòng TC- TH tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Nhà trường phê duyệt, trên cơ sở đó nhà trường lập kế hoạch nguồn nhân lực cho cả năm và trung hạn.

Về tuyển dụng nhân sự, từ năm 2011 khi nâng cấp lên đại học, Nhà trường đã tuyển đủ số lượng GV, NV, LĐ cho quy mô đào tạo theo Đề án nâng cấp trường. Tuy nhiên trên thực tế đào tạo đại học các năm gần đây gặp nhiều khó khăn, nhu cầu học đại học chuyên nghiệp giảm, quy mô đào tạo của các trường đại học nói chung và của Nhà trường nói riêng giảm mạnh, dẫn đến tình trạng thừa GV. Đến thời điểm hiện tại, hàng năm Nhà trường đang thực hiện tinh giản biên chế, tận dụng nguồn nhân lực hiện có, đào tạo nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu đào tạo đại học hiện đại. Vì vậy, giai đoạn từ 2017 đến 2021 Nhà trường không thực hiện tuyển dụng mới. Đến năm 2022, Nhà trường đã xây dựng Quy định tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, giảng viên, viên chức và người lao động [H06.06.01.09] nhằm hướng tới mục tiêu thu hút thêm nhiều nhân lực có trình độ cao về làm việc và củng cố đội ngũ cho Nhà trường.

Nhà trường thực hiện công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và đào tạo, cụ thể: Hướng dẫn số 06-HD/BTCTW ngày 24/02/2017 của Ban Tổ chức Trung ương về sửa đổi, bổ sung một số nội dung về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý [H06.06.01.10]; Thông tư quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2018 số 06/2018/TT-BGDĐT của Bộ GD & ĐT; Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT của Bộ GD & ĐT quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo [H06.06.01.11]. Hướng dẫn về công tác rà soát, bổ sung và quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý các chi bộ tổ chức đoàn thể và đơn vị của trường ĐHHD tại văn bản số 125-HĐ/ĐU ngày 24/12/2021 [H06.06.01.12]. Căn cứ văn bản nêu trên, Đảng ủy và Ban Giám hiệu ban hành các kế hoạch và quyết định thực hiện công tác quy hoạch các vị trí lãnh đạo các khoa, bộ môn, phòng ban chức năng của nhà trường, cụ thể: Quy chế thực hiện công tác rà soát, bổ sung quy hoạch viên chức quản lý-quản trị Trường ĐHHD, giai đoạn 2017-2020 và 2020-2025; Nghị quyết của Đảng ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và 19-NQ/TW Hội nghị Trung ương VI khóa XII trong việc tái cơ cấu nguồn lực, tăng cường kỷ luật, kỷ cương lao động tại văn bản số 547-NQ/ĐU ngày 06/12/2018; Quyết định số 185/QĐ-ĐHHD về việc phê duyệt quy hoạch chức danh Trưởng, Phó đơn vị phòng, khoa, trung tâm thuộc Trường ĐHHD, giai đoạn 2020-2025 và 2025-2030; Quyết định số 12-QĐ/ĐU về việc Quyết định phê duyệt quy hoạch chức danh bí thư, phó bí thư chi bộ giai đoạn 2022-2025 và 2025-2027 của ĐH Hải Dương;

Kế hoạch số 02/KH-ĐHHD ngày 05/1/2024 về xây dựng quy hoạch lãnh đạo, quản lý các khoa, phòng, trung tâm trường thực hành sư phạm, nhiệm kỳ 2021-2026 và 2026-2031 về việc triển khai công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2026-2031; Sau khi thực hiện quy hoạch, Nhà trường có công văn báo cáo Bộ Giáo dục- Đào tạo, UBND tỉnh để phê duyệt kết quả xây dựng quy hoạch Ban Giám hiệu nhiệm kỳ 2017-2020 và 2020-2025. Đối với CBQL các đơn vị, thực hiện hướng dẫn về công tác quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2016-2021, nhà trường đã ban hành quyết định phê duyệt rà soát bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương giai đoạn 2021-2025. Đối với các chức danh lãnh đạo, Nhà trường xây dựng Kế hoạch rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo theo từng giai đoạn.

Trước năm 2021, công tác bổ nhiệm cán bộ thực hiện theo Quy chế bổ nhiệm cán bộ ban hành theo Quyết định số 87/QĐ-ĐHHD ngày 23/01/2014 về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý các đơn vị thuộc thẩm quyền của Trường ĐHHD [H06.06.01.13] và các quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Năm 2021, căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức, Nhà trường đã ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, điều động, biệt phái viên chức quản lý của các đơn vị thuộc và trực thuộc Nhà trường. Quy định này là cơ sở để nhà trường chỉ đạo các đơn vị thực hiện việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đội ngũ cán bộ lãnh đạo của các đơn vị tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước và của GD-ĐT. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Hiệu trưởng nhà trường đã ký các quyết định bổ nhiệm các trưởng khoa, Phó trưởng khoa, GĐTT, PGĐTT [H06.06.01.14]. Các cán bộ được bổ nhiệm theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, trưởng khoa, phó trưởng khoa, trưởng bộ môn đều có trình độ thạc sĩ trở lên. Công tác quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của nhà trường tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước và của Bộ GD - ĐT; được phổ biến và gửi đến từng đơn vị, CB, GV, VC qua đường công văn, hộp thư điện tử của cán bộ GV.

Hàng năm, căn cứ phân tích và nhu cầu đào tạo bồi dưỡng của các khoa, phòng, trung tâm, Nhà trường xây dựng Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng CBVCNLD [H06.06.01.15] và Kế hoạch kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng đó [H06.06.01.16]. Căn cứ kế hoạch, nhà trường đã tổ chức và cử cán bộ, viên chức và

người lao động đi tham gia nhiều khoá bồi dưỡng như: Bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, về trung cấp lý luận chính trị, về quản lý hành chính nhà nước chương trình chuyên viên - chuyên viên chính, tin học, về chuyên đổi số, về đổi mới sáng tạo, bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giảng viên hạng I, II, III, bồi dưỡng nâng cao trình độ tiếng Anh văn phòng, bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm, bồi dưỡng an ninh quốc phòng đối tượng 4, bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu cơ bản và đấu thầu qua mạng, kỹ năng nắm bắt tâm lý học đường dành cho cố vấn học tập, bồi dưỡng Cấp ủy cơ sở. Để giám sát, quản lý công tác quy hoạch đội ngũ giảng viên, NCV Nhà trường, Hội đồng trường đã ban hành Quy chế giám sát của Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025 [H06.06.01.17]. Giai đoạn 2021-2023, Hội đồng trường đã ban hành kế hoạch thực hiện công tác giám sát đối với các lĩnh vực của nhà trường, thành lập đoàn kiểm tra giám sát về công tác cán bộ, lao động [H06.06.01.18].

Công tác tuyển dụng, bố trí công việc, chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ và nghỉ hưu của GV, NCV được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Luật lao động và Luật Viên chức, cụ thể có trong hồ sơ lưu trữ tại Phòng Tổ chức - Tổng hợp về hợp đồng lao động; các quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc của viên chức, người lao động; các chế độ và phúc lợi xã hội được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đội ngũ GV tương đối đủ về số lượng, có trình độ cao về chuyên môn, giỏi ngoại ngữ, có khả năng NCKH, đáp ứng được các yêu cầu đối với công việc của Nhà trường. Nhà trường có sự quan tâm và đầu tư đúng mức cho công tác quy hoạch phát triển đội ngũ, xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện kế hoạch. Hàng năm Nhà trường có điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường còn khó khăn trong việc thu hút được GV có trình độ TS và học hàm GS, PGS về làm công tác giảng dạy tại Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

CBGV tại các Phòng, khoa, Trung tâm, các trường thực hành trong Nhà trường sẽ có cơ chế làm việc đảm bảo quy định, phối hợp linh hoạt, hỗ trợ tối đa cho các hoạt động của CBGV, SV Nhà trường. Đặc biệt, chính mỗi GV của nhà trường bên cạnh phát triển hoạt động chuyên môn thì cũng cần tu dưỡng đạo đức để tạo ra môi trường làm việc, học

tập ngày càng tốt hơn - là một trong những lý do có thể thu hút thêm nhiều GV có chất lượng, có tâm với nghề về làm việc tại Trường.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, NCV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Đội ngũ cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên và nhân viên Nhà trường hiện có 346 người, trong đó Phó giáo sư: 02 người (chiếm 5,7%), Tiến sĩ 45 người (chiếm 13%), NCS: 15 người (chiếm 4,34%), Thạc sĩ: 182 người (chiếm 52,6%), còn lại là các CBGVNVLD có trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp. Tỷ lệ này đáp ứng yêu cầu về xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học theo quy định tại Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 01/2019/TT-BGDĐT ngày 25/02/2019 sửa đổi Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018. Ngoài đội ngũ GV cơ hữu, để phục vụ công tác giảng dạy, Nhà trường và các khoa còn mời các GV từ các trường đại học có tiếng như Trường ĐH Thương Mại, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân, Trường ĐH Kinh doanh và TM... và một số doanh nghiệp cùng hợp tác giảng dạy, NCKH nhằm tạo cơ hội để SV tiếp cận sớm nhất với các công nghệ hiện đại và thực tiễn công việc từ các doanh nghiệp cũng như tiếp cận, định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp. Hàng năm, căn cứ các quy định của các bộ, ngành, Nhà trường ban hành quy định chế độ làm việc đối với GV [H06.06.02.01], theo đó khối lượng công việc của đội ngũ GV được quy đổi theo giờ chuẩn và được cụ thể hóa cho từng đối tượng GV (GV và GV giữ chức vụ quản lý). Từ năm 2018 đến 2022, định mức giảng dạy của GV là 270 giờ chuẩn/năm học, năm học 2023 - 2024, sau khi Nhà trường thực hiện sáp nhập, có nhiều hệ đào tạo từ mầm non, tiểu học, THCS, THPT, đại học, cao học. Vì vậy định mức giảng dạy của cán bộ, giảng viên, giáo viên được nâng lên là 300 giờ chuẩn/năm học. Đồng thời, Nhà trường ban hành Quy định về nhiệm vụ trong hoạt động NCKH của GV tại các đơn vị thuộc Nhà trường, từ đó làm cơ sở tính khối lượng và kết quả NCKH cho GV [H06.06.02.02].

Đầu mỗi năm học, căn cứ Dự kiến phân công nhiệm vụ giảng dạy của các đơn vị, Nhà trường ra Quyết định giao nghĩa vụ giảng dạy năm học. Cuối năm học, thực hiện nghiệm thu năm học, căn cứ kết quả nghiệm thu của các đơn vị gửi về, những trường

hợp giảng dạy vượt định mức được thanh toán số giờ vượt định mức theo quy định tại Quy chế Chi tiêu nội bộ của Nhà trường. Đối với trường hợp GV thiếu giờ NCKH sẽ được quy đổi từ giờ giảng vượt định mức theo quy định [H06.06.02.03].

Về công tác giám sát, bảo đảm chất lượng hoạt động đào tạo của GV do phòng Bảo đảm chất lượng - Thanh tra chịu trách nhiệm. Đầu năm học, phòng BĐCL - TT ban hành Kế hoạch đảm bảo chất lượng và Kế hoạch xây dựng hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường ĐHHD [H06.06.02.04], trong đó có kế hoạch hoạt động cho các mảng công tác sinh viên, thanh tra giám sát thi, thanh tra giám sát quá trình đào tạo, thanh tra giám sát hồ sơ lên lớp, hồ sơ đào tạo... Căn cứ Kế hoạch, phòng BĐCL - TT tổ chức thực hiện theo thời gian đã định. Trong quá trình thực hiện, phát hiện lỗi ở khâu nào, cán bộ phòng BĐCL - TT có trách nhiệm lập biên bản sự việc [H06.06.02.05], tùy mức độ nghiêm trọng của sự việc để báo cáo lãnh đạo Trường ra phương án xử lý. Các lỗi vi phạm trên được thông báo về khoa chuyên môn để khoa họp kiểm điểm đánh giá chất lượng công tác của GV trong tháng và thông báo về Thường trực Hội đồng xét thu nhập tăng thêm Nhà trường để phạt trừ thu nhập tăng thêm của GV đó. Công tác thanh tra, bảo đảm chất lượng được thực hiện nghiêm đã góp phần chính cho việc cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo của GV, kịp thời chỉ ra những điểm tồn tại, hạn chế, các lỗ hổng trong quá trình tổ chức đào tạo để Nhà trường ngày một hoàn thiện hơn, phục vụ tốt hơn cho người học, uy tín Nhà trường được khẳng định.

Song song với hoạt động đào tạo, hoạt động NCKH và phục vụ cộng đồng được Nhà trường hết sức coi trọng. Hoạt động NCKH của Nhà trường được thực hiện theo các quy định chung của Bộ, ngành và quy định riêng của Trường. Từ năm 2016, Nhà trường đã ban hành quy định về công tác NCKH cấp trường [H06.06.02.06]. Đến 20/8/2018 Nhà trường đã sửa đổi bổ sung Quy định hoạt động khoa học công nghệ cho phù hợp với thực tiễn [H06.06.02.07]. Hàng năm phòng Khoa học công nghệ - Thông tin - Thư viện xây dựng Kế hoạch hoạt động KH-CN năm học trình Hiệu trưởng ký duyệt [H06.06.02.08]. Đầu năm học, GV các đơn vị trong trường đăng ký đề tài NCKH gửi về phòng KH-CN - TT - TV tổng hợp trình Hiệu trưởng duyệt. Trong đó, ngoài các đề tài cấp trường, cấp tỉnh, hầu hết GV tại các khoa đăng ký đề tài cấp khoa là hoàn thiện các giáo trình, bài giảng hay hệ thống bài tập... [H06.06.02.09]. Đến cuối năm học, Nhà trường thành lập Hội đồng đánh giá đề tài NCKH, thành viên hội đồng chủ yếu là các tiến sĩ có kinh nghiệm trong giảng dạy, NCKH thực hiện đánh giá các đề tài của GV. Sau

khi có thông báo kết quả của Hội đồng, Hiệu trưởng phê duyệt QĐ công nhận tên đề tài NCKH đối với những đề tài được đánh giá đạt trở lên [H06.06.02.10]. Công tác NCKH của GV, NV toàn trường được thực hiện theo đúng quy trình, kế hoạch được phê duyệt, kết quả này được tính vào nghĩa vụ NCKH đối với GV, khuyến khích GV nâng cao tinh thần kết hợp đưa NCKH vào giảng dạy, chất lượng đào tạo của Nhà trường được cải thiện dần theo từng năm học.

Để chất lượng, uy tín Nhà trường ngày một nâng cao, công tác đào tạo, NCKH phải gắn liền với các hoạt động phục vụ cộng đồng. Để định hướng cho các hoạt động phục vụ cộng đồng (PVCD) của CBGV, năm 2020 Nhà trường đã ban hành Quy định về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường ĐHHD [H06.06.02.11], thành lập Ban chỉ đạo các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng năm học 2020 - 2021 và 2021 -2022 [H06.06.02.12]; Kế hoạch các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng các năm học 2021-2022 [H06.06.02.13]. Căn cứ hướng dẫn của Nhà trường, các đơn vị chủ động tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng như: Tham gia bồi dưỡng các đội tuyển SV tham gia các kỳ thi do Nhà trường và các cơ quan quản lý nhà nước tổ chức; quyên góp tiền ủng hộ đồng bào khó khăn do thiên tai, dịch bệnh; ủng hộ quỹ “Vì người nghèo”, quỹ nhân đạo chất độc màu da cam... Tuy nhiên, Hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên chưa được lượng hóa cụ thể nên công tác đánh giá hoạt động PVCD chưa được thuận lợi. Căn cứ khối lượng công việc thực tế thực hiện được Nhà trường giao về giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng trong từng năm học, GV tự đánh giá kết quả thực hiện công việc có đánh giá của đơn vị và gửi Nhà trường phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, lao động của các đơn vị hàng năm [H06.06.02.14]. Kết quả đánh giá, xếp loại thi đua khen thưởng hàng năm cho thấy đội ngũ GV đáp ứng được các yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, 100% GV đều hoàn thành khối lượng công việc theo quy định. Tỷ lệ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ viên chức của nhà trường trung bình trong 5 năm giai đoạn 2018-2023: đạt 16% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 62% hoàn thành tốt nhiệm vụ và 17% hoàn thành nhiệm vụ. 100% GV đều đạt mức từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên. Thông qua hội nghị cán bộ viên chức [H06.06.02.15] và các báo cáo tổng kết hàng năm của Nhà trường [H06.06.02.16], GV không có phàn nàn, khiếu nại về khối lượng, chất lượng công việc được giao cũng như kết quả đánh giá của các đơn vị và Nhà trường về các công việc GV đã thực hiện.

2. Điểm mạnh

Trong 5 năm qua, tỷ lệ người học/GV, khối lượng công việc cũng như định mức giờ chuẩn của GV Trường được xác định rõ ràng và có văn bản quy định. Cơ bản, GV cơ hữu của nhà trường đều hoàn thành khối lượng công việc theo định mức chuẩn hoặc vượt định mức giờ chuẩn về giảng dạy cũng như NCKH. Việc thực hiện công việc của GV đều có sự đôn đốc, nhắc nhở từ phía lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo nhà trường tại các cuộc họp bộ môn, họp khoa định kỳ hay các cuộc họp giao ban cũng như có sự giám sát của nhiều phòng ban thể hiện tính công khai, minh bạch

3. Điểm tồn tại

Hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên chưa được lượng hóa cụ thể nên công tác đánh giá hoạt động phục vụ cộng đồng chưa thuận lợi.

4. Kế hoạch hành động

Phòng TC - TH phối hợp với các đơn vị nghiên cứu xây dựng các tiêu chí định lượng các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV để thuận lợi cho việc đo lường và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng giảng viên.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Trước năm 2017 việc tuyển dụng cán bộ, giảng viên và nhân viên được thực hiện theo các tiêu chuẩn được quy định trong văn bản về Quy định tuyển dụng và ký hợp đồng lao động với các tiêu chí cụ thể như sau: *Đảm bảo công khai, dân chủ; Đảm bảo đúng tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ; Việc tuyển dụng thông qua Hội đồng tuyển dụng của Nhà.* Khi Đề án vị trí việc làm được ban hành thì việc tuyển dụng được thực hiện theo đúng các tiêu chí đã được mô tả cho từng vị trí công việc, chẳng hạn như với vị trí giảng viên thì ứng viên phải đáp ứng các tiêu chí sau: *(1) Về hiểu biết: Hiểu và vận dụng đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nắm vững kiến thức (cả về lý thuyết và thực hành); (2) Về trình độ: Học vị Thạc sĩ trở lên, sử dụng được 1 ngoại ngữ trong chuyên môn; (3) Về yêu cầu khác: Qua lớp bồi dưỡng kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, ứng dụng tin học vào giảng dạy [H06.06.03.01].* Các văn bản: Quy định tuyển dụng và ký hợp đồng lao động hay Đề án vị trí việc làm đều được xây dựng

đảm bảo tuân thủ theo quy định Luật Viên chức, Bộ Luật Lao động, Luật Giáo dục của Nhà nước.

Về việc lựa chọn và điều chuyển nhân viên được Nhà trường thực hiện tuân thủ đúng theo quy định của Luật Viên chức, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Quyết định số 44/2020/QĐ-UB ngày 10/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương về việc ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; hội, quỹ cấp tỉnh và người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp thuộc UBND tỉnh quản lý [H06.06.03.02]. Khi có đơn vị thuộc trường có văn bản đề nghị bổ sung nhân sự, Phòng Tổ chức nhân sự (nay là Phòng Tổ chức - Tổng hợp) xây dựng kế hoạch hoặc tờ trình Hiệu trưởng và xin ý kiến Đảng uỷ về điều động viên chức nhằm khắc phục việc thiếu nhân sự đảm nhận các mảng công tác chuyên môn nghiệp vụ. Khi được sự nhất trí của Đảng uỷ và Hiệu trưởng, Phòng TCTH ra Thông báo bổ sung nhân sự cho đơn vị thuộc Trường [H06.06.03.03], Thông báo được công khai gửi đến toàn thể cán bộ, viên chức qua Email. Trong Thông báo có mô tả rõ về vị trí việc làm, công việc đảm nhận, tiêu chuẩn trình độ và kinh nghiệm làm việc để toàn thể viên chức trong Trường có thể đối chiếu, nếu phù hợp có thể nộp hồ sơ ứng tuyển về phòng Tổ chức nhân sự. Hết thời hạn nộp hồ sơ, Phòng Tổ chức nhân sự báo cáo trình tập thể Lãnh đạo Trường cùng đánh giá và đưa ra lựa chọn ứng viên phù hợp nhất. Đại diện Lãnh đạo Trường hoặc Trưởng phòng Tổ chức nhân sự mời các ứng viên lên lắng nghe trực tiếp nguyện vọng của viên chức ứng tuyển. Đối chiếu với kết luận của Tập thể Lãnh đạo, nếu viên chức được chọn hoàn toàn nhất trí, Nhà trường ra Quyết định điều động.

Sau khi thực hiện Đề án Sáp nhập trường, ngày 12/9/2023, Nhà trường đã ban hành Quy chế bổ nhiệm, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo quản lý và điều động viên chức làm việc tại Trường theo Quyết định số 499/QĐ-ĐHHD [H06.06.03.04]. Quy chế đã quy định rõ trình tự, thủ tục và hồ sơ về điều động và bổ nhiệm đối với viên chức.

Về trình tự, thủ tục và hồ sơ về điều động: *Phòng Tổ chức - Tổng hợp xây dựng kế hoạch hoặc tờ trình Hiệu trưởng về điều động đối với viên chức nhằm tạo điều kiện đào tạo bồi dưỡng đội ngũ viên chức và phục vụ yêu cầu công tác, trong đó xem xét trình độ chuyên môn đáp ứng công việc và nguyện vọng trước khi điều động của viên*

chức. Sau khi có ý kiến của Hiệu trưởng, Phòng Tổ chức - Tổng hợp thông báo đến đơn vị có viên chức được điều động và đơn vị được nhận viên chức điều động.

Khi xây dựng các văn bản quy định về tuyển dụng đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên, Nhà trường đều gửi đến các đơn vị trong toàn Trường để lấy ý kiến góp ý xây dựng. Trên cơ sở tiếp thu các ý kiến đóng góp của các đơn vị, bản Quy định được hoàn thiện, ban hành và đưa vào áp dụng. Các văn bản quy định về các tiêu chí, quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm được phổ biến rộng rãi đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên của Trường thông qua nhiều hình thức khác nhau như các cuộc họp giao ban lãnh đạo chủ chốt Nhà trường, bằng văn bản gửi qua thư điện tử tới Trưởng/Phụ trách các đơn vị, để triển khai tới toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên [H06.06.03.05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường ban hành khung năng lực, bản mô tả công việc theo từng vị trí việc làm và được triển khai từ năm 2017 để làm cơ sở cho công tác bổ nhiệm, điều động viên chức quản lý. Quy định này được phổ biến đến toàn thể đội ngũ GV, nhân viên của Nhà trường và được công khai trên website. Việc bổ nhiệm đội ngũ GV được thực hiện theo đúng quy hoạch, quy trình, công khai, minh bạch. Các quy định về tiêu chí đánh giá, tuyển chọn GV đều được Hội đồng tuyển chọn thảo luận, thống nhất và được thông báo công khai. Điều này thể hiện tính khách quan, công khai, minh bạch trong công tác tuyển chọn của Nhà trường

3. Điểm tồn tại

Từ năm 2011, để thực hiện nâng cấp Trường lên đại học, Nhà trường đã thực hiện tuyển dụng đủ số lượng cán bộ, giảng viên. Trong quá trình đào tạo đại học từ 2011 đến nay, do tình hình khó khăn về tuyển sinh của các trường cao đẳng, đại học nói chung và Trường ĐHHD nói riêng, quy mô đào tạo Nhà trường giảm, đồng nghĩa với việc phải tinh giản bộ máy, tinh gọn đội ngũ, tự nâng cao năng lực đội ngũ có sẵn đáp ứng yêu cầu đổi mới. Nên từ 2014 đến nay Nhà trường chưa điều chỉnh lại cũng như xây dựng mới Quy định về tuyển dụng viên chức.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2023, Phòng TC- TH phối hợp với các đơn vị nghiên cứu, xây dựng chính sách và cơ chế đặc thù với những chế độ đãi ngộ có mức hấp dẫn cao hơn để có thể cạnh tranh thu hút được nhiều hơn nữa các GV có học vị tiến sỹ và học hàm PGS, TS về làm GV cơ hữu của Nhà trường [H06.06.03.05].

5. Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt, mức 4/7

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Tiêu chuẩn năng lực cán bộ, giảng viên, nhân viên Nhà trường được mô tả trong Quy chế tổ chức và hoạt động [H06.06.04.01], Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, giáo viên của Trường ĐHHD [H06.06.04.02] trong giai đoạn đánh giá. Nhà trường đã ban hành Đề án vị trí việc làm [H06.06.04.03], trong đó tiêu chuẩn năng lực, mô tả công việc đã được xác định theo từng vị trí, nhóm công việc, cụ thể: Đề án vị trí việc làm đã xác định rõ các vị trí phân theo 3 nhóm gồm: *Nhóm công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành... vị trí; Nhóm công việc hoạt động nghề nghiệp... vị trí; Nhóm công việc hỗ trợ, phục vụ... vị trí.*

Với nhóm công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành bao gồm: *Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, Trưởng khoa (hoặc tương đương), Phó trưởng khoa (hoặc tương đương), Trưởng phòng (hoặc tương đương), Phó phòng (hoặc tương đương), Trưởng bộ môn, Phó bộ môn, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng các trường thực hành* với nhóm này tiêu chuẩn năng lực được quy định cụ thể cho từng vị trí, ví dụ đối với vị trí Hiệu trưởng được quy định cụ thể như sau: (1) *Về hiểu biết: Nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật, hiểu biết sâu về nghiệp vụ quản lý;* (2) *Về trình độ: Trình độ Tiến sĩ (hoặc Thạc sĩ với một số phòng) trở lên, trình độ quản lý hành chính Nhà nước, sử dụng thành thạo ít nhất một ngoại ngữ;* (3) *Về yêu cầu khác: Đã có kinh nghiệm công tác từ Trưởng bộ môn trở lên, có năng lực điều hành, có năng lực quản lý tổ chức, năng lực chuyên môn, có năng lực quản lý* [H06.06.04.04].

Với nhóm công việc hoạt động nghề nghiệp bao gồm các vị trí thực hiện công tác giảng dạy như: *giảng viên các Bộ môn, giảng viên hướng dẫn thực hành, giáo viên chủ nhiệm các lớp.* Tiêu chuẩn năng lực của nhóm công việc này được quy định chi tiết với 3 năng lực chính: (1) *Về hiểu biết: Hiểu và vận dụng đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nắm vững kiến thức (cả về lý thuyết và thực hành);* (2) *Về trình độ: Học vị Thạc sĩ trở lên, sử dụng được 1 ngoại ngữ trong chuyên môn;* (3) *Về yêu cầu khác: Qua lớp bồi dưỡng kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, ứng dụng tin học vào giảng dạy.*

Căn cứ theo quy định hiện hành, phòng TC - TH kết hợp với các khoa chuyên môn, các trường thực hành đã quy định nghĩa vụ về trách nhiệm giảng dạy và NCKH của GV, định mức giờ chuẩn cho từng đối tượng GV [H06.06.04.05]. Theo đó, hàng năm các đơn vị đều căn cứ vào kế hoạch thi đua của Trường và lập hồ sơ đăng ký thi đua và xét thi đua hằng năm của GV (bản tự đánh giá, biên bản họp xét thi đua) [H06.06.04.06] và có kết quả đánh giá, phân loại GV hằng năm [H06.06.04.07]. Căn cứ kết quả đánh giá viên chức [H06.06.04.08] và bình xét thi đua của Hội đồng thi đua Trường, đối chiếu với quy định của Nhà trường, của tỉnh và Trung ương, Nhà trường ra văn bản đề nghị cùng báo cáo thành tích của các tập thể, cá nhân đề nghị cấp trên (Bộ GD&ĐT, UBND tỉnh, Thủ tướng chính phủ) tặng bằng khen cho các tập thể, cá nhân đạt thành tích cao trong năm học, ghi nhận năng lực, động viên tinh thần nỗ lực phấn đấu của cán bộ, giảng viên.

Hàng năm, Bộ môn/Khoa đều lập kế hoạch dự giờ giảng định kỳ từ đó nhằm có những ghi nhận, góp ý, trao đổi nhằm đẩy mạnh hơn chất lượng giảng dạy đối với GV [H06.06.04.09]. Đối với các GV có kế hoạch GD học phần mới, trước học kỳ Nhà trường lập kế hoạch tổ chức đánh giá năng lực giảng dạy đối với GV [H06.06.04.10]. Theo kế hoạch, phòng Tổ chức - Tổng hợp ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá [H06.06.04.11], tổ chức đánh giá và ra kết quả đánh giá năng lực [H06.06.04.12]. Hồ sơ đánh giá năng lực giảng dạy được thực hiện đúng theo quy định của Nhà trường.

Mỗi năm học, bộ phận quản lý chất lượng của Trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về năng lực giảng dạy của giảng viên [H06.06.04.13]. Trong những năm vừa qua, kết quả đánh giá của người học đều cho thấy đa phần các hoạt động giảng dạy đã đáp ứng được nhu cầu học tập của người học [H06.06.04.14]. Công tác bình xét thi đua khen thưởng hàng năm thông qua quy trình các bước giúp các GV tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình, giúp cho các cấp quản lý ghi nhận thành tích đóng góp của GV và có tổng quan về tình hình giảng dạy, nghiên cứu trong toàn Trường, từ đó có định hướng chiến lược phát triển phù hợp.

2. Điểm mạnh

Năng lực của GV được đánh giá thông qua các tiêu chí cụ thể, rõ ràng thể hiện thông qua giờ giảng, giờ NCKH, chất lượng giảng dạy. Kết quả đánh giá dựa theo quy chế làm việc tại Trường, được báo cáo và thể hiện rõ vào cuối mỗi năm học. Các

phòng/ban, Khoa, Trung tâm, các trường thực hành đã thực hiện nghiêm túc theo các tiêu chí đánh giá năng lực của GV.

3. Điểm tồn tại

Kết quả về đánh giá năng lực của GV chưa thấy rõ được hiệu quả của công tác quản lý tại các đơn vị. Nguồn kinh phí hỗ trợ của Nhà trường đối với một số hoạt động bồi dưỡng chuyên môn còn chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

- Khắc phục tồn tại: Phối hợp các đơn vị tiếp tục nghiên cứu bổ sung lượng hóa các tiêu chí trong quá trình đánh giá GV cho phù hợp với các văn bản qui phạm pháp luật hiện hành. Tăng cường tìm kiếm các nguồn tài chính hỗ trợ các điểm tồn tại trong hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

- Phát huy điểm mạnh: Năng lực của đội ngũ GV của nhà trường được xác định và được đánh giá thường xuyên hàng năm, với quy trình rõ ràng và có tham khảo ý kiến của các bên liên quan.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt, mức 4/7

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Chiến lược công tác tổ chức bộ máy và phát triển đội ngũ giai đoạn 2018-2025 [H06.06.05.01] đã đặt ra mục tiêu “Về trình độ, Trường định hướng trên 95% giảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên (trong đó 50% có trình độ tiến sĩ); 100% giảng viên được đào tạo, bồi dưỡng để sử dụng các công nghệ dạy học hiện đại; 85% cán bộ viên chức được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo yêu cầu vị trí việc làm”. Sau hai năm thực hiện Chiến lược, năm 2020, Nhà trường đã tiến hành sơ kết thực hiện Chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030, từ năm 2018-2020 [H06.06.05.02].

Nhà trường cũng xác định rõ yêu cầu cấp thiết về phát triển chuyên môn của đội ngũ GV lên trình độ tiến sĩ trong xu thế hội nhập cũng như chiến lược phát triển nhà trường đến năm 2030 theo hướng mở thêm ngành đào tạo mới... Quy trình lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm được thực hiện theo quy định của Trường về công tác đào tạo bồi dưỡng. Đơn vị sử dụng, quản lý CBVC xác định nhu cầu và chủ động đề xuất,

xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của đơn vị gửi về Phòng TC-TH vào cuối năm [H06.06.05.03]. Phòng TC-TH tổng hợp nhu cầu của các đơn vị trong Trường để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm [H06.06.05.04] trình Hiệu trưởng phê duyệt; phối hợp với các đơn vị thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; thẩm định và trình Hiệu trưởng xem xét, phê duyệt các hồ sơ về công tác đào tạo, bồi dưỡng của CBVC (hồ sơ dự thi/dự tuyển; hồ sơ xin đi đào tạo, bồi dưỡng; hồ sơ gia hạn thời gian học tập) [H06.06.05.05]. Về quy trình giám sát việc thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng: đơn vị sử dụng, quản lý CBVC phối hợp với phòng TC-TH trong việc theo dõi, quản lý CBVC được cử đi đào tạo, bồi dưỡng. Phòng TC-TH tham mưu, đề xuất giải quyết các chế độ có liên quan cho CBVC được cử đi đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của Nhà nước và Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường; tham mưu [H06.06.05.06], đề xuất hình thức xử lý CBVC vi phạm quy định về đào tạo, bồi dưỡng; đề xuất mức đền bù chi phí và thu hồi chi phí theo quy định; lưu trữ, cập nhật và quản lý hồ sơ CBVC đi đào tạo, bồi dưỡng theo quy định; hàng năm, báo cáo Hiệu trưởng và các cơ quan cấp trên về kết quả đào tạo, bồi dưỡng CBVC [H06.06.05.07]. Các CBVC được cử đi học thạc sĩ, tiến sĩ phải thực hiện việc gửi báo cáo tiến độ định kỳ hàng năm về đơn vị quản lý trực tiếp và phòng TC-TH [H06.06.05.08]. Nhà trường còn tổ chức các buổi gặp gỡ các CBVC đi học bị quá hạn để cùng trao đổi, tìm hướng tháo gỡ khó khăn. Trong những năm qua, Trường đã có nhiều hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ nhằm đáp ứng hiệu quả những yêu cầu đặt ra trong đào tạo cử nhân và thạc sĩ, bồi dưỡng đội ngũ GV trẻ, khuyến khích và tạo điều kiện cho GV học tập nâng cao trình độ chuyên môn ở trong và ngoài nước. Trong đó có 07 nghiên cứu sinh, có 4 tiến sĩ hoàn thành chương trình đào tạo, gần 100 giảng viên đi học bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), giảng viên Đại học. 05 giảng viên học Cao cấp lý luận chính trị, 37 giảng viên học Trung cấp Lý luận chính trị.

Bên cạnh đó từ năm 2018 đến 2020 Nhà trường đã cử 150 lượt cán bộ, nhân viên tham gia tập huấn về nghiệp vụ, chuyên môn theo từng lĩnh vực do Bộ GD&ĐT cũng như các cơ quan liên quan tổ chức, chẳng hạn như: tập huấn về nghiệp vụ Thuế, về Tuyển sinh, về Đào tạo, về Giảng dạy, về công tác HSSV, phòng cháy chữa cháy... [H06.06.05.09]. Nhằm nâng cao bồi dưỡng kỹ năng cho cán bộ, giảng viên, nhân viên Nhà trường tổ chức các lớp tập huấn tại Trường cũng như phối hợp với đơn vị tổ chức khóa học về phương pháp dạy học tích cực cho 200 lượt giảng viên; năm học 2018-2019

đã mời các diễn giả có kinh nghiệm trong quản lý và giảng dạy đại học đến chia sẻ kinh nghiệm với toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên của Nhà trường về phương pháp giảng dạy đại học, cũng như việc thích ứng của giáo dục đại học trong thời đại 4.0. Kết quả của việc thực hiện đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn được thể hiện trong Báo cáo tổng kết hàng năm [H06.06.05.10]

Nhà trường đã có điều chỉnh một số chính sách hỗ trợ về tài chính cho NCS như: được miễn định mức giảng dạy và NCKH, hỗ trợ lương trong thời gian ở trong nước để GV yên tâm nghiên cứu. Các GV còn được khuyến khích và tạo điều kiện để tham gia các lớp bồi dưỡng kỹ năng viết đề cương nghiên cứu, viết bài báo khoa học, các lớp bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên hạng I, II và III (cho GV hạng 1, 2 và 3), lớp bồi dưỡng kỹ năng giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh và giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành cho GV do Nhà trường tổ chức [H06.06.05.11]. Nhà trường cũng khuyến khích các GV trẻ đi thực tế tại các doanh nghiệp ở địa phương, tham dự các hội thảo khoa học ở trong nước và quốc tế để nâng cao chất lượng các bài giảng, các nghiên cứu của mỗi GV [H06.06.05.12]. Nhà trường cũng khuyến khích các GV có trình độ chuyên môn cao tham gia hướng dẫn tập sự, đào tạo cho các GV trẻ bằng cách cho trợ giảng. Đặc biệt, năng lực của đội ngũ GV còn được nâng cao khi thực hiện các công bố trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế [H06.06.05.13].

2. Điểm mạnh

Trường đã ban hành các chính sách và quy hoạch đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV rõ ràng, công khai, minh bạch; hỗ trợ, tạo điều kiện về thời gian để các GV hoàn thành và phát triển chuyên môn theo quy hoạch. Đội ngũ GV có trình độ SDH được phát triển nhanh chóng, đáp ứng nhu cầu phát triển Đào tạo - NCKH - Phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Nhiều GV trẻ có kế hoạch học tập NCS tập trung cùng giai đoạn gây ra tình trạng căng thẳng về nhu cầu nhân lực trong giảng dạy. Các GV vừa nghiên cứu vừa phải tham gia giảng dạy cũng như các hoạt động khác dẫn đến việc kéo dài tiến độ học tập.

4. Kế hoạch hành động

- Trường tiếp tục có các chính sách quy hoạch đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV rõ ràng, công khai, minh bạch; hỗ trợ, tạo điều kiện về thời gian để các GV hoàn thành và phát triển chuyên môn theo đúng quy hoạch.

- Đội ngũ GV tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn, đăng ký học các lớp bồi dưỡng nhằm đáp ứng các yêu cầu về giảng dạy và NCKH, mở rộng kết nối hợp tác trong nước và quốc tế.

- Nhà trường có giải pháp điều phối công việc thích hợp, có giải pháp ưu tiên thời gian, hỗ trợ các NCS ở giai đoạn cuối hoàn thành việc nghiên cứu.

5. Tự đánh giá: *Tiêu chí Đạt, mức 4/7.*

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Định mức thời gian dành cho giảng dạy, NCKH và thực hiện các công tác khác của GV được thực hiện theo quy định về chế độ làm việc đối với GV [H06.06.06.01]. Các tiêu chí, quy trình đánh giá hiệu quả công việc đều được lấy ý kiến từ tất cả GV [H06.06.06.02]. Nhà trường có các quy định, quy trình tổ chức, triển khai và đánh giá hiệu quả hoạt động giảng dạy của GV giúp phân loại được kết quả công việc của GV. Việc đánh giá, xếp loại chất lượng lao động CBVC dựa trên các tiêu chí cụ thể với các mức xếp loại: không hoàn thành/hoàn thành/hoàn thành tốt/hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. [H06.06.06.03]. Các danh hiệu thi đua gắn liền với những khen thưởng về vật chất và tinh thần, tăng lương trước thời hạn [H06.06.06.04]. Việc đánh giá, xếp loại chất lượng lao động, thi đua và khen thưởng hàng năm giúp cho CBVC có ý thức trách nhiệm hơn trong việc cố gắng hoàn thành tốt các công việc được giao. Kết quả xếp loại chất lượng lao động và bình xét danh hiệu thi đua hàng năm của nhà trường trong 5 năm gần đây trung bình đều đạt trên 80% CBVC hoàn thành tốt nhiệm vụ, 90% đạt danh hiệu lao động tiên tiến trở lên. Nhiều đơn vị nhiều năm liền đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến [H06.06.06.05].

Hoạt động NCKH được Nhà trường khuyến khích. Trong Quy định về thu nhập tăng thêm, Nhà trường đã đưa vào tiêu chí cộng điểm cho GV có công trình được công bố trên các tạp chí khoa học trong nước, quốc tế uy tín (SCI, SCIE, ISI, Scopus). Hoặc GV có thể lựa chọn quy đổi công trình khoa học sang nghĩa vụ NCKH của năm theo Quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên. Ngoài ra các GV có thành tích xuất sắc sẽ được giới thiệu, đề nghị cấp trên tặng thưởng cho các danh hiệu khen thưởng cao hơn như Bằng khen của Chính phủ, của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, của Chủ tịch UBND Tỉnh.

Trong 5 năm trở lại đây, có 03 GV của trường được nhận Bằng khen của Chính Phủ, có nhiều GV được nhận Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, Bằng của UBND tỉnh, Bằng khen của Ban chấp hành công đoàn giáo dục Việt Nam và nhiều GV được nhận bằng khen các cấp [H06.06.06.07]. Ngoài các hình thức khen cao, vào cuối năm học, sau khi có kết quả nghiệm thu về giảng dạy, NCKH, tuyển sinh... Hiệu trưởng Nhà trường còn ra quyết định tặng Giấy khen và thưởng tiền kèm theo cho những cán bộ, giảng viên có thành tích cao trong các mặt công tác [H06.06.06.08] năm động viên, khích lệ thành tích của cán bộ, giảng viên.

Tính đến thời điểm hiện nay trong Trường không có đơn từ khiếu nại về kết quả đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho các GV. Tuy nhiên, chưa có khảo sát ý kiến về mức độ hài lòng của GV về kết quả đánh giá, đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận hàng năm.

Để khích lệ, động viên CBGVNV yên tâm công tác, đạt thành tích cao trong các hoạt động chuyên môn, Nhà trường còn thực hiện xét thu nhập tăng thêm cho toàn thể CBGVNV [H06.06.06.09]. Theo đó, ngoài lương, hàng tháng, CBGVNV còn được hưởng phần thu nhập tăng thêm dựa vào bình xét kết quả, chất lượng lao động tại đơn vị. Điều này đã góp phần làm giảm bớt khó khăn về kinh tế, nâng cao đời sống cho CBGVNV Nhà trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các quy định tổ chức, triển khai và đánh giá hiệu quả hoạt động giảng dạy của GV giúp phân loại được kết quả công việc của GV và có các hình thức khen thưởng, nâng lương trước thời hạn tạo động lực cho GV trong giảng dạy và NCKH. Việc phân loại lao động và bình xét danh hiệu thi đua được thực hiện theo quy trình chặt chẽ.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa có mẫu khảo sát ý kiến GV về mức độ hài lòng với việc quản trị theo kết quả công việc của GV hàng năm.

4. Kế hoạch hành động

- Nhà trường tiếp tục ban hành các quy định tổ chức, triển khai và đánh giá hiệu quả hoạt động giảng dạy của GV và có các hình thức khen thưởng, nâng lương trước thời hạn tạo động lực cho GV trong giảng dạy và NCKH

- Từ năm học 2023 - 2024, Phòng TC-TH xây dựng mẫu phiếu khảo sát và triển khai thực hiện lấy ý kiến GV về sự hài lòng với việc quản trị theo kết quả công việc của GV hàng năm.

5. Tự đánh giá: *Tiêu chí Đạt, mức 5/7.*

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Các hoạt động NCKH của GV trong Trường được thực hiện theo qui định. Trong đó các hoạt động KHCN của Trường đã được xác lập với những hoạt động cụ thể hướng tới phát triển KHCN, cải tiến kỹ thuật, nâng cao hoạt động NCKH cho GV, SV [H06.06.07.01]. Hoạt động NCKH bao gồm các hoạt động: thực hiện đề tài, dự án các cấp, viết bài báo, hướng dẫn SV NCKH, tham gia các hội thảo khoa học trong và ngoài nước, tham gia các seminar học thuật, tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên đề về NCKH, phản biện bài báo khoa học,... Khối lượng giờ NCKH và các hoạt động NCKH của từng GV được Phòng KHCN - Thông tin - Thư viện thống kê và xác định rõ ràng, Phòng BĐCL-TT giám sát và đánh giá tổng kết vào cuối mỗi năm học và công bố tại Báo cáo tổng kết năm học [H06.06.07.02]. Việc đăng ký, xét duyệt đề tài các cấp được thực hiện theo đúng quy định của Trường: GV đăng ký đề tài NCKH với Khoa theo thông báo về đăng ký danh mục đề tài NCKH của Phòng NCKH- Thông tin thư viện; Hội đồng Khoa học tổ chức xét duyệt tên các đề tài trên cơ sở bản thuyết minh của đề tài của chủ nhiệm đề tài; Phòng NCKH- Thông tin thư viện thẩm tra các đề tài đề xuất trước khi báo cáo Nhà trường; lãnh đạo Nhà trường ra quyết định giao đề tài trên cơ sở kết quả xét duyệt của Hội đồng Khoa học Trường [H06.06.07.03]. Hoạt động NCKH được triển khai, bắt đầu từ cấp BM đến Khoa, đến Phòng KHCN - Thông tin - Thư viện; chú trọng từ khâu nắm bắt, đề xuất ý tưởng và nhu cầu từ thực tiễn công việc, cho đến việc tham gia tuyển chọn, viết thuyết minh và triển khai thực hiện đề tài, nhiệm vụ KHCN. Điều này được thể hiện trong các báo cáo kế hoạch và kết quả thực hiện hàng tháng, hàng năm của các đơn vị và Nhà trường. Các kết quả NCKH cũng được thống kê hàng năm để lưu trữ, công bố trên web của Nhà trường để truyền thông, cũng như làm cơ sở để BM, Khoa đánh giá thi đua hàng năm và cải tiến chất lượng hoạt động NCKH. Trong giai đoạn 2018-2023, Nhà trường có 630 đề tài các cấp; Số giáo trình, sách chuyên khảo 08 cuốn; Số bài báo khoa học là 34 bài, trong đó có 10 bài đăng trên tạp chí quốc tế; Tổ chức

được 05 Hội thảo, hội nghị khoa học cấp Trường và 02 giải thưởng sáng tạo khoa học kỹ thuật cấp tỉnh [H06.06.07.04]. Mặc dù còn khá non trẻ số GV dưới 45 tuổi chiếm hơn 60%, số đề tài/ dự án các cấp đã được triển khai trong 5 năm gần đây đã thể hiện được năng lực NCKH của các GV trong Nhà trường. Tuy nhiên, các hoạt động KHCN hiện vẫn chủ yếu tập trung vào một vài GV lâu năm, có trình độ cao cùng với nhóm nghiên cứu. Trường đã tổ chức các hội thảo khoa học cấp Trường, hợp tác tổ chức hội thảo khoa học quốc gia [H06.06.07.05].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động NCKH ngày càng được quan tâm đẩy mạnh do Lãnh đạo các đơn vị có năng lực và rất tâm huyết với NCKH. Đặc biệt, số lượng bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế của các GV sẽ gia tăng do nhu cầu công bố trong nước và quốc tế của các NCS.

3. Điểm tồn tại

Số lượng công bố quốc tế còn khiêm tốn. Việc kết nối tạo các nhóm nghiên cứu liên ngành trong việc tổ chức, triển khai viết thuyết minh, thực hiện các đề tài/ dự án KHCN với các đơn vị trong và ngoài Trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

- Lãnh đạo các đơn vị tiếp tục giám sát việc thực hiện hoạt động NCKH của các GV trong đơn vị, khuyến khích các GV xuất bản các bài báo khoa học đăng trong các tạp chí của trường, trong nước và quốc tế.

- Nhà trường tăng cường triển khai, tạo kết nối với các Khoa, Viện, Trung tâm trong và ngoài Trường để hình thành các nhóm nghiên cứu liên ngành, đồng thời phát triển các định hướng NCKH, đề tài trong thời gian tới

5. Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt, mức 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Đội ngũ GV tham gia giảng dạy được đảm bảo về số lượng và chất lượng, đáp ứng yêu cầu của Bộ GD&ĐT. Nhiều GV có trình độ và kinh nghiệm lâu năm trong giảng dạy và NCKH. Công tác quy hoạch đội ngũ nguồn nhân lực GV được chú trọng và gắn với định hướng phát triển của Trường trong dài hạn. Các quy định về các tiêu chuẩn, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm được thực hiện công khai theo quy định, phù hợp với chuẩn chung của các trường đại học, Luật Giáo dục đại học và theo định hướng tiệm cận chuẩn quốc tế. Các chính sách hỗ trợ, hình thức khen thưởng của Trường khá đa dạng,

có tác dụng khuyến khích GV chủ động phát triển năng lực và tham gia NCKH, góp phần nâng cao uy tín và thương hiệu của Trường ĐHHD. Công tác quản lý GV của nhà trường được thực hiện theo quy định, phân loại được kết quả công việc của GV và có các hình thức khen thưởng, nâng lương trước thời hạn tạo động lực cho GV trong giảng dạy và NCKH. Việc phân loại lao động và bình xét danh hiệu thi đua được thực hiện theo quy trình chặt chẽ. Trường đã ban hành các chính sách về quy hoạch đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV rõ ràng, công khai, minh bạch; hỗ trợ, tạo điều kiện về thời gian để các GV hoàn thành việc học NCS theo đúng quy hoạch đề ra.

- Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 6:

+ Điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4,4/7 điểm.

+ Tỷ lệ số tiêu chí Đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Nhà trường và Khoa luôn chú trọng việc quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác, để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Trong quá trình tuyển dụng, các tiêu chí và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai. Hàng năm, năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá. Nhà trường và Khoa luôn xác định nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên và các hoạt động triển khai. Đồng thời, thường xuyên tiến hành triển khai việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên gồm cả khen thưởng và công nhận để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã ban hành Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Trong đó có chiến lược phát triển nguồn nhân lực với thành phần bao gồm cả đội ngũ giảng viên, NCV và đội ngũ nhân viên [H07.07.01.01].

Về năng lực và trình độ chuyên môn, từ khi Trường được nâng cấp lên đại học năm 2011, thực hiện Chiến lược phát triển nguồn nhân lực, Nhà trường đã tích cực khuyến khích cán bộ, giảng viên, nhân viên đi học nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đến nay, đội ngũ chuyên viên các phòng chức năng, nhân viên kỹ thuật hầu hết đã chuẩn hóa về bằng cấp từ Đại học trở lên [H07.07.01.02], có trình độ chuyên môn, có trình độ lý luận chính trị, có năng lực công tác, phục vụ tốt hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên có tuổi đời trẻ, trung bình dưới 40 tuổi, 100% đạt trình độ ngoại ngữ B, sử dụng thành thạo máy tính phục vụ tốt công tác chuyên môn.

Năm 2017 Nhà trường đã xây dựng Đề án vị trí việc làm và được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3703/QĐ-UBND ngày 30/11/2017. Đến năm 2023, sau khi thực hiện Đề án Sáp nhập Trường, đề phù hợp với tình hình mới, đáp ứng yêu cầu theo Nghị quyết số 26-NQ/TW và Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng, Nhà trường tiếp tục xây dựng Đề án Vị trí việc làm, giai đoạn 2023 - 2026 [H07.07.01.03]. Trong đó quy định cụ thể về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, mô tả công việc và khung năng lực, trình độ chuyên môn tối thiểu từng vị trí việc làm như cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên văn thư, thư viện, y tế, kỹ thuật, phục vụ, lễ tân, bảo vệ, lái xe trình cấp có thẩm quyền thẩm định.

Về quy hoạch đội ngũ. Năm 2022, Thực hiện Hướng dẫn số 03-HD/TU ngày 30/3/2022 và Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 30/3/2022 của Tỉnh uỷ về rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp giai đoạn 2020 - 2025, 2021 -2026 và xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp giai đoạn 2025 - 2030, 2026 - 2031, Đảng uỷ đã họp bàn ra thống nhất về kế hoạch rà soát, quy hoạch chức danh Trường, Phó đơn vị phòng, khoa, trung tâm thuộc trường và quy hoạch chức danh Bí thư, Phó bí thư chi bộ thuộc Đảng bộ Trường ĐHHD. Kế hoạch nêu rõ các tiêu chí, đối tượng và nguyên tắc đánh giá, lựa chọn cán bộ đưa vào quy hoạch. Trong đó đối tượng chuyên viên, nhân viên cũng như viên chức quản lý, giảng viên đều thuộc đối tượng được đánh giá. Việc rà soát và lấy tín nhiệm quy hoạch được triển khai từ cấp cơ sở đơn vị, chi bộ. Danh sách nhân sự được tín nhiệm quy hoạch tại đơn vị cơ sở được tổng hợp trình xin ý kiến tại Hội nghị của Đảng uỷ Nhà trường. Trong Danh sách quy hoạch các chức danh lãnh đạo quản lý cấp đơn vị và Chi bộ. Kết quả quy hoạch, có 7/81 lượt quy hoạch vào

chức danh Trưởng, Phó đơn vị là Chuyên viên, Nhân viên đang công tác tại các phòng, trung tâm thuộc Trường. [H07.07.01.04], [H07.07.01.05].

Sau khi thực hiện Đề án Sáp nhập trường, để chuẩn bị cho công tác rà soát quy hoạch lại cán bộ, Nhà trường đã ban hành Kế hoạch số 02/KH-ĐHHD ngày 05/01/2024 về việc xây dựng quy hoạch lãnh đạo, quản lý các phòng, khoa, trung tâm, trường thực hành sư phạm nhiệm kỳ 2021-2026, 2026 -2031.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ chuyên viên, nhân viên của Nhà trường hầu hết có trình độ, năng lực chuyên môn từ đại học trở lên, tuổi đời còn trẻ, nhiệt tình, trách nhiệm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Trên thực tế, đội ngũ nhân viên của Nhà trường có một nửa là giảng viên kiêm nhiệm, có trình độ cao, đây là một thuận lợi cho công tác quy hoạch đội ngũ.

3. Điểm tồn tại

Như đã nêu trên phần Điểm mạnh, đội ngũ nhân viên của Nhà trường có một nửa là giảng viên kiêm nhiệm, đảm nhiệm cả công tác giảng dạy và công tác chuyên môn tại các phòng, khoa, trung tâm. Một số vị trí có nhiều nhiệm vụ, dẫn đến chưa chính chu trong các mảng công việc.

4. Kế hoạch hành động

- Tiếp tục khuyến khích đội ngũ chuyên viên, nhân viên học tập nâng cao trình độ.
- Xây dựng bổ sung quy định về chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên.
- Đề án Vị trí việc làm mới khi được phê duyệt và thực hiện sẽ giảm bớt được tình trạng kiêm nhiệm chồng chéo nhiệm vụ cho đội ngũ nhân viên.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Trước năm 2017 việc tuyển dụng cán bộ, giảng viên và nhân viên được thực hiện theo các tiêu chuẩn được quy định trong văn bản về Quy định tuyển dụng và ký hợp đồng lao động với các tiêu chí cụ thể như sau: *Đảm bảo công khai, dân chủ; Đảm bảo đúng tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ; Việc tuyển dụng thông qua Hội đồng tuyển dụng của Nhà.* Khi Đề án vị trí việc làm được ban hành thì việc tuyển dụng được thực

hiện theo đúng các tiêu chí đã được mô tả cho từng vị trí công việc, chẳng hạn như với vị trí giảng viên thì ứng viên phải đáp ứng các tiêu chí sau: (1) Về hiểu biết: Hiểu và vận dụng đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nắm vững kiến thức (cả về lý thuyết và thực hành); (2) Về trình độ: Học vị Thạc sĩ trở lên, sử dụng được 1 ngoại ngữ trong chuyên môn; (3) Về yêu cầu khác: Qua lớp bồi dưỡng kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, ứng dụng tin học vào giảng dạy [H07.07.02.01]. Các văn bản: Quy định tuyển dụng và ký hợp đồng lao động hay Đề án vị trí việc làm đều được xây dựng đảm bảo tuân thủ theo quy định Luật Viên chức, Bộ Luật Lao động, Luật Giáo dục của Nhà nước.

Về việc lựa chọn và điều chuyển nhân viên được Nhà trường thực hiện tuân thủ đúng theo quy định của Luật Viên chức, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Quyết định số 44/2020/QĐ-UB ngày 10/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương về việc ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; hội, quỹ cấp tỉnh và người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp thuộc UBND tỉnh quản lý [H07.07.02.02]. Khi có đơn vị thuộc trường có văn bản đề nghị bổ sung nhân sự, Phòng Tổ chức nhân sự (nay là Phòng Tổ chức – Tổng hợp) xây dựng kế hoạch hoặc tờ trình Hiệu trưởng và xin ý kiến Đảng uỷ về điều động viên chức nhằm khắc phục việc thiếu nhân sự đảm nhận các mảng công tác chuyên môn nghiệp vụ. Khi được sự nhất trí của Đảng uỷ và Hiệu trưởng, Phòng TCNS ra Thông báo bổ sung nhân sự cho đơn vị thuộc Trường [H07.07.02.03], Thông báo được công khai gửi đến toàn thể cán bộ, viên chức qua Email. Trong Thông báo có mô tả rõ về vị trí việc làm, công việc đảm nhận, tiêu chuẩn trình độ và kinh nghiệm làm việc để toàn thể viên chức trong Trường có thể đối chiếu, nếu phù hợp có thể nộp hồ sơ ứng tuyển về phòng Tổ chức nhân sự. Hết thời hạn nộp hồ sơ, Phòng Tổ chức nhân sự báo cáo trình tập thể Lãnh đạo Trường cùng đánh giá và đưa ra lựa chọn ứng viên phù hợp nhất. Đại diện Lãnh đạo Trường hoặc Trưởng phòng Tổ chức nhân sự mời các ứng viên lên lắng nghe trực tiếp nguyện vọng của viên chức ứng tuyển. Đối chiếu với kết luận của Tập thể Lãnh đạo, nếu viên chức được chọn hoàn toàn nhất trí, Nhà trường ra Quyết định điều động.

Sau khi thực hiện Đề án Sáp nhập trường, ngày 12/9/2023, Nhà trường đã ban hành Quy chế bổ nhiệm, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo quản

lý và điều động viên chức làm việc tại Trường theo Quyết định số 499/QĐ-ĐHHD [H07.07.02.04]. Quy chế đã quy định rõ trình tự, thủ tục và hồ sơ về điều động và bổ nhiệm đối với viên chức:

Về trình tự, thủ tục và hồ sơ về điều động: *Phòng Tổ chức - Tổng hợp xây dựng kế hoạch hoặc tờ trình Hiệu trưởng về điều động đối với viên chức nhằm tạo điều kiện đào tạo bồi dưỡng đội ngũ viên chức và phục vụ yêu cầu công tác, trong đó xem xét trình độ chuyên môn đáp ứng công việc và nguyện vọng trước khi điều động của viên chức. Sau khi có ý kiến của Hiệu trưởng, Phòng Tổ chức - Tổng hợp thông báo đến đơn vị có viên chức được điều động và đơn vị được nhận viên chức điều động.*

Khi xây dựng các văn bản quy định về tuyển dụng đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên, Nhà trường đều gửi đến các đơn vị trong toàn Trường để lấy ý kiến góp ý xây dựng. Trên cơ sở tiếp thu các ý kiến đóng góp của các đơn vị, bản Quy định được hoàn thiện, ban hành và đưa vào áp dụng. Các văn bản quy định về các tiêu chí, quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm được phổ biến rộng rãi đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên của Trường thông qua nhiều hình thức khác nhau như các cuộc họp giao ban lãnh đạo chủ chốt Nhà trường, bằng văn bản gửi qua thư điện tử tới Trưởng/Phụ trách các đơn vị, để triển khai tới toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên [H07.07.02.05].

2. Điểm mạnh

Các tiêu chí tuyển chọn để điều chuyển, bổ nhiệm của Nhà trường đầy đủ, rõ ràng và đầy đủ cho các đối tượng từ cán bộ, giảng viên, giáo viên đến chuyên viên, nhân viên. Điều này phần nào thúc đẩy được sự cố gắng, nỗ lực, chí tiến thủ của đội ngũ nhân viên.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay Nhà trường chưa xây dựng Quy chế tuyển dụng đối với đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục triển khai xây dựng Quy chế tuyển dụng đối với đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên. Bên cạnh đó tiếp tục rà soát, đối chiếu quy định về tiêu chuẩn đạo đức, năng lực, trình độ chuyên môn, trình độ chính trị đối với đội ngũ chuyên viên, nhân viên. Từ đó thực hiện tinh giản đối với những vị trí không hiệu quả để có kế hoạch tuyển dụng mới, làm mới đội ngũ.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Trong Quy chế tổ chức và hoạt động Trường ĐHHĐ và Quy định về chức năng nhiệm vụ các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường, Phòng Tổ chức nhân sự, nay là Phòng Tổ chức - Tổng hợp là đơn vị được giao phụ trách công tác đánh giá chất lượng công việc cán bộ, giảng viên, nhân viên lao động, với chức năng, nhiệm vụ xây dựng Kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực [H07.07.03.01], [H07.07.03.02]

Năm 2019 Nhà trường ban hành Bộ tiêu chí đánh giá cán bộ, giảng viên, nhân viên [H07.07.03.03], Bộ tiêu chí đánh giá được xây dựng để đánh giá cán bộ, giảng viên, nhân viên theo 4 nhóm: (1) Lãnh đạo Khoa, (2) Lãnh đạo Phòng, (3) Giảng viên, (4) Nhân viên với các tiêu chí đánh giá rõ ràng, chi tiết:

Phiếu đánh giá nhân viên bao gồm 4 tiêu chí với tổng điểm 100: *Yêu cầu chung (bao gồm chấp hành nội quy, tác phong, hoàn thành công việc) 20 điểm; Năng lực và phương pháp làm việc 30 điểm; Phẩm chất và thái độ 30 điểm; Kết quả làm việc 20 điểm.*

Năm 2023, theo đặc điểm tình hình mới sáp nhập, Nhà trường đã ban hành Quy định về đánh giá, xếp loại viên chức, lao động.

Định kỳ tháng 6 hàng năm, Nhà trường tổ chức thực hiện đánh giá kết quả công việc của cán bộ, giảng viên, nhân viên theo quy trình cụ thể sau: (1) Phòng Tổ chức soạn thảo Kế hoạch/Hướng dẫn, mẫu phiếu đánh giá trình Hiệu trưởng duyệt và ban hành cho các đơn vị thuộc trường [H07.07.03.04]. (2) Cá nhân tự đánh giá (3) Quản lý cấp trên đánh giá theo từng đơn vị, lãnh đạo đơn vị tổng hợp kết quả gửi về Phòng Tổ chức nhân sự; (4) Phòng Tổ chức nhân sự tổng hợp kết quả đánh giá từ các đơn vị để trình Hội đồng thi đua khen thưởng Trường xét duyệt [H07.07.03.05]; (5) Kết quả xét duyệt của Hội đồng được thông báo gửi bằng văn bản tới các đơn vị trong toàn Trường [H07.07.03.06].

Sau mỗi đợt đánh giá của từng năm học, Phòng Tổ chức nhân sự được giao trách nhiệm lưu trữ phiếu đánh giá, dữ liệu và báo cáo kết quả đánh giá, hiệu quả công việc của cán bộ, giảng viên, nhân viên, bằng bản cứng và bản mềm.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng hệ thống đánh giá cán bộ, viên chức, lao động đầy đủ, cụ thể. Công tác tổ chức đánh giá hàng năm được tổ chức thực hiện công khai, minh bạch, bài bản, đúng quy trình.

3. Điểm tồn tại

Một bộ phận nhỏ cán bộ, giảng viên, nhân viên khi thực hiện góp ý, phê bình cho đồng nghiệp và tự phê bình bản thân đôi khi còn cả nề, hời hợt, dẫn đến kết quả đánh giá chưa thực sự chính xác.

Nhà trường chưa thực hiện khảo sát về độ hài lòng của người học đối với đội ngũ nhân viên.

4. Kế hoạch hành động

- Tiếp tục sửa đổi, bổ sung bộ tiêu chí đánh giá nhân viên.
- Năm học 2023 - 2024 Nhà trường đã tiến hành xây dựng Phiếu khảo sát và thực hiện khảo sát đo độ hài lòng của người học đối với đội ngũ nhân viên Nhà trường và đã tiến hành lấy ý kiến góp ý của người học.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Để góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên, Nhà trường đã quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên và đã triển khai các hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu này. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ của NV. Các lĩnh vực nâng cao bồi dưỡng được xác định gồm: lý luận chính trị, bồi dưỡng chuyên môn, ngoại ngữ và tin học, an ninh quốc phòng [H07.07.04.01]. Nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên được xác định qua hai kênh. Kênh thứ nhất xuất phát từ nguyện vọng đăng ký được đào tạo, bồi dưỡng của cá nhân. Khi có nhu cầu nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ của bản thân, cá nhân nhân viên làm đơn/tờ trình xin đi học nâng cao trình độ/bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ gửi lãnh đạo Nhà trường xét duyệt. Trên cơ sở ý kiến xác nhận của lãnh đạo đơn vị nơi nhân viên làm việc, lãnh đạo Nhà trường xét thấy việc đi học/ bồi dưỡng là cần thiết và chính đáng thì duyệt đồng ý và chuyển sang Phòng TC-TH ra quyết định cử đi học hoặc đi bồi dưỡng. Kênh thứ hai xuất phát từ phía Nhà trường cần cử nhân viên đi học tập/tập huấn/bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đáp ứng nhu cầu công việc. Khi có các khóa/lớp tập huấn/bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho nhân viên, Nhà trường cử đích danh nhân viên đi học. Đối với các viên chức trong nguồn quy

hoạch, Nhà trường đã liên kết mời giảng viên và cử... người đi học lớp Bồi dưỡng kiến thức quản lý cho đối tượng Trường, Phó phòng và tương đương. Công tác bồi dưỡng được nhà trường hết sức quan tâm [H07.07.04.02]. Nhà trường luôn tạo điều kiện về mọi mặt (thời gian, nhân lực, kinh phí) để nhân viên yên tâm đi học/bồi dưỡng/tập huấn. Đối với các khóa học/bồi dưỡng/tập huấn/thi nâng ngạch ngắn hạn, Nhà trường đều có chính sách hỗ trợ kinh phí học tập, đi lại, ăn, ở từ... đến 100% học phí/lệ phí/chi phí tùy thuộc vào địa điểm học, số lượng nhân viên đi học của mỗi đợt, tính chất cần thiết, quan trọng của khóa học. Các trường hợp này, kinh phí được hỗ trợ ngay khi đi học/bồi dưỡng/tập huấn theo quy định và thực tế công việc. Đối với các trường hợp xin đi học dài hạn nâng cao trình độ (cử nhân, thạc sỹ, tiến sỹ), Nhà trường hỗ trợ kinh phí đào tạo theo mức quy định tại Quy chế Chi tiêu nội bộ của Trường [H07.07.04.03]. Trong các trường hợp này, kinh phí hỗ trợ cho nhân viên sau khi có bằng tốt nghiệp báo cáo về Trường. Từ năm 2018 đến năm 2023, Nhà trường đã cử trên 150 lượt nhân viên đi học tập/đào tạo/bồi dưỡng từ ngắn hạn đến dài hạn [H07.07.04.04]. Điều này đã làm cải thiện đáng kể trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên, tạo động lực cho đội ngũ này phấn đấu và cống hiến nhiều hơn trong công tác.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã đáp ứng tốt nhu cầu về đào tạo/bồi dưỡng, nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên thể hiện qua việc đồng ý và hỗ trợ kinh phí, tạo điều kiện về thời gian để nhân viên yên tâm đi học/bồi dưỡng/tập huấn. Nhà trường có kế hoạch về đào tạo/bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên và đã triển khai thực hiện trên thực tế.

3. Điểm tồn tại

Vì những điều kiện khách quan và chủ quan, Nhà trường chưa thật sự chú ý đến công tác đào tạo, bồi dưỡng năng lực lãnh đạo, điều hành cho đội ngũ nhân viên trong diện quy hoạch cán bộ lãnh đạo các đơn vị hỗ trợ để họ có thể thích ứng tốt với công việc sau khi được bổ nhiệm.

4. Kế hoạch hành động

- Từ đầu năm học 2023 - 2024, Nhà trường sẽ quan tâm triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng năng lực lãnh đạo, điều hành cho đội ngũ nhân viên trong diện quy hoạch cán bộ lãnh đạo các đơn vị hỗ trợ.

- Phòng TC-TH; Phòng HC-QT; các phòng chức năng; Các trung tâm... khuyến khích các nhân viên phòng ban tham gia các khóa tập huấn về nghiệp vụ chuyên môn. Giao các phòng chủ động đề xuất các lớp học, khóa tập huấn có liên quan đến nghiệp vụ của đơn vị.

- Từ năm học 2023-2024, Phòng TC-TH; Phòng HC- QT; các phòng chức năng; các trung tâm... chủ động khảo sát nhu cầu đào tạo của đội ngũ nhân viên và có kế hoạch triển khai các hoạt động đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ hỗ trợ. Nhà trường tổ chức các khóa, lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên theo nhu cầu.

5. Tự đánh giá: *Tiêu chí Đạt, mức 5/7.*

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Đề án Vị trí việc làm giai đoạn 2023 - 2026 của Trường ĐHHD [H07.07.05.01] đã quy định cụ thể về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, mô tả công việc và khung năng lực, trình độ chuyên môn từng vị trí việc làm như cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên văn thư, thư viện, y tế, kỹ thuật, phục vụ, lễ tân, bảo vệ, lái xe trình cấp có thẩm quyền thẩm định. Việc đánh giá NV được Nhà trường quy định cụ thể [H07.07.05.02]. Các tiêu chí, quy trình đánh giá hiệu quả công việc đều được lấy ý kiến từ tất cả CBGVNVLD [H07.07.05.03]. Việc đánh giá, xếp loại chất lượng lao động của NV dựa trên các đánh giá nghiệm thu khối lượng, chất lượng công việc hàng tháng của đơn vị. Cuối năm, căn cứ mức độ đánh giá các tháng, đơn vị họp và bình xét, đánh giá cho NV theo các mức: không hoàn thành/hoàn thành/hoàn thành tốt/hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. [H07.07.05.04]. Các danh hiệu thi đua gắn liền với những khen thưởng về vật chất và tinh thần, tăng lương trước thời hạn được quy định tại Quy định về Thi đua, khen thưởng của Nhà trường. [H07.07.05.05]. Việc đánh giá, xếp loại chất lượng lao động, thi đua và khen thưởng hàng năm giúp cho đội ngũ NV có ý thức trách nhiệm hơn trong việc cố gắng hoàn thành tốt các công việc được giao. Kết quả xếp loại chất lượng lao động và bình xét danh hiệu thi đua hàng năm của nhà trường trong 5 năm gần đây trung bình đều đạt trên 80% CBVC hoàn thành tốt nhiệm vụ, 90% đạt danh hiệu lao động tiên

tiến trở lên. Nhiều đơn vị nhiều năm liền đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến [H07.07.05.06], [H07.07.05.07]

Ngoài các hình thức thi đua, vào cuối năm học, sau khi có kết quả nghiệm thu về giảng dạy, NCKH, tuyển sinh... Hiệu trưởng Nhà trường còn ra quyết định tặng Giấy khen và thưởng tiền kèm theo cho những CBGVNV có thành tích cao trong các mặt công tác [H07.07.05.08] động viên, khích lệ thành tích của CBGVNV.

Tính đến thời điểm hiện nay trong Trường không có đơn từ khiếu nại về kết quả đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho các NV. Tuy nhiên, chưa có khảo sát ý kiến về mức độ hài lòng của NV về kết quả đánh giá, đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận hàng năm.

Để khích lệ, động viên CBGVNV yên tâm công tác, đạt thành tích cao trong các hoạt động chuyên môn, Nhà trường còn thực hiện xét thu nhập tăng thêm cho toàn thể CBGVNV [H07.07.05.09]. Theo đó, ngoài lương, hàng tháng, NV còn được hưởng phần thu nhập tăng thêm dựa vào bình xét kết quả, chất lượng lao động tại đơn vị. Điều này đã góp phần làm giảm bớt khó khăn về kinh tế, nâng cao đời sống cho NV Nhà trường.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có các tiêu chí đánh giá, phân loại lao động, các hình thức khen thưởng đa dạng đến từng đối tượng như GV, NV, LD.

- Quy định về thu nhập tăng thêm của Nhà trường là một động lực thúc đẩy NV hăng say công tác, cố gắng thực hiện tốt hơn, hiệu quả hơn công việc được giao.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa tiến hành khảo sát ý kiến NV về mức độ hài lòng với việc quản trị theo kết quả công việc hàng năm.

4. Kế hoạch hành động

- Nhà trường tiếp tục ban hành các quy định tổ chức, triển khai và đánh giá hiệu quả hoạt động của NV và có các hình thức khen thưởng, nâng lương trước thời hạn tạo động lực cho NV trong mọi lĩnh vực công tác.

- Từ năm học 2023 - 2024, Phòng TC-TH xây dựng mẫu phiếu khảo sát và triển khai thực hiện lấy ý kiến NV về sự hài lòng với việc quản trị theo kết quả công việc hàng năm.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt, mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 7:

Đội ngũ nhân viên các phòng, khoa, trung tâm, các đơn vị trực thuộc Trường hỗ trợ tham gia vào thực hiện CTĐT của Trường đủ về số lượng, mạnh về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng động, nhiệt tình, tận tụy với công việc. Với cách tổ chức và điều hành bài bản, khoa học, có hệ thống, từ công tác quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đến công tác đánh giá, xếp loại, công nhận, khen thưởng đã tạo ra đội ngũ nhân viên có chất lượng, đủ sức thực hiện và hoàn thành tốt các kế hoạch, nhiệm vụ của Nhà trường. Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, Nhà trường thừa nhận vẫn còn một số hạn chế nhất định trong công tác cán bộ đối với đội ngũ nhân viên như công tác bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo các đơn vị hỗ trợ còn ở mức khiêm tốn; chưa sâu sát đến công tác đào tạo, bồi dưỡng năng lực lãnh đạo, điều hành cho đội ngũ nhân viên trong diện quy hoạch; tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá nhân viên còn chung chung, mang tính định tính, chưa được lượng hóa thật cụ thể. Trong thời gian tới, Nhà trường sẽ sớm khắc phục những hạn chế này để đội ngũ nhân viên thực sự vững mạnh, yên tâm công tác và cống hiến, góp phần hỗ trợ đắc lực cho công tác đào tạo, NCKH...

- Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 7:

+ Điểm trung bình của tiêu chuẩn Đạt, mức 4,5/7 điểm.

+ Tỷ lệ số tiêu chí Đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 8. Người học và hỗ trợ người học

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

1. Mô tả

Nhà trường đã ban hành đề án tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021, 2022, 2023 có ghi rõ quy mô đào tạo, thông tin tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất. Trong mục các thông tin của năm tuyển sinh đã xác định rõ đối tượng tuyển sinh, phạm vi và phương thức tuyển sinh. Chỉ tiêu tuyển sinh được xác định rõ ngành/Nhóm ngành/Khối ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo. Hồ sơ và thời gian, chính sách ưu tiên, lệ phí xét tuyển và học phí dự kiến với sinh viên chính quy, thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm cũng được quy định rõ ràng [H08.01.01]. [H08.01.02]. [H08.01.03]. [H08.01.04].

Các đối tượng, quy trình thi/xét tuyển, đánh giá đầu vào; đối tượng thi tuyển, xét tuyển; đối tượng ưu tiên được quy định rõ trong Đề án tuyển sinh hàng năm. Cụ thể như Đề án tuyển sinh năm 2023 có ghi rõ 4 phương thức tuyển sinh chính quy trình độ đại

học. Trong các phương thức xét tuyển có ghi rõ các đối tượng ưu tiên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H08.01.01.10]. Hàng năm, Nhà trường đều có báo cáo thống kê tuyển sinh gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong báo cáo thống kê có ghi rõ số sinh viên tuyển mới, quy mô tuyển sinh chia năm theo chương trình đào tạo, thống kê tốt nghiệp có ghi rõ phân loại tốt nghiệp theo các loại: xuất sắc, giỏi, khá, trung bình. [H08.01.02]. Đồng thời, hàng năm sau khi kết thúc tuyển sinh, Nhà trường đều báo cáo tổng hợp danh sách thí sinh trúng tuyển - nhập học theo các chương trình/hình thức đào tạo. Trong báo cáo có ghi rõ số lượng thí sinh trúng tuyển, nhập học tại các ngành đào tạo. [H8.1.02.01- H8.1.02.02]. Điểm trúng tuyển đại học chính quy hàng năm theo các phương thức cũng được công khai, công bố rõ ràng [H8.1.02.03].

Chính sách tuyển sinh được cập nhật kịp thời. Trước khi thông báo tuyển sinh, Nhà trường có ban hành kế hoạch Tư vấn tuyển sinh, trong đó phân công rõ các đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, các phương án thực hiện, ví dụ như bản mềm thông tin tuyển sinh được dùng quảng bá trên mạng xã hội và lập các trang Fanpage cấp khoa/trung tâm... để phục vụ công tác tuyển sinh [H8.1.03.01]. Thông báo tuyển sinh có ghi rõ phương thức xét tuyển, chỉ tiêu xét tuyển, cơ hội việc làm trong quá trình học tập và sau tốt nghiệp. [H8.1.03.02- H8.1.03.04]. Sau khi có kết quả tuyển sinh, Nhà trường tổ chức Hội nghị Tổng kết công tác tuyển sinh và đề ra phương hướng, nhiệm vụ tuyển sinh năm học tiếp theo. Ban Giám hiệu nhà trường có phân công Trung tâm tuyển sinh tổng hợp các số liệu tuyển sinh trong 3 năm gần nhất để làm dữ liệu đánh giá, đối sánh. Hội nghị cũng chỉ rõ tồn tại của công tác tuyển sinh là một số ít đơn vị chưa thực sự thúc đẩy mạnh mẽ công tác tuyển sinh. [H8.1.03.05]. Từ đó đề ra phương hướng phát triển các chương trình đào tạo mới, ngành học mới và dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh năm sau [H8.1.03.06].

2. Điểm mạnh: Các văn bản liên quan đến tuyển sinh được ban hành công khai, rõ ràng, đúng quy định.

3. Điểm tồn tại: Một vài đơn vị trong Nhà trường còn chưa thực sự chú trọng đến công tác tuyển sinh.

4. Kế hoạch hành động (*những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện*)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú

1	Khắc phục tồn tại	Tập trung chú trọng vào công tác tuyển sinh	Các khoa chuyên môn	Tháng 4 năm 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xây dựng kế hoạch tuyển sinh	Phòng Đào tạo đại học	Tháng 3 năm 2024	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học luôn được xác định rõ ràng trong Đề án và kế hoạch tuyển sinh. Các phương thức tuyển sinh được quy định phù hợp, Trong các phương thức xét tuyển có ghi rõ các đối tượng ưu tiên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H08.01.01.10].

Tiêu chí và phương pháp tuyển sinh cũng được rà soát và đánh giá hàng năm. Điều này được thể hiện ở Hội nghị đánh giá công tác tuyển sinh. Hội nghị đã phân tích và đánh giá thực trạng mức độ tuyển sinh, chỉ ra những ưu điểm, nhược điểm trong công tác tuyển sinh, có đối sánh với 3 năm gần nhất để đề ra phương án tuyển sinh năm tiếp theo. [H8.1.03.01]. Không chỉ thể hiện trong Hội nghị tuyển sinh hàng năm, tại các cuộc họp của khoa chuyên môn cũng thảo luận, trao đổi và có ý kiến góp ý về các phương án tuyển sinh nhằm nâng cao hiệu quả. [H8.1.03.02].

2. Điểm mạnh: Đề án và kế hoạch tuyển sinh quy định rõ ràng các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học.

3. Điểm tồn tại: Chưa tiến hành khảo sát về chất lượng sinh viên của các ngành đào tạo để đánh giá chính xác công tác tuyển chọn người học hàng năm

4. Kế hoạch hành động (những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện khảo sát chất lượng	Phòng CTSV-VL, các khoa	Tháng 6 năm 2024	

		sv các ngành đào tạo	chuyên môn		
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xây dựng các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học cho phù hợp với năm học mới	Phòng Đào tạo đại học	Tháng 3 năm 2024	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học

1. Mô tả

Nhà trường có bộ phận cán bộ chuyên trách được phân công giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học. Quy trình giám sát sự tiến bộ của người học được ban hành ngay từ đầu năm học. [H08.03.01.01]. Hệ thống giám sát người học được quy định theo từng cấp, từ trưởng các phòng Đào tạo, Công tác sinh viên. Tại các phòng chức năng trên có phân công cụ thể cán bộ nhân viên phòng phụ trách theo dõi sinh viên từng khoa, từng ngành. [H8.3.01.02]. (*Danh sách CBNV được phân công giám sát*) Đầu năm học, nhà trường ban hành Quyết định giao nhiệm vụ chủ nhiệm lớp kiêm Cố vấn học tập. Trong Quy chế công tác học sinh, sinh viên cũng ghi rõ: Chủ nhiệm lớp học sinh, sinh viên hỗ trợ, quản lý, hướng dẫn các hoạt động học tập và rèn luyện của lớp học sinh, sinh viên. Đồng thời, Nhà trường cũng quy định hàng tháng các chủ nhiệm lớp gửi báo cáo tình hình học tập, rèn luyện của sinh viên các lớp về phòng Công tác sinh viên - Việc làm, Phòng Công tác sinh viên - Việc làm tập hợp báo cáo Lãnh đạo trường. Vì thế nên việc chấn chỉnh tình hình học tập, rèn luyện của sinh viên được thực hiện kịp thời, mang lại hiệu quả. [H8.3.01.03 - H8.3.01.06]. Nhà trường cũng ban hành quyết định phân công Hội đồng đánh giá rèn luyện sinh viên. Sau mỗi học kỳ, Nhà trường thực hiện việc đánh giá rèn luyện sinh viên theo đúng quy trình: Cấp cá nhân sinh viên, cấp lớp, Phòng Công tác sinh viên - Việc làm rà soát trình Hội đồng họp đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên [H8.3.01.07 - H8.3.01.09]. Không chỉ có quy định đánh giá rèn luyện sinh viên theo

	Giỏi	0	50%	0	0	0	0	
	Khá	100%	50%	0	100%	50%	50%	
	Trung bình	0	0	0	0	50%	50%	
	Yếu	0	0	0	0	0	0	
	Kém	0	0	0	0	0	0	
K10.NNA	Xuất sắc	0	0	0	0	0	0	
	Giỏi	0	11,76%	22,2%	12,5%	0	0	
	Khá	50%	11,76%	55,5%	50%	16,67%	50%	
	Trung bình	16,67%	29,4%	11,1%	25%	50%	50%	
	Yếu	33,33%	47,08%	11,1%	12,5%	33,33%	0	
	Kém	0	0	0	0	0	0	
K9.KTĐ	Xuất sắc	0	0	0	0	0	0	
	Giỏi	0	0	4,76%	0	9,5%	0	
	Khá	17,4%	56,5%	76,2%	19%	61,9%	85,7%	
	Trung bình	78%	34,8%	14,28%	71,5%	23,8%	9,5%	
	Yếu	4,6%	8,7%	4,76%	9,5%	4,8%	0	
K9.QTKD	Xuất sắc	0	0	4,17%	0	17,4%		
	Giỏi	0	3,57%	12,5%	8,33%	13%		
	Khá	18,5%	35,7%	62,5%	37,5%	34,8%		
	Trung bình	55,55%	21,4%	12,5%	20,83	30%		
	Yếu	0	39,33%	4,17%	16,66	0		
	Kém	0	0	0	0	0		
	Khá	0	25%	57%	28,6%	57%	57%	
	Trung bình	69%	16,67%	28,6%	42,9%	0	14%	
	Yếu	0	58,33%	14,4%	28,5%	14%	14%	
	Kém	31%	0	00	0	29%	15%	

(Nguồn: Phòng CTSV)

BẢNG ĐỐI SÁNH ĐIỂM HỌC TẬP

Lớp	Xếp loại HT	Năm 2020-2021		Năm 2021-2022		Năm 2022-2023		
		Kỳ I	Kỳ II	Kỳ I	Kỳ II	Kỳ I	Kỳ II	
K9.NNA	Xuất sắc	0	0	0	0	0	0	
	Tốt	50%	50%	100%	50%	50%	50%	
	Khá	50%	50%	0	50%	50%	50%	
	Trung bình	0	0	0	0	0	0	
	Yếu	0	0	0	0	0	0	
K10.NNA	Xuất sắc	0	0	0	0	0	0	
	Tốt	10%	40%	37,5%	16%	33%	17%	
	Khá	90%	60%	62,5%	84%	77%	83%	
	Trung bình	0	0	0	0	0	0	
	Yếu	0	0	0	0	0	0	
K9.KTĐ	Xuất sắc	4,5%	4,5%	4,7%	0	14%	14%	
	Tốt	54,5%	22,7%	38%	19%	38%	33%	
	Khá	41%	72,8%	47,6%	81%	48%	47,6%	
	Trung bình	0	0	9,7%	0	0	5,4%	
	Yếu	0	0	0	0	0	0	
K9.QTKD	Xuất sắc	0	0	0	0	13%	0	
	Tốt	29%	29%	25%	12,5%	21,7%	22%	
	Khá	46%	71%	75%	54,2%	65,3%	78%	
	Trung bình	25%	0	0	33,3%	0	0	
	Yếu	0	0	0	0	0	0	
K10.CNTT	Xuất sắc	0	0	0	0	0	0	
	Tốt	0	12,5%	0	14%	28%	28%	
	Khá	100%	87,5%	100%	86%	44%	72%	
	Trung bình	0	0	0	0	28%	0	
	Yếu	0	0	0	0	0	0	

(Nguồn: Phòng Đào tạo ĐH)

Qua đối sánh cho thấy lớp K9.QTKD có tiến bộ trong học tập và rèn luyện. Lớp K10.NNA có xu hướng đi xuống. Hội đồng nhắc nhở Chủ nhiệm lớp và khoa chuyên môn cần quan tâm hơn nữa tới phong trào học tập và rèn luyện các lớp sinh viên.

2. Điểm mạnh: Hệ thống giám sát được quy định rõ ràng và hoạt động có hiệu quả. Các đơn vị phối hợp chặt chẽ trong việc giám sát mức độ tiến bộ của người học.

3. Điểm tồn tại: Một số sinh viên còn chưa thực sự quan tâm đến kết quả học tập nên không kịp thời trong việc học lại, thi lại, kéo dài thời gian tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động (*những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện*)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đẩy mạnh công tác chủ nhiệm, tăng cường giáo dục tư tưởng cho sv	Phòng CTSV-VL, Chủ nhiệm lớp, các khoa chuyên môn	Trong năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường sự liên kết giữa các đơn vị trong giám sát sự tiến bộ của sv	Các phòng ban chức năng: Đào tạo ĐH, CTSV – VL, Chủ nhiệm lớp, các khoa chuyên môn	Trong năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1. Mô tả

Nhà trường ban hành Quy chế công tác sinh viên theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và đào tạo. Trong Quy chế có nêu rõ nội dung hỗ trợ và dịch vụ sinh viên. Cụ thể: tư vấn

học tập: Tư vấn, hỗ trợ sinh viên xây dựng kế hoạch, phương pháp học tập phù hợp với mục tiêu và năng lực; cung cấp thông tin về chương trình đào tạo, hướng dẫn sinh viên tiếp cận các nguồn lực về học thuật, tài chính, kỹ thuật... nhằm nâng cao khả năng, học tập hiệu quả. Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học [H8.3.01.07.10]. Chủ nhiệm lớp sinh viên có trách nhiệm hỗ trợ quản lý, hướng dẫn các hoạt động học tập và rèn luyện của lớp sinh viên. Cố vấn học tập có trách nhiệm tư vấn, hướng dẫn sinh viên thực hiện tốt quy chế, quy định về đào tạo [H8.3.01.07.12]. Ngay từ đầu năm học Nhà trường ra quyết định giao nhiệm vụ Chủ nhiệm lớp kiêm Cố vấn học tập, trong quyết định phân công chủ nhiệm lớp kiêm cố vấn học tập là một giảng viên chuyên trách của từng khoa chuyên môn [H8.4.01.01].

Về việc làm của sinh viên, Quy chế Công tác học sinh, sinh viên năm 2023 đã ghi rõ tổ chức thực hiện các nội dung, biện pháp tư vấn hướng nghiệp, việc làm theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. [H8.4.02.01.12]. Để thực hiện có hiệu quả công tác tư vấn việc làm cho sinh viên, ngay từ đầu năm học và trong các cuộc họp giao ban hàng tháng, Hiệu trưởng nhà trường đã giao nhiệm vụ cho phòng Công tác sinh viên - Việc làm chủ động kết nối với các doanh nghiệp tìm việc làm cho sinh viên. [H8.4.02.01.13]. Năm vừa qua, phòng Công tác sinh viên - Việc làm đã phối hợp với nhiều công ty, doanh nghiệp để tìm việc làm cho nhiều sinh viên, kể cả sinh viên tốt nghiệp và đang theo học tại trường. Năm 2023 Nhà trường đã ký hợp tác với công ty JoBoKo giới thiệu việc làm cho sinh viên trên phạm vi toàn quốc, phối hợp với Trung tâm xúc tiến việc làm của Tỉnh để đảm bảo thường xuyên công việc cho sinh viên. Việc phối hợp với các doanh nghiệp không những tạo cơ hội việc làm cho sinh viên mà còn thu hút được nhiều gói học bổng có ý nghĩa với sinh viên. [H8.4.02.02]. Ban Giám hiệu nhà trường giao cho Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh thành lập Câu lạc bộ gia sư để giới thiệu việc làm cho các sinh viên ngành sư phạm, nội quy hoạt động của Câu lạc bộ cũng được xây dựng cụ thể. Những năm gần đây, Câu lạc bộ Gia sư của nhà trường đã được nhiều học sinh, phụ huynh và sinh viên tin tưởng [H8.4.02.03]. Đầu năm học, Phòng Công tác sinh viên - Việc làm, các khoa chuyên môn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên đều xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ sinh viên về tư vấn tâm lý, chăm sóc sức khỏe. Cụ thể, Quy chế công tác sinh viên ghi rõ: tư vấn tâm lý, hỗ trợ học sinh, sinh viên khi gặp phải các vấn đề về tâm lý xã hội; tổ chức khám sức khỏe đầu vào và định kỳ cho học sinh, sinh viên; tổ chức cho học sinh, sinh

viên thực hiện Luật bảo hiểm y tế; sơ, cấp cứu, khám chữa bệnh ban đầu cho học sinh, sinh viên. Đầu mỗi năm học, Nhà trường đều xây dựng Kế hoạch Công tác y tế trường học. Sau khi phân tích những thuận lợi, khó khăn trong công tác y tế, Nhà trường cũng đề ra các chỉ tiêu kế hoạch cụ thể. Từ đó xây dựng các giải pháp và nội dung hoạt động [H8.4.03.04]. Sau khi xây dựng Kế hoạch, Nhà trường đã phối hợp cùng Ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ Tỉnh Hải Dương tiến hành khám và chữa bệnh ban đầu cho sinh viên. [H8.4.03.05]. [H8.4.03.06]. Ngoài việc hỗ trợ tư vấn học tập và tư vấn tâm lý, chăm sóc sức khỏe cho sinh viên, Quy chế công tác sinh viên quy định rõ việc hỗ trợ tài chính. Cụ thể là Nhà trường phối hợp với các tổ chức, cá nhân trao học bổng cho học sinh, sinh viên xuất sắc, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn [H8.4.02.01.12]. Trong những năm gần đây nhà trường đã phối hợp với nhiều công ty, doanh nghiệp trao học bổng cho sinh viên như Công ty TNHH YJM trao học bổng Yeonam, Công ty bảo hiểm Cathay Life trao học bổng thịnh trí thành tài, Công ty thép Hòa Phát trao học bổng cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn... [H8.4.02.07]. [H8.4.02.08]. Bên cạnh đó Nhà trường còn triển khai dịch vụ công tác xã hội trong trường học, tạo điều kiện giúp đỡ sinh viên khuyết tật, học sinh, sinh viên diện chính sách, có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt. Trong mỗi học kỳ, Phòng Công tác sinh viên - Việc làm phối hợp cùng Phòng Tài chính kế toán làm thủ tục miễn giảm học phí cho các sinh viên thuộc diện con thương binh, bệnh binh, con của người có công với cách mạng, sinh viên thuộc hộ nghèo, cận nghèo dân tộc thiểu số, sinh viên dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn, con mồ côi cha mẹ, sinh viên tàn tật, khuyết tật. [H8.4.02.09]. Thực hiện mục tiêu bổ sung kiến thức cho sinh viên, giúp các em có thêm các kỹ năng mềm trong học tập và rèn luyện, vào đầu năm học, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên phối hợp cùng Phòng Công tác sinh viên - Việc làm, các khoa chuyên môn xây dựng kế hoạch Tổ chức đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên. Trong các buổi học, sinh viên được bổ sung các kỹ năng học tập bậc đại học, kỹ năng sống, phát triển sự nghiệp của bản thân và khởi nghiệp. Ngay tại tuần sinh hoạt công dân đầu năm, Phòng Công tác sinh viên - Việc làm đã phối hợp với các công ty, doanh nghiệp, Trung tâm xúc tiến việc làm của tỉnh trang bị cho sinh viên các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng phỏng vấn việc làm... từ đó các em có định hướng đúng đắn trong học tập. [H8.4.02.10]. Ngay từ tuần sinh hoạt công dân - Sinh viên đầu năm học, Phòng Công tác sinh viên - Việc làm đã phối hợp với các công ty, doanh nghiệp, Trung tâm xúc tiến việc làm của Tỉnh gỡ gỡ, trao đổi với sinh viên, qua đó các em nắm bắt được các cơ hội việc làm [H8.4.02.11]. Trong năm học, Phòng Công tác sinh viên - Việc làm cũng

phối hợp với các ngân hàng phỏng vấn tuyển dụng trực tiếp sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp [H8.4.02.12], chủ động liên kết với doanh nghiệp để liên hệ thực tập cho sinh viên [H8.4.02.13]. Hàng năm, nhà trường cũng ký kết hợp tác với nhiều doanh nghiệp để tạo điều kiện cho sinh viên đi thực hành, thực tập và tuyển dụng việc làm [H8.4.02.13] [H8.4.02.14], [H8.4.02.14], [H8.4.02.14]. Tuy nhiên, còn có số ít sinh viên chưa chú trọng việc rèn luyện kỹ năng mềm, chưa gắn lý thuyết với thực hành, thực tập. Nhà trường cũng tiến hành khảo sát với các sinh viên đã ra trường về chất lượng, hiệu quả các hoạt động học tập, hỗ trợ việc làm. Kết quả khảo sát cho thấy 85% số người học hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động học tập, hỗ trợ việc làm mà Nhà trường thực hiện. [H8.4.02.14]. Song song với việc khảo sát cựu sinh viên về chất lượng, hiệu quả các hoạt động học tập, hỗ trợ việc làm, Phòng Công tác sinh viên – Việc làm cũng khảo sát về tình trạng có việc làm của sinh viên tốt nghiệp hàng năm.

2. Điểm mạnh: Các hoạt động học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua phong phú, thúc đẩy việc học tập của sinh viên.

3. Điểm tồn tại: Một số ít sinh viên chưa chú trọng việc rèn luyện kỹ năng mềm, chưa gắn lý thuyết với thực hành, thực tập

4. Kế hoạch hành động (*những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện*)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đẩy mạnh công tác chủ nhiệm lớp trong việc đôn đốc sv tham gia các hoạt động ngoại khóa	Phòng CTSV-VL, Chủ nhiệm lớp, các khoa chuyên môn	Trong năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Đổi mới đa dạng các hoạt động ngoại khóa cho sinh	Phòng CTSV – VL, Chủ nhiệm lớp, các khoa	Trong năm học 2023-2024	

		viên	chuyên môn, Đoàn TN, Hội Sv		
--	--	------	-----------------------------------	--	--

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân

1. Mô tả

Nhà trường có môi trường cảnh quan tạo điều kiện cho hoạt động đào tạo, NCKH và sự thoải mái của cá nhân. Từ năm 2018 đến năm 2022 Nhà trường có 2 cơ sở là Hải Tân và Liên Hồng. Cơ sở Hải Tân có hơn 30 phòng học được bố trí trong khuôn viên sạch sẽ, thoáng mát. Trong các phòng học được trang bị đầy đủ bàn ghế, máy chiếu, Wifi, loa mic để phục vụ tốt cho việc giảng dạy và học tập. Các phòng, khoa, trung tâm được bố trí ngay trong khuôn viên sân trường thuận lợi cho việc phối hợp công việc giữa các đơn vị. Trong các phòng làm việc được trang bị đầy đủ bàn ghế, máy tính và các phương tiện vật chất khác. Cán bộ nhân viên phòng ban, trung tâm luôn tận tình, chu đáo với phụ huynh và sinh viên cũng như các cá nhân và đơn vị ngoài trường đến liên hệ công tác. Khu ký túc xá nhà trường được bố trí ngay cạnh phòng y tế thuận lợi cho việc chăm sóc sức khỏe của sinh viên. Bên cạnh giảng đường là thư viện được trang bị các sách báo, giáo trình, tài liệu đầy đủ, sạch sẽ. Cán bộ thư viện luôn có thái độ nhiệt tình, ân cần. Tại cơ sở Hải Tân có trang bị 2 phòng vi tính phục vụ cho sinh viên học thực hành. Hội trường rộng rãi với hệ thống âm thanh sân khấu hiện đại đảm bảo cho các buổi hội nghị, tập huấn và các buổi lễ, các hoạt động phong trào được thuận lợi. Sân vận động được bố trí hợp lý tạo điều kiện cho sinh viên tham gia các hoạt động thể thao. Khuôn viên nhà trường được trồng nhiều hoa và cây xanh đẹp mắt đem lại cho người học không khí thoải mái, dễ chịu. Tại địa điểm Liên Hồng rộng 27 ha có 4 tòa ký túc xá được xây dựng hiện đại, mỗi phòng đều được bố trí khép kín, thoáng mát, sạch sẽ. Tại cơ sở này, nhà trường đầu tư trang bị sân vận động rộng rãi rất thuận lợi cho sinh viên học các môn thể dục, quốc phòng và tổ chức các giải bóng đá, thể thao. Nhà bảo vệ, nhà để xe được bố trí hợp lý, an toàn. Bên cạnh khu ký túc xá sinh viên là khu hiệu bộ rộng 27 ha, trong đó nhà Hiệu bộ được xây dựng hiện đại, hợp lý. Các phòng làm việc được bố trí khoa học rất tiện lợi cho quá trình làm việc. [H8.5.01.01]. Các cán bộ nhân viên nhà trường luôn lấy tinh thần trách nhiệm, tận tình với người học. Vì thế nên nhà trường được phụ huynh và sinh viên Đại học Hải Dương luôn tin tưởng.

Bên cạnh môi trường cảnh quan thì môi trường tâm lý, xã hội của nhà trường cũng tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, NCKH và sự thoải mái của người học. Cụ thể là cảnh quan sư phạm của nhà trường luôn sạch sẽ, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn trường. Sức khỏe của cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên nhà trường luôn là vấn đề mà Ban Giám hiệu nhà trường đặc biệt quan tâm. Chính vì vậy y tế học đường được đặc biệt chú trọng. Hàng năm, Nhà trường phối hợp với Trung tâm chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cán bộ khám chữa bệnh cho cán bộ giảng viên và sinh viên. [H8.4.03.05]. [H8.4.03.06]. [H8.5.02.01]. Công tác y tế học đường được thực hiện tốt nên sức khỏe của cán bộ giảng viên, sinh viên nhà trường được đảm bảo. Đây cũng là một trong những điều kiện cần thiết để hoạt động dạy, học, NCKH của nhà trường ngày một hiệu quả. Bên cạnh việc chú trọng công tác y tế học đường, Nhà trường rất quan tâm đến việc xây dựng môi trường học tập thân thiện, văn minh, tạo tâm lý thoải mái, hứng khởi cho người dạy và người học. Quy tắc ứng xử văn hóa nơi công sở và quy tắc văn hóa học đường được Nhà trường ban hành và phổ biến đến toàn thể các cán bộ giảng viên, nhân viên và sinh viên cùng thực hiện. [H8.5.02.02]. [H8.5.02.03]. Để đảm bảo an toàn trong môi trường làm việc, nhà trường đã phối hợp với cơ quan công an tỉnh Hải Dương thường xuyên kiểm tra việc phòng cháy chữa cháy [H8.5.02.04]. Tiếp thu ý kiến phản hồi của người học về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của nhà trường, phòng Công tác sinh viên – Việc làm đã tiến hành khảo sát sinh viên, kết quả khảo sát cho thấy 95% sinh viên hài lòng về môi trường tâm lý, xã hội; 92% sinh viên hài lòng về môi trường cảnh quan của nhà trường [H8.5.02.05].

2. Điểm mạnh: Công tác xây dựng môi trường cảnh quan thực hiện tốt, tinh thần và thái độ phục vụ người học của cán bộ giảng viên nhân viên nhà trường được chú trọng.

3. Điểm tồn tại: Do Nhà trường có nhiều cơ sở nên việc giám sát thực hiện môi trường cảnh quan còn chưa được nhất quán.

4. Kế hoạch hành động (những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đẩy mạnh công tác giám sát thực hiện	Ban Giám hiệu, Phòng Quản trị	Trong năm học 2023-2024	

		môi trường cảnh quan ở tất cả các cơ sở	Hành chính		
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường thực hiện văn hóa trường học	Toàn thể CBGV và sinh viên nhà trường	Trong năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chính sách tuyển sinh của Nhà trường được xây dựng cụ thể, rõ ràng và đúng quy định. Hệ thống giám sát sự tiến bộ của người học được phân cấp rõ ràng. Các hoạt động ngoại khóa hỗ trợ cho việc học tập của sinh viên được tổ chức phong phú, đa dạng. Sự phối hợp giữa các đơn vị trong nhà trường trong công tác phục vụ người học rất phong phú.

Tuy nhiên phần khảo sát đánh giá công tác tuyển chọn người học còn chưa thường xuyên, sâu sát ở tất cả các ngành học.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả: Trường Đại học Hải Dương là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh. Hiện tại, Nhà trường đang quản lý 4 cơ sở với tổng diện tích 35,5 ha [H09.01.08]. Hiện nay, Trường ĐHHD đảm bảo đủ số phòng học, giảng đường, hội trường, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho giảng dạy, học tập và NCKH đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo. Nhà trường sử dụng các cơ sở 1, 3 với tổng diện tích sàn xây dựng 28.211 (m²): Trong đó, số phòng làm việc là 96 phòng, số phòng họp, hội trường 5; Số phòng học 63; Số phòng thực hành 17[H09.01.09][H09.01.10][H09.01.11] để đào tạo các ngành Kinh tế, Kỹ thuật, Ngoại ngữ, Chính trị và xã hội: cơ sở 1 tại khu đô thị phía Nam, Thành phố Hải Dương (Liên Hồng - TP Hải Dương) chia làm hai khu: khu ký túc xá có 28 phòng học lý thuyết và 12 phòng thực hành (có ký hiệu H và T) dành cho SV ngành kỹ thuật điện và khu hành chính hiệu bộ có 04 phòng học (có ký hiệu ĐN) phục vụ đào tạo tin học (có 02 phòng thực hành máy tính 02 phòng học lý thuyết); cơ sở 2 tại khu 8 - Phường Hải Tân - Thành phố Hải Dương có 33 phòng học lý thuyết (có ký hiệu A, D), 3 phòng dành cho đào tạo ngoại ngữ, tin học, kế toán

máy (có ký hiệu B) (có 02 phòng thực hành máy tính). Tổng cộng Cơ sở 1 và 3 của Nhà trường có 63 phòng học, 5 hội trường lớn và 17 phòng thực hành, thí nghiệm. Trong đó có 26 phòng có sức chứa từ 30 đến 40 người, 34 phòng có sức chứa từ 50 đến 60 người, 03 phòng có sức chứa từ 300 đến 400 người. Như vậy, với số lượng người học hiện có (6 m²/1 sinh viên) tại trường thì số phòng học sau khi bố trí hết thời khoá biểu cho các lớp, còn có thể dùng để đáp ứng những sinh hoạt khác như: phòng sinh hoạt đoàn, hội, sinh hoạt lớp, tổ chức ngoại khóa... Ngoài ra, Nhà trường còn có khu nhà thể thao, phòng bóng bàn, sân bóng rổ, bóng chuyền, sân bóng đá cỏ nhân tạo để người học rèn luyện sức khỏe, phát huy tối đa năng khiếu và sở trường [H09.01.11]. Tại các phòng học, hội trường đều được trang bị tivi, máy chiếu, hệ thống âm thanh, micro, bảng, quạt, đèn... và đặc biệt hệ thống máy lạnh được trang bị đầy đủ tại các phòng học khu nhà A1, A2, C, ĐN. TTB trong các phòng thực hành, thí nghiệm đều được trang bị phù hợp theo học phần của SV ngành kỹ thuật điện [H09.03].

Bảng Thống kê số lượng phòng làm việc, thực hành, phòng học cơ sở 1 và cơ sở 3 của Trường

Cơ sở đào tạo	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Số phòng làm việc	Số phòng họp, hội trường	Số phòng học	Số phòng thực hành
Ký túc xá Liên Hồng (H, T)	15.230	24		33	3
Hành chính hiệu bộ (ĐN)	4.244	33	3	28	12
Hải Tân (A, B, C, D)	8.737	39	2	2	2
Tổng cộng	28.211	96	5	63	17

Ngoài ra, để đáp ứng các sinh hoạt văn hóa, văn nghệ cho cán bộ và sinh viên Nhà trường bố trí hội trường, có sân khấu đáp ứng công tác tổ chức giao lưu văn nghệ tạo nên tinh thần kết nối cho sinh viên trong toàn trường. Trường còn có các phòng chức năng: Phòng Đào tạo và Hợp tác quốc tế, Phòng Hành chính – Quản trị, Phòng Bảo đảm chất lượng thanh tra, Phòng Công tác sinh viên và việc làm... với diện tích rộng rãi, được trang bị đầy đủ tiện nghi cùng các dãy ghế cho GV và SV ngồi đợi khi đến làm việc. Hiện tại, khoa Kinh tế - Quản trị, khoa Kế toán - Tài chính, khoa Kỹ thuật - Công nghệ,

khoa Ngoại ngữ đang sử dụng phòng học, giảng đường gồm các dãy nhà A1, A3, B1, B2, B3, B4, D1, D2, D3, D4, D5, D6, D7 [H09.01.09] [H09.01.10] [H09.01.11]. Hầu hết các phòng học được trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ hoạt động dạy và học như hệ thống âm thanh, ánh sáng, quạt, và máy chiếu, ti vi màn hình lớn. Trường cung cấp cho khoa Kinh tế - Quản trị 03 phòng làm việc với diện tích là 100 m², khoa Kế toán - Tài chính 03 phòng làm việc với diện tích là 80 m², khoa Kỹ thuật - Công nghệ 06 phòng làm việc với diện tích là 150 m², khoa Ngoại ngữ 02 phòng làm việc với diện tích là 30m² và phòng chức năng được bố trí ở khu nhà Hiệu bộ, dãy nhà A1[H09.01.10]. Phòng làm việc của các Khoa được trang bị tủ đựng tài liệu, máy tính, máy in, điều hòa, bàn ghế làm việc, bàn quỳ cho hoạt động hội họp để phục vụ công tác quản lý hồ sơ, giải quyết vấn đề học vụ của Khoa. Với điều kiện trang thiết bị đã được cung cấp, Khoa đã vận hành để giải quyết công việc dạy học hiệu quả. Mỗi năm, dựa vào đề xuất đầu tư TTB của Khoa cũng như đánh giá về tình hình CSVC&TTB và nhu cầu của các hoạt động đào tạo và nghiên cứu trong năm học mới, Khoa sẽ đề xuất nhà trường mua sắm mới CSVC&TTB [H09.01.06], Phòng Hành chính – Quản trị tập hợp đề xuất của các khoa lập kế hoạch, dự trù kiểm tra, sửa chữa và nâng cấp, mua sắm mới cơ sở vật chất báo cáo lãnh đạo nhà trường [H09.01.06]. Nhà trường giao cho Phòng Hành chính – Quản trị tăng cường quản lý tài sản, trang thiết bị nhằm đảm bảo an toàn, tiết kiệm và sử dụng hiệu quả các phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn đến 2030" là sử dụng ổn định, hiệu quả của các CSVC đã trang bị [H09.01.02]. Kết quả khảo sát trên SV về thực trạng CSVC & TTB đáp ứng nhu cầu giảng dạy của các Khoa và bộ môn cho thấy, đa số GV đánh giá phòng học và phòng thực hành, thí nghiệm đáp ứng nhu cầu giảng dạy của các Khoa và bộ môn, chỉ có 15% GV cho rằng chưa đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy. Tùy theo năng lực thực hành, thí nghiệm đáp ứng nhu cầu giảng dạy của các Khoa và bộ môn cũng như tình hình phát triển, Trường có quy hoạch và kế hoạch xây dựng phù hợp với từng năm học [H09.01.06] [H09.01.07]. Hàng năm, trên cơ sở của các đơn vị sử dụng CSVC, trang thiết bị, Nhà trường có kế hoạch và kinh phí để cải tạo, sửa chữa, nâng cấp kịp thời trang thiết bị bảo đảm cho việc triển khai CTĐT và thực hiện rà soát các phòng học, trang thiết bị để có kế hoạch sửa chữa, nâng cấp, đáp ứng yêu cầu CTĐT của Khoa [H09.01.06] [H09.01.07]. Ý kiến phản hồi của người học về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng làm việc, phòng học và trang thiết bị cho

thấy, 81% người học cho rằng CSVC của nhà trường đáp ứng đủ yêu cầu dạy và học, chỉ 19% cho rằng CSVC của Trường chưa đáp ứng được yêu cầu của người học. Từ kết quả này, nhà trường tổ chức họp các đơn vị và có biện pháp khắc phục những tồn tại và phát huy những điểm tích cực [H09.01.13].

2. Điểm mạnh: Trường Đại học Hải Dương tại cơ sở 1, cơ sở 3 đào tạo khối ngành kinh tế, Kỹ thuật, ngoại ngữ... có diện tích rộng (314716,2 m²) đã đáp ứng đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ hoạt động dạy học. Tất cả các phòng học đều được trang bị đầy đủ máy chiếu, ti vi màn hình lớn. Nhiều phòng học được trang bị điều hòa, diện tích phòng học rộng rãi, thoáng mát.

3. Điểm tồn tại: 04 dãy nhà cấp 4 D1, D3, D4, D6 lợp mái tôn không được cách âm, khi mưa to gây ồn, ảnh hưởng đến chất lượng bài giảng.

4. Kế hoạch hành động:

- Lắp đặt điều hòa cho các phòng học chưa có.
- Duy trì và sửa chữa thường xuyên ổn định đáp ứng nhu cầu dạy và học
- Kế hoạch xây dựng 02 giảng đường mới (100 tỷ) tại cơ sở Liên Hồng đã được

UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả:

Trường ĐHHĐ có thư viện, CSVC, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập và NCKH. Hệ thống thư viện của trường được quản lý bằng mạng máy tính giúp cho bạn đọc có thể tra cứu tài liệu, cơ sở dữ liệu từ mạng LAN và mạng Internet. Hệ thống các phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, khu ký túc xá SV được trang bị các thiết bị nghe - nhìn, máy chiếu đa phương tiện (*multimedia projector*), ti vi phục vụ giảng dạy và học tập.

Thư viện là bộ phận quản trị nguồn lực học tập của Trường ĐHHĐ, từng giai đoạn với các tên gọi và trực thuộc các đơn vị khác: Trung tâm Thông tin - Thư viện; Trung tâm Thư viện... [H09.02.01]. Hiện nay Thư viện là một bộ phận trực thuộc phòng Khoa học và Công nghệ - Thông tin- Thư viện; được thành lập theo QĐ 285/QĐ-ĐHHĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHHĐ V/v thành lập Phòng Khoa

học công nghệ - Thông tin- Thư viện (thay thế QĐ 489/QĐ-ĐHHD ngày 25/7/2019) [H09.02.02].

Thư viện của Nhà trường hiện đang trong KH đầu tư dài hạn với tổng diện tích sàn 2.696 m² theo các QĐ phê duyệt, điều chỉnh phê duyệt của UBND tỉnh Hải Dương về Dự án đầu tư xây dựng công trình Trường ĐHHD [H09.02.03].

Thư viện với tổng diện tích 340m² được bố trí: 01 phòng đọc mở, 01 phòng kho; 01 phòng gồm 10 máy tính có kết nối Internet để bạn đọc có thể truy cập, tra cứu; được trang bị 25 bộ bàn ghế chuyên dụng để phục vụ nhu cầu đọc tại chỗ cùng lúc cho khoảng 50 bạn đọc. Hệ thống các phòng được bố trí liền kề nhau, có điều hòa làm mát và ánh sáng đầy đủ thuận lợi cho việc phục vụ bạn đọc [H09.02.04]. Hiện tại, thư viện có 5.563 đầu tài liệu với 65.624 bản (*bao gồm giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo... sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử*) [H09.02.05]; với hệ thống trang thiết bị tại các phòng về cơ bản được trang bị đầy đủ, đáp ứng nhu cầu mượn, đọc, tra cứu tài liệu của cán bộ, giảng viên, sinh viên và học viên cao học.

Nội quy phòng đọc được quy định chặt chẽ về thời gian đóng mở cửa phục vụ bạn đọc, vào mùa thi, Thư viện mở cửa cả ngày nghỉ, giờ nghỉ để phục vụ SV ôn tập hoặc theo yêu cầu của Hiệu trưởng Nhà trường [H09.02.09]. Thư viện có sổ đăng ký, ghi chép lượt bạn đọc để phục vụ cho công tác quản lý và theo dõi của Nhà trường, được trang bị phương tiện phòng cháy chữa cháy [H09.02.20].

Thư viện luôn nỗ lực trong việc lập KH, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học thuật như nguồn học liệu của thư viện: lên KH bổ sung tài liệu hằng năm; thực hiện các công việc nghiệp vụ và phục vụ bạn đọc, quản lý thư viện tại QĐ số 20/QĐ-ĐHHD ngày 02/3/2016 của Trường ĐHHD về việc ban hành quy định tổ chức và hoạt động của Thư viện [H09.02.06]. Bên cạnh đó, thư viện còn có nhiệm vụ xây dựng chính sách, định hướng phát triển Thư viện phù hợp với CLPT của Nhà trường trong từng giai đoạn với các mục tiêu và giải pháp cụ thể [H09.02.01.07].

Để phát huy hiệu quả hoạt động của thư viện, hằng năm thư viện tổ chức các lớp bồi dưỡng "Kỹ năng khai thác và sử dụng thư viện", SV sẽ được phổ biến các quy định, hướng dẫn sử dụng thư viện vào tuần sinh hoạt chính trị đầu năm học [H09.02.07].

Theo Đề án số 399/ĐA-ĐHHD ngày 21/12/2018 về rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy và cơ cấu lại đội ngũ CB, GV, nhân viên, lao động Trường ĐHHD [H09.02.08] và theo QĐ số 489/QĐ-ĐHHD ngày 25/7/2019 Phòng Khoa học và Công nghệ - Thông tin

được biên chế 04 người, bộ phận thư viện có biên chế là 01 CB chuyên trách đúng chuyên ngành có trình độ Thạc sỹ ngành Khoa học Thư viện - Thông tin trực tiếp làm công tác Thư viện [H09.02.02]. Hiện nay theo QĐ 307/QĐ-ĐHHD ngày 30/6/2023, Phòng KHCN-TT- TV được sắp xếp 08 người, trong đó có 03 người có chuyên môn Thư viện từ Đại học trở lên;

Các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nội quy, quy định được cụ thể hóa đối với từng đối tượng bạn đọc; từng loại hình tài liệu [H09.02.09]. Tuy nhiên, do số lượng CB làm công tác thư viện ít, công việc chưa được chuyên môn hóa,... nên đôi khi công tác bảo trì, đánh giá các nguồn lực học tập còn chưa kịp thời; chưa có TVĐT; chưa có kết nối với Thư viện tỉnh Hải Dương và các trường bạn trên địa bàn để phát huy hiệu quả nguồn lực học tập.

Hằng năm, căn cứ vào chỉ tiêu KH và nhu cầu thực tế của các đơn vị. Nhà trường có chủ trương đầu tư, phát triển các nguồn lực học tập để đáp ứng các nhu cầu đào tạo, học tập và nghiên cứu của GV, SV. Trên cơ sở đó, thư viện phối hợp với các khoa chuyên môn lập KH lựa chọn các đầu sách cần bổ sung cho từng năm học; phối hợp với phòng TCKT cân đối nguồn tài chính bổ sung tài liệu theo dự toán ngân sách hằng năm. Tổng kinh phí đã đầu tư cho nguồn học liệu, CSDL và các thiết bị hỗ trợ giảng dạy từ năm 2018 đến 2022 là: 198.596.600đ (2018: 190.890.000đ; 2019: 3.460.000; 2021: 4.624.000đ) [H09.02.10], chủ yếu là sách giáo trình phục vụ giảng dạy các chuyên ngành kinh tế, kỹ thuật, quản trị kinh doanh và một số tài liệu tham khảo phục vụ mở ngành đào tạo mới.

Thư viện được Nhà trường quan tâm đầu tư, nâng cấp CSVC và mua bổ sung tài liệu, phục vụ giảng dạy, học tập và NCKH. Từ năm 2018 đến 2022, viện bổ sung 196 đầu sách tổng số lượng 1.985 quyển. Hiện nay, Thư viện có tổng 5.563 đầu sách với 65.624 cuốn chủ yếu là nguồn tài liệu nội sinh của Nhà trường; trong đó giáo trình, đề cương bài giảng là 2.707 cuốn; sách tham khảo là 57.849 cuốn; 342 đề tài NCKH; 981 cuốn khóa luận tốt nghiệp/đề án tốt nghiệp của SV; luận văn, luận án của CB GV là 128 cuốn và 342 cuốn của HV cao học ngành Kế toán khóa 1, khóa 2, khóa 3 [H09.02.11]. Ngoài ra, Thư viện luôn cập nhật bổ sung tài liệu thông qua các báo cáo đề xuất của các khoa chuyên môn về việc in ấn giáo trình, tập bài giảng hằng năm.

Xuất phát từ nhu cầu hiện đại hóa Thư viện, Nhà trường ban hành QĐ số 59/QĐ-ĐHKTKT ngày 02/3/2013 về việc giao nhiệm vụ cho CB, GV khoa CNTT, Trung tâm

CNTT xây dựng hệ thống thông tin quản lý thư viện. Đến tháng 12/2013 đề tài “Xây dựng phần mềm quản lý Thư viện Trường ĐHHD” được Hội đồng nghiệm thu đánh giá theo QĐ số 815/QĐ-ĐHHD ngày 31/12/2013 với tổng kinh phí 100.000.000 đồng. Phần mềm được nghiệm thu, đưa vào sử dụng giúp cho việc tìm kiếm và quản lý cơ sở dữ liệu hiệu quả [H09.02.12]. Hằng năm, Thư viện luôn chủ động xây dựng KH bảo trì các nguồn lực học tập: tài liệu, sách, giáo trình, bài giảng, đĩa CD - Rom, phòng máy, hệ thống mạng Internet... [H09.02.13] luôn được cập nhật để GV, người học có thêm dữ liệu để nghiên cứu và lựa chọn tài liệu phù hợp.

Hằng năm, Nhà trường dành một nguồn kinh phí cho công tác bổ sung nguồn tài liệu. Đối với từng khoản kinh phí đầu tư mới cho nguồn lực học tập như nguồn học liệu của Thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ luôn được thực hiện sau khi dự toán ngân sách được duyệt. Đặc biệt là chi cho đội ngũ CB, GV của thực hiện công tác bảo trì, nâng cấp phần mềm quản lý hệ thống thông tin thư viện. Trong 5 năm qua, Nhà trường đã đầu tư cho Thư viện với tổng kinh phí lên tới 198.596.600đ. Giáo trình sử dụng trong giảng dạy, học tập tại Trường được viết mới và in ấn bằng nguồn kinh phí thường xuyên. Kết quả công tác đổi mới giáo trình tạo ra nguồn tài liệu học tập đầy đủ cho người học luôn được đưa vào báo cáo tổng kết năm của thư viện [H09.02.14]. Công tác bổ sung tài liệu in, tài liệu nội sinh để tăng nguồn tài liệu tham khảo cho người học và bổ sung giáo trình cho những môn học mới được thực hiện KH giảng dạy [H09.02.15]. Tài nguyên số nội sinh được xây dựng dựa trên các sản phẩm của GV, SV và có số lượng tăng ổn định hàng năm [H09.02.04].

Việc tiếp nhận, xử lý các tài liệu từ nguồn tài trợ, quyên góp, ủng hộ của các tổ chức, cá nhân để đưa vào thư viện được phát động hàng năm để hưởng ứng “Ngày sách Việt Nam” [H09.02.16]. Các nguồn cơ sở dữ liệu được thông báo công khai đến bạn đọc đã quyên góp thông qua giáo viên chủ nhiệm lớp. Hằng năm, Nhà trường cũng tăng cường thêm các thiết bị và máy móc để phục vụ cho nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ thông qua hệ thống sổ theo dõi, sử dụng thiết bị hỗ trợ giảng dạy [H09.02.17]. Với những tính năng của phần mềm đã đáp ứng được nhu cầu tìm kiếm tài liệu, thông tin nhanh chóng, chính xác và tiện lợi. Ngoài ra, Thư viện còn có nguồn cơ sở dữ liệu toàn văn để tham khảo; có hệ thống bài giảng, giáo trình; luận văn, luận án và khóa luận tốt nghiệp phục vụ cho SV đọc, tra cứu tại Thư viện.

Việc rà soát, đánh giá hiệu quả đầu tư, bảo trì các nguồn lực học tập của thư viện được tiến hành thường xuyên thông qua kết quả khảo sát với SV và GV [H09.02.18]; báo cáo tổng kết hàng năm [H09.02.14]. Qua kết quả khảo sát đối với SV trong 3 năm gần đây nhất: 2017 (85SV), 2018 (78SV) và 2019 (65SV) cho thấy:

Tỉ lệ hài lòng về CSVC, trang thiết bị của thư viện đạt 76%.

Về chất lượng nguồn học liệu và vốn tài liệu của thư viện đầy đủ có thể đáp ứng được nhu cầu học tập của SV từ 78% trở lên.

Đặc biệt, SV hài lòng về thái độ phục vụ của CB thư viện khi cung cấp dịch vụ thông tin. Tuy nhiên, đối với chất lượng của hệ thống tra cứu; tài liệu PVCD, giải trí thì tỷ lệ hài lòng (*khá đáp ứng nhu cầu sử dụng trở lên*) chỉ đạt hơn 50% là do Nhà trường chú trọng đầu tư vào các nguồn học liệu phục vụ học tập, nghiên cứu.

Đối với GV, qua kết quả khảo sát 3 năm gần đây: 2018 (67 GV); 2019 (72 GV); 2020 (67 GV); 2021 (56 GV); 2022 (55GV) cho thấy tỉ lệ hài lòng về CSVC, trang thiết bị của thư viện đạt 77%. Nguồn học liệu, mức độ cập nhật nội dung tài liệu của Thư viện về cơ bản cũng đáp ứng được nhu cầu giảng dạy, nghiên cứu của GV một cách đầy đủ, kịp thời và phù hợp, đạt tỷ lệ 80% .

Căn cứ vào số liệu thống kê qua hệ thống sổ mượn trả tài liệu [H09.02.19]; số lượt bạn đọc đến đọc tại đến học tập, nghiên cứu và khai thác thông tin trung bình 1.080 lượt/năm [H09.02.20] và danh mục bổ sung tài liệu các năm [H09.02.11]. Thư viện phối hợp với các khoa, tổ bộ môn, rà soát lại nguồn tài liệu phục vụ người đọc... từ đó theo dõi, đánh giá chất lượng nguồn lực học tập được bổ sung về Thư viện và thông qua email, phiếu khảo sát về nhu cầu và chất lượng phục vụ của thư viện vào chuyên đề trong tuần sinh hoạt chính trị đầu năm [H09.02.07]. Thư viện tiến hành rà soát, kiểm kê hằng năm nhằm thanh lý, thanh lọc những tài liệu hết giá trị sử dụng và bổ sung được những tài liệu có chất lượng cho thư viện. Đồng thời cũng luôn thường xuyên vệ sinh, lau dọn, sắp xếp kho sách, cơ sở dữ liệu luôn được làm mới. Từ đó nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ của công tác thư viện [H09.02.13].

Căn cứ vào thống kê số lượt mượn, trả tài liệu hàng năm [H09.02.19]; thống kê số lượt bạn đọc đến đọc tại thư viện hàng năm [H09.02.20] và danh mục tài liệu bổ sung các năm [H09.02.11], Thư viện phối hợp cùng các khoa rà soát lại nguồn tài liệu phục vụ bạn đọc [H09.02.19]; các GV, tổ trưởng bộ môn, CB, HV, SV... có quyền và nghĩa

vụ theo dõi, đánh giá chất lượng nguồn lực học tập được bổ sung về Thư viện và góp ý cho thư viện giúp cho việc đánh giá hiệu quả hoạt động của thư viện.

Để phục vụ người sử dụng một cách có hiệu quả, thư viện đã đề ra các quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy hoạt động, các quy định về mượn trả tài liệu, quy định về việc sử dụng và thời gian mở cửa phục vụ [H09.02.06];

Về nguồn học liệu hằng năm được viết mới và được bổ sung thường xuyên, năm năm 2018 là 1.729 cuốn; năm 2019 đến 2021: 256 cuốn là chủ yếu là giáo trình, tài liệu tham khảo nhằm phục vụ GV, SV các khoa trong Trường. Trong đó, nhiều nhất là sách kế toán, kỹ thuật; tài liệu tham khảo vẫn còn hạn chế;

Phòng đọc và phòng máy tính trước đây chỉ sử dụng kết nối internet dây nay đã được kết nối internet không dây... Hệ thống quạt, điều hòa, ánh sáng được trang bị đầy đủ đáp ứng tốt nhất cho nhu cầu khai thác, sử dụng của CB, GV, SV.

Tuy nhiên, thực tế công tác phối hợp, rà soát của các khoa với Thư viện chưa được chặt chẽ nên dẫn đến việc đánh giá hiệu quả nguồn học liệu chưa cao.

Công tác bổ sung nguồn học liệu của Thư viện được thực hiện hàng năm [H09.02.10]; cập nhật vào dữ liệu của Thư viện đã đáp ứng được nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ, thu hút nhiều người dùng tin đến Thư viện để nghiên cứu tài liệu.

Từ năm 2018 đến 2022, tổng kinh phí đầu tư cho nguồn học liệu, cơ sở dữ liệu, thiết bị hỗ trợ giảng dạy là: 198.596.600đ. Nguồn học liệu, cơ sở dữ liệu không chỉ phục vụ CB, GV, SV, HV trong nhà trường còn phục vụ các bạn đọc ngoài nhà trường. Trường ĐHHD đã ký kết các hợp đồng phối hợp đào tạo, bồi dưỡng và tuyển sinh với các Trường THPT trong Tỉnh nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo cho học sinh, SV ở cả 02 trường: “*tổ chức bồi dưỡng lý thuyết, thực hành và tuyển sinh, tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT...; sử dụng chung thư viện...*” [H09.02.22].

Cơ sở dữ liệu (*chủ yếu là nguồn tài liệu nội sinh*) luôn được cập nhật, bổ sung vào bộ sưu tập. Xử lý, tiếp nhận các tài liệu được tài trợ từ các tổ chức, cá nhân tặng để bổ sung vào vốn tài liệu của thư viện [H09.02.16].

Tuy nhiên, kho tài nguyên điện tử của Thư viện còn chưa phong phú nên khả năng đáp ứng nhu cầu tin trong thời đại công nghệ 4.0 còn thấp.

2. Điểm mạnh

Hệ thống thư viện có đầy đủ giáo trình, sách tham khảo theo chương trình dạy học. Quy trình thuận lợi cho bạn đọc. Trường đã quan tâm đầu tư.

3. Điểm hạn chế

Kho tài nguyên điện tử của Thư viện còn chưa phong phú nên khả năng đáp ứng nhu cầu tin trong thời đại công nghệ 4.0 còn thấp. Công tác phối hợp, rà soát của các khoa với Thư viện chưa được chặt chẽ nên dẫn đến việc đánh giá hiệu quả nguồn học liệu chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Hiện đại hóa thư viện điện tử, thực hiện liên thư viện	Bộ phận thư viện, Phòng khoa học công nghệ	Tháng 6 năm 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt việc quản lý, vận hành thư viện	Bộ phận thư viện, Phòng khoa học công nghệ	Thường xuyên	

2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động và đào tạo, nghiên cứu

1. Mô tả

Nhà trường đã giao Khoa Kỹ thuật và công nghệ (trước đây là do Trung tâm Thực hành kỹ thuật điện tử quản lý) theo dõi, quản lý và cho sinh viên thực hành bao gồm: các phòng thực hành chia theo các phân môn; các thiết bị và panel thực hành phục vụ hoạt động đào tạo (hoạt động dạy và học), nghiên cứu khoa học; xây dựng kế hoạch thực hành hàng năm; các qui định về nội qui trong phòng thí nghiệm thực hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý, sử dụng, phục vụ giảng viên giảng dạy và sinh viên học tập các môn chuyên ngành bảo đảm việc thực hành được thực hiện thống nhất trong Nhà trường.

Hiện nay, để phục vụ cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, Nhà trường có 11 phòng thực hành ở cơ sở H1 khu kí túc xá Liên Hồng. Các phòng thực hành được sử dụng thường xuyên nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập, nghiên

cứ khoa học của Giảng viên, học viên và sinh viên trong Nhà trường. Khoa Kỹ thuật và công nghệ căn cứ vào nhu cầu thực tế về việc thực hành các môn học đào tạo của ngành Kỹ thuật điện và ngành Điện tử viễn thông để xây dựng kế hoạch thực hiện, quản lý, vận hành các phòng thực hành.

Thông qua kế hoạch đào tạo của ngành Kỹ thuật điện để xây dựng, triển khai, duy trì các phần thực hành theo các môn học. Giáo viên có trách nhiệm phối hợp với Khoa trong việc quản lý, vận hành, khai thác các thiết bị và panel thực hành qua Sổ theo dõi nhật kí phòng thực hành.

Nhà trường định kỳ thực hiện kiểm kê tài sản, thiết bị thực hành tại các phòng thực hành, phân loại những thiết bị đã bị hỏng, thiết bị cần sửa chữa, nâng cấp; thực hiện lưu kho hoặc thanh lý đối với các thiết bị đã hết khấu hao và không còn giá trị sử dụng. Căn cứ tình trạng hiện tại của thiết bị thực hành và các thiết bị panel thực hành, bộ phận quản lý các phòng thực hành lập báo cáo rà soát nhằm đánh giá hiệu quả đầu tư hàng năm, kế hoạch nâng cấp, cải tiến thiết bị thực hành cho năm tiếp.

2. Điểm mạnh: Các văn bản liên quan đến thực hành được ban hành công khai, rõ ràng, đúng quy định; có đủ phòng thực hành phục vụ hoạt động giảng dạy và được định kỳ quản lý, bảo trì kịp thời.

3. Điểm tồn tại: Hiện một số panel và các thiết bị thực hành đã cũ, lỗi thời.

4. Kế hoạch hành động (những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Sửa chữa các panel thực hành đã bị hỏng, đầu tư mua thêm các linh kiện, thiết bị thực hành cần thiết	Nhà trường	Tháng 6 năm 2024	

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt việc quản lý, vận hành các thiết bị thực hành hiện có	Khoa Kỹ thuật và công nghệ	Thường xuyên	
---	-----------------------	---	----------------------------------	--------------	--

5. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Nhà trường đã giao Trung tâm Tin học - Ngoại Ngữ (tiền thân là Trung tâm Tin học) [H9.04.01] theo dõi, quản lý và triển khai công nghệ thông tin (CNTT) bao gồm: hệ thống công nghệ thông tin trong Nhà trường; các phòng máy phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học; hệ thống đào tạo trực tuyến (Goggle Meet, MS Team); xây dựng kế hoạch CNTT hàng năm; các qui định về xây dựng, quản lý, sử dụng, khai thác hệ thống CNTT và bảo đảm nguồn nhân lực CNTT được thực hiện thống nhất trong Nhà trường

Hiện nay, để phục vụ cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, Nhà trường có 05 phòng máy ở các cơ sở (với tổng số lượng 150 máy tính) tại các cơ sở trong toàn trường [H9.04.02]. Các phòng máy được sử dụng thường xuyên nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của Giảng viên, học viên và sinh viên trong Nhà trường. Trung tâm Tin học – Ngoại ngữ căn cứ vào nhu cầu thực tế về sử dụng trang thiết bị CNTT và ứng dụng CNTT [H9.04.03] của các đơn vị trong Nhà trường để xây dựng kế hoạch thực hiện, quản lý, vận hành, trang bị CNTT định kỳ [H9.04.03] theo quy định [H9.04.04].

Nhà Trường tổ chức xây dựng, triển khai, duy trì các phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng, phần mềm đào tạo trực tuyến dùng chung; quản trị hệ thống mạng Lan, mạng Internet, hệ thống an ninh mạng, an toàn dữ liệu, bảo trì, bảo dưỡng, theo dõi, đánh giá hiệu quả hệ thống CNTT trong Nhà trường [H9.04.05]. Các đơn vị có trách nhiệm phối hợp với bộ phận quản lý CNTT trong việc quản lý, vận hành, khai thác các hệ thống CNTT qua Sở theo dõi báo hỏng và bảo trì máy tính.

Nhà trường định kỳ thực hiện kiểm kê tài sản, thiết bị tin học tại các đơn vị, phân loại những thiết bị đã bị hỏng, thiết bị cần sửa chữa, nâng cấp; thực hiện lưu kho hoặc thanh lý đối với các thiết bị đã hết khấu hao và không còn giá trị sử dụng. Căn cứ tình trạng hiện tại của thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập, bộ phận quản lý CNTT lập báo cáo rà soát nhằm đánh giá hiệu quả đầu tư hàng năm, kế hoạch nâng cấp, cải tiến thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng cho năm tiếp.

2. Điểm mạnh: Các văn bản liên quan đến CNTT được ban hành công khai, rõ ràng, đúng quy định; có đủ phòng máy phục vụ hoạt động giảng dạy và được định kỳ quản lý, bảo trì kịp thời.

3. Điểm tồn tại: Hiện máy móc, các thiết bị CNTT đã cũ, lỗi thời.

4. Kế hoạch hành động (những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nâng cao cấu hình các phòng máy, đầu tư thêm hạ tầng CNTT	Nhà trường	Tháng 6 năm 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt việc quản lý, vận hành các hệ thống thông tin hiện có	Trung tâm Tin học – Ngoại ngữ	Thường xuyên	

5. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả

Nhà trường luôn quan tâm đến việc đảm bảo môi trường, sức khỏe, an toàn cho cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên trong Trường. Phòng Hành chính là đơn vị

chịu trách nhiệm chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống dịch và sự điều hành bộ phận đảm bảo an ninh trật tự trong Nhà trường, Phòng Quản trị là đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp trong công tác môi trường, vệ sinh công cộng [H9.09.05.01].

Phòng Y tế có Tủ thuốc, giường y tế và đầy đủ thuốc, vật tư trang thiết bị y tế thiết yếu với 01 y sĩ và 01 dược sĩ phục vụ công tác sơ cấp cứu, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho cán bộ, giảng viên và sinh viên. Bộ phận Y tế trực thuộc phòng Hành Chính theo đề án số 399/ĐA- ĐHHD về rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên, lao động Trường Đại học Hải Dương, bộ phận Y tế trực thuộc phòng Hành chính [H9.09.05.02].

Mỗi năm học, Nhà trường đều có kế hoạch công tác y tế học đường, báo cáo công tác y tế vào cuối năm học Hàng năm, phòng Y tế lập dự trù kinh phí mua thuốc, vật tư, trang thiết bị Y tế phục vụ công tác sơ cấp cứu, khám chữa bệnh cho cán bộ, giảng viên, sinh viên [H9.09.05.03]. Hàng năm, Nhà trường có các thông báo về việc tham gia bảo hiểm y tế đối với sinh viên, quyết định miễn giảm học phí cho sinh viên thuộc gia đình chính sách, khuyết tật. Nhà trường tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể cán bộ, giảng viên và lao động trong Trường, khám sức khỏe đầu vào cho sinh viên [H9.09.05.04]. Trong thời gian có dịch Covid-19, Nhà trường tích cực chung tay với cộng đồng thực hiện các biện pháp phòng chống: thành lập Ban chỉ đạo phòng chống covid-19, thành lập tổ phòng chống covid-19, mua thuốc, vật tư y tế phòng chống covid-19 cho cán bộ, viên chức lao động và người học. [H9.09.05.05].

Lực lượng bảo vệ chịu trách nhiệm công tác an ninh trật tự trong trường đủ về số lượng và được đào tạo nghiệp vụ bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức do cơ quan có thẩm quyền cấp. Để đảm bảo NH được an toàn trong khuôn viên Trường cũng như khu Ký túc xá, Trường thành lập Trung đội Tự vệ và Bộ phận bảo vệ chuyên trách của Trường trực thuộc biên chế của phòng Hành chính, có quân số đảm bảo tuần tra bảo vệ các cơ sở 24/24. Nhà trường cũng kiện toàn ban Chỉ đạo xây dựng mô hình “Trường Đại học an toàn về an ninh, trật tự” [H9.09.05.06].

Đội phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được thành lập và thực hiện rà soát, kiện toàn hàng năm. Nhà trường ban hành các quy định và phương án phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ. [H9.09.05.07]

Hàng năm, bộ phận môi trường và vệ sinh công cộng xây dựng kế hoạch kế hoạch kiểm kê, cải tạo, bổ sung, thay thế, chăm sóc, vệ sinh môi trường tại hai cơ sở. Việc xử

lý rác thải sinh hoạt trong trường đều có hợp đồng với Công ty Môi trường Đô thị kết hợp tư vấn và xử lý rác thải sinh hoạt tại 02 cơ sở. [H9.09.05.08]

Nhà trường đã tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về công tác chăm và bảo vệ sức khỏe cho sinh viên trong thời gian học tập tại trường; về chất lượng môi trường học tập, các chính sách phục vụ cộng đồng, về công tác đảm bảo an ninh trật tự trong Nhà trường. Kết quả khảo sát các năm học cho thấy mức độ hài lòng về vấn đề sức khỏe, an toàn môi trường trong Nhà trường đều đạt trên 80%. [H09.01.01.13]

2. Điểm mạnh

Trường có cán bộ y tế và lực lượng bảo vệ chuyên trách, không gian nhà trường rộng và phủ nhiều cây xanh.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát và phỏng vấn người học về các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật chưa được thực hiện trên diện rộng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, cá nhân phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tuyên truyền thực hiện tốt công tác môi trường, sức khỏe, an toàn cho toàn thể cán bộ, giảng viên, HSSV trong toàn Trường	Các đơn vị trong toàn Trường	Hàng năm

2	Khắc phục điểm tồn tại	Lập kế hoạch mua sắm bổ sung các trang thiết bị và triển khai trên diện rộng việc khảo sát và phỏng vấn CBQL, GV, NH các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật đáp ứng yêu cầu CTĐT của ngành ĐHK	Phòng CTHSSV Phòng QLĐT Các đơn vị liên quan	Hàng năm
---	------------------------	--	---	----------

5. Tự Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Tầm nhìn của Trường ĐHHD được xác định là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng cao thuộc nhóm trường đại học công lập trực thuộc tỉnh hàng đầu của Miền Bắc vào năm 2025-2030. Trường kết nối với các cơ sở đào tạo, các doanh nghiệp trong và ngoài nước để trở thành trường đại học tự chủ và trách nhiệm xã hội, phục vụ cộng đồng có uy tín trong nước và tiếp cận khu vực vào năm 2030. Do vậy, Nhà trường rất chú trọng việc nâng cao chất lượng ở các ngành đào tạo. Nhiều năm qua Trường ĐHHD luôn coi việc nâng cao chất lượng các ngành đào tạo là điều kiện sống còn đối với Nhà trường nói chung và Khoa KT & CN nói riêng cũng không ngoại lệ, việc chú trọng nâng cao chất lượng các ngành đào tạo Kỹ thuật điện luôn được đặt lên hàng đầu. Công tác nâng cao chất lượng được thực hiện chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (GV, người học, cựu SV, nhà quản lý, nhà tuyển dụng) để thiết kế và phát triển CTDH đến việc ĐBCL trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy học và học tập cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học

1. Mô tả

Chương trình đào tạo ngành KTĐ được thiết kế và liên tục cập nhật, điều chỉnh để đáp ứng nhu cầu xã hội. Theo Quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHHD.

CTĐT ngành KTD đã được điều chỉnh vào năm 2018, 2022 và 2023. Quá trình điều chỉnh CTĐT đều dựa trên các văn bản quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học [H10.10.01.01]. Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của Bộ, Trường ĐHHĐ đã ban hành các quyết định về điều chỉnh, rà soát CTDH, quyết định thành lập Hội đồng rà soát CTĐT, [H10.10.01.02].

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan bao gồm nhà sử dụng lao động, GV, chuyên gia cùng chuyên ngành có uy tín từ các trường đại học, các Viện nghiên cứu, cán bộ quản lý, cựu SV và SV đang học tập tại trường, được Khoa sử dụng trong quá trình thiết kế và điều chỉnh CTĐT trình độ đại học ngành KTD. Trên cơ sở *Kế hoạch Đảm bảo chất lượng giáo dục* hằng năm, trong đó xác định các loại khảo sát, đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, xử lý thông tin và Báo cáo cho Nhà trường theo Kết quả dự kiến [H10.10.01.03]. Việc thu thập ý kiến phản hồi (YKPH) của các bên liên quan gồm: nhà tuyển dụng, GV, chuyên gia cùng chuyên ngành có uy tín từ các trường đại học, các Viện nghiên cứu, cán bộ quản lý, cựu SV và SV được triển khai thực hiện một cách hệ thống với nhiều hình thức khác nhau như: Khảo sát trực tuyến, gửi phiếu khảo sát; phỏng vấn trực tiếp hoặc gián tiếp qua điện thoại; tổ chức hội thảo,... theo quy định của Nhà trường. Dựa trên các Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi của Nhà trường, các Quyết định về công tác lấy ý kiến phản hồi của người học, cán bộ viên chức và các bên liên quan [H10.10.01.04], các đơn vị chịu trách nhiệm đã tiến hành khảo sát, thu thập thông tin, phân tích dữ liệu, cụ thể như sau:

Đối với SV đang học, hàng năm Nhà trường tiến hành khảo sát YKPH của các SV về hoạt động giảng dạy học phần của GV và YKPH của sinh viên năm cuối về CTĐT bằng hình thức khảo sát trực tiếp [H10.10.01.05].

Đối với cựu SV, Khoa xây dựng mạng lưới liên kết cựu SV bằng các công cụ mạng xã hội. YKPH về CTĐT của cựu SV được Khoa thu thập thông qua fanpage và nhóm Facebook cựu SV của Khoa [H10.10.01.06].

Trong quá trình xây dựng và điều chỉnh CTĐT, bên cạnh các ý kiến của các chuyên gia giáo dục, cán bộ quản lý và GV trong các bộ môn [H10.10.01.07], Khoa tiến hành thu thập ý kiến của các nhà tuyển dụng, cựu SV bằng nhiều hình thức: gửi phiếu khảo sát trực tiếp, qua email hoặc phỏng vấn qua điện thoại [H10.10.01.08]; tổ chức các hội thảo về đào tạo gắn với thực tiễn, đáp ứng nhu cầu xã hội. Trong các hội thảo này, đại diện các cơ sở thực tập - đồng thời là người sử dụng lao động đã, đang sử dụng SV tốt nghiệp của Khoa/hoặc tiếp nhận SV đang học của Khoa đến thực tập - đã nêu các ý

kiến và trao đổi trực tiếp với lãnh đạo, GV và SV của Khoa về nhu cầu thực tế đối với CTĐT theo CDR về kiến thức, kỹ năng, thái độ [H10.10.01.09]. Bên cạnh đó, hằng năm, theo quy định của Nhà trường khi kết thúc mỗi đợt thực tập, các cơ sở thực tập đều gửi nhận xét, đánh giá về CTĐT và năng lực SV để Khoa có cơ sở điều chỉnh CTĐT cho phù hợp thực tiễn [H10.10.01.10].

Trên cơ sở các YKPH của SV được Nhà trường tổng hợp và gửi tới các Khoa, kết hợp với các ý kiến trao đổi, góp ý và nhu cầu của các bên liên quan như các chuyên gia, CB quản lý, GV, cựu SV và nhà truyền dựng, đồng thời tham khảo các chương trình KTĐ của các trường đại học tiên tiến trong và ngoài nước, Khoa đã thực hiện việc rà soát và điều chỉnh CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội. [H10.10.01.11], [H10.10.01.12].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan với hình thức đa dạng, phân công nhiệm vụ rõ ràng.

Khoa duy trì kênh liên lạc thường xuyên với các doanh nghiệp, cơ sở thực tập trong khu công nghiệp tỉnh nhà và mạng lưới cựu SV. Việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan được thực hiện thường xuyên. Thông tin phản hồi được phân loại, xử lý, phân tích với tính khoa học, độ tin cậy cao.

CTĐT ngành KTĐ được thiết kế, xây dựng, điều chỉnh và phát triển dựa trên thông tin phản hồi của các bên liên quan.

3. Tồn tại

Số lượng doanh nghiệp tham gia đánh giá CTĐT ngành KTĐ chưa nhiều, phạm vi khảo sát mới chỉ giới hạn ở các khu công nghiệp thuộc tỉnh Hải Dương.

Thiếu các văn bản ký kết với các đơn vị tuyển dụng hoặc có tiềm năng tuyển dụng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2019, Nhà trường tiếp tục duy trì và mở rộng việc lấy thông tin phản hồi của các bên liên quan để phát triển chương trình đào tạo. Tăng cường số lượng doanh nghiệp, nhà tuyển dụng tham gia vào việc khảo sát. Phạm vi mở rộng phạm vi khảo sát các doanh nghiệp trên địa bàn toàn Miền Bắc nước ta.

Nhà trường, Khoa KT&CN tăng cường hợp tác, ký kết biên bản ghi nhớ với các doanh nghiệp.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí là 4/7*

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Việc thiết kế, xây dựng, cập nhật, phát triển CDR, CTĐT của ngành Kỹ thuật điện đảm bảo đúng theo quy trình và quy định của Bộ GD&ĐT [H10.10.02.01]. Trên cơ sở ý kiến phản hồi của các bên liên quan, CTĐT trình độ đại học ngành Kỹ thuật điện định kỳ 2 năm/lần được điều chỉnh và đánh giá tính phù hợp với nhu cầu xã hội. Theo giai đoạn 5 năm gần đây, chương trình Kỹ thuật điện đã được Khoa điều chỉnh, cập nhật vào các năm 2018, 2022, 2023 [H10.10.02.02].

Trong mỗi lần điều chỉnh, Khoa đã thực hiện trình tự các bước theo quy định của Bộ GD&ĐT và hướng dẫn của Nhà trường. Trước tiên, Khoa tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng, GV trong khoa, cán bộ quản lý, cựu SV và SV đối với CTĐT hiện hành [H10.10.02.03]. Khoa nghiên cứu, đề xuất dự thảo CTĐT sửa đổi trên cơ sở tổng hợp các ý kiến phản hồi thu thập được [H10.10.02.04]. Sau đó, Hội đồng rà soát thảo luận để thống nhất bản dự thảo sửa đổi CTĐT. Bước tiếp theo Khoa tổ chức hội thảo về các nội dung dự kiến chỉnh sửa trước khi thẩm định, sau đó Khoa tiếp thu ý kiến của Hội đồng khoa học cấp Trường và chỉnh sửa theo kết luận trong biên bản để Nhà trường chính thức ban hành CTĐT sau khi điều chỉnh [H10.10.02.05].

Kết quả sau khi điều chỉnh, CTĐT Kỹ thuật điện được áp dụng từ năm 2018 đã có những thay đổi trong việc phân bổ các học phần theo kỳ hợp lý hơn, tăng cường số tín chỉ đã cho các học phần chuyên ngành và các học phần thực hành, thực tập tại cơ sở. Những học phần không phù hợp đã được lược bỏ khỏi CTĐT. Chương trình đào tạo được áp dụng từ năm 2022, 2023 cũng có sự điều chỉnh phù hợp hơn với xu thế tăng cường khối kiến thức chuyên ngành, giảm bớt khối kiến thức cơ sở ngành. Bên cạnh đó chương trình sửa đổi năm 2023 đã có thêm các học phần tự chọn, modul tự chọn để mở rộng hướng nghiên cứu cho sinh viên lựa chọn, CTĐT sửa đổi năm 2023 cập nhật một số học phần mới theo xu hướng phát triển của công nghệ, đáp ứng hội nhập quốc tế của Việt Nam.

Bảng 10.1. So sánh số tín chỉ của các học phần trong CTĐT trước và sau khi điều chỉnh CTĐT

Khối kiến thức	Chương trình sửa đổi năm 2018	Chương trình sửa đổi năm 2022	Chương trình sửa đổi năm 2023	Ghi chú
Kiến thức chung (<i>chưa bao gồm GDTC và GDQPAN</i>)	50	46	32	

Kiến thức cơ sở	45	51	51	
Kiến thức chuyên ngành	64	59	73	
Tổng	159	156	156	

Từ năm 2018, Nhà trường đã tiến hành điều chỉnh và phát triển CTĐT theo mô hình định hướng ứng dụng, Khoa KT&CN đã ban hành CDR trình độ đại học theo mô hình ứng dụng này, trên cơ sở CDR của CTĐT, Khoa tiến hành đánh giá việc thực hiện CDR trong việc biên soạn đề cương chi tiết các học phần, giáo trình đáp ứng CDR mới. Hội đồng nghiệm thu có trách nhiệm đánh giá tính cần thiết, chất lượng chuyên môn, sự cân đối giữa nội dung đào tạo, tính hiện đại, mức độ khả thi để có thể đưa vào vận hành trong CTĐT [H10.10.02.06]. Theo quy định chung về hoạt động giảng dạy chuyên môn, để nâng cao chất lượng giảng dạy, Khoa cũng tiến hành lập danh sách và đề nghị các GV tiến hành đăng kí viết đề cương bài giảng, giáo trình phù hợp với CDR vừa cập nhật để phục vụ học tập, nghiên cứu của sinh viên [H10.10.02.07]. Trong quá trình thực hiện CTĐT, Nhà trường và Khoa định kỳ tổ chức hoạt động khảo sát ý kiến của GV và SV về chất lượng CTĐT, tính thiết yếu của các học phần trong chương trình để thường xuyên cải tiến nhằm đảm bảo CLĐT, đáp ứng tốt kết quả học tập mong đợi của SV và đáp ứng yêu cầu của xã hội [H10.10.02.08].

2. Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, đánh giá và cải tiến định kỳ 2 năm/lần với quy trình thống nhất trong toàn trường. Nhà trường đã áp dụng đúng quy định của Bộ GD&ĐT về việc thiết kế và phát triển CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Thời lượng thực hành, thực tế tại các cơ sở doanh nghiệp còn ít trong CTĐT;
Số lượng các học phần để phát triển kỹ năng mềm cho SV lựa chọn chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2023 – 2024 Khoa KT&CN sẽ tăng cường các buổi sinh hoạt chuyên đề về kỹ năng mềm; tổ chức các hội thảo lớn để SV có cơ hội tiếp xúc với các doanh nghiệp và rèn luyện kỹ năng mềm cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp.

Khoa định kì rà soát và tăng cường thời lượng thực hành cho các học phần chuyên ngành, tăng cường cho SV đi thực tập thực tế tại các doanh nghiệp để tích lũy kiến thức thực tế và cọ sát và trau dồi kinh nghiệm làm việc.

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí: 5/7*

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR

1. Mô tả

Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV là một khâu quan trọng không thể thiếu trong quá trình đào tạo tại Trường ĐHHD nói chung và đào tạo ngành Kỹ thuật điện nói riêng. Nó là khâu cuối cùng, không chỉ có ý nghĩa đánh giá độ tin cậy kết quả học tập của quá trình dạy và học mà còn có tác dụng điều tiết trở lại hết sức mạnh mẽ với quá trình đào tạo. Kết quả kiểm tra, đánh giá không chỉ phản ánh năng lực học của SV mà còn phản ánh một phần phương pháp dạy học của giảng viên, bởi vì kiểm tra đánh giá gắn liền và quan hệ trực tiếp với việc đổi mới phương pháp dạy học của GV và đổi mới phương pháp học tập của sinh viên.

Để đảm bảo đáp ứng mục tiêu đào tạo của Nhà trường và Khoa, Trường ĐHHD đã ban hành các quy định, hướng dẫn rà soát, đánh giá quá trình dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV [H10.10.03.01]. Nhà trường cũng ban hành quy định, kế hoạch đào tạo hệ đại học chính quy để đầu năm học gửi kế hoạch năm học chung đến các Khoa. Đầu học kì, Trường gửi thông báo đăng kí học tín chỉ tới mỗi SV và hướng dẫn cách đăng kí môn học trên trang <http://uhd.edu.vn> [H10.10.03.02]. Cuối học kì, Trường gửi thông báo lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thí nghiệm của GV để cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học theo quy định của Nhà trường [H10.10.03.03]. Theo đó, sau khi nhận được kết quả khảo sát từ phòng KĐCL, trưởng Khoa tổ chức họp trao đổi với GV về các ý kiến đánh giá, góp ý của người học để có những điều chỉnh, cải tiến hoạt động giảng dạy/ hướng dẫn thực hành, thí nghiệm phù hợp.

Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được Nhà trường quy định rõ trong Quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ của Trường ĐHHD [H10.10.03.03]. Các lần kiểm tra, đánh giá trong một học kỳ bao gồm: đánh giá chuyên cần, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Các hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học phần được đa dạng hoá theo yêu cầu chủ động của giảng viên và đáp ứng được mục tiêu của học phần, bao gồm: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, tiểu luận, tự luận, trắc nghiệm. Đề cương chi tiết của các học phần

thể hiện rõ phương pháp kiểm tra đánh giá cũng như hình thức, thời gian và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra đánh giá [H10.10.03.04].

Ngoài ra, căn cứ vào kế hoạch đào tạo năm học, Khoa triển khai và giám sát hoạt động dạy và học của GV và SV. Hoạt động giảng dạy của GV được báo cáo hàng tháng qua các cuộc họp của bộ môn. GV cần giải trình nếu việc giảng dạy, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV không đúng theo kế hoạch để Khoa kịp thời điều chỉnh. Phòng KĐCL hàng kỳ đều phối hợp với Khoa KT&CN tiến hành lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của GV, hoạt động kiểm tra đánh giá. Tất cả các học phần trong CTĐT trình độ đại học ngành KTĐ đều được lấy ý kiến. Kết quả khảo sát đánh giá hoạt động giảng dạy của GV được Khoa thông báo đến từng GV để kịp thời điều chỉnh phương pháp giảng dạy cho phù hợp [H10.10.03.05].

Để nâng cao chất lượng giảng dạy và cũng là cơ sở đánh giá hoạt động giảng dạy của GV, Trường đã ban hành quy định về giảng dạy, hoạt động đánh giá chất lượng giảng dạy của Nhà trường, đó là các quy định về hồ sơ giảng dạy, quy định về giảng báo cáo của GV khi nghiên cứu học phần mới kiểm tra đánh giá hoạt động nghiên cứu giảng dạy của GV trước khi lên lớp. Nhà trường cũng tổ chức hội giảng cấp Khoa, hội thi GV giỏi cấp Trường để động viên, khích lệ tạo sân chơi trí tuệ cho GV [H10.10.03.06].

Hàng kỳ của mỗi năm học, Khoa phối kết hợp với KĐCL tiến hành hoạt động kiểm tra, đánh giá chất lượng giảng dạy của GV thông qua các buổi dự giờ GV để trao đổi, học tập kinh nghiệm giảng dạy, phương pháp giảng dạy từ các GV dạy giỏi trong trường cũng như góp ý, phản hồi, điều chỉnh nếu phương pháp giảng dạy chưa hợp lý [H10.10.03.07]. Nhà trường cũng tiến hành kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV hàng năm để kịp thời điều chỉnh hoạt động dạy và học kịp thời, phù hợp [H10.10.03.08]; [H10.10.03.09].

2. Điểm mạnh

Quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc. Các hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đào tạo tín chỉ và quy định chung của Trường, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở đánh giá được thực chất chất lượng dạy và học đồng thời phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cả GV và người học.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về quá trình dạy – học và đánh

giá kết quả học tập của người học chưa được đồng bộ, mới chỉ dựa vào ý kiến đánh giá của SV là chủ yếu, chưa có nhiều ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, các chuyên gia giáo dục, các cán bộ quản lý.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023-2024, tăng cường việc lấy ý kiến của các doanh nghiệp, các chuyên gia giáo dục và các bên liên quan về công tác dạy học, đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp với CĐR của CTĐT.

Nhà trường và Khoa sẽ tiến hành rà soát, điều chỉnh các văn bản, quy định liên quan đến các hoạt động dạy và học, đánh giá kết quả học tập để đảm bảo tính hệ thống, thống nhất và cập nhật.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả

Nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động NCKH, Nhà trường và Khoa KT&CN luôn coi công tác NCKH là một nhiệm vụ quan trọng cùng với quá trình đổi mới nội dung và phương pháp dạy học. Theo quy định của Nhà trường, NCKH là nhiệm vụ bắt buộc đối với tất cả các viên chức giảng dạy [H10.10.04.01], [H10.10.04.02]. Hoạt động NCKH của GV và SV được triển khai thực hiện dưới nhiều hình thức phong phú, đa dạng như: Chủ trì, tham gia đề tài NCKH các cấp, viết bài đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, viết sách tham khảo, hướng dẫn SV NCKH...

Trong giai đoạn từ năm 2018 đến nay các GV của Khoa đã thực hiện được các đề tài khoa học các cấp và các bài báo khoa học trên các tạp chí khoa học chuyên ngành [H10.10.04.03]. Trong các đề tài KHCN cấp trường có nhiều đề tài được Khoa đưa vào ứng dụng trực tiếp trong hoạt động giảng dạy và học tập của sinh viên ngành Kỹ thuật điện như Bảng 10.4.1

Bảng 10.4. 1. Một số đề tài tiêu biểu được ứng dụng trong hoạt động dạy và học

TT	Tên đề tài	Năm nghiệm thu	Ứng dụng

1	Giải pháp cải tạo, nâng cấp các modul thực hành học phần Cảm biến ngành Kỹ thuật điện, điện tử tại trường Đại học Hải Dương	2018	Các kết quả nghiên cứu được ứng dụng trực tiếp cho SV ngành Kỹ thuật điện trong học phần Cảm biến
2	Nghiên cứu ứng dụng một số phần mềm tính toán, thiết kế nhằm kiểm tra, đánh giá kết quả thiết kế đồ án tốt nghiệp của sinh viên ngành Kỹ thuật điện tại Trường Đại học Hải Dương	2019	Các kết quả nghiên cứu được ứng dụng trực tiếp cho SV ngành Kỹ thuật điện trong học phần Cảm biến
3	Ứng dụng năng lượng mặt trời để sản xuất điện năng cho nhà xưởng thực hành đa năng Trường Đại học Hải Dương	2020	Các kết quả nghiên cứu được ứng dụng trực tiếp cho SV ngành Kỹ thuật điện, Trường Đại học Hải Dương
4	Ứng dụng phần mềm Matlab vào giảng dạy học phần Lý thuyết điều khiển tự động tại Trường Đại học Hải Dương	2021	Các kết quả nghiên cứu được ứng dụng trực tiếp cho SV ngành Kỹ thuật điện trong học phần Lý thuyết điều khiển tự động
5	Bài giảng Cảm biến	2022	Các kết quả nghiên cứu được ứng dụng để giảng dạy cho SV ngành Kỹ thuật điện
6	Bài giảng hóa học đại cương	2022	Các kết quả nghiên cứu được ứng dụng để giảng dạy cho SV ngành Kỹ thuật điện
7	Bài giảng chuyên đề công nghệ mới	2022	Các kết quả nghiên cứu được ứng dụng để giảng dạy cho SV ngành Kỹ thuật điện
8	Bài giảng Thực hành Điện cơ bản	2022	Các kết quả nghiên cứu được ứng dụng để giảng dạy cho SV ngành Kỹ thuật điện
9	Bài giảng thiết kế hệ thống nhúng	2022	Các kết quả nghiên cứu được ứng dụng để giảng dạy cho SV ngành Kỹ thuật điện
10	Bài giảng thông tin số	2023	Các kết quả nghiên cứu được ứng dụng để giảng dạy cho SV ngành Kỹ thuật điện
11	Bài giảng Thực hành kỹ thuật số	2023	Các kết quả nghiên cứu được ứng dụng để giảng dạy cho SV ngành Kỹ

			thuật điện
12	Bài giảng Thực hành điện tử công suất	2023	Các kết quả nghiên cứu được ứng dụng để giảng dạy cho SV ngành Kỹ thuật điện
13	Nhà máy điện và trạm biến áp	2023	Các kết quả nghiên cứu được ứng dụng để giảng dạy cho SV ngành Kỹ thuật điện
14	Cơ sở truyền động điện	2023	Các kết quả nghiên cứu được ứng dụng để giảng dạy cho SV ngành Kỹ thuật điện

Công tác NCKH cho SV được thực hiện thường xuyên. Hàng năm, Nhà trường thông báo SV đăng ký đề tài NCKH. Các đề tài NCKH được Khoa xét duyệt, phù hợp với chuyên ngành và đáp ứng các yêu cầu liên quan đến việc dạy và học các học phần chuyên ngành Kỹ thuật điện. Khoa KT&CN còn tổ chức các buổi họp lớp, nói chuyện chuyên đề với SV của ngành KTĐ nhằm mục đích hỗ trợ sinh viên trong việc tiếp cận các phương pháp hiệu quả trong hoạt động dạy và học. Nhiều sinh viên đã chủ động tham gia hoạt động sinh viên NCKH, thành lập nhóm nghiên cứu tham dự cuộc thi sinh viên NCKH hàng năm do Nhà trường, Khoa KT&CN tổ chức các hoạt động dạy và học được thiết phù hợp do đó SV cũng chủ động trong các thảo luận, hoạt động nhóm, thực hành thí nghiệm, tham gia thiết kế các sản phẩm sáng tạo và ứng dụng thông qua các đồ án tốt nghiệp, tiếp cận với môi trường doanh nghiệp qua học phần thực tập tốt nghiệp [H10.10.04.04] góp phần đạt được CDR trong CTĐT.

Các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động NCKH SV, các bài tập nhóm, bài thực hành, bài thảo luận đều hướng tới mục tiêu hình thành ở người học khả năng tự học, các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. CTĐT ngành KTĐ còn xen kẽ những học phần đồ án môn học, thực tập chuyên ngành, thực tập tốt nghiệp và đồ án tốt nghiệp để sinh viên vận dụng kiến thức đã học thực hiện một dự án cụ thể [H10.10.04.05], [H10.10.04.06] kích thích người học ham học hỏi, rèn luyện kỹ năng tự học để nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Ngoài ra còn tổ chức các buổi họp lớp, nói chuyện chuyên đề với SV của ngành KTĐ nhằm mục đích hỗ trợ sinh viên trong việc tiếp cận các phương pháp hiệu quả trong hoạt động dạy và học. Nhiều SV đã chủ động tham gia hoạt động sinh viên NCKH, thành lập nhóm nghiên cứu tham dự cuộc thi sinh viên NCKH hàng năm do Nhà trường,

khoa tổ chức. Các hoạt động dạy và học được thiết phù hợp do đó SV cũng chủ động trong các thảo luận, hoạt động nhóm, thực hành thí nghiệm, tham gia thiết kế các sản phẩm sáng tạo và ứng dụng thông qua các đề án, tiếp cận với môi trường doanh nghiệp qua học phần thực tập tốt nghiệp [Theo trích dẫn nhóm Đề tài tốt nghiệp của SV], góp phần đạt được CDR trong CTĐT.

Khoa Kỹ thuật và Công nghệ luôn quan tâm trú trọng các hội nghị hội thảo, sáng kiến kinh nghiệm, ... cấp khoa năm 2019 nhằm mục đích nâng cao khả năng tự nghiên cứu, trao đổi những giải pháp sáng tạo, những cách thức hay, những ý tưởng mới và những kinh nghiệm với đồng nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ và thực hiện các mục tiêu đổi mới của Khoa [H10.10.04.07]. Các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động NCKH SV, các bài tập nhóm, bài thực hành, bài thảo luận đều hướng tới mục tiêu hình thành ở người học khả năng tự học, các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. Các học phần của ngành được thiết kế với tỷ lệ phù hợp giữa kiến thức lý thuyết kết hợp với thảo luận/bài tập, bài tập lớn. CTĐT ngành KTĐ còn xen kẽ những học phần đề án môn học, thực tập chuyên ngành, thực tập tốt nghiệp và đề án tốt nghiệp để sinh viên vận dụng kiến thức đã học thực hiện một dự án cụ thể, kích thích người học ham học hỏi, rèn luyện kỹ năng tự học để nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học, giúp người học hình thành các kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp cá nhân được thể hiện rõ nét trong mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành kỹ thuật điện.

Tổng kết năm học, Khoa tổ chức tổng kết kinh nghiệm, phổ biến các kết quả nghiên cứu, đồng thời tuyên dương các cá nhân và tập thể có nhiều thành tích trong hoạt động NCKH của Khoa. Khoa cũng tổ chức các buổi seminar để áp dụng kết quả nghiên cứu đề tài NCKH vào cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV ngành Kỹ thuật điện.

2. Điểm mạnh

Khoa đã xây dựng được phong trào NCKH trong toàn thể GV và SV. Đa số GV có nhận thức đúng đắn về nhiệm vụ NCKH và nắm vững các phương pháp NCKH, tạo điều kiện thuận lợi cho Khoa trong tổ chức và triển khai hoạt động NCKH.

Hầu hết các đề tài NCKH đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và phục vụ cộng đồng. Do vậy, kết quả nghiên cứu của các đề tài khoa học đều được ứng dụng vào việc giảng dạy các học phần lý thuyết cũng như các học phần thực hành, thực tập

thực tế của SV.

3. Điểm tồn tại

Trong 5 năm gần đây, các đề tài NCKH của Khoa KT&CN chủ yếu là đề tài cấp Trường, cấp Khoa với nguồn kinh phí hạn chế. GV trong Khoa chưa có những đề tài lớn (đề tài cấp nhà nước, cấp bộ) với nguồn kinh phí cao để thu hút sự tham gia của đông đảo GV và SV của ngành.

Chất lượng các đề tài còn nhiều mặt hạn chế, chưa có nhiều đề tài phục vụ trực tiếp việc cải tiến việc dạy và học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2019 - 2020, Khoa xây dựng kế hoạch thành lập các nhóm nghiên cứu, tập trung các nguồn lực, tìm kiếm các nguồn tài trợ từ các doanh nghiệp; tăng cường liên kết với các cơ sở giáo dục, để có thể thực hiện các đề tài nghiên cứu nhằm cải tiến việc dạy và học với quy mô lớn, nâng cao chất lượng đề tài. Tăng cường các đề tài nghiên cứu về các công nghệ mới để ứng dụng cho việc dạy và học của Khoa.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ GV và SV, Trường ĐHHD đã có những văn bản hướng dẫn cụ thể về công tác đảm bảo chất lượng trong đó có liên quan đến nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ [H10.10.05.01].

Trong đó, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được Nhà trường giám sát, đánh giá thông qua các đợt khảo sát ý kiến của SV năm cuối về chất lượng CTĐT [H10.10.05.02]. SV sắp tốt nghiệp là người đã trải qua từ 4 - 4,5 năm học tập tại trường nên sự hài lòng và các ý kiến đóng góp của họ là cơ sở thiết thực và quan trọng đối với sự cải tiến chất lượng các hoạt động của Nhà trường. Qua kết quả khảo sát sự hài lòng cùng với các ý kiến góp ý khác của SV năm cuối, Nhà trường/Khoa có những biện pháp cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đáp ứng tốt hơn nhu cầu của SV [H10.10.05.03].

Nhằm khảo sát, đánh giá tính hiệu quả của phòng thí nghiệm thực hành, bên cạnh các ý kiến phản hồi của GV và SV, Khoa còn có sổ theo dõi việc GV giảng dạy thí

nghiệm - thực hành [H10.10.05.04]. Trên cơ sở đó, Khoa thường xuyên rà soát và kiến nghị nhà trường đầu tư, cải tiến các trang thiết bị phòng thí nghiệm, giáo trình đáp ứng CTĐT của Khoa. Việc bảo dưỡng, sửa chữa các trang thiết bị phòng thí nghiệm cũng được Khoa đề xuất với Nhà trường thực hiện định kỳ vào thời gian nghỉ hè trong năm hoặc sửa chữa đột xuất kịp thời khi xảy ra sự cố [H10.10.05.05]. Ngoài ra, các thiết bị phục vụ việc dạy và học được bảo quản, sử dụng, thanh lý và thay thế mới theo quy định của Bộ Tài chính. Hàng năm, Nhà trường thành lập Tổ kiểm kê tài sản cố định đến các đơn vị trong trường để kiểm tra đánh giá chất lượng của trang thiết bị, những thiết bị cũ, hư hỏng nhiều sẽ được thanh lý và thay thế trang thiết bị mới [H10.10.05.06].

Bên cạnh đó, hàng tháng Nhà trường duy trì chế độ sinh hoạt lớp thường xuyên. Trong các buổi sinh hoạt lớp này, các ý kiến của SV về các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích sẽ được ghi vào biên bản sinh hoạt lớp. Giáo viên chủ nhiệm sẽ tập hợp các ý kiến của SV và phản ánh trong các báo cáo gửi Khoa [H10.10.05.07].

Nhà trường thường xuyên cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ Thư viện như triển khai mua phần mềm, bổ sung giáo trình, tài liệu tham khảo, cải tiến chất lượng dịch vụ Về thư viện, Trường ĐHQN có một Trung tâm thông tin tư liệu với hơn 300 chỗ ngồi (được sắp xếp trong các phòng tự học thoáng đãng, yên tĩnh), 1 kho sách Phòng giáo trình, 1 kho sách Phòng Đọc, 1 kho sách Phòng mượn, 1 kho Báo - Tạp chí, 21 phòng truy cập Internet với 30 máy tính kết nối mạng

Ngoài việc lấy ý kiến đánh giá của SV về điều kiện cơ sở vật chất phục vụ trực tiếp cho việc học, Khoa KT&CN cũng đánh giá những hoạt động hỗ trợ khác liên quan đến đời sống của SV. Những dịch vụ này (như chất lượng phòng ở KTX, hiệu quả của công tác chăm sóc sức khỏe cho SV, của công tác cố vấn học tập) cũng ít nhiều có ảnh hưởng đến chất lượng học tập của SV và cảm nhận hài lòng của SV về môi trường đại học nói chung, về Khoa KT&CN nói riêng.

Kết quả khảo sát cho thấy, GV và người học hài lòng về sự phục vụ của các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích. Người học được tạo điều kiện thuận lợi để sử dụng các trang thiết bị thí nghiệm, thư viện, phòng máy tính... để phục vụ cho các hoạt động học tập.

2. Điểm mạnh

Nhà trường duy trì chế độ sinh hoạt lớp định kỳ hàng tháng ghi nhận các phản hồi của các bên liên quan để đánh giá và cải tiến liên tục chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho hoạt động dạy và học.

3. Điểm tồn tại

Một số phản hồi của các bên liên quan về cơ sở vật chất, tiện ích chưa được đáp ứng kịp thời do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

Nguồn học liệu phục vụ học tập và giảng dạy ngành KTĐ chưa thật sự phong phú và bắt kịp đặc thù sự phát triển của ngành kỹ thuật.

4. Kế hoạch hành động

Thực hiện rà soát hiệu quả các dịch vụ hỗ trợ người học. Tiến hành các dịch vụ hỗ trợ người học tại các phòng thí nghiệm - thực hành, phòng thực hành máy tính: mở cửa các ngày trong tuần các phòng thí nghiệm - thực hành của Khoa cho SV vào học tập nghiên cứu.

Khoa đề xuất Nhà trường mua bổ sung học liệu chuyên ngành KTĐ

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Tại Trường ĐHHD, cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thực hiện mang tính hệ thống. Được thành lập theo Số 490/QĐ-ĐHHD ngày 25/7/2019. Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng của Trường ĐHHD là đơn vị chịu trách nhiệm về việc tổ chức, triển khai lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan; xây dựng, hoàn thiện hệ thống các loại phiếu khảo sát; báo cáo kết quả khảo sát cho Bộ GD&ĐT cũng như Hiệu trưởng; tiếp nhận và xem xét các kết quả phản hồi để đánh giá chất lượng giáo dục CTĐT theo định kỳ cũng như xây dựng và thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng [H10.10.06.01].

Dựa vào các văn bản hướng dẫn về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV của Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã ra các quyết định về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan tại Trường ĐHHD nhằm đảm bảo việc thu thập thông tin phản hồi mang tính hệ thống, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của đào tạo [H10.10.06.02]. Trước đây, việc khảo sát thường được thực hiện thông qua việc phát các phiếu hỏi; tuy nhiên trong những năm trở lại đây, Nhà trường đã khảo sát online qua facebook, web của nhà trường. Sự đa dạng của công cụ khảo sát giúp việc tiếp nhận ý kiến của các bên liên quan dễ dàng hơn, độ tin cậy cao, nội dung được cập nhật, có thể đối sánh được ý kiến của các bên liên quan trong nhiều năm.

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan luôn được Trường quan tâm, đánh giá, xem xét. Hằng năm, Nhà trường đều đưa ra các thông báo, kế hoạch về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. [H10.10.06.03] [H10.10.06.04]. Sau khi khảo sát, Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng đều có văn bản báo cáo, đánh giá về công tác khảo sát kết quả phản hồi của các bên liên quan cùng với các đề xuất, kiến nghị đối với Nhà trường nhằm cải tiến công tác này trong thời gian tới. [H10.10.06.05].

Các nội dung khảo sát mà Nhà trường và Khoa thực hiện bao gồm khảo sát ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thí nghiệm của GV; khảo sát ý kiến phản hồi người học sắp tốt nghiệp về CTĐT; khảo sát sự hài lòng của GV về cơ sở vật chất, các thiết bị phục vụ học tập và NCKH cũng như hoạt động hỗ trợ đào tạo của đội ngũ nhân viên các phòng, ban, khoa, viện, trung tâm; khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp; khảo sát ý kiến cựu người học, nhà sử dụng lao động về CDR và CTĐT.

Đặc biệt, năm 2019-2020, Nhà trường còn tổ chức hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng và SV để Nhà trường có thể nhanh chóng nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng, vướng mắc của SV [H10.10.06.06]. Ngoài ra, định kỳ Khoa KT & CN còn tổ chức các cuộc họp lấy ý kiến của các chuyên gia, nhà tuyển dụng về CTĐT ngành KTD để có cơ sở xây dựng, đổi mới CTĐT ngành Kỹ thuật điện theo hướng ứng dụng, đáp ứng được nhu cầu nhân lực cho xã hội. Mỗi lần cập nhật CTĐT đều có sự tham gia của các chuyên gia, người học, các GV và CB quản lý các cấp nhằm đảm bảo tính sư phạm, chất lượng chuyên môn, mức độ khả thi của CTĐT. Ngoài việc chỉnh sửa CTĐT, Khoa KT & CN còn tổ chức các buổi trao đổi, seminar, hội thảo nhằm nâng cao chất lượng dạy và học của ngành Kỹ thuật điện; tổ chức các chương trình nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng cho SV [H10.10.06.07], [H10.10.06.08].

Khoa cũng quan tâm thu thập thông tin phản hồi của người học thông qua các buổi sinh hoạt lớp; các buổi họp, gặp gỡ trực tiếp với các CVHT, ban cán sự, CB Hội, CB Đoàn của các lớp để kịp thời nắm bắt các khó khăn, nguyện vọng của các em SV về công tác dạy và học để có thể đáp ứng nhu cầu của người học trong Khoa [H10.10.06.09].

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được Trường ĐHHD quy định bằng văn bản, có tính hệ thống. Trường ĐHHD nói chung và Khoa KT& CN nói riêng đã xây

dựng hệ thống khảo sát online nên việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được diễn ra thường xuyên, liên tục và dễ dàng hơn. Đây là cơ sở giúp các ý kiến phản hồi luôn được đánh giá và cải tiến kịp thời, có hệ thống; từ đó giúp cải tiến chương trình đào tạo cũng như chất lượng các dịch vụ để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học và các bên liên quan. Kết quả phản hồi của các bên liên quan luôn được đánh giá, cải tiến thường xuyên.

3. Điểm tồn tại

Trong quá trình vận hành phần mềm khảo sát online, ý thức của SV trong việc tham gia phản hồi ý kiến chưa cao dẫn đến Nhà trường chưa thu thập được đầy đủ các ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV ở các học phần.

Các đối tượng khác có liên quan như cựu SV, nhà sử dụng lao động chưa nhiệt tình tham gia khảo sát.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023-2024, Nhà trường sẽ tiếp tục hoàn thiện các công cụ khảo sát để thu thập thông tin đầy đủ hơn. Đồng thời, duy trì việc đánh giá, xem xét các phản hồi; thường xuyên cải tiến CTĐT và các dịch vụ tiện ích để phục vụ tốt hơn nữa nhu cầu của người học và xã hội.

Đồng thời, Phòng Công tác chính trị - SV cũng như CVHT sẽ tiếp tục phổ biến, nâng cao ý thức của SV trong việc tham gia phản hồi ý kiến cho Nhà trường. Riêng Khoa KT & CN sẽ tăng cường tổ chức các cuộc họp mặt, làm việc với các SV đã tốt nghiệp cũng như nhà tuyển dụng, các đơn vị đang sử dụng SV ngành Kỹ thuật điện đã tốt nghiệp để nắm rõ hơn nhu cầu nhân lực của xã hội, từ đó đảm bảo sự tương thích và phù hợp của CTĐT.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 10:

Trường ĐHHD và Khoa KT&CN đã hết sức quan tâm đến vấn đề nâng cao chất lượng đào tạo ngành KTĐ để đáp ứng nhu cầu nhân lực cho xã hội. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ sinh viên, nhà tuyển dụng, người sử dụng lao động, GV được chú trọng và thực hiện đầy đủ một cách có hệ thống và thường xuyên. Các thông tin này là cơ sở để xây dựng và hoàn thiện và cải tiến CTĐT.

Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của SV được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. Chất

lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (Tại thư viện, phòng thí nghiệm, trung tâm CNTT...) thường xuyên được rà soát và nâng cao nhằm tạo điều kiện tốt nhất.

Tuy nhiên, vẫn còn một số điểm tồn tại như: Nội dung phiếu khảo sát chưa mang tính đặc thù của từng ngành học; Số lượng ý kiến phản hồi còn thấp đặc biệt từ các NTD và chưa có nhiều ý kiến có tính tham mưu và kịp thời; Nhà trường chưa thực hiện lấy ý kiến phản hồi của giảng viên mời các nhà KH các chuyên gia giáo dục, chưa phân tích các ý kiến phản hồi của tất cả các bên một cách có hệ thống; Số lượng đề tài NCKH của cả giảng viên và sinh viên còn hạn chế và còn ở mức khiêm tốn, chưa có nhiều đề tài mang tính đột phá hoặc ở cấp tỉnh, cấp Bộ; tỷ lệ hoàn toàn hài lòng với CSVC còn chưa cao và quy trình đánh giá chưa được chủ động, đồng đều tại từng bộ phận.

Từ những điểm còn tồn tại nói trên, Khoa đặt ra những kế hoạch hành động như: Chủ động lưu trữ thông tin về SV, cựu SV, nhà sử dụng lao động... để dễ dàng tham khảo ý kiến; có cơ chế tổng hợp, phản hồi, xử lý kịp thời nhằm cải tiến CTĐT; Phối hợp cùng Phòng ĐBCL&TT cập nhật nội dung phiếu khảo sát, tiếp tục duy trì lấy ý kiến phản hồi của các bên, đặc biệt bổ sung thêm việc lấy ý kiến của các GV kiêm nhiệm, GV hợp đồng, các nhà KH/các chuyên gia giáo dục về quy trình thiết kế và phát triển CTDH, đồng thời có phương án phân tích các ý kiến phản hồi của tất cả các bên một cách có hệ thống; phối hợp cùng các cơ quan bên ngoài nhà trường tăng cường nguồn lực và hợp tác nâng cao năng lực NCKH.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 10: Đạt (mức 5/7)

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu

Kết quả đầu ra là thước đo phản ánh chất lượng của một Cơ sở giáo dục đại học. Do đó, Trường ĐHHĐ cũng như Khoa KT&CN rất coi trọng công tác đánh giá, giám sát, đối sánh kết quả đầu ra thông qua tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, số lượng SV có việc làm, loại hình và số lượng bài NCKH. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa KT&CN còn chú trọng đến việc khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan, tổng hợp và đối sánh sự hài lòng qua các năm để có cơ sở cải tiến CTĐT cũng như các dịch vụ tiện ích để ngày càng nâng cao kết quả đầu ra.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Hoạt động học tập của người học, việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập đều được Nhà trường thực hiện theo đúng quy định Bộ GD & ĐT và quy định của Trường ĐHHD. Tại Trường ĐHHD, tỉ lệ tốt nghiệp và thôi học của SV ngành KTĐ được xác lập và giám sát chặt chẽ thông qua hệ thống CVHT, Khoa KT&CN, Phòng Đào tạo Đại học và Sau đại học, Phòng Công tác sinh viên được quản lý, giám sát hiệu quả, chính xác và đầy đủ [H11.11.01.01]. Hàng năm, thông tin tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp được Nhà trường công bố trong Báo cáo công tác đào tạo và Đề án tuyển sinh hàng năm [H11.11.01.02].

Quy trình và các quy định về việc xét thôi học, xét tốt nghiệp của SV được Nhà trường ban hành chi tiết, rõ ràng [H11.11.01.03], [H11.11.01.04], [H11.11.01.05]. Đồng thời, vào đầu mỗi kỳ học, Nhà trường phối hợp với các Phòng Đào tạo Đại học và Sau đại học, Phòng Công tác sinh viên, Khoa tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân - HSSV” để phổ biến quy chế đào tạo đến toàn thể SV cũng như giải đáp các thắc mắc của SV liên quan đến học tập, rèn luyện, trong đó có các quy định về tốt nghiệp, thôi học để SV nắm được các quy chế đào tạo, yêu cầu về kết quả học tập trong mỗi kỳ học cũng như quy trình, cách thức đánh giá kết quả học tập, các quy định về quy trình xét thôi học, các quy định, quy trình về công nhận tốt nghiệp, và các quy định khác có liên quan đến SV [H11.11.01.06].

Chất lượng SV tốt nghiệp, đặc biệt tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn, trước hạn hay sau hạn của SV toàn trường và SV ngành KTĐ luôn được tổng hợp, báo cáo, giám sát bởi Phòng Đào tạo đại học và Sau đại học phối hợp với Khoa KT&CN. Vấn đề này được quy định trong chức năng của ban đào tạo, đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ của Khoa, CVHT trong việc nắm bắt thông tin, trợ giúp hay kết nối thông tin, nguồn lực trợ giúp giải quyết các khó khăn nhằm tốt nghiệp đúng hạn [H11.11.01.07], [H11.11.01.08].

Về tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp, Phòng Đào tạo đại học và Sau đại học là đầu mối cập nhật thông tin về từng đợt sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp, xét tốt nghiệp và trao bằng và gửi thông tin danh sách sinh viên đủ điều kiện xuống khoa, giáo vụ khoa phối hợp với CVHT kiểm tra thông tin, xác nhận với Phòng Đào tạo đại học và Sau đại học. Trên cơ sở thông tin xác nhận, Phòng Đào tạo đại học và Sau đại học sẽ làm các thủ tục ra quyết định và cấp bằng tốt nghiệp. Khi sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp, Quyết định

công nhận tốt nghiệp và danh sách kèm theo Quyết định được công bố công khai đồng thời gửi về Khoa và các phòng ban có liên quan [H11.11.01.09].

Để cải tiến chất lượng, hàng năm trong giai đoạn 2019-2023 Khoa KT&CN đã tiến hành thống kê tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp, cụ thể như sau:

Bảng 11.01.01: Bảng tỉ lệ tốt nghiệp ngành KTĐ với các CTĐT giai đoạn 2018 - 2023

(Nguồn: Số liệu của Phòng Đào tạo và Sau đại học)

Năm tốt nghiệp	Số lượng SV nhập học	Số lượng SV tốt nghiệp	Tỷ lệ SV tốt nghiệp (%)
2018 - 2019	175	84	48.0%
2019 - 2020	154	66	42.9%
2020 - 2021	64	22	34.4%
2021 - 2022	18	10	55.6%
2022 - 2023	18	9	50.0%

Kết quả học tập của SV được cập nhật thường xuyên và kịp thời giúp SV theo dõi và có kế hoạch cải thiện kết quả học tập theo từng thời điểm cụ thể. Danh sách SV bị cảnh báo học vụ, thông báo về thời gian đào tạo đối với sinh viên đại học chính quy chưa tốt nghiệp so với kế hoạch được cập nhật theo năm học và được lưu tại Phòng Đào tạo Đại học & Sau đại học [H11.11.01.11], [H11.11.01.12]. Kết hợp với việc theo dõi thông tin của từng SV của Phòng CTSV và giáo viên chủ nhiệm đối với những SV không đủ điều kiện theo quy định Nhà trường sẽ ra quyết định buộc thôi học [H11.11.01.13]. Phòng Công tác SV, Phòng Đào tạo Đại học và Sau đại học và Khoa đã thực hiện việc giám sát, đối sánh tỷ lệ SV thôi học và tỷ lệ SV tốt nghiệp hằng năm [H11.11.01.14]. Cụ thể thông tin về số lượng SV tốt nghiệp và số lượng SV thôi học của Khoa từ năm học 2018 - 2019 đến năm học 2022-2023 được thể hiện qua bảng số 11.11.02.

Bảng 11.01.02 Bảng đối sánh tỉ lệ sinh viên ngành KTĐ bậc Đại học hệ chính quy tốt nghiệp, thôi học giai đoạn 2018 - 2023

(Nguồn: Số liệu của Phòng Đào tạo và Sau đại học)

Năm học	Số lượng SV cuối khóa	Số lượng SV tốt nghiệp			Tỷ lệ SV tốt nghiệp (%)	Số lượng SV thôi học	Tỷ lệ SV thôi học (%)
		5 năm	>5 năm	Tổng			
2018-2019	175	84	0	84	48.0%	45	25.7
2019-2020	154	53	13	66	42.9%	40	26.0
2020-2021	64	18	4	22	34.4%	15	23.4
2021-2022	18	10	0	10	55.6%	3	16.7
2022-2023	18	0	9	9	50.0%	3	16.7

Bảng 11.1.2 cho thấy đa số SV của Khoa hoàn thành CTĐT đúng thời hạn. Một số ít SV tốt nghiệp trễ hạn chủ yếu là do chưa tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình. Tỷ lệ SV thôi học ngành KTĐ của Khoa hàng năm chiếm tỷ lệ cao so với tổng số lượng SV nhập học. SV thôi học chủ yếu là vào ba năm đầu tiên của khóa học do SV không thể tích lũy đủ số tín chỉ tối thiểu quy định của CTDH, chưa đạt được nguyện vọng chọn ngành nghề, mong muốn thi vào các trường đại học khác ở các thành phố lớn, đi du học hoặc do hoàn cảnh gia đình. Tình hình SV tốt nghiệp, thôi học được giám sát, phân tích, đánh giá và đối sánh định kỳ hằng năm trong Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và xây dựng phương hướng, nhiệm vụ năm học tới [H11.11.01.15].

Nhà trường và Khoa đã có một số biện pháp cải tiến để làm giảm tỷ lệ thôi học của SV. Cụ thể tăng cường sự quan tâm, động viên, giám sát của giáo viên chủ nhiệm và Phòng CTSV thông qua các buổi sinh hoạt lớp và các hoạt động tập thể. Trao học bổng hằng năm cho SV để khuyến khích và động viên người học kịp thời [H11.11.01.16], [H11.11.01.17].

Khoa cũng thường xuyên tổ chức các buổi gặp gỡ, tọa đàm với SV nhằm hỗ trợ, định hướng học tập cho SV, thực hiện khảo sát về tình hình việc làm, phối hợp với Hội SV và các doanh nghiệp tổ chức ngày hội việc làm nhằm giúp SV đang học vững tin hoàn thành CTĐT và SV đã tốt nghiệp có cơ hội tìm được việc làm ngay khi ra trường [H11.11.01.20]. Hơn nữa, trong 5 năm gần đây, Nhà trường đã lập kế hoạch tổ chức, đánh giá, sửa đổi, cập nhật và ban hành CTĐT, thiết lập, cải tiến các phương pháp quản lý kết quả học tập của SV, tạo điều kiện thuận lợi cho SV theo dõi kết quả học tập và chủ động trong kế hoạch học tập.

2. Điểm mạnh

Khoa, Phòng CTSV, giáo viên chủ nhiệm và Hội SV luôn giám sát, cập nhật tình hình SV (đặc biệt là SV thuộc diện khó khăn, có kết quả học tập yếu kém, sinh viên nghi

học nhiều) thông qua những buổi sinh hoạt lớp và các hoạt động khác nhằm có sự trao đổi tư vấn để có hướng giải quyết phù hợp giúp làm tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp và giảm tỷ lệ SV thôi học hàng năm.

3. Điểm tồn tại

Khoa mới chỉ thực hiện đối sánh với các ngành khác trong Nhà trường về tỷ lệ SV tốt nghiệp, thôi học mà chưa đối sánh với các trường khác chưa thực hiện được. Bên cạnh đó Nhà trường nâng cấp phần mềm quản lý sinh viên và phần mềm quản lý kết quả học tập của SV, giúp SV có thể tra cứu kết quả học tập của mình qua mạng Internet.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023-2024, Khoa sẽ tìm hiểu và thực hiện việc đối sánh về tỷ lệ SV tốt nghiệp, thôi học với các trường khác để có những biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp hơn. Bên cạnh đó, Khoa tiếp tục giám sát chặt chẽ tình hình học tập của SV, tìm hiểu lý do thôi học của SV để có những tư vấn, định hướng tốt hơn cho SV ngay từ khi nhập học cũng như trong quá trình hoàn thành CTĐT của SV.

Nhà trường nâng cấp phần mềm quản lý SV và phần mềm quản lý kết quả học tập của SV để việc theo dõi tình hình học tập và tra cứu kết quả học tập của SV được dễ dàng, kịp thời hơn.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: **5/7**.

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Từ năm học 2012 - 2013, Nhà trường đã chính thức chuyển sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho tất cả các CTĐT trình độ đại học. Theo Quy định đào tạo đại học, cao đẳng theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐHHD [H1.01.01.01] và Chương trình đào tạo ngành KTĐ [H1.01.01.02], CTĐT ngành KTĐ trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường có thời gian học chuẩn là 4.5 năm và tối đa là 9 năm. CTĐT ngành KTĐ có sự linh hoạt rút ngắn thời gian đào tạo đối với những SV có khả năng nguyện vọng học vượt tiến độ để tốt nghiệp sớm trước thời hạn. Tuy nhiên qua quá trình trường triển khai tổ chức đào tạo theo tín chỉ, chưa có sinh viên tốt nghiệp sớm.

Nhà trường áp dụng CDR tin học, tiếng Anh đối với sinh viên kể từ khóa tuyển sinh năm 2012, yêu cầu SV tốt nghiệp phải có trình độ ngoại ngữ chuẩn A2 theo khung tham chiếu Châu Âu; Chứng chỉ Tin học ứng dụng trình độ B theo chương trình tin học ứng dụng do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành [H11.11.02.03].

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Đào tạo Đại học và Sau Đại học ban hành kèm theo Quyết định số Số 226/QĐ-ĐHHD ngày 25/01/2019 [H11.11.01.04]. Phòng Đào tạo có nhiệm vụ theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình. Thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành KTĐ được trình bày Bảng 11.02.01: Số liệu đối sánh cho thấy, thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành KTĐ là 5.1 năm. Như vậy thời gian tốt nghiệp trung bình gần đúng với thời gian thiết kế trong CTĐT.

Bảng 11.02.01: Thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành KTĐ theo khóa giai đoạn từ 2019 - 2023

Năm học	Số lượng SV nhập học	Số lượng SV tốt nghiệp	Trung bình thời gian tốt nghiệp (năm)
2018 - 2019	175	84	5.0
2019 - 2020	154	66	5.1
2020 - 2021	64	22	5.0
2021 - 2022	18	10	5.0
2021 - 2023	18	9	5.1

Kết thúc mỗi học kỳ, Phòng Đào tạo đại học và Sau đại học lập danh sách SV buộc thôi học, SV tạm dừng bảo lưu kết quả học tập. Trên cơ sở này, Khoa thực hiện báo cáo tỷ lệ SV tốt nghiệp, thôi học hằng năm [H11.11.02.05].

Trên cơ sở số liệu SV tốt nghiệp Phòng Đào tạo và Khoa tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành KTĐ với thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các ngành thuộc khối kỹ thuật trong trường. Tuy nhiên Nhà trường không có đào tạo ngành khác thuộc khối kỹ thuật nên việc đối sánh không thực hiện được nhưng trường đã thực hiện đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình giữa ngành KTĐ của trường với ngành KTĐ của trường đại học khác thể hiện bảng 11.02.02.

Bảng 11.02.02: Đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình giữa ngành KTĐ của trường với ngành KTĐ của trường đại học khác

Trường	Năm học				
	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2021 - 2023
Trường ĐHHD	5.0	5.1	5.0	5.0	5.1

Đại học Sao đỏ	5.0	5.1	5.2	5.1	5.1
Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	4.9	4.7	4.7	4.6	4.5

Tại Bảng 11.02.02 cho thấy kết quả đối sánh về thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành KTĐ của trường so với Trường Đại học Sao đỏ không có khác biệt nhiều nhưng thấp hơn so với Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.

Từ kết quả giám sát, đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình Khoa luôn tìm hiểu nguyên nhân chậm tốt nghiệp của SV và đề ra một số giải pháp hỗ trợ SV tốt nghiệp đúng hạn, như đề xuất Nhà trường tạo điều kiện cho SV đăng ký học lại các học phần chưa hoàn thành, các học phần SV có nhu cầu cải thiện điểm trong học kỳ phụ và cho học ghép các học phần đối với lớp có sĩ số ít [H11.11.02.06], [H11.11.02.07], [H11.11.02.08]. Đề nghị CVHT và khoa sát sao hơn nữa việc rà soát điểm của các SV trong quá trình học tập CVHT liên tục rà soát và thông báo sinh viên còn nợ môn chuyên ngành, thông báo cho sinh viên tích cực trả nợ môn thông qua đăng ký tham gia các lớp học tự nguyện, tham gia ôn tập và lên kế hoạch đăng ký sớm thi CĐR tin học và ngoại ngữ [H11.11.02.09], [H11.11.02.10] nhằm đạt điều kiện xét tốt nghiệp đúng hạn.

Ngoài ra, việc tổng kết so sánh, đánh giá về thời gian tốt nghiệp trung bình/năm của các ngành trong trường được khoa, Phòng Đào tạo đại học & Sau Đại học và Nhà trường chú ý phân tích nhằm có được thông tin về thực trạng, từ đó có chiến lược và giải pháp phù hợp nếu có những khác biệt, bất thường trong thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành KTĐ.

Tại trường, SV có thể rút ngắn thời gian tốt nghiệp theo quy định bằng việc căn cứ trên quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường cùng với đó là có thể lấy ý kiến tư vấn từ CVHT, và cán bộ chuyên trách của Phòng Đào tạo đại học & Sau Đại học để đăng ký học vượt, học tự nguyện để rút ngắn thời gian tốt nghiệp nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu của CTĐT ngành KTĐ [H11.11.02.11]; [H11.11.02.12].

2. Điểm mạnh

Hầu hết SV ngành KTĐ có ý thức học tập tốt. Đội ngũ GV của Khoa, đặc biệt là các Giáo viên chủ nhiệm thường xuyên quan tâm, nắm bắt tình hình học tập của SV, kịp thời hỗ trợ và giải quyết những khó khăn trong học tập, giúp SV hoàn thành CTĐT đúng hạn.

Về phía Nhà trường, Phòng Đào tạo Đại học và Sau đại học kịp thời thông báo tới những SV bị chậm tiến trình, còn nợ môn, chưa hoàn thành chương trình học... để SV kịp thời nắm thông tin và hoàn thành chương trình học.

Với CĐR môn ngoại ngữ và tin học, Trường chủ động tổ chức ôn thi nhiều đợt trong năm cho SV nhằm làm tăng cơ hội cho SV tham gia thi đạt CĐR theo đúng tiến độ.

3. Điểm tồn tại

Một số sinh viên còn chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân, dẫn đến chưa tích lũy đủ số tín chỉ quy định, hoặc chưa hoàn thành các điều kiện CĐR. Chính vì vậy vẫn còn một số sinh viên bị chậm tốt nghiệp so với tiến độ của Nhà trường. Việc rút ngắn thời gian tốt nghiệp đối với sinh viên ngành KTĐ theo chương trình học chế tín chỉ (ít hơn 4.5 năm) là tương đối khó. Điều này là do ngành KTĐ đòi hỏi sinh viên đầu tư nhiều thời gian và công sức, khối lượng kiến thức nhiều nên sinh viên chưa tự tin đăng ký học vượt môn ở mỗi học kỳ.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2023-2024, Khoa cùng với Phòng Đào tạo Đại học và Sau đại học, Phòng CTSV, giáo viên chủ nhiệm sẽ tiến hành rà soát, nhắc nhở SV chủ động theo dõi kế hoạch học tập và kịp thời hoàn thành các điều kiện CĐR, để việc xét tốt nghiệp của SV được đảm bảo đúng tiến độ.

Phát huy tối đa vai trò của Giáo viên chủ nhiệm trong việc theo dõi, hướng dẫn, giám sát và tư vấn cho SV trong suốt quá trình học tập, kịp thời nắm bắt thông tin để SV ra trường đúng tiến độ. Đồng thời tăng cường tương tác thông tin với SV qua các kênh thông tin chính thức của Khoa và Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Mục tiêu CĐR ngành KTĐ được Khoa và Nhà trường xây dựng chi tiết, rõ ràng, chính là cam kết của Nhà trường trong đào tạo và được kiểm chứng khi người học tốt nghiệp và có việc làm [H11.11.03.01].

Phòng Công tác sinh viên là đơn vị được giao nhiệm vụ, trách nhiệm về việc theo dõi, giám sát tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, thể hiện trong Quy

định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc trường [H11.11.03.02], tại Mục 4: Phòng Công tác sinh viên, Điều 14. Nhiệm vụ quyền hạn, Khoản 24, quy định “Quản lý và thường xuyên cập nhật danh sách, địa chỉ, nơi công tác, chức vụ của cựu sinh viên. Phối hợp với các đơn vị có quản lý sinh viên tăng cường mối quan hệ với cựu sinh viên, học viên...”. Hàng năm, Phòng CTSV với Khoa triển khai công tác khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp để nắm bắt tình hình, vị trí việc làm, mức thu nhập bình quân và đơn vị công tác của SV sau một năm tốt nghiệp [H11.11.03.03].

Phòng Công tác sinh viên thiết lập mạng lưới thu thập thông tin qua các kênh: Phối hợp trực tiếp với khoa Kỹ thuật - Công nghệ, chủ nhiệm lớp lập danh bạ điện thoại cựu sinh viên và gọi điện trực tiếp cho các em để khảo sát [H11.11.03.04]; Lập nhóm zalo lớp trưởng, bí thư các lớp sinh viên tốt nghiệp hàng năm [H11.11.03.05], xây dựng mẫu biểu khảo sát qua Google docs để các lớp trưởng, bí thư chuyển cho các sinh viên lớp mình thực hiện khảo sát, kết quả sẽ được Phòng CTSV tổng hợp lại.

Nội dung khảo sát bao gồm:

- Khảo sát về việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên theo từng khóa: tỷ lệ sinh viên có việc làm; thời gian có việc làm sau tốt nghiệp; công việc có phù hợp với ngành được đào tạo; các kiến thức, kỹ năng được học có hỗ trợ hiệu quả trong công tác; mức thu nhập bình quân hàng tháng; tương lai nghề nghiệp;

- Điều tra lý do sinh viên tốt nghiệp chậm hoặc không tìm được việc làm; những kiến thức, kỹ năng nào sinh viên cần chuẩn bị trước khi tốt nghiệp; xu hướng nghề nghiệp; ý kiến đóng góp, nâng cao hiệu quả đào tạo của Nhà trường;

- Khảo sát các doanh nghiệp về mức độ đáp ứng công việc của sinh viên nhà trường, các kiến thức và kỹ năng mà doanh nghiệp cần ở sinh viên để Nhà trường đưa ra các giải pháp cải tiến chương trình đào tạo.

Từ nguồn dữ liệu khảo sát, Phòng CTSV xử lý dữ liệu, thống kê, báo cáo tỷ lệ việc làm của SV và công khai trên website của Trường. Toàn bộ dữ liệu về khảo sát việc làm của SV tốt nghiệp hàng năm được lưu trữ tại Phòng CTSV [H11.11.03.06].

Hàng năm, Khoa đã tiến hành đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành KTĐ với các ngành khác trong Trường và một số trường đại học trong nước có cùng CTĐT, kết quả cho thấy, tỷ lệ việc làm của SV tốt nghiệp ngành KTĐ của Khoa tương đối cao so với các ngành được so sánh và cao hơn mức trung bình của toàn trường qua các năm. Chỉ riêng trong 2 năm 2019, 2020 khi đại dịch Covid 19 hoành hành trên phạm vi toàn cầu

kéo theo sự khó khăn về kinh tế. Rất nhiều doanh nghiệp phải đóng cửa hoặc hoạt động cầm chừng, tỷ lệ sinh viên ngành KTĐ tìm được việc làm chỉ đạt 73.85% và 68.42%. Các năm còn lại trong chu kỳ đánh giá, tỷ lệ sinh viên tìm được việc làm của ngành đều từ 80% trở lên. Đặc biệt trong năm 2023, tỷ lệ sinh viên ngành KTĐ ra trường có việc làm đạt tỷ lệ 100%. Điều này chứng minh Nhà trường đã trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng gần hơn với yêu cầu công việc của các doanh nghiệp hiện nay. Bên cạnh đó, nó cũng phù hợp với xu thế của thị trường lao động hiện tại "thừa thầy - thiếu thợ". Các kỹ sư, cử nhân ngành Kỹ thuật nói chung và kỹ sư ngành KTĐ nói riêng đặc biệt quan trọng trong các công ty, doanh nghiệp thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0, sử dụng công nghệ AI như hiện nay.

Hầu hết SV tốt nghiệp ngành KTĐ của trường làm đúng chuyên ngành mà mình được đào tạo. Cụ thể như sau:

- Năm 2019: có 93.75% sinh viên ngành KTĐ làm việc gần hoặc đúng chuyên ngành mình được đào tạo.

- Năm 2020: có 65.38% sinh viên ngành KTĐ làm việc gần hoặc đúng chuyên ngành mình được đào tạo.

- Năm 2021: có 64.71% sinh viên ngành KTĐ làm việc gần hoặc đúng chuyên ngành mình được đào tạo.

- Năm 2022: có 87.5% sinh viên ngành KTĐ làm việc gần hoặc đúng chuyên ngành mình được đào tạo

- Năm 2023: có 100% sinh viên ngành KTĐ làm việc gần hoặc đúng chuyên ngành mình được đào tạo.

Từ những số liệu phân tích trên có thể thấy rằng người học tốt nghiệp ngành KTĐ tại Trường ĐHHD có năng lực nghề nghiệp và đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động hiện nay.

Về khu vực làm việc của sinh viên ngành KTĐ, các em chủ yếu làm việc trong công ty tư nhân và công ty có yếu tố nước ngoài.

- Năm 2019: có 66.67% sinh viên ngành KTĐ làm việc trong công ty tư nhân và 25% làm việc trong công ty có yếu tố nước ngoài

- Năm 2020: có 50% sinh viên ngành KTĐ làm việc trong công ty tư nhân và 38.46% làm việc trong công ty có yếu tố nước ngoài

- Năm 2021: có 64.7% sinh viên ngành KTĐ làm việc trong công ty tư nhân và 23.53% làm việc trong công ty có yếu tố nước ngoài

- Năm 2022: có 50% sinh viên ngành KTĐ làm việc trong công ty tư nhân và 12.5% làm việc trong công ty có yếu tố nước ngoài

- Năm 2023: có 61.54% sinh viên ngành KTĐ làm việc trong công ty tư nhân và 19.23% làm việc trong công ty có yếu tố nước ngoài

Điều này hoàn toàn phù hợp với đặc thù ngành đào tạo và khung năng lực cũng như định hướng nghề nghiệp và môi trường làm việc mà Khoa và Trường hướng đến trong CTĐT ngành KTĐ.

Bảng 11.3.1: Đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm qua các năm của ngành KTĐ so với các ngành khác trong Trường

Ngành	Tỷ lệ (%) người tốt nghiệp có việc làm				
	Năm				
	2019	2020	2021	2022	2023
KTĐ	73.85%	68.42%	94.44%	90.91%	100%
Công nghệ thông tin	100%	50%	100%	90.91%	100%
Kế toán	86.02%	70.09%	91.53%	93.81%	76.19%
Quản trị kinh doanh	100%	40.91%	88.89%	100%	100%
Toàn trường	83.50%	66.67%	90.73%	95.06%	97.02%

Bảng 11.3.2: Đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm qua các năm của ngành KTĐ Trường ĐHHD và các CSGD có cùng CTĐT

Trường	Đúng chuyên ngành	Liên quan chuyên	Không	Tiếp tục học	Chưa có	Tỷ lệ SV có việc làm/Tổng

	được đào tạo	ngành đào tạo	liên quan		việc làm	số SV phản hồi (%)
ĐHHD	10 (5%)	10 (5%)	10 (5%)	10 (5%)	10 (5%)	97
Đại học Sao Đỏ	10 (5%)	10 (5%)	10 (5%)	10 (5%)	10 (5%)	97

Khoa thường xuyên giữ mối liên hệ với các khóa SV đã tốt nghiệp ra trường, đặc biệt là SV vừa tốt nghiệp để theo dõi tình hình xin việc làm của SV. Đối với những SV chưa có việc làm hoặc làm việc chưa đúng với chuyên ngành được đào tạo Khoa sẽ tìm hiểu nguyên nhân và có những hỗ trợ nhất định trong tìm kiếm việc làm. Bên cạnh đó Khoa và Nhà trường thường xuyên liên hệ với các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị có sử dụng lao động là SV tốt nghiệp của Khoa để tiếp nhận phản hồi, nhận xét, đánh giá khả năng làm việc, vận dụng chuyên môn được đào tạo vào công việc thực tế [H11.11.03.07], [H11.11.03.08]. Từ đó Nhà trường thực hiện nhiều giải pháp về đổi mới CTĐT. Trong CTĐT các ngành học, Nhà trường đã đưa một số học phần chứa đựng những nội dung rèn luyện các kỹ năng phỏng vấn, kỹ năng xin việc làm, kỹ năng viết đơn xin việc làm, như học phần: Kỹ năng giao tiếp. Để cho sinh viên được trải nghiệm thực tế, tự tin với công việc Nhà trường đã đưa học phần Thực tế cơ sở ngành trong CTĐT các ngành: Quản trị kinh doanh, Kinh tế, Quản trị dịch vụ, du lịch và lễ hành, Quản trị văn phòng, Công nghệ thông tin [H11.11.03.09]

Bên cạnh đó, Nhà trường còn tăng cường ký thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức ngày hội tuyển dụng việc làm hàng năm, tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng mềm nhằm hỗ trợ SV sớm có việc làm [H11.11.03.10]. Nhà trường đã và đang xúc tiến các hoạt động liên kết, hợp tác đào tạo với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương, không những tạo điều kiện để sinh viên đi thực tế, thực tập, trải nghiệm thực tế gắn lý thuyết với thực hành, còn hỗ trợ tìm việc làm cho sinh viên, như hợp tác với Công ty An phát Holding, Công ty TNHH Nông nghiệp HT Việt Nam, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Hải Dương, Công ty TNHH Việt nam Toyo Denso, Công ty cổ phần kinh doanh KYOKAWA. [H11.11.03.11]

Nhằm hỗ trợ cho sinh viên có điều kiện thuận lợi để rèn luyện, nâng cao các kỹ năng mềm, tạo cơ hội tìm việc làm sau khi tốt nghiệp Nhà trường đã thành lập Trung

tâm Tin học - Ngoại ngữ đào tạo cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin căn bản và nâng cao theo chuẩn quốc gia, các kỹ năng sử dụng những phần mềm phổ biến theo nhu cầu thực tế của xã hội; bồi dưỡng các chương trình ngoại ngữ ngắn hạn cho các đối tượng xã hội có nhu cầu [H11.11.03.12];

Trường ĐHHD đã thiết kế và duy trì hoạt động thường xuyên trang thông tin việc làm sinh viên trên website tại đường link: Website <http://www.uhd.edu.vn> [H11.11.03.13].

2. Điểm mạnh

Đa số sinh viên tốt nghiệp ngành KTĐ đều có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp; lĩnh vực nghề nghiệp và môi trường làm việc gắn kết chặt chẽ với CTĐT ngành; Nhà trường và Khoa coi trọng năng lực thực hành thực tế, giúp sinh viên có nhiều cơ hội được trải nghiệm thực hành nghề nghiệp và có nhiều cơ hội có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, có một tỷ lệ nhất định sinh viên ngành KTĐ làm trái ngành trái nghề sau khi tốt nghiệp. Điều này cũng phản ánh tình trạng chung của xã hội, nhưng nó cũng phản ánh nội dung đào tạo trong Nhà trường còn thiên về lý thuyết. Và một số sinh viên còn chưa lập kế hoạch cá nhân, định hướng mục tiêu nghề nghiệp chưa rõ ràng. Do đó sinh viên gặp khó khăn trong quá trình tìm việc làm sau khi tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

Khoa và Trường lập kế hoạch khảo sát về tình trạng việc làm của sinh viên ngành KTĐ đã tốt nghiệp ở các khóa; liên kết với các doanh nghiệp địa phương để giúp sinh viên có cơ hội tìm kiếm việc làm đúng chuyên ngành đào tạo dễ dàng hơn sau khi tốt nghiệp.

Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường và Khoa tiếp tục thực hiện việc lưu trữ phân tích dữ liệu SV tốt nghiệp có việc làm để đưa ra các giải pháp thiết thực hơn với người học.

Bên cạnh đó, hàng năm Nhà trường và Khoa thực hiện tốt việc đối sánh tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp; Thường xuyên kết nối, khảo sát CBLQ để thu thập, phân tích nguyên nhân SV chưa có việc làm từ đó đề xuất các giải pháp hỗ trợ kịp thời, hiệu quả.

5. Tự đánh giá tiêu chí Đạt mức 4/7.

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Sứ mệnh và tầm nhìn của Trường ĐHHD được xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu của các cơ quan, công ty, doanh nghiệp công nghiệp và thị trường lao động khu vực Đồng bằng Sông Hồng cũng như trong Tỉnh và các Tỉnh lân cận [H11.11.04.01].

Các hoạt động nghiên cứu khoa học của SV được quy định rõ trong các văn bản của Nhà trường. Việc sinh viên ngành KTĐ thực hiện các đề tài trong đồ án môn học, đề tài trong đồ án tốt nghiệp trước khi ra trường cũng là một trong các hoạt động NCKH. Hoạt động nghiên cứu khoa học trong quá trình học gắn với yêu cầu, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá; cụ thể là tiến hành lược khảo các nghiên cứu trước theo các hướng nghiên cứu trong học phần, viết bài tập lớn môn học, làm tiểu luận nhóm, về các vấn đề Khoa học của học phần. Kết quả nghiên cứu này được hội đồng khoa học/ thầy cô tham gia hướng dẫn nghiên cứu đánh giá. [H11.11.04.02].

CTĐT ngành KTĐ, trình độ đại học bắt buộc SV phải thực hiện các đề tài khoa học trong đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp. Căn cứ vào hướng nghiên cứu phù hợp với môn học, nguyện vọng của SV, Khoa hợp chuyên môn, đánh giá đề tài, đề xuất văn bản làm căn cứ để Nhà trường ra văn bản pháp lý. Sản phẩm đề tài được nghiệm thu thông qua tại Hội đồng đánh giá Đồ án tốt nghiệp. Trình tự thực hiện, thủ tục, hồ sơ của quá trình thực hiện Đồ án tốt nghiệp được Nhà trường quy định cụ thể. Đồ án tốt nghiệp sau khi đã hoàn tất chỉnh sửa sau Hội đồng được lưu bản cứng và file mềm tại Thư viện Trường để lưu trữ và cho bạn đọc tham khảo. Danh sách Đồ án tốt nghiệp đã thực hiện được tổng hợp theo khóa đào tạo [H11.11.04.03].

Hoạt động NCKH của SV cũng là một yếu tố quan trọng trong công tác giảng dạy của Nhà trường. Dựa trên các quy định của Trường mà hằng năm số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và cải tiến chất lượng.

Theo quy định của Bộ Giáo dục về các hoạt động NCKH của SV, nhà Trường hằng năm luôn có các kế hoạch triển khai các hoạt động này. Ngay khi có kế hoạch của Nhà trường, các GV trong Khoa đã khuyến khích, tạo mọi điều kiện thuận lợi để người học tham gia hoạt động NCKH ngay từ năm thứ nhất [H11.11.04.04].

Tình hình NCKH của SV ngành KTĐ được thể hiện qua bảng thống kê sau:

Bảng 11.4.1. Hoạt động NCKH SV ngành KTĐ từ năm 2018 đến 2023

Năm học	2018 - 2019	2019 – 2020	2020-2021	2021-2022	2022- 2023
Số lượng đề tài	52	25	16	21	26

Qua bảng 11.4.1 nhận thấy số lượng đề tài NCKH và số lượng SV ngành Kỹ thuật điện của Khoa KT & CN tham gia NCKH tương đối ổn định

Hàng năm, phòng QLKH & HTQT là đơn vị triển khai và giám sát hoạt động NCKH của SV thông qua báo cáo tình hình thực hiện đề tài của SV từ các Khoa. Vào cuối mỗi năm học, trước khi Nhà trường đưa thông báo về đăng kí đề tài NCKH của SV. Thông qua buổi phát động các GV sẽ hướng dẫn cho SV về phương pháp NCKH như: Cách lựa chọn đề tài, lập kế hoạch thực hiện, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu. Bên cạnh đó, Nhà trường có quy trình quản lý hoạt động NCKH SV với các hướng dẫn và biểu mẫu cụ thể trong phụ lục quy định hoạt động công nghệ và cũng hỗ trợ kinh phí để tạo điều kiện cho SV thực hiện đề tài [H11.11.04.05].

Các hoạt động NCKH của SV được tổng kết, đánh giá hàng năm thông qua Hội nghị tổng kết công tác NCKH SV của Trường. Qua đó, Nhà trường khuyến khích và khen thưởng các SV đạt thành tích cao, đồng thời chỉ ra những điểm tồn tại để có các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng NCKH SV [H11.11.04.06].

Bảng 11.4.2. Đối sánh tình hình NCKH của SV ngành KTD qua các năm học

Năm học	Tổng số đề tài được giao (cho toàn khoa)	Kết quả	
		Khá (%)	Tốt (%)
2018 - 2019	52	59,7	40,3
2019 - 2020	25	67,5	32,5
2020 - 2021	16	1,6	98,4
2021 - 2022	21	4,2	95,8
2022 - 2023	26	10,4	89,6

Nhận xét: Qua Bảng 11.4.2 thấy việc NCKH của SV ngành KTD có sự chủ động tích hơn vận dụng những kiến thức đã học vào thực hiện nghiên cứu hoàn thành đề tài được giao. Các GV có chuyên môn cao và có kinh nghiệm định hướng và hướng dẫn sinh viên hoàn thành đạt kết quả tốt hơn qua đó tác động đến kết quả học tập tốt hơn khích lệ tinh thần học tập cho sinh viên.

2. Điểm mạnh

- Về NCKH nhà trường luôn có hoạch phát triển NCKH trong SV rõ ràng, tập trung các hướng nghiên cứu ứng dụng, có tính thực tiễn cao.

- Nhà trường có hệ thống theo dõi, giám sát hiệu quả hoạt động NCKH của SV. Các GV trong Khoa có chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm trong hướng dẫn SV NCKH. CSVC phòng thí nghiệm thực hành với nhiều thiết bị hiện đại và đầy đủ chức năng, giúp sv có nhiều thuận lợi trong việc nghiên cứu và thực hành.

3. Điểm tồn tại

- Ngoài hoạt động NCKH được thực hiện trong các đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp thì SV ngành KTĐ chưa chủ động đề xuất các đề tài NCKH có ứng dụng rộng rãi hơn. Số lượng SV khoa KTĐ và CN tham gia NCKH chưa nhiều so với tiềm năng của SV.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, thông qua các hoạt động Đoàn - Hội, Khoa KT & CN sẽ tiếp tục triển khai mạnh mẽ các hoạt động truyền thông, tư vấn cho SV về vai trò của NCKH trong SV của ngành Kỹ thuật điện, tích cực tuyên truyền và định hướng ngay từ đầu khóa học cho SV về tầm quan trọng của NCKH và phát huy sự ảnh hưởng của các GV trong Khoa có các công trình NCKH giá trị, tạo động lực cho SV trong Khoa đam mê NCKH.

Tiếp tục phát huy những công cụ tạo động lực tốt cho SV như: cộng điểm khuyến khích học tập, cấp học bổng các khóa, Đặc biệt, Khoa sẽ có kế hoạch tổ chức thăm quan các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp tìm hiểu các hệ thống máy móc hiện đại chức và Seminar khoa học của các nhà khoa học đến thăm và làm việc tại Trường. Thực hiện việc so sánh hoạt động nghiên cứu hoạt động NCKH ở các CSGD khác để làm cơ sở và động lực khơi dậy lòng say mê NCKH trong SV.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7.

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Sự hài lòng của các bên liên quan là căn cứ quan trọng để duy trì, cải tiến chất lượng CTĐT và cũng là yếu tố quan trọng quyết định sự tồn tại và phát triển của một trường đại học. Do đó, Trường ĐHHD nói chung và Khoa KT & CN nói riêng rất

chú trọng đến việc khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan. Trong đó, Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng là đơn vị chuyên trách được giao nhiệm vụ khảo sát, đo lường và đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan đến CTĐT [H11.11.05.01]. Việc khảo sát, đánh giá sự hài lòng của các bên liên quan được thực hiện dựa trên các công văn hướng dẫn của Bộ GD&ĐT cũng như các quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan tại Trường ĐHHD [H11.11.05.02]. Trong đó, Nhà trường sử dụng nhiều công cụ khác nhau để thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan như thông tài khoản cá nhân zalo, facebook của SV, phiếu khảo sát,... nhằm đảm bảo việc thu thập thông tin phản hồi có tính hệ thống, khách quan, khoa học và tin cậy [H11.11.05.03]. Đồng thời, quy trình lấy ý kiến phản hồi trong các văn bản được quy định rất chặt chẽ, có hệ thống bao gồm lập kế hoạch khảo sát; phê duyệt kế hoạch khảo sát; tổ chức khảo sát; thu thập, xử lý thông tin phản hồi; báo cáo kết quả khảo sát đến các bên liên quan; lập kế hoạch và thực hiện cải tiến chất lượng; lưu trữ các văn bản và dữ liệu khảo sát.

Theo đó, những năm vừa qua, Nhà trường cũng như Khoa KT & CN đã định kỳ tiến hành khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi để đánh giá sự hài lòng của các bên liên quan. Các nội dung khảo sát bao gồm khảo sát ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thí nghiệm của GV; khảo sát ý kiến phản hồi người học sắp tốt nghiệp về CTĐT; khảo sát ý kiến cựu người học, nhà sử dụng lao động về CDR và CTĐT; khảo sát sự hài lòng của người học về chất lượng hoạt động, dịch vụ hỗ trợ đào tạo; sự hài lòng của GV về cơ sở vật chất, các thiết bị phục vụ học tập và NCKH cũng như hoạt động hỗ trợ đào tạo của đội ngũ nhân viên các phòng, ban, khoa, viện, trung tâm [H11.11.05.04], [H11.11.05.05], [H11.11.05.06], [H11.11.05.07], [H11.11.05.08], [H11.11.05.20] [H11.11.05.21] [H11.11.05.22], [H11.11.05.23].

Đặc biệt, hàng năm, Nhà trường còn tổ chức hội nghị gặp gỡ, đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng với SV nhằm giúp Nhà trường nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng, vướng mắc, khó khăn của SV trong quá trình học tập, sinh hoạt; từ đó Nhà trường sẽ có những biện pháp giúp SV học tập và rèn luyện tốt hơn, nâng cao chất lượng dạy và học [H11.11.05.09]. Ngoài ra, Khoa KT & CN còn định kỳ tổ chức các cuộc họp với các nhà tuyển dụng, các chuyên gia để đánh giá CTĐT ngành Kỹ thuật điện, từ đó có cơ sở xây dựng CTĐT hợp lý và có tính ứng dụng cao [H11.11.05.10]. Riêng đối với GV, hoạt

động giảng dạy và NCKH còn được đánh giá bởi đồng nghiệp và CB quản lý thông qua công văn và kết quả về việc đánh giá, phân loại viên chức, người lao động qua các năm học [H11.11.05.11]. Sau khi có kết quả khảo sát, Khoa KT & CN thường xuyên tổng hợp, đánh giá, đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan để có cái nhìn tổng quát hơn về sự hài lòng của các bên liên quan đến ngành Kỹ thuật điện qua các năm và giữa ngành Kỹ thuật điện với các ngành khác trong Trường [H11.11.05.12], [H11.11.05.13].

Dựa trên kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan, Nhà trường và Khoa KT & CN đã định kỳ tiến hành cải tiến chất lượng. Cụ thể là, Nhà trường đã nhiều lần lập kế hoạch, ra các quyết định về việc tổ chức đánh giá, sửa đổi, cập nhật CTĐT hệ chính quy; lập kế hoạch về việc tập huấn xây dựng CTĐT đáp ứng CĐR và cử CB GV tham gia khóa tập huấn [H11.11.05.14], [H11.11.05.15], [H11.11.05.16]. Riêng Khoa KT & CN cũng thường xuyên tiến hành họp để đánh giá CTĐT, rà soát, điều chỉnh CĐR và CTĐT ngành Kỹ thuật điện [H11.11.05.26], [H11.11.05.27], [H11.11.05.28]. Việc thường xuyên cập nhật, sửa đổi CTĐT giúp Nhà trường và Khoa đáp ứng được sự hài lòng của người học, đáp ứng được nhu cầu của nhà sử dụng lao động và xã hội về nguồn nhân lực chất lượng cho sự phát triển văn hóa, kinh tế, xã hội của khu vực và cả nước. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã tiến hành đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, các dịch vụ hỗ trợ phục vụ cho các hoạt động dạy, học, sinh hoạt và NCKH, đáp ứng các yêu cầu của SV, GV và người lao động trong Nhà trường [H11.11.05.17], [H11.11.05.18], [H11.11.05.19]. Ngoài ra, Trường ĐHHD và Khoa KT & CN còn thường xuyên tổ chức các chương trình, hoạt động ngoại khóa nhằm củng cố kiến thức chuyên ngành, bổ sung kiến thức thực tế, rèn luyện các kỹ năng mềm và ngoại ngữ cho SV, kết nối SV với nhà tuyển dụng và hỗ trợ người học khởi nghiệp [H11.11.05.08], [H11.11.05.24], [H11.11.05.25]. Từ đó, nâng cao được sự hài lòng của nhà tuyển dụng với SV ngành Kỹ thuật điện và tăng tỷ lệ có việc làm của SV ngành Kỹ thuật điện sau khi tốt nghiệp.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHHD và Khoa KT & CN đã có kế hoạch cụ thể và thường xuyên triển khai việc khảo sát với nhiều hình thức khác nhau để có thể đánh giá được sự hài lòng của các bên liên quan. Theo kết quả khảo sát cho thấy, CTĐT của ngành Kỹ thuật điện được đánh giá cao, ngày càng đáp ứng được nhu cầu của người học, nhà tuyển dụng và cả xã hội; đồng thời chất lượng hoạt động giảng dạy của GV ngành Kỹ thuật điện cũng

nhận được sự hài lòng của người học. Đồng thời, Trường và Khoa đã rất nhạy bén trong việc cải tiến CTĐT, chất lượng giảng dạy, cơ sở vật chất cho phù hợp với nhu cầu thực tế trên cơ sở phản hồi từ các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Theo kết quả khảo sát của các nhà tuyển dụng thì SV ngành Kỹ thuật điện có kiến thức chuyên ngành vững vàng, nhiệt tình trong công việc tuy nhiên số đông còn nhút nhát, chưa thành thạo tiếng Anh và còn hạn chế về một số kỹ năng như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm.

Mức độ hài lòng của các bên liên quan còn ít được đối sánh với các đơn vị bên ngoài Trường để có thêm cơ sở cải tiến chất lượng CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2023 - 2024, Nhà trường và Khoa sẽ thiết lập mối quan hệ chặt chẽ hơn nữa giữa GV - SV - nhà sử dụng lao động nhằm duy trì việc thu thập ý kiến phản hồi để đánh giá được sự hài lòng của các bên liên quan. Từ đó có cơ sở để Khoa KT & CN tiếp tục cải tiến CTĐT, nâng cao sự hài lòng của các bên liên quan. Đồng thời, cũng trong năm học này, Khoa KT & CN sẽ tăng cường hơn nữa các hoạt động ngoại khóa, đến thăm quan các nhà máy xí nghiệp công nghiệp liên quan đến lĩnh vực ngành học tập để vận dụng hiểu biết những kiến thức chuyên môn tốt hơn tăng kỹ năng mềm, kiến thức thực tế cần thiết cho công việc sau này cho SV ngành Kỹ thuật điện. Đồng thời, khuyến khích các em học thêm tiếng Anh, đọc tài liệu học tập và NCKH bằng tiếng Anh để cải thiện khả năng ngoại ngữ. Đồng thời, Trường và Khoa sẽ tăng cường đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan với các đơn vị bên ngoài Trường.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Kết luận Tiêu chuẩn 11:

Nhà trường và Khoa KT&CN thường xuyên theo dõi, hỗ trợ hoạt động học tập và NCKH của SV. Nhờ vậy, đã có cải tiến kịp thời nên số lượng SV cảnh báo học vụ, thôi học giảm. SV tốt nghiệp sau 4 năm học đạt tỷ lệ cao với chất lượng tốt. SV đã tích cực tham gia hoạt động NCKH SV, tham gia các đề tài NCKH các cấp do Nhà trường quản lý.

SV sau khi tốt nghiệp ra trường cơ bản có việc làm trong nhiều lĩnh vực cả khối tư nhân và Nhà nước. Đảm bảo yêu cầu cũng như kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp của SV khối ngành KTĐ.

Phần III: KẾT LUẬN

Việc triển khai tự đánh giá CTĐT ngành KTĐ là khâu quan trọng trong việc đảm bảo CLĐT của Khoa KT&CN cũng như của Nhà trường. Dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành, Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác đã tự xem xét, báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, CSVC và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT ngành KTĐ, qua đó thấy được những mặt mạnh, những mặt tồn tại để Khoa xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT và đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Sau đây là tóm tắt những điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại cần khắc phục và kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT ngành KTĐ.

1. Những điểm mạnh của CTĐT ngành KTĐ

1.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT ngành KTĐ được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHQN, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học và mục tiêu đào tạo của Khoa. CDR của CTĐT ngành KTĐ được xác định rõ ràng, thể hiện rõ các yêu cầu về trình độ kiến thức chuyên môn, năng lực, kỹ năng thực hành, phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe đối với người học khi tốt nghiệp; được định kỳ rà soát, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến, các YKPH từ các nhà tuyển dụng lao động, người học, cựu người học và được công bố công khai theo quy định.

1.2. Về bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT ngành KTĐ thể hiện đầy đủ thông tin, tích hợp những nội dung mới nhất liên quan; thể hiện rõ ma trận CDR và được bổ sung, điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo hiện đại. Đề cương chi tiết các học phần thể hiện rõ mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá, cụ thể hóa CDR và liên tục được cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển về các lĩnh vực liên quan đến ngành KTĐ.

Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai rộng rãi, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, đặc biệt để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa học.

1.3. Về cấu trúc và nội dung CTDH

CTDH ngành KTĐ được thiết kế dựa trên mục tiêu đào tạo và bám sát CĐR, đảm bảo tính hợp lý và logic giữa các học phần. Các học phần trong CTDH được cấu trúc hợp lý, gắn kết giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ bản, cơ sở ngành và chuyên môn ngành. Mục tiêu và nội dung chi tiết của từng học phần đảm bảo và thể hiện rõ yêu cầu cần đạt của CĐR. CTDH ngành KTĐ có cấu trúc, trình tự logic hợp lý, chặt chẽ; có cập nhật các nội dung mới nhất của chuyên ngành KTĐ, các học phần có tính tích hợp nội môn và liên môn và gắn với thực tế. Sau khi hoàn thành chương trình, SV ra trường có thể đáp ứng được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng thực hành đối với nguồn nhân lực ngành KTĐ.

1.4. Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mục tiêu giáo dục ngành KTĐ được tuyên bố rõ ràng và cụ thể hóa trong đề cương các học phần, được phổ biến rộng rãi tới người học, GV, cộng đồng và xã hội. Các hoạt động dạy và học, nhất là các phương pháp dạy học lý thuyết và thực hành của các học phần được GV trong Khoa lựa chọn sử dụng đa dạng, tương thích với CĐR. Các thiết bị thí nghiệm hiện đại được sử dụng trong các giờ thực hành đã giúp SV vận dụng kiến thức lý thuyết và rèn luyện các kỹ năng thực hành tốt nhất. Việc thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy và học được các GV thực hiện đều chú trọng tạo điều kiện cho người học rèn luyện được các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học.

1.5. Về đánh giá kết quả học tập của người học

Hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học bám sát các yêu cầu CĐR của CTĐT về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm. Các quy định về đánh giá kết quả học tập được thể hiện rõ trong các đề cương học phần, CTĐT và được thông báo công khai tới người học. Các phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV đa dạng (kiểm tra viết, vấn đáp, bài tập lớn, đồ án, đánh giá qua các hoạt động thuyết trình...); đề thi được Bộ môn duyệt trước khi đưa vào sử dụng nên đảm bảo độ tin cậy, khách quan. Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Khoa luôn tạo điều kiện để người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập và đã giải quyết tốt các trường hợp cụ thể.

1.6. Về đội ngũ GV, nghiên cứu viên

Đội ngũ GV, nghiên cứu viên của Khoa để thực hiện CTĐT ngành KTĐ được quy hoạch nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH. Tỷ lệ GV/người học của CTĐT

đảm bảo theo quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo, đáp ứng khối lượng của CTĐT. Việc tuyển dụng, bổ nhiệm GV, nghiên cứu viên của Khoa và ngành KTĐ theo kế hoạch, quy hoạch của Trường, của Khoa và tuân thủ quy trình, tiêu chí rõ ràng, công khai theo quy định Nhà trường đã ban hành. Đội ngũ GV phục vụ CTĐT thực hiện đủ định mức giờ giảng và NCKH theo quy định của Nhà trường. Nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV Bộ môn KTĐ đã được xác định; đồng thời Khoa và Nhà trường luôn khuyến khích và tạo điều kiện hỗ trợ về thời gian và cả kinh phí. Hàng năm, kết quả công việc và năng lực của đội ngũ GV đều được đánh giá, xếp loại danh hiệu thi đua và khen thưởng theo quy định.

1.7. Về đội ngũ nhân viên

Đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH. Các văn bản, tiêu chí, quy trình tuyển dụng nhân viên được Nhà trường quy định cụ thể và được công bố công khai. Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ nhân viên được thực hiện thường xuyên hàng năm và theo các tiêu chuẩn được quy định cụ thể về thi đua, khen thưởng, đảm bảo chính xác, công bằng, công khai. Nhà trường và đơn vị xác định nhu cầu và có các hoạt động cụ thể để triển khai kế hoạch đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên.

1.8. Về người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công khai và cập nhật thường xuyên; các tiêu chí và phương thức tuyển chọn mang tính lượng hóa, giúp cho Nhà trường và Khoa có thể tuyển được thí sinh có kết quả thi tuyển, đánh giá năng lực từ cao xuống thấp. Đội ngũ CVHT của Khoa là những người có nhiệt huyết và kinh nghiệm trong công tác của mình, luôn hỗ trợ, tư vấn kịp thời cho người học về ngành học, CTĐT, hoạt động NCKH, ngoại khóa..., và luôn theo dõi kết quả, sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học, vì vậy tạo ra tâm thế học tập tích cực ở SV ngay từ năm thứ nhất. Bên cạnh đó, các hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội SV của Trường, của Khoa đã tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa, tư vấn phương pháp học tập, phong trào thi đua, các chương trình hỗ trợ SV tìm hiểu thực tế, giới thiệu tìm kiếm cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp... đã giúp SV không chỉ cải thiện, nâng cao thành tích học tập mà còn đem lại khả năng có việc làm khi ra trường. Ngoài ra, Trường có một môi trường văn hóa học đường luôn được giữ gìn với bầu không khí thân thiện, cởi mở, tôn trọng; an ninh trật

tự địa phương và Nhà trường luôn được đảm bảo, tạo sự thuận lợi cho hoạt động đào tạo, NCKH của Trường, của Khoa và sự phấn khởi, thoải mái trong học tập và rèn luyện, sinh hoạt cho người học.

1.9. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị

Nhà trường có hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, thư viện, nhà luyện tập thể dục thể thao... được trang bị, lắp đặt các phương tiện, thiết bị phù hợp, hiện đại hỗ trợ có hiệu quả cho các hoạt động đào tạo, NCKH và luyện tập, vui chơi, giải trí. Thư viện của Nhà trường có nguồn tài liệu dồi dào, phong phú và được cập nhật; đặc biệt hệ thống phòng thí nghiệm - thực hành phục vụ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu ngành KTD được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp và được bổ sung, nâng cấp các trang thiết bị mới, hiện đại, đáp ứng hoạt động thí nghiệm, hỗ trợ đào tạo, NCKH. Hạ tầng CNTT phục vụ giảng dạy, học tập và quản lý đào tạo với hệ thống máy chủ, mạng internet, wifi, máy vi tính và các phần mềm chuyên dụng... đảm bảo hoạt động liên tục, phục vụ hiệu quả các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Công tác vệ sinh môi trường, an ninh trật tự và khám sức khỏe định kỳ cho GV, người học được thực hiện đầy đủ theo các tiêu chuẩn quy định.

1.10. Về nâng cao chất lượng

Việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan được thực hiện thường xuyên và có hiệu quả với hình thức đa dạng. Thông tin phản hồi được phân loại, xử lý, phân tích với tính khoa học, độ tin cậy cao, làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH. CTDH được đánh giá và cải tiến định kỳ 2 năm/lần theo một quy trình thống nhất trong toàn trường, dựa trên YKPH của các bên liên quan và tham khảo các CTĐT của các trường đại học tiên tiến trong nước. Quá trình dạy và học, quy trình, hình thức kiểm tra đánh giá được thực hiện một cách chặt chẽ, nghiêm túc, đa dạng và linh hoạt, phù hợp với đào tạo tín chỉ và luôn được rà soát, đánh giá để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR của CTĐT; đồng thời góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo. Khoa cũng đã xây dựng được phong trào NCKH trong GV và SV, phần lớn các đề tài, kết quả NCKH đều gắn với các nhiệm vụ đào tạo, giúp cải tiến, nâng cao chất lượng dạy và học và có giá trị thực tiễn trong phục vụ cộng đồng. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ các hoạt động dạy và học, NCKH và hỗ trợ các hoạt động khác đã được đánh giá khi kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và hiện đang triển khai cải tiến theo kế hoạch hành động đã đặt ra. Phòng BDCL-TT của Trường luôn chú trọng đến việc rà soát, đánh giá

và cải tiến phương thức và cơ chế phản hồi của các bên liên quan nhằm tạo được hiệu quả và độ tin cậy cao.

1.11. Về kết quả đầu ra

Nhà trường và Khoa đã thực hiện tốt việc quản lý và giám sát kế hoạch học tập, kết quả học tập và thời gian tốt nghiệp của SV thông qua các CVHT, duy trì sinh hoạt lớp hàng tháng để nhắc nhở kịp thời tình hình, kế hoạch học tập của SV; thường xuyên thống kê và cập nhật chính xác tỉ lệ SV thôi học, bỏ học và tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn. Đa số SV tốt nghiệp ngành KTĐ đều có việc làm phù hợp sau khi ra trường, đáp ứng được yêu cầu về nguồn nhân lực kỹ sư điện tỉnh Hải Dương, các tỉnh lân cận cả nước. Khoa có kế hoạch phát triển, triển khai hướng dẫn và theo dõi, giám sát hiệu quả hoạt động NCKH của SV, tập trung các hướng nghiên cứu ứng dụng, có tính thực tiễn cao; sử dụng hiệu quả các thiết bị hiện đại trong nghiên cứu thí nghiệm và thực hành. Nhà trường triển khai khảo sát trực tiếp và online YKPH từ các bên liên quan, qua đó thấy được mức độ hài lòng của người học, cựu người học, nhà tuyển dụng để rà soát, cải tiến chất lượng CTĐT ngành KTĐ

2. Những điểm tồn tại của CTĐT ngành KTĐ

2.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT chưa được rà soát, điều chỉnh và cập nhật một cách kỹ lưỡng về tính phù hợp với nhu cầu xã hội hiện nay; CĐR chưa được rà soát, điều chỉnh thường xuyên theo từng năm học dựa trên việc lấy YKPH của cựu người học, GV, các nhà khoa học và các nhà tuyển dụng lao động.

2.2. Về bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT còn chưa được cụ thể hóa riêng, việc thông tin bản mô tả CTĐT tới các bên có liên quan vẫn chưa được thực hiện một cách bài bản và chuyên nghiệp. Cơ sở dữ liệu, tài liệu tham khảo được cập nhật của CTĐT ngành KTĐ còn thiếu; Việc lấy YKPH của cựu người học, GV, các nhà khoa học và các nhà tuyển dụng lao động để góp ý CTĐT chưa được thực hiện thường xuyên, đối tượng còn hạn hẹp.

2.3. Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Thông tin phản hồi của SV về chất lượng CTDH chưa đầy đủ và liên tục; ý kiến đóng góp của các nhà tuyển dụng, người học đối với các học phần chưa thực sự rõ ràng. CTDH của một số học phần có tính cập nhật chưa cao trong việc đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực cho xã hội. Một số học phần còn dạy theo cách truyền thống, chưa ứng

dụng phương pháp, kỹ thuật hiện đại vào việc giảng dạy dẫn đến bài giảng chưa thực sự sinh động và trực quan.

2.4. Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp, nhà tuyển dụng đối với mục tiêu giáo dục chưa được tiến hành thường xuyên và rộng khắp; SV chưa thật sự thích nghi với phương pháp học tập tích cực như tự học, tự nghiên cứu, nhất là SV năm thứ nhất; CSVC chưa đáp ứng tốt điều kiện tổ chức làm các bài tập; số lượng SV trong một lớp học ít nên tinh thần học tập không cao, nhiều SV còn lười học, thiếu tính tự giác, quá trình tương tác với GV còn hạn chế.

2.5. Về đánh giá kết quả học tập của người học

Việc đánh giá kết quả học tập chưa thống kê phân tích định lượng từng đề thi theo cấp độ dễ, trung bình, khó, quá khó để phân loại và đánh giá kết quả học tập của người học một cách chính xác; việc cập nhật thông tin các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học người học còn hạn chế. Nhà trường và Khoa chưa xây dựng được ngân hàng đề thi học phần; hình thức thi trắc nghiệm chỉ mới được triển khai ở một số học phần. Việc tổ chức học tập các kỳ phụ còn chưa hợp lý dẫn đến ít nhiều ảnh hưởng đến SV trong việc đăng ký học lại, cải thiện điểm, đặc biệt đối với SV chuẩn bị tốt nghiệp.

2.6. Về đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Kế hoạch phát triển đội ngũ GV về kỹ năng giảng dạy chưa được Khoa và Nhà trường quan tâm thường xuyên và đúng mức; trình độ tiếng Anh của các GV chưa đồng đều và còn nhiều hạn chế. Số công trình NCKH của GV chưa đi sâu vào các vấn đề tồn tại của doanh nghiệp và phục vụ tốt cộng đồng; số lượng đề tài hàng năm còn ít chủ yếu tập trung vào xây dựng bài giảng và nghiên cứu về phương pháp giảng dạy.

2.7. Về đội ngũ nhân viên

Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa được thực hiện thường xuyên và đồng bộ. Nhà trường chưa thường xuyên lấy ý kiến giảng viên về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên. Việc khảo sát sự hài lòng sinh viên đối với hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên chưa được Nhà trường thực hiện thường xuyên, chưa khảo sát phản hồi của giảng viên và chưa được xem như kênh thông tin phản hồi bắt buộc khi thực hiện việc phân loại, đánh giá nhân viên.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên chưa được Nhà trường thực hiện thường xuyên, liên tục

2.8. Về người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chính sách tuyển sinh của Khoa vẫn còn một số tồn tại: hình ảnh và thông tin về ngành học, về đơn vị đào tạo chưa được hấp dẫn và chi tiết; chưa có các hình thức quảng bá để thu hút được những thí sinh giỏi, có năng lực và sự đam mê về ngành KTĐ vào học; tỷ lệ thí sinh đăng ký nhập học thấp. Chất lượng đầu vào của người học thấp, nội dung một số học phần của CTĐT còn nặng về lý thuyết dẫn đến kết quả học tập chưa cao, số SV có học lực trung bình khó hoàn thành khóa học đúng thời hạn. Số lượng SV tham gia NCKH chủ yếu làm đề án môn học, chưa có nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học một cách đúng nghĩa. Hoạt động khảo sát lấy ý kiến người học về các hoạt động học tập, ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa được thực hiện đồng bộ. Không gian làm việc của Khoa còn chật hẹp dẫn đến những khó khăn và bất tiện trong việc gặp gỡ SV cũng như các hoạt động chuyên môn của các bộ môn còn hạn chế.

2.9. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị

Việc lấy YKPH từ người học về CSVC và trang thiết bị chưa được tiến hành thường xuyên. Hoạt động của Thư viện chưa thật sự theo hướng hiện đại; một số tài liệu phục vụ cho hoạt động đào tạo còn chưa cập nhật kịp thời. Nguồn học liệu phục vụ chuyên ngành KTĐ chưa nhiều, ít có sách mới đặc biệt là các tài liệu bằng tiếng nước ngoài còn hạn chế chưa đáp ứng được nhu cầu khai thác dữ liệu quốc tế của cán bộ, giảng viên, sinh viên. Một số phòng thí nghiệm, thực hành chưa được nâng cấp kịp thời, vẫn còn có các thiết bị cũ và lạc hậu.

2.10. Về nâng cao chất lượng

Số lượng doanh nghiệp tham gia đánh giá CTĐT ngành KTĐ chưa nhiều, phạm vi khảo sát mới chỉ giới hạn ở các doanh nghiệp trong tỉnh. Thiếu các văn bản ký kết với đơn vị tuyển dụng hoặc có tiềm năng tuyển dụng. Thời lượng thực hành trong CTĐT còn ít; số lượng các học phần để phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên lựa chọn chưa được chú trọng. Việc lấy YKPH của các bên liên quan về quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập của người học chưa được đồng bộ, chưa có nhiều YKPH từ các nhà tuyển dụng, các chuyên gia giáo dục, các cán bộ quản lý. Các đề tài NCKH của Khoa chủ yếu là đề tài cấp trường với nguồn kinh phí hạn chế, chất lượng các đề tài còn nhiều mặt hạn chế, chưa có nhiều công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế. Các dịch

vụ hỗ trợ người học còn hạn chế, chưa thực hiện cải tiến chất lượng. Nguồn học liệu phục vụ học tập và giảng dạy ngành KTĐ còn thiếu. Một số phản hồi của các bên liên quan về cơ sở vật chất, tiện ích chưa thể kịp thời đáp ứng do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

2.11. Về kết quả đầu ra

Công tác CVHT còn bị động, chưa phát huy hiệu quả trong việc tư vấn cho SV lập kế hoạch học tập của bản thân. SV chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân, còn chủ quan trong việc hoàn thành các điều kiện CĐR về ngoại ngữ và tin học theo quy định, dẫn đến tình trạng một số SV đã hoàn thành các môn học trong CTĐT nhưng chưa hoàn thành các điều kiện CĐR. CTĐT ít nhiều chưa bám sát với nhu cầu tuyển dụng và xu hướng thị trường lao động. Có một tỷ lệ nhất định SV ngành KTĐ làm trái ngành nghề sau khi tốt nghiệp. Đa số SV chưa quan tâm, hứng thú với hoạt động NCKH. Việc khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan để rà soát, cải tiến chất lượng CTĐT ngành KTĐ chưa được thực hiện thường xuyên.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT

Để khắc phục những tồn tại trên, Khoa KT&CN và Nhà trường đã có kế hoạch từ năm học 2023 - 2024 trở đi như sau:

3.1. Về mục tiêu, chuẩn đầu ra và bản mô tả chương trình đào tạo

- Tiếp tục lấy ý kiến của các bên liên quan đến mục tiêu và CĐR của CTĐT; tiếp tục rà soát, hiệu chỉnh và cập nhật mục tiêu, CĐR từng học phần và toàn bộ CTĐT theo hướng hiện đại hóa, tiếp cận quốc tế và phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Tiếp tục rà soát, đánh giá và điều chỉnh lại tiến trình đào tạo thuộc các khối kiến thức theo lĩnh vực, khối ngành, nhóm ngành và chuyên ngành cho phù hợp hơn, theo hướng hỗ trợ thời gian nhiều hơn cho các nhóm học phần cơ sở ngành và chuyên ngành; đề xuất Nhà trường tiếp tục bổ sung, cập nhật và nâng cấp hệ thống học liệu, đặc biệt là hệ thống bài giảng, giáo trình phục vụ các học phần thuộc chuyên ngành KTĐ. Mở rộng hơn phạm vi, đối tượng lấy ý kiến đánh giá; thông tin bản mô tả CTĐT tới các bên có liên quan theo hướng chuyên nghiệp.

3.2. Về cấu trúc và nội dung CTDH và phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Xây dựng kế hoạch phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan như: nhà tuyển dụng, người học và cựu người học trong việc rà soát và điều chỉnh CTDH để hoàn thiện CTDH của ngành KTĐ, đảm bảo tính cập nhật và thích ứng nhu cầu thực tế của xã hội về nhân

lực. Tổ chức tập huấn về phương pháp giảng dạy với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin nhằm thay đổi hình thức và phương pháp giảng dạy cũ, kích thích tính chủ động của người học trong việc chiếm lĩnh kiến thức chuyên sâu. Đề xuất Nhà trường cho phép thay đổi cấu trúc các học phần ở năm thứ nhất và thứ hai theo hướng tăng cường thời lượng cho các học phần chuyên ngành. Đẩy mạnh việc quảng bá thông tin, tổ chức bài bản việc lấy YKPH từ phía các doanh nghiệp, các nhà tuyển dụng. Tổ chức các hội nghị thảo luận về phương pháp dạy và học mới cho SV, đặc biệt là SV năm thứ nhất để người học nắm bắt và thay đổi tư duy theo cách thức học tập trong môi trường đại học. Thực hiện cập nhật, chỉnh sửa CTĐT theo định kỳ hằng năm và bổ sung thêm các tiêu chí “khả năng tự học, khả năng tìm kiếm tài liệu, tổng hợp và phân tích tài liệu, khả năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lập kế hoạch” vào tiêu chí đánh giá kết quả học tập từng học phần của người học.

3.3. Về đánh giá kết quả học tập của người học

Đề xuất Nhà trường tiếp tục xây dựng và ban hành các quy định về việc thiết kế đề thi tự luận, trắc nghiệm... nhằm đáp ứng CĐR; Khoa sẽ tổ chức thống kê, phân tích định lượng các kết quả thi, đánh giá được mức độ phù hợp của đề thi theo CĐR, đảm bảo tính chính xác và công bằng trong đánh giá kết quả người học. Đề xuất Nhà trường về việc công khai đáp án chấm thi cuối kỳ để SV tự đối chiếu với bài thi và có kế hoạch điều chỉnh việc học tập, thúc đẩy việc chấm thi và công bố điểm giữa kỳ, cuối kỳ đúng thời hạn. Đề nghị Nhà trường ban hành và công bố công khai quy định, quy trình khiếu nại về kết quả học tập trên website của Trường, của Khoa, trong sổ tay người học giúp người học tiếp cận dễ dàng và nắm bắt rõ hơn quy trình này.

3.4. Về đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên và nhân viên

Đề nghị Trường có chính sách ưu đãi để thu hút người trình độ chuyên môn cao từ các trường đại học uy tín trên thế giới đến trao đổi, giao lưu học tập, giảng dạy tại Khoa. Khoa thành lập các nhóm nghiên cứu để tiếp cận, đăng ký thực hiện các đề tài NCKH nhiều hơn nhằm phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh trong khu vực đồng bằng Sông Hồng. Xây dựng và ban hành kế hoạch phát triển chuyên môn, nghiệp vụ và đội ngũ kế thừa. Đề nghị Trường thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng tiếng Anh giao tiếp cho các GV để nâng cao khả năng trao đổi học thuật, nghiên cứu và hội nhập quốc tế; khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện để ít nhất mỗi năm có 01 GV đi đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; tăng cường kinh phí cho việc thực

hiện đề tài NCKH của GV và SV. Tiến hành xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công việc cụ thể từng vị trí việc làm để từ đó có chính sách, tuyển dụng, bổ nhiệm, xét thi đua khen thưởng hợp lý hơn, đồng thời có cơ sở để theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ, phục vụ tốt hơn cho đào tạo và NCKH.

3.5. Về người học và hoạt động hỗ trợ người học

Khoa sẽ tăng cường công tác quảng bá tuyển sinh bằng nhiều hình thức, nhiều kênh thông tin, qua các bài viết, các hình ảnh, hoạt động của Khoa, của các tổ chức đoàn thể, các câu lạc bộ học thuật trên trang web, trang mạng xã hội của Khoa; đồng thời sẽ hướng tới thực hiện một Video clip giới thiệu về các ngành đào tạo, các kết quả NCKH của SV, cơ hội việc làm của SV sau khi tốt nghiệp... để quảng bá rộng rãi đến các em học sinh THPT trên địa bàn tỉnh Hải Dương và các tỉnh lân cận. Tiến hành rà soát lại đề cương các học phần, điều chỉnh việc phân bổ các môn học, điều tra và đánh giá nguyên nhân khiến cho SV hoàn thành khóa học chưa đúng hạn. Đội ngũ CVHT tiếp tục duy trì, tăng cường các hoạt động tư vấn học tập, khuyến khích hoạt động NCKH trong SV, hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm. Đề nghị Nhà trường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị học tập để tạo môi trường làm việc, học tập thuận lợi hơn nữa cho GV và người học.

3.6. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị

Khoa kết hợp với các phòng chức năng trong Nhà trường, sẽ tiếp tục lấy YKPH từ người học về CSVC và trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH; liên kết, mở rộng quan hệ hợp tác với các nhà xuất bản, tổ chức quốc tế. Đề xuất Nhà trường đầu tư kinh phí để bổ sung, cập nhật nguồn tài liệu phục vụ đào tạo ngành KTĐ. Tiếp tục xây dựng các đề án nâng cấp các phòng thí nghiệm - thực hành theo hướng hiện đại. Tăng cường công tác quản lý SV, tránh hiện tượng vi phạm nội quy của Nhà trường, đồng thời thực hiện chính sách riêng, quan tâm đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

3.7. Về nâng cao chất lượng và kết quả đầu ra

Nhà trường tiếp tục duy trì và mở rộng đối tượng lấy thông tin phản hồi của các bên liên quan để cập nhật CTĐT. Tăng cường hợp tác, ký kết biên bản ghi nhớ với các doanh nghiệp; tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề về kỹ năng mềm, các hội thảo để SV có cơ hội tiếp xúc với các doanh nghiệp và rèn luyện các kỹ năng mềm cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp. Tiến hành rà soát, điều chỉnh các văn bản, quy định liên quan

cũng như tăng cường việc lấy YKPH các bên liên quan về các hoạt động dạy và học, đánh giá kết quả học tập để đảm bảo tính hệ thống, thống nhất, cập nhật và phù hợp với CĐR của CTĐT. Thành lập các nhóm nghiên cứu, liên kết và tìm kiếm các nguồn tài trợ từ các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, đối tác... để có thể thực hiện các đề tài nghiên cứu với quy mô lớn, nâng cao chất lượng đề tài. Thực hiện rà soát hiệu quả các dịch vụ hỗ trợ người học; thúc đẩy các dịch vụ hỗ trợ người học tại các phòng thí nghiệm - thực hành, phòng thực hành máy tính. Đề xuất Nhà trường mua bổ sung học liệu cho chuyên ngành KTĐ; tăng cường cơ sở hạ tầng CNTT tại các giảng đường. Tăng cường tính chủ động của các CVHT trong việc tư vấn kế hoạch học tập cho SV và thực hiện báo cáo thường xuyên về tiến độ học tập của SV, qua đó nhắc nhở SV hoàn thành các điều kiện CĐR, đảm bảo việc tốt nghiệp đúng thời hạn. Nhà trường tiếp tục duy trì việc lấy YKPH của các bên liên quan và khảo sát về tình trạng việc làm của SV sau khi tốt nghiệp ra trường nhằm cải tiến chất lượng và cập nhật CTĐT, đáp ứng CĐR và nhu cầu xã hội. Khoa sẽ đẩy mạnh việc NCKH trong SV, lồng ghép các cuộc thi phát triển kỹ năng, chuyên môn trong các hoạt động của Khoa.

4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT

Căn cứ vào bộ Tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường đại học của Bộ GD&ĐT, tổng hợp kết quả đánh giá của 11 tiêu chuẩn gồm 50 tiêu chí, Hội đồng tự đánh giá nhận thấy cả 50 tiêu chí đạt. Kết quả cụ thể của từng tiêu chuẩn và tiêu chí như sau:

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Tên cơ sở giáo dục: **Trường ĐHHD**

Tên chương trình đào tạo: **KTĐ**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								5.0	3	100
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								5.0	3	100
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								5.0	3	100
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								5.0	3	100
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 5</i>								4.8	5	100
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3				4						
Tiêu chí 5.4					5					

Tiêu chí 5.5				5						
Tiêu chuẩn 6										
Tiêu chí 6.1				5				4.42	7	100
Tiêu chí 6.2				5						
Tiêu chí 6.3			4							
Tiêu chí 6.4			4							
Tiêu chí 6.5			4							
Tiêu chí 6.6				5						
Tiêu chí 6.7			4							
Tiêu chuẩn 7								4.5	5	100
Tiêu chí 7.1				5						
Tiêu chí 7.2			4							
Tiêu chí 7.3			4							
Tiêu chí 7.4				5						
Tiêu chí 7.5				5						
Tiêu chuẩn 8								5.0	5	100
Tiêu chí 8.1				5						
Tiêu chí 8.2				5						
Tiêu chí 8.3				5						
Tiêu chí 8.4				5						
Tiêu chí 8.5				5						
Tiêu chuẩn 9								4.0	5	100
Tiêu chí 9.1			4							
Tiêu chí 9.2			4							
Tiêu chí 9.3			4							
Tiêu chí 9.4			4							
Tiêu chí 9.5			4							
Tiêu chuẩn 10								4.66	6	100
Tiêu chí 10.1			4							
Tiêu chí 10.2				5						
Tiêu chí 10.3				5						

Tiêu chí 10.4			4						
Tiêu chí 10.5				5					
Tiêu chí 10.6				5					
Tiêu chuẩn 11							4.4	5	100
Tiêu chí 11.1			4						
Tiêu chí 11.2			4						
Tiêu chí 11.3			4						
Tiêu chí 11.4				5					
Tiêu chí 11.5				5					
Đánh giá chung Chương trình đào tạo							4.71	50	100

Hải Dương, ngày 26 tháng 02 năm 2024



TS. Tạ Thị Thúy Ngân

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chương trình đào tạo

Cung cấp các thông tin tổng quát về đơn vị thực hiện CTĐT với các nội dung sau:

CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 01/10 /2023

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 01/3/2013)

Tiếng Việt: Trường ĐHHD

Tiếng Anh: University of Hai Duong

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: ĐHHD

Tiếng Anh: UHD

3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương

4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương

5. Địa chỉ:

Địa điểm 1: Khu đô thị phía Nam TP. Hải Dương - xã Liên Hồng - TP. Hải Dương

- T. Hải Dương

Địa điểm 2: 42 Nguyễn Thị Duệ - P. Thanh Bình - TP. Hải Dương - T. Hải Dương

Địa điểm 3: Khu 8 - Phường Hải Tân - TP. Hải Dương - T. Hải Dương

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại

E-mail: Website: uhd.edu.vn

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo Quyết định số 1258/QĐ-TTgCP): 2011

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2011

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 2015

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập Bán công Dân lập Tư thục

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Khoa KT&CN (theo quyết định số 495/QĐ-ĐHHD ngày 25/7/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHHD)

Tiếng Anh: Faculty of Engineering and Technology

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: Khoa KT&CN

Tiếng Anh: FET

14. Tên trước đây (nếu có)

Tiếng Việt: Khoa Kỹ thuật (năm 2003); Khoa Công nghệ KTĐ, điện tử, khoa Công nghệ KTĐ tử-truyền thông (2007); Khoa Hệ thống điện; khoa Điện tử truyền thông (2012); Khoa Điện tử truyền thông và Công nghệ thông tin-TT (2014), Khoa Khôi ngành kỹ thuật (2017).

Tiếng Anh:

15. Mã CTĐT: 7520201

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): KTĐ, điện tử (từ năm 2012-2018)

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Phòng 106.A3, cơ sở 3 Hải Tân, đường Trần Ích Phát, phường Hải Tân, tp Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

18. Số điện thoại liên hệ:; Email: Website:

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 2003

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2012

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2017

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

Khoa KT&CN (KT&CN) của Trường ĐHHD ngày nay tiền thân là Khoa Kỹ thuật được thành lập từ năm 2003. Khoa Kỹ thuật được tách ra từ Khoa các môn học chung, đào tạo các học phần đại cương trình độ cao đẳng cho các ngành học trong trường. Đến năm 2004, Khoa Kỹ thuật được BGDĐT cho phép đào tạo 3 ngành (Công nghệ KTĐ, điện tử; Công nghệ KTĐ tử - truyền thông và Công nghệ thông tin) trình độ cao đẳng. Sau một thời gian đào tạo, do quy mô đào tạo 3 ngành học tăng cao, Khoa Kỹ thuật được tách thành 3 khoa tương ứng với 3 ngành học. Đến năm 2011, trường được nâng cấp lên thành Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương theo Quyết định số 1258/QĐ-TTg ngày 26 tháng 07 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp từ Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương và được đổi tên thành Trường

ĐHHD theo Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ. Năm 2012, do yêu cầu phát triển của công tác đào tạo, ngày 03/5/2012 Bộ trưởng BGDĐT cho phép Trường Đại học Kinh tế-Kỹ thuật Hải Dương đào tạo ngành KTĐ-điện tử trình độ đại học theo Quyết định số 1645/QĐ-BGDĐT ngày 03/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 237/QĐ-HT ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương về ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy. Đến năm 2018, ngành KTĐ, điện tử được đổi tên thành ngành KTĐ theo Quyết định số 821/QĐ-BGDĐT ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc chuyển đổi tên và mã số các ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ của Trường ĐHHD theo Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT và Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT. Qua nhiều lần chia tách, sáp nhập và đổi tên Khoa KT&CN được thành lập theo QĐ số 486/QĐ-ĐHHD ngày 25/7/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHHD trên cơ sở sáp nhập các khoa (Điện tử viễn thông, Hệ thống điện, Công nghệ thông tin, Chăn nuôi) và Trung tâm đào tạo thực hành Cơ điện-Nông nghiệp. Khoa KT&CN chịu trách nhiệm quản lý và đào tạo 2 ngành học (KTĐ và Công nghệ thông tin) với các chuyên ngành: KTĐ-điện tử, Công nghệ phần mềm, hệ thống thông tin trong quản lý... trình độ đại học.

Tháng 6 năm 2023, sau khi sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào Trường ĐHHD, theo Quyết định số 301/QĐ-ĐHHD ngày 30/6/2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHHD. Khoa KT&CN quản lý và đào tạo ngành KTĐ bậc đại học chính quy và liên thông. Với chủ trương tăng quy mô đào tạo, mở rộng ngành nghề đáp ứng nhu cầu xã hội. Tháng 7 năm 2023, khoa được BGDĐT cho phép đào tạo ngành Công nghệ KTĐ tử - viễn thông bậc đại học.

Sứ mệnh của Khoa KT&CN là đào tạo nguồn nhân lực có học vấn trình độ cao, là trung tâm khoa học công nghệ có uy tín đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh nhà và các tỉnh lân cận, góp phần vào sự nghiệp phát triển bền vững kinh tế - xã hội của đất nước, có năng lực hội nhập khu vực và quốc tế.

Tầm nhìn đến năm 2030, Khoa KT&CN giữ vững thương hiệu đi đầu trong công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường và trở thành một đơn vị đào tạo, hoạt động khoa học công nghệ mang tầm quốc gia và khu vực với các CTĐT đạt chuẩn quốc tế.

Khoa KT&CN gồm có 2 bộ môn (BM): Điện tử viễn thông và KTĐ cùng nhiều phòng thực hành, thí nghiệm. Với chức năng, nhiệm vụ chủ yếu là quản lý và tổ chức

thực hiện kế hoạch giảng dạy, nghiên cứu khoa học theo quy định của Nhà trường, chịu trách nhiệm về chuyên môn và đảm bảo thực hiện tốt các khâu trong chương trình đào tạo của những ngành thuộc Khoa trực tiếp quản lý; quản lý chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng từng môn học; trực tiếp quản lý giảng viên, sinh viên của Khoa, quản lý và sử dụng có hiệu quả các thiết bị và phương tiện làm việc được Nhà trường trang bị. Hiện tại Khoa đang đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ đại học các ngành như KTĐ, Công nghệ thông tin với các chuyên ngành: KTĐ-điện tử, Hệ thống điện, Điện tử viễn thông, Công nghệ phần mềm, Mạng máy tính và truyền thông, Hệ thống thông tin... cung ứng nguồn lao động cho các đơn vị, cơ quan HCSN và các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

Kết quả từ ngày thành lập đến nay khoa KT&CN đã đào tạo cho tỉnh Hải Dương và các tỉnh lân cận khoảng 1000 cử nhân cao đẳng, hơn 400 cử nhân, kỹ sư. Khoa KT&CN thường xuyên có mối liên hệ với các cơ quan, doanh nghiệp sản xuất và sử dụng CB được đào tạo từ ngành KTĐ, Công nghệ thông tin để đúc rút kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng ngày càng tốt hơn các yêu cầu từ thực tiễn sản xuất và đời sống.

Ngoài ra, thông qua hợp tác giữa Nhà trường và học viện, trường đại học đào tạo lĩnh vực KT&CN trên cả nước như Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Công nghệ - ĐHQG Hà Nội, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông..., hợp tác với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Khoa, Nhà trường cũng thu hút được nhiều giảng viên thỉnh giảng có trình độ tiến sĩ. Đồng thời, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh như Tập đoàn An Phát Holdings, Viettel Hải Dương, Công ty CP kinh doanh nước sạch Hải Dương, các ngân hàng Agribank, BIDV... cũng tạo những điều kiện hết sức thuận lợi cho việc tổ chức dạy - học thực hành, thực tập nghề nghiệp, giúp sinh viên sau khi ra trường có thể tiếp cận ngay công việc thực tế.

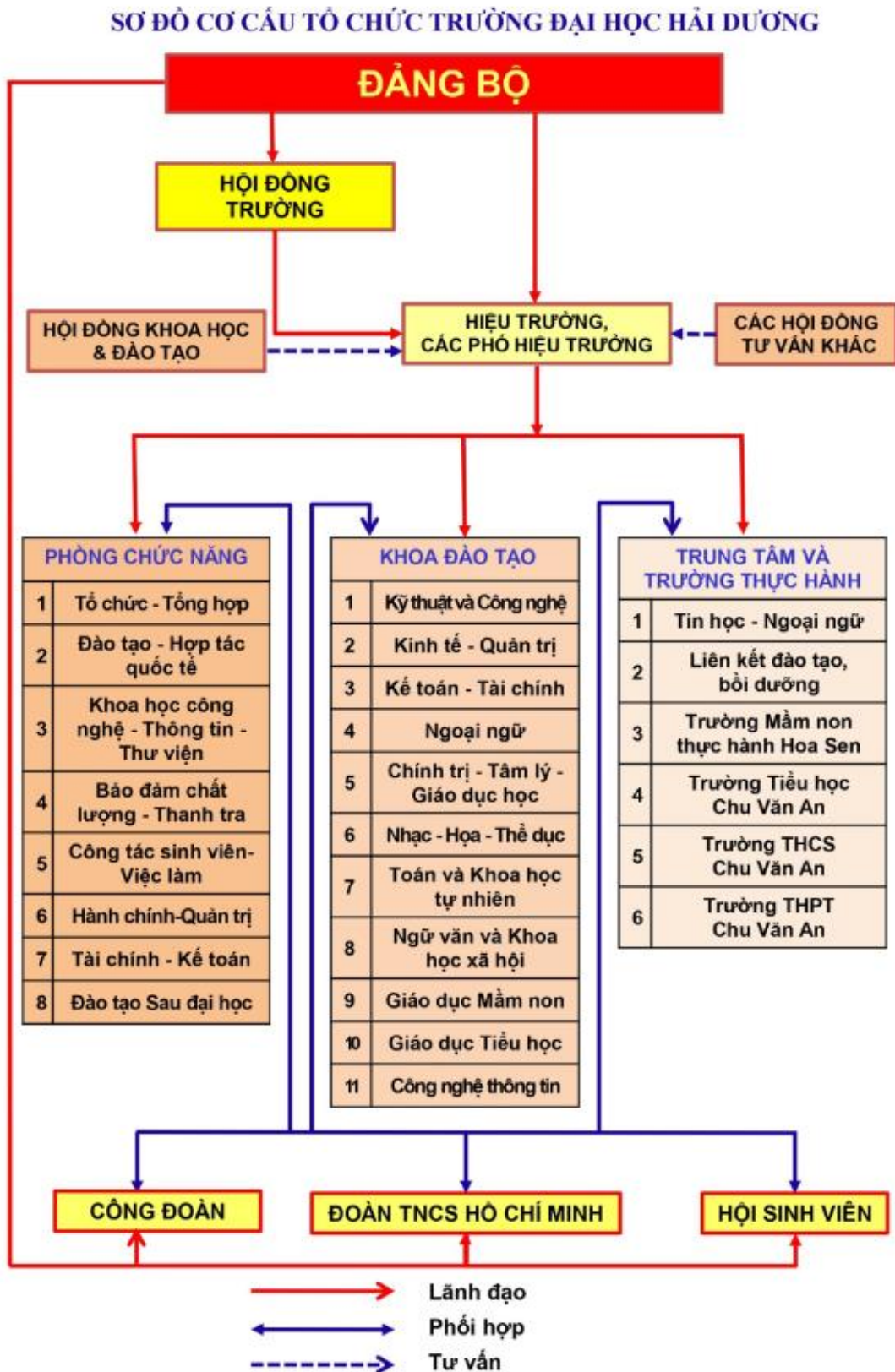
Khoa KT&CN có đội ngũ giảng viên cơ hữu gồm 22 giảng viên, trong đó 03 tiến sĩ, 02 ThS-NCS và 17 thạc sĩ.

Trong năm năm qua, CB GV khoa KT&CN luôn không ngừng phấn đấu nâng cao chất lượng dạy học trong Nhà trường. GV tích cực học tập nâng cao trình độ, năm 2021 có 01 GV đỗ đầu vào NCS đến nay đã bảo vệ xong cấp cơ sở, năm 2022 có 01 GV đỗ đầu vào NCS và một số các GV đã hoàn thành văn bằng 2 ngoại ngữ để chuẩn bị đầu vào NCS năm 2024.

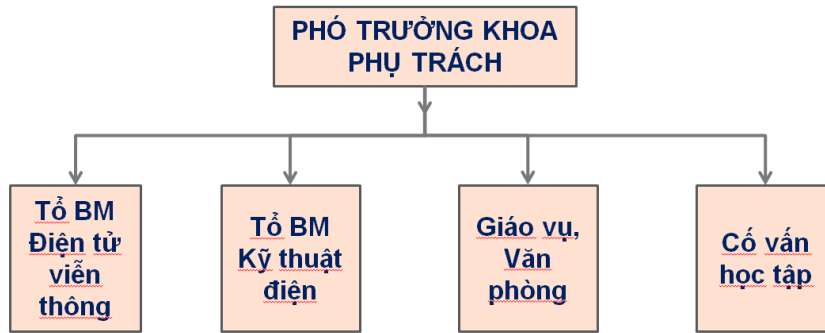
Về hoạt động NCKH, từ năm 2018 đến nay, GV trong khoa đã tham gia nhiều đề tài cấp trường, cấp khoa mang tính ứng dụng như các bài giảng dùng chung (năm 2018 có 18 bài giảng dùng chung lưu hành nội bộ), năm 2022 có 02 giáo trình và tài liệu

chuyên khảo được hội đồng thẩm định nghiệm thu và được phê duyệt xuất bản năm 2023.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT
 - Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trường ĐHHĐ:



- Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Khoa KT&CN:



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

(Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng)

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục					
1	Chủ tịch HĐT	Vũ Đức Lễ	1964	Tiến sĩ	0904256915	letens@gmail.com
2	Hiệu trưởng	Tạ Thị Thúy Ngân	1972	Tiến sĩ	0969931686	Tathithuyngan.cdhd@gmail.com
	Đơn vị thực hiện CTĐT					
I.	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1	Phó Trưởng khoa-	Nguyễn Thị Toan	1980	Thạc sĩ	0974715978	uhdnguyentoa.n.edu@gmail.com
2						

II.	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
1.	Bí thư Đảng ủy	Vũ Đức Lễ	1964	Tiến sĩ	0904256915	letcns@gmail.com
2	Chủ tịch Công đoàn	Tô Văn Sông	1967	Tiến sĩ	0988642554	uhdsongto.edu@gmail.com
3	Bí thư ĐTN	Cao Thị Thu Phương	1986	Thạc sĩ	0936524886	Phuongketoanhd@gmail.com
4	Chủ tịch HSV	Đỗ Thanh Huyền	1988	Thạc sĩ	0974864146	uhdhuyendo.edu@gmail.com
III.	Các phòng, ban					
1	Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế	Đàm Văn Bắc	1969	Tiến sĩ	0913664968	
2	Phòng Bảo đảm chất lượng - Thanh tra	Tô Văn Sông	1967	Tiến sĩ	0988642554	
3	Phòng Tổ chức - Tổng hợp	Nguyễn Mạnh Tuấn	1980	Thạc sĩ	0905592888	
4	Phòng Công tác sinh viên - Việc làm	Đặng Thị Trà My	1973	Thạc sĩ	0914796912	
5	Phòng Hành chính - Quản trị	Phùng Việt Phương	1980	Thạc sĩ	0988926686	
6	Phòng Tài chính - Kế toán	Nguyễn Thị Thìn	1976	Thạc sĩ	0987539789	
7	Phòng KHCN - TT - TV	Vũ Thái Hung	1976	Tiến sĩ	0973665677	
IV.	Các bộ môn					
1.	Bộ môn KTĐ	Đinh Thị Trung Hiếu	1982	Thạc sĩ	0976522738	uhdhieudinhtu@ng.edu@gmail.com

2	Bộ môn Điện tử viễn thông	Nguyễn Thị Toan	1980	Thạc sĩ	0974715978	<u>uhdnguyentoan</u> <u>.edu@gmail.co</u> <u>m</u>
---	---------------------------	-----------------	------	---------	------------	--

(Kéo dài Bảng biểu theo quy mô của đơn vị thực hiện CTĐT)

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Ngành KTD, điện tử (chuyên ngành Hệ thống điện, Điện tử-viễn thông, KTD-điện tử), trình độ đại học (năm học 2018-2019);
- Ngành: KTD (chuyên ngành KTD, điện tử), trình độ đại học;
- Ngành Công nghệ thông tin (chuyên ngành Công nghệ phần mềm, Hệ thống thông tin, Khoa học máy tính, Mạng và truyền thông máy tính);
- Ngành: Công nghệ KTD tử-viễn thông, chuyên ngành CNKT điện tử-viễn thông (2023), trình độ đại học;

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: Không

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: Không

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 04 ngành

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng:

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ):

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	x	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input type="checkbox"/>	x
Từ xa	<input type="checkbox"/>	x
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	x
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	x

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): Không

32. Tổng số các ngành đào tạo: 03 ngành trình độ ĐH

IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>			
I.1	Đội ngũ trong biên chế	13	15	28
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	0	0
II	Các đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	0	0	0
	Tổng số	13	15	28

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về đội ngũ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

34. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	5	04	0	01	0	0
5	Thạc sĩ	23	19	0	04	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0

¹ Đội ngũ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

² Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện CTĐT mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

³ Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	28	23	0	05	0	0

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 28 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 82,14%

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 34 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với cơ sở giáo dục đại học, học viện: áp dụng Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	0	0	0

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	5	17,9	4	1	0	02	02	01	0
5	Thạc sĩ	23	82,1	9	14	0	11	12	0	
6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	28	100	13	15	0	13	14	01	0

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 41,4 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 17,9%

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 82,1%

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	10%	100%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	30%	
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	30%	
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	30%	
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0%	
	Tổng	100%	100%

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2018-2019	36	36	1:1	22	16.5/30	21.4	1
2019-2020	50	50	1:1	32	14/30	21.75	0
2020-2021	43	43	1:1	39	15/30	21.5	0
2021-2022	47	47	1:1	38	15.5/30	22	0
2022-2023	73	73	1:1	50	15.5/30	21.6	0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên đại học	183	144	124	133	143
Trong đó:					
Hệ chính quy	183	144	124	133	143
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên cao đẳng	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh TCCN	0	0	0	0	0
Trong đó:					

Các tiêu chí	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...	0	0	0	0	0

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023
Số lượng (người)	01	01	01	01	01
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0.5%	0.7%	0.8%	0.8%	0.7%

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	4927,5	4927,5	4927,5	4927,5	4927,5
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	01	01	01	01	01
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	01	01	01	01	01
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	4927,5	4927,5	4927,5	4927,5	4927,5

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023
Số lượng (người)	0	0	0	0	0

Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	0	0	0	0	0
----------------------------------	---	---	---	---	---

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:	88	65	37	18	11
Hệ chính quy	88	65	37	18	11
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...	0	0	0	0	0

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022-2023
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	88	65	37	18	11
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	48%	43%	34%	56%	50%

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
<p>3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:</p> <p>A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4</p> <p>B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:</p>					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	99,5				76,47
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	0,5				23,53
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	0				0
<p>4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:</p> <p>A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5</p> <p>B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực</p>					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	69.23		61.11	63.63	100
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	4.6		33.33	9.09	0
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	7.618.000				10,500,000
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).					76,92
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).					19,23
5.3. Tỷ lệ người học phải được					3,84

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022-2023
đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).					

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp;
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm;
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp;
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	0	0	0	0	0	0
3	Đề tài cấp trường/cấp khoa	0,5	16	22	14	14	13	39,5
	Tổng		16	22	14	14	13	

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo

sur Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 39,5

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 39,5/28

45. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2018-2019	80.000.000		5.000.000
2	2019-2020	110.000.000		5.000.000
3	2020-2021	60.000.000		5.000.000
4	2021-2022	60.000.000		5.500.000
5	2022-2023	55.000.000		5.000.000

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường/cấp khoa	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	79	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	79	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	
1	Sách chuyên khảo	2,0					01	2,0
2	Sách giáo trình	1,5					01	1,5
3	Sách tham khảo	1,0						
4	Sách hướng dẫn	0,5						
	Tổng						2	3,5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 3,5

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 3,5/28

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	1	2	0	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách				
Trên 6 cuốn sách				
Tổng số cán bộ tham gia	1	2	0	0

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019	2020	2021	2022	2023	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	01	0	0	02	01	6,0
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	01	0	0	0	0	01
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	05	02	04	07		9,0
	Tổng		07	02	04	09	0	16

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 16

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 16/28

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	03	03	09
Từ 6 đến 10 bài báo	0	0	01
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	03	03	10

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ	Số lượng					Tổng (đã
			2018-	2020	2021	2022	2023	

		số**	2019					quy đổi)
1	Hội thảo quốc tế	1,0					1	1
2	Hội thảo trong nước	0,5						
3	Hội thảo cấp trường	0,25	8			4		3
	Tổng		8	0	0	4	1	4

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 4.0

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4/28

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	1	0	6
Từ 6 đến 10 báo cáo			
Từ 11 đến 15 báo cáo			
Trên 15 báo cáo			
Tổng số cán bộ tham gia	1	0	6

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2018-2019	0
2019-2020	0
2020-2021	0
2021-2022	0

2022-2023	0
-----------	---

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	140	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	140	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

(Nghiên cứu khoa học của người học chủ yếu là các đề tài đồ án môn học và đề tài đồ án tốt nghiệp).

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 355.310 m².

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 14,858,2 m²

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: 202 m². Nơi học: 2,208.2 m² (cả phòng học lý thuyết và thực hành, thí nghiệm). Nơi vui chơi giải trí: 12,448 m².

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 1,921.4 m²
- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 11,6 m²/1 sv.

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin

- Thư viện: 95 đầu sách cơ sở ngành, chuyên ngành (chưa tính các học phần kiến thức đại cương)

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có).

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 02 cái
- Dùng cho người học học tập: 02 phòng máy (50 máy)

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: $(50/160) = 0.31$

VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 23

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 82.14%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 17,85%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 82,14%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người) 165 sinh viên

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 5,89

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): Từ 34%-56%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 76,47%

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 23,53

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): từ 61-100%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 0-33%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 10,500,000

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%):
76,92

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 19,23

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 39,5/28

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 5.000.000-5.5000.000 đồng/năm

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 3,5/28

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 16/28

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4/28

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,31

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 11,6 m²/1 sv

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 4927,5/1 SV

(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền).

Phụ lục 2. Các tư liệu, tài liệu liên quan:

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 615/QĐ-ĐHHD

Hải Dương, ngày 02 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo
trình độ đại học ngành Kỹ thuật điện

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 1258/QĐ-TTg, ngày 26 tháng 7 năm 2011 về việc Thành lập Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương; Số 378/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2013 về việc đổi tên Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương thành Trường Đại học Hải Dương; Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 27/4/2023 về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào Trường Đại học Hải Dương;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Theo đề nghị của Trường phòng Phòng Bảo đảm chất lượng - Thanh tra.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật điện gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật điện theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hướng dẫn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông/bà trưởng các đơn vị liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐBCL-TT (5).

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
HẢI DƯƠNG
TS. Nguyễn Thị Hồng Gấm

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
TRƯỜNG NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỆN**

(Kèm theo Quyết định số 615 /QĐ-ĐHHD ngày 02 tháng 11 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
01	Tạ Thị Thúy Ngân	Hiệu trưởng	Chủ tịch
02	Nguyễn Thị Hồng Gấm	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch Thường trực
03	Tăng Thế Toan	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
04	Nguyễn Thị Toan	Phó trưởng khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Phó Chủ tịch
05	Phạm Thị Yên	Phó trưởng phòng Bảo đảm chất lượng - Thanh tra	Thư ký
06	Tô Văn Sông	Trưởng phòng Bảo đảm chất lượng - Thanh tra	Thành viên
07	Vũ Thị Thảo	Thành viên Hội đồng trường	Thành viên
08	Đàm Văn Bắc	Trưởng phòng Đào tạo và Hợp tác quốc tế	Thành viên
09	Đặng Trà My	Trưởng phòng Công tác sinh viên - Việc làm	Thành viên
10	Phùng Việt Phương	Trưởng phòng Hành chính-Quản trị	Thành viên
11	Nguyễn Thị Thìn	Trưởng phòng Tài chính - Kế toán	Thành viên
12	Nguyễn Mạnh Tuấn	Trưởng phòng Tổ chức - Tổng hợp	Thành viên
13	Nguyễn Thái Hưng	Trưởng phòng Khoa học công nghệ - Thông tin - Thư viện	Thành viên
14	Đình Thị Trung Hiếu	Phụ trách Bộ môn Kỹ thuật điện	Thành viên
15	Đoàn Văn Hải	Giảng viên khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thành viên
16	Lê Thị Thương	Giảng viên khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thành viên
17	Nguyễn Văn Chức	Sinh viên	Thành viên

(Danh sách gồm có 17 người)

71

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ
 (Kèm theo Quyết định số 6.15/QĐ-ĐHHD ngày 02 tháng 11 năm 2023
 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
01	Phạm Thị Yên	Phó trưởng phòng BĐCL - TT	Trưởng Ban
02	Nguyễn Thị Hương	Viên chức Phòng BĐCL-TT	Thành viên
03	Đỗ Thị Tuyết	Viên chức Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế	Thành viên
04	Lê Thị Nụ	Giảng viên khoa Kỹ thuật và CN	Thành viên
05	Vũ Thị Nguyễn	Viên chức Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế	Thành viên
06	Nguyễn .T. Thương Thương	Phòng Tổ chức - Tổng hợp	Thành viên
07	Vũ Tiến Thủy	Phòng Công tác sinh viên - Việc làm	Thành viên

(Danh sách này có 07 người)

DANH SÁCH CÁC NHÓM CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 6.15 /QĐ-ĐHHD ngày 02 tháng 11 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1. Phụ trách tiêu chuẩn 1, 2, phần khái quát, kết luận			
01	Nguyễn Thị Toan	Phó trưởng khoa Kỹ thuật và CN	Trưởng nhóm
02	Vũ Thị Kim Nhung	Phó trưởng phòng Hành chính-Quản trị	Phó trưởng nhóm
03	Lê Thị Nụ	Giảng viên khoa Kỹ thuật và CN	Thư ký
04	Lê Thị Sinh	Phòng Đào tạo - HTQT	Thành viên
05	Phan Đình Trung	Giảng viên khoa Kỹ thuật và CN	Thành viên
Nhóm 2. Phụ trách tiêu chuẩn 3, 4, 5			
01	Nguyễn Xuân Trường	Phó trưởng phòng ĐT - HTQT	Trưởng nhóm
02	Đoàn Văn Hải	Giảng viên khoa Kỹ thuật và CN	Phó trưởng nhóm
03	Vũ Thị Nguyễn	Phòng Đào tạo - HTQT	Thư ký
04	Nguyễn Ngọc Cương	Giảng viên khoa Kỹ thuật và CN	Thành viên
05	Đình Trọng Toàn	Giảng viên khoa Kỹ thuật và CN	Thành viên
Nhóm 3. Phụ trách tiêu chuẩn 6, 7			
01	Nguyễn Mạnh Tuấn	Trưởng phòng Tổ chức - Tổng hợp	Trưởng nhóm
02	Trịnh Thị Thanh Loan	Phó trưởng phòng Tổ chức- Tổng hợp	Phó trưởng nhóm
03	Nguyễn Thị Thương Thương	Viên chức Phòng Tổ chức - Tổng hợp	Thư ký
04	Vũ Thị Xuân	Viên chức Phòng Tổ chức - Tổng hợp	Thành viên
05	Lê Thị Hiến	Giảng viên Khoa Kỹ thuật và CN	Thành viên
Nhóm 4. Phụ trách tiêu chuẩn 8, 9			
01	Phùng Việt Phương	Trưởng phòng Hành chính - Quản trị	Trưởng nhóm
02	Đặng Trà My	Trưởng phòng Công tác sinh viên - Việc làm	Phó trưởng nhóm
03	Vũ Tiến Thủy	Phòng Công tác sinh viên - Việc làm	Thư ký
04	Phạm Thị Thanh	Phó Giám đốc Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ	Thành viên
05	Vũ Thị Luyện	Viên chức Phòng HC - Quản trị	Thành viên
06	Phạm Thị Thêu	Phòng KHCN-TT-TV	Thành viên
07	Vũ Thị Thảo	Giảng viên khoa Kỹ thuật và CN	Thành viên
Nhóm 5. Phụ trách tiêu chuẩn 10, 11			
01	Đinh Thị Trung Hiếu	Phụ trách bộ môn Kỹ thuật điện	Trưởng nhóm
02	Trần Vũ	Giảng viên khoa Kỹ thuật và CN	Phó trưởng nhóm
03	Đỗ Thị Tuyết	Viên chức Phòng ĐT - HTQT	Thư ký
04	Lê Thị Thương	Giảng viên khoa Kỹ thuật và CN	Thành viên
05	Phạm Ngọc Anh	Phòng Công tác sinh viên - Việc làm	Thành viên
06	Nguyễn Thị Phiên	Giảng viên khoa Kỹ thuật và CN	Thành viên

(Danh sách này có 28 người)



Số: 82 /KH-ĐHHD

Hải Dương, ngày 03 tháng 11 năm 2023

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BẠC ĐẠI HỌC NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỆN

I. Mục đích tự đánh giá

Nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng Chương trình đào tạo (CTĐT) và để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD).

II. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong chu kỳ KĐCLGD (T10 - 2018 đến T10 - 2023).

III. Công cụ tự đánh giá

Công cụ TĐG là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT bậc đại học ban hành kèm theo Thông tư số: 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn: Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 V/v hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH; Công văn số 1669/ QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 - Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT; Công văn số 2058/ QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo; Công văn số 774/QLCL- KĐCLGD ngày 10/6/2021 về điều chỉnh một số phụ lục của Công văn số 2058/ QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020.

IV. Hội đồng tự đánh giá

1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT bậc đại học ngành Kỹ thuật điện được thành lập theo Quyết định số 615/QĐ-ĐHHD ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Hiệu trưởng, Hội đồng gồm có 17 thành viên (Danh sách kèm theo).

2. Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách (Danh sách kèm theo)

3. Phân công thực hiện nhiệm vụ

a) Nhóm thư ký:

- *Trưởng Ban thư ký*: Chịu trách nhiệm chung về báo cáo sơ thảo và báo cáo tự đánh giá cuối cùng;

- *Các thành viên thư ký*: Dự thảo bản báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn của nhóm mình phụ trách. Góp ý cho bản báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo chung.



b) Các nhóm công tác

- **Trưởng nhóm:** Điều hành chung, chủ động tổ chức họp nhóm để phân công công việc cho các thành viên, phân công và cử người tìm minh chứng, chịu trách nhiệm chính thức đối với các tiêu chuẩn của nhóm mình phụ trách, về kế hoạch thực hiện và báo cáo cuối cùng của các tiêu chuẩn, rà soát và thu thập thông tin minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá theo Kế hoạch tự đánh giá của Trường;

- **Phó trưởng nhóm:** Giúp trưởng nhóm và quản lý công việc khi nhóm trưởng vắng mặt, thực hiện nhiệm vụ được trưởng nhóm giao, góp ý cho bản dự thảo báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn;

- **Thu ký nhóm:** Góp ý cho bản báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo chung; viết biên bản, phân loại và lưu trữ minh chứng, dự thảo bản báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn nhóm mình phụ trách;

- **Các thành viên:** Thực hiện nhiệm vụ do nhóm phân công (thu thập và phân tích thông tin minh chứng, viết báo cáo), góp ý dự thảo báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn của nhóm.

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm công tác, cá nhân chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	1,2, phần khái quát, kết luận	Nhóm 1	23/11 đến 13/12/2023	
2	3, 4, 5	Nhóm 2	23/11 đến 13/12/2023	
3	6, 7	Nhóm 3	23/11 đến 13/12/2023	
4	8, 9	Nhóm 4	23/11 đến 13/12/2023	
5	10, 11	Nhóm 5	23/11 đến 13/12/2023	

V. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá

1. Thời gian: Tuần 2

2. Thành phần: Thành viên HĐTĐG và các nhóm chuyên trách.

3. Nội dung, chương trình tập huấn: Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT và các văn bản hướng dẫn thực hiện; kỹ năng phân tích tiêu chí, tìm thông tin, minh chứng; kỹ năng viết báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn...

VI. Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài chính, ...)

- **Nguồn lực huy động:** Các thành viên Hội đồng, Ban thư ký, Nhóm chuyên trách. Ngoài ra, tùy theo công việc thực tế có thể huy động nhân lực từ các khoa, phòng, trung tâm, lớp... (theo đề xuất của trưởng nhóm).

- **Cơ sở vật chất:** Sử dụng cơ sở vật chất hiện có để thực hiện quá trình tự đánh giá. Nếu cần bổ sung, Hội đồng tự đánh giá báo cáo Hiệu trưởng duyệt.

DỰ TRƯỞNG ĐẠI ÁI

- **Về tài chính:** Các nội dung chi chính cho quá trình tự đánh giá bao gồm:

- + Tập huấn;
- + Thu thập thông tin từ ngoài Trường;
- + Phụ cấp trách nhiệm cho các thành viên tham gia; làm thêm giờ.
- + Hội thảo;
- + Cơ sở vật chất, văn phòng phẩm;

VII. Dự kiến thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

Các nhóm chuyên trách lập kế hoạch cụ thể của nhóm, trình Chủ tịch Hội đồng. Nội dung kế hoạch cần thể hiện:

- Các thông tin cần thu thập bên ngoài, nguồn cung cấp;
- Thời gian cần thu thập, nhân lực thực hiện;
- Kinh phí cần có phục vụ cho việc thu thập thông tin.

VIII. Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn

Thuê chuyên gia tư vấn trước khi gửi hồ sơ thẩm định để đánh giá ngoài.

IX. Lập Bảng danh mục mã minh chứng

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng.

Bảng danh mục mã minh chứng được trình bày bảng theo chiều ngang của khổ A4 (có thể để riêng và để ở phần Phụ lục của báo cáo TĐG).

X. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tuần 1 - 2 01/11 đến 15/11/2023	1. Họp Lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT để thảo luận mục đích, yêu cầu, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng TĐG CTĐT. 2. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG CTĐT. 3. Họp Hội đồng TĐG CTĐT để: <ul style="list-style-type: none"> - Công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG; - Tập huấn về quy trình TĐG và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; - Dự thảo kế hoạch TĐG CTĐT.

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tuần 3 16/11 đến 22/11/2023	1. Phổ biến chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. 2. Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai TĐG cho đội ngũ chủ chốt liên quan. 3. Hội đồng TĐG CTĐT đề thông qua: - Bản kế hoạch TĐG CTĐT; - Dự thảo đề cương báo cáo TĐG (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ GDĐT và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT); - Trình Hiệu trưởng đề nghị ban hành kế hoạch TĐG.
Tuần 4 - 6 23/11 đến 13/12/2023	1. Công bố kế hoạch TĐG đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. 2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. 3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 4. Phân tích thông tin và minh chứng thu được. 5. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 7 - 10 14/12/2023 đến 03/01/2024	1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 11 04/01 đến 10/01/2024	Hội đồng TĐG CTĐT: - Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG; - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; - Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; - Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo TĐG CTĐT.
Tuần 12 11/01 đến 17/01/2024	1. Hội đồng TĐG CTĐT xem xét dự thảo báo cáo TĐG và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 2. Hội đồng TĐG CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, ... để thảo luận về báo cáo TĐG, xin ý kiến góp ý.
Tuần 13-14	1. Công bố bản báo cáo TĐG (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban, ...) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT.

Thời gian	Nội dung hoạt động
18/01/2024 đến 31/01/2024	2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên, người học, đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo TĐG.
Tuần 15-16 01/02 đến 15/02/2024	1. Hội đồng TĐG CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến phản biện. 2. Hội đồng TĐG CTĐT thông qua báo cáo TĐG lần cuối và nộp báo cáo TĐG cho lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT và Hiệu trưởng để xem xét. 3. Hoàn thiện báo cáo TĐG.
Tuần 17 16/2 đến 23/2/2024	1. Cơ sở giáo dục gửi báo cáo TĐG và công văn cho cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ GDĐT. 2. Cơ sở giáo dục bảo quản báo cáo TĐG, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo TĐG.

Nơi nhận:

- UBND Tỉnh (đề b/c);
- Chủ tịch HĐT (đề b/c);
- Hiệu trưởng, các Hiệu phó (đề b/c);
- Hội đồng TĐG (đề th/h);
- Các đơn vị thuộc Trường (đề th/h);
- Lưu: VT, ĐBCL-TT (2).

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Nguyễn Thị Hồng Gấm